

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LỜI HUẤN-THỊ SẮC-NGŨ CỦA HOÀNG-ĐẾ

Ban cho viện Nhân-dân Đại-biểu Trung-kỳ khi vào
bộ-kiến tại điện Quang-minh ngày 20 tháng 8
năm Bảo-đại thứ 8 (9 Octobre 1933)

Viện Dân-biểu Trung-kỳ mới bầu-cử xong, ngày mồng 10 tháng 10 có Chỉ-triệu-lập họp hội-đồng thường-niên. Trước buổi khai-mạc, ngày mồng 9, Hoàng-đế tiếp các dân-biểu mới tại điện Quang-minh, có cả các quan Thượng-thư Nam-triều tham-dự.

Quan Lại-bộ Thượng-thư— Bộ Lại tức là Bộ Nội-vụ— giới-thiệu các dân-biểu từng người một, mỗi người đến trước mặt Hoàng-đế đều làm lễ tam-khẩu.

Đoạn rồi ông Nghị-trưởng khóa trước là ông Nguyễn Trác đọc một bài nói qua về nội-dung Nghị-viện mới và chức-lụng Hoàng-đế.

Hoàng-đế đáp lại bằng lời « Huấn-thị Sắc-ngũ », bản-chi đăng sau đây.

Đại-ý lời Sắc-ngũ là bày tỏ ra mấy điều như sau này :

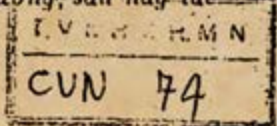
« Viện Dân-biểu Trung-kỳ từ nay là sáp-nhập vào trong phạm-vi của Nam-triều, thành một cơ-quan trọng yếu của Nhà nước ta ». Viện bây giờ là làm việc với Nam-triều, chứ không phải làm việc với Bảo-hộ như trước nữa. Bởi thế nên Hoàng-thượng muốn ân-cần thân-hành tiếp các dân-biểu trước khi họp hội-đồng, để khuyên-răn chỉ vẽ cho đường lối làm việc sau này. Lại buổi khai-mạc là do quan Lại-bộ Thượng-thư khâm-mạng chủ-tọa, chứ không phải quan Khâm-sứ như trước.

Coi kỳ tổng-tuyển-cử mới rồi thì biết dân đã náo-nhiệt về việc Nghị-viện, đủ tỏ rằng dân-trí đã có thay đổi, và trong dân-gian có cái cảm-giác thâm-trầm rằng nước Nam đương bước vào một cõi đời mới.

Quả như vậy. Từ ngày Hoàng-thượng thân chánh, vừa được một năm nay, Ngài vẫn để ý cải-cách việc chính-trị cho hợp với dân-trí. Ngài nghiệm thấy Chánh-phủ trước toàn là những bậc lão-thần, tuy hời: xưa cũng có công với nước, nhưng ý-hướng không thích-hợp với lân-thời nữa, Ngài quả quyết thay đổi cả, lấy người mới thế vào.

Phàm việc cải-cách phải thay đổi người trước. Người đã mới thì chính-sách tất phối mới.

Trong khoảng bốn năm tháng nay, chánh-trị ở Huế thật đã đổi mới. Mấy việc cải-cách lớn là cải-cách về hính-luật, về học-chánh, về quan-trưởng; sau này tất có ảnh-hưởng to.



Hoàng-thượng khuyên các dân-biểu nên gắng sức mà giúp Ngài trong cuộc tân-chánh đó. Nếu Nghị-viện mới mà xứng-dáng với chức-vụ thì sau này mới có thể bàn đến việc cải-cách hiến-pháp được.

Hiện nay thời còn phải lo-liệu thế nào cho «chánh-phủ Nam-triều được rộng quyền thi-thố, có thể-thống hơn» đã. Nghị-viện đã thuộc về Nam-triều, thì Nam-triều phải có quyền đã, rồi Nghị-viện mới mong có quyền được.

Sau đây là lời Sắc-ngữ, vừa quốc-văn, vừa pháp-văn.

Các thầy Nhân-dân Đại-biểu,

Trước khi viện Nhân-dân đại-biểu họp kỳ hội-dồng thường-niên để bàn xét các công-việc. Trẫm muốn thân-hành tiếp các thầy để tỏ lòng ân-cần quyến-cố đến Nghị-viện.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ vừa tấn lên một thời-kỳ mới. Từ nay là sáp-nhập vào trong phạm-vi của Nam-triều, thành một cơ-quan trọng-yếu của Nhà-nước ta. Sẽ có cái địa-vị quan-hệ trong trườn; chính-trị, địa-vị ấy sẽ xứng-dáng thì càng ngày rồi càng mở rộng thêm ra.

Gần đây đã có chỉ-dụ định rõ chức-quyền của nghị-viện, cùng các thể-lệ tuyên-cử, các thể-thức hành-dộng, có ý rộng-rãi hơn trước. Cử hiện-trạng cũng đã đủ tư-cách để hiệp-tác với Chánh-phủ được.

Cho nên Trẫm thấy cuộc tuyên-cử vừa rồi, trong dân-gian có vẻ náo-nhiệt cô-võ hơn trước, lấy làm bằng lòng lắm. Thế là tỏ ra rằng dân ta đã biết đề ý đến việc công trong nước. Dân-tri đã có tấu-nào, biết tru-tâm chú-ý đến những vấn-đề lớn quan-hệ cho sinh-mệnh ứng hậu-vận nước nhà.

Messieurs les Représentants du Peuple.

Avant que vous ne soyez réunis en session ordinaire pour commencer vos travaux. Nous avons tenu à vous recevoir Nous-même pour marquer l'intérêt que Nous portons à votre institution.

La Chambre des Représentants du Peuple de l'Annam vient d'entrer dans une phase nouvelle de son existence. Elle est désormais intégrée dans le cadre du Gouvernement de l'Empire dont elle constitue un des organismes essentiels. Elle est appelée à jouer un rôle important dans l'administration du pays, rôle qu'il ne tiendra qu'à elle de voir s'étendre, s'élargir chaque jour.

Des textes récents ont précisé ses attributions, fixé les conditions de son recrutement et de son fonctionnement sur des bases plus libérales. Elle est présentement outillée pour apporter à Notre Gouvernement une collaboration efficace.

Notre satisfaction est grande de constater que les dernières élections dénotent presque partout une animation, un enthousiasme plus grands que par le passé. Elles donnent la preuve que nos populations s'intéressent davantage aux affaires publiques. Une évolution s'est produite dans les esprits, qui les porte de plus en plus à prendre conscience des grands problèmes dont dépendent la vie et l'avenir de la nation.

Vả lại dân cũng hiểu biết rằng hiện nay trong nước đã có thay đổi. Dân vẫn có cái cảm-giác thâm-trầm, biết rằng hiện đang bước lên một cõi đời mới. Cảm-giác ấy không sai-lầm.

Từ khi Trẫm ra thân-chánh, đã dự-định một cái chương-trình cải-cách, cứ theo đó mà thi-hành. Nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ thỏa-hiệp giúp-giúp, hiện đã thiếthành được mấy việc cải-cách, chủ-dịch là đề canh-tĩnh cho dân ta, khiến cho mau bước chân vào con đường tân-hóa, quả-quyết mà theo cách sinh-hoạt tân-thời.

Quan-trọng nhất là việc cải-cách ngày mồng hai tháng 5 tây trước. Việc đó tự Trẫm chủ-trương, tự Trẫm quyết-định, vì là việc cần-cấp phải làm. Việc cải-cách này là thi-hành ở ngay trong Triều-dình, thay đổi tất cả các chức bộ-trưởng. Những vị Đại-thần đã có tuổi, hồi trước cũng có công lớn với nước, nhưng ý-hướng không thích-hợp với thời nũa, đều cho về hưu cả, và lấy những người trai-trẻ hơn thế nào.

Có thay đổi người như vậy, thì mới thay đổi được phương-pháp trong việc chính-trị. Rồi nhân đó mới lần lần sửa-dổi được những cái cơ-quan hành-chính đã quá cũ, cứ nhân-tuần mãi trong mấy mươi đời không tân-hóa được, khiến cho thích-hợp với sự nhu-yếu của tân thời. Lại nhân đó mới thiếthành được nhiều việc cải-

Aussi bien le peuple se rend compte qu'il y a quelque chose de changé dans le pays. Avec sa profonde intuition, il sent qu'il marche vers de nouvelles destinées. Il ne se trompe pas.

Fidèle au programme que Nous nous sommes tracé dès que Nous avons pris en mains le gouvernement du pays, Nous avons, d'accord et avec l'aide du Protectorat, réalisé différentes réformes qui ont toutes pour but d'éveiller Notre peuple à la vie moderne, de l'aider à évoluer rapidement, à marcher résolument dans la voie du progrès.

La plus importante de ces réformes est celle du 2 Mai dernier. Nous l'avons voulue, Nous l'avons décidée, parce qu'elle était urgente et nécessaire. Elle fut réalisée au sein même de Notre Gouvernement, par un changement complet dans le personnel des Ministères. De vieux Ministres qui avaient en leur temps rendu des services éminents au pays, mais dont les tendances ne s'accordaient plus avec les besoins de l'époque, furent mis à la retraite et remplacés par des hommes plus jeunes.

Ce changement de personnel rendit possible un changement de méthodes dans le Gouvernement et l'administration du pays. Il permit la modernisation progressive des vieux rouages d'une administration désuète que la force d'une routine séculaire avait empêché jusqu'ici d'évoluer. Il ouvrit enfin

cách khác nữa đã trù-tính từ trước đến giờ.

Như việc cải-cách về hình-pháp, đã bắt đầu tuyên-bố một bộ luật Hình mới, chằm chước theo các luật-pháp đời nay, dễ thể vào bộ luật-iệ Gia-long cũ bây giờ không thích-hợp với thời nữa. Hình-luật đã tuyên-bố, lại sưu-tập và ban hành những điều lệ cốt-yếu về phép tổ-tụng việc hình và việc hộ để đợi biên-tập hẳn một bộ luật tổ-tụng hoàn-toàn. Đồng thời lại sắp đặt lại các tòa án và dự bị soạn một bộ « Hoàng-Việt dân-luật » để xét xử về việc hộ nữa.

Kể đến cải-cách về việc học, thì nay đã liệm xong. Việc cải-cách này là đem cả bậc tiểu-học, sơ-học, từ trước đến giờ vẫn thuộc quyền Chính-phủ Bảo-hộ, sáp-nhập vào Chính-phủ Nam-triều. Việc rất quan-hệ, vì là đem cái trách-nhiệm giáo-dục cả thanh-niên trong nước mà trao lại cho ta, khiến cho từ nay việc phổ-thông giáo-dục mới thật có cái tính-cách về quốc-gia vậy. Thanh-niên là tương-lai của nước nhà, thế là từ nay Bảo-hộ có lòng tin trao trả lại cho ta dạy-dỗ, lòng quang-dại ấy Nam-triều cũng biết mà cảm-ơn lắm.

Rồi đến cải-cách về việc hành-chánh, hiện cũng dương thi-hành. Các bộ-nha bây giờ đã sắp đặt lại theo như kiểu-cách các sở làm việc của Chính-phủ Bảo-hộ. Rồi đây ở các tỉnh cũng sẽ sắp đặt lại

la voie à d'autres réformes depuis longtemps envisagées.

La réforme judiciaire est commencée par la promulgation d'un Code pénal s'inspirant des conceptions juridiques modernes et remplaçant avantageusement l'ancien Code Gia-long devenu périmé et anachronique. Cette promulgation a été suivie d'un essai de codification des principales règles de procédure en matière civile et pénale, en attendant l'élaboration d'un véritable Code de procédure. La réforme se poursuit d'autre part par la réorganisation des tribunaux et des travaux préparatoires en vue de l'élaboration d'un Code civil annamite.

La réforme de l'enseignement est à peu près réalisée. Elle consiste dans l'intégration dans le Gouvernement impérial de tout le service de l'enseignement primaire et élémentaire dépendant jusqu'ici du Protectorat. Cette réforme est de la plus haute importance, car elle met entre nos mains la charge de l'éducation et de l'instruction de toute la jeunesse du pays et permet de donner à l'enseignement populaire un caractère vraiment national. C'est tout l'avenir du pays qui nous est remis par un acte de confiance et de générosité du Protectorat, dont le Gouvernement impérial apprécie toute la valeur.

La réforme administrative est également en train. Elle s'est traduite par une réorganisation générale des Ministères sur le modèle des services du Protectorat. Elle doit se poursuivre par une réorganisation semblable dans les administrations provin-

như vậy. Nhưng quan-hệ nhất là vừa ban-hành một cái Qui-trình mới về quan-trưởng, định rõ quyền-lợi, trách-nhiệm của quan-lại, muốn bảo-tồn cho quan-trưởng là một cái cội-chẽ của nước nhà, một cái cơ-quan của chính-trị, khiến cho giữ được nền-nếp cùng thanh-giá từ xưa. Lại đặt ra một khoa thi để tuyển-bỏ các quan-lại, là lấy cái ý dùng khảo-thi để tuyển-trạch nhân-tài như xưa, cốt chọn lấy người thiệt có tài-năng, thiệt có học-thức mới cho ra cầm quyền trị dân vậy.

Nói tóm lại, việc hình-án thời cho được công-bằng, việc trị dân thời cho được liêm-chánh, việc giáo-dục thời chò được thích-hợp với sự yếu-cần trong dân-gian, khiến cho tạo-thành được những người dân có tư-cách sau này, đó là cái mục-dịch của Trăm vắn chủ-trương trong khi thi-hành các việc cải-cách đó. Hiện còn đưng nghièn-cứu nhiều việc khác nữa, khiến cho Chánh-phủ Nam-triều được rộng dương thi-thố, có thể-thống hơn, mở mang quyền-hạn, rộng rãi tư-cách, ngõ-hầu đủ quyền-lực mà đối-phó được với sự nhu-yếu của thời-thế, lòng nguyện-vọng của quốc-dân.

Vi bấy nhiêu sự cải-cách chỉ cốt là mưu lấy lợi-ích cho dân ta mà thôi, cho kẻ binh-dân cần-cù lương-thiện kia mà các thầy dạy là người thay mặt, làm đại-biêu,

ciales. Mais elle est surtout marquée par la promulgation d'un nouveau Statut du mandarinat fixant pour notre corps des mandarins des règles précises quant à leurs droits et à leurs devoirs et susceptible de sauvegarder à cette vieille institution qui est l'armature de notre gouvernement ses traditions et son prestige. Un concours est institué pour le recrutement des mandarins, s'inspirant de l'esprit des grands concours d'autrefois et présentant toutes les garanties de savoir et de compétence.

Une justice saine et impartiale, une administration vigilante et honnête, un enseignement approprié aux besoins des populations et susceptible de former pour l'avenir des citoyens dignes et capables, voilà le but que Nous poursuivons en réalisant ces différentes réformes. D'autres sont à l'étude qui tendront à donner à notre gouvernement plus de cohésion, plus de souplesse, des pouvoirs et des attributions plus étendus, des facultés d'adaptation plus grandes pour les mettre en mesure de répondre aux exigences du temps et aux aspirations du peuple.

Car toutes ces réformes n'ont en vue que le bien de notre peuple, de ce peuple laborieux et honnête dont vous êtes ici les

Trăm đời với dân ấy, lòng thương yêu, bụng quyến-chú thật là vô-cùng vô-hạn vậy.

Nhân-dân đại-biêu, còn cái danh-hiệu nào tốt đẹp bằng, còn cái chức-trách nào cao-thượng bằng!

Danh-hiệu ấy, chức-trách ấy khiến cho các thầy phải có nghĩa-vụ, phải có trách-nhiệm, Trăm chắc rằng các thầy đã hiểu cả những nghĩa-vũ cùng trách-nhiệm đó rồi, và sẽ hết lòng hết sức dăm-dương cho xứng-dáng.

Các thầy là Đại-biêu cho dân, các thầy cũng là kẻ hướng-dạo cho dân nữa, vì sinh-trưởng trong dân-gian, biết sự lợi-bệnh, biết lòng khuynh-hướng của dân, có thể đưa dắt cho kẻ bình-dân vào con đường chánh-dáng. Các thầy lại được ra hợp-tác với Chánh-phủ, mưu sự lợi-ích cho dân, thời các thầy sẽ đem cái lịch-duyet về việc dân mà bày tỏ những ý-kiến tốt, những lời bàn hay cho Chánh-phủ theo.

Dân nước Nam vốn vẫn có cái thiên-lương tốt, biết điều phải chăng, biết lẽ hơn thiệt lắm. Mấy mươi đời học tập luân-lý của đạo Khổng, tấm lòng trung-quân ái-quốc không bao giờ dời. Sẽ biết tùy thời mà tấn-hóa, lấn-hóa một cách ôn-hòa điều độ, không có cấp-tốc vội vàng. Không có bỏ những cái nền-nếp xưa đã làm cho nước nhà được vững-bền mạnh-mẽ, nhưng cũng biết quả-quyết theo đường văn-minh tấn-

représentants qualifiés et pour lequel Notre amour et Notre sollicitude sont sans bornes.

Représentants du peuple, quel titre plus beau et quelle mission plus noble!

Ce titre vous crée des devoirs, cette mission vous impose des responsabilités. Nous ne doutons pas que vous ne soyez tous pénétrés de ces devoirs et de ces responsabilités et que vous n'ayez à cœur d'assumer les unes et de remplir les autres dignement.

Vous êtes les représentants du peuple; vous en êtes également les guides qui, vivant au milieu de lui, connaissant ses vrais besoins et ses vraies aspirations, sont à même de le diriger, de l'orienter dans le bon chemin. Appelés à collaborer avec le Gouvernement qui travaille dans l'intérêt du peuple, vous saurez lui apporter des avis et des suggestions inspirés par une saine expérience.

Le peuple d'Annam a beaucoup de bon sens et de sagesse. Il ne s'écartera jamais de lui-même des belles et fortes traditions de fidélité et d'honneur que des siècles d'éducation confucéenne ont inculquées à notre race. Il saura évoluer avec son temps, sagement, sûrement, sans précipitation et sans hâte. Il n'abandonnera rien de ce qui fit sa force, sa vitalité, sa cohésion dans le passé, mais il saura marcher aussi résolument dans la voie du progrès et de la civili-

bộ đời nay, hưởng-thụ lấy những cái ơn-huệ của Nhà-nước Bảo-hộ hàng ngày ban-hổ cho dân ta.

Ấy dân ta là một dân thuần-lương như vậy, các thầy là đại-biêu thay mặt cho dân, trong khi làm việc chức-trách, các thầy phải gắng-gõ cho đáng lòng dân tin cậy. Hễ được lòng dân là vừa lòng Trẫm dò. Nếu các thầy tỏ ra xứng-dáng với chức-vụ, thời sẽ lần lần mở rộng quyền-hạn ra, tức là bắt đầu cải-cách về hiến-pháp, khiến cho viện Dân-biểu sau này sẽ thành một cái cơ-quan cốt-yếu của Quốc-gia vậy.

sation moderne, profitant de tous les bienfaits que nous apporte chaque jour la Grande Nation protectrice.

Vous êtes, Messieurs, les représentants de ce peuple sage et raisonnable. Vous saurez, dans l'accomplissement de vos fonctions, vous rendre dignes de sa confiance. Vous serez par là même dignes de la Nôtre. De la façon dont vous remplirez votre rôle dépendra une extension plus large de nos attributions, prélude à une réforme constitutionnelle plus vaste qui fera de votre Chambre une des institutions fondamentales de l'Empire.

LƯỢC BẢN VỀ ÔNG PHẠM QUỲNH

(Bảng các đoạn văn trích-lược của ông)

Truyện Kiều còn, tiếng ta còn,
ta còn : tiếng ta còn,
nước ta còn.

PHẠM QUỲNH

Nhà cổ-học ấy đã có được cái ý-kiến, khá gọi tài-tinh, là lật-đật tí tẹo hành cái công-việc « i-tôn và tổ-diêm » cho quốc-văn Việt-Nam.

(Cet humaniste eut l'idée presque géniale d'entreprendre sans tarder une « défense et illustration » de langue nationale.

ƯNG QUẢ

I — Cuộc đời tư

Thăm ông M. là Chánh-đốc trường Bác-cổ trước. Ông từ đầu năm 1914 về nghỉ bên Pháp, rồi gặp sự chiến-tranh, từ đấy không trở lại bên ta nữa. Chính

ông năm xưa (1908) đã lem mình vào làm việc trường Bác-cổ. Còn nhớ hồi bấy giờ mới thi tốt-nghiệp ở trường Bảo-hộ ra, ông làm Chánh-cử-khảo khoa thi ấy. Minh đổ đầu, đương khét tiếng là « cậu thủ-khoa tây »! Thậm-chi có người nói : Lương-ngọc có dốt thật, thi chữ tây cũng đổ thủ-khoa! Các cậu học-sinh trường Bưởi bây giờ, nghe nói thế chắc không khỏi buồn cười, nhưng phải biết rằng hồi bấy giờ mới đặt ra thi *diplôme*, trong dân-gian còn lấy làm trọng lắm, trọng hơn là thi Cao-đẳng bấy giờ. Thời cậu nào mới đỗ ra là coi như ông cử ông tú ngày xưa, trong nhà làng nhau lên, làng xóm tặng nhau lên, bạn-bè bốc nhau lên, các cậu lại càng phỉnh mũi, coi người bằng nửa con mắt! Thủ-khoa, mà lại thủ-khoa tây, thì còn trời nào biết đậu mà

đó sức học-hành ra thế nào nữa! Nói cho công-bằng thì mình lấy giờ còn nhỏ dại quá, cũng chưa biết làm bộ làm tịch như các cậu tân-khoa khác, lại thất-thủ hiên-lành, đến nỗi anh em đã đặt tên cho là « anh lý nhà quê »! Thủ-khoa lấy chữ nho chỉ biết viết nổi hai chữ tên, còn thì mù-mịt cả. Kỳ thi có một bài hán-tự dịch ra chữ Tây, dịch giỏi đến nỗi chấm được một nửa điểm (1/2)! Đáng thì phải 0, hỏng «toẹt» không được đó, vì dịch sai cả, làm hẳn một bài chữ Tây khác, không giống gì nguyên-văn chữ hán cả. Nhưng nay ông Chánh-chủ-khảo có bụng nhân-từ, xét các bài khác được cả, làm ơn cho lên nửa điểm cho khỏi hỏng. lại đến khi cộng «nốt», quyết cho đỗ thủ-khoa, ơn ấy không bao giờ quên vậy. Sau này vào làm việc với ông ở Bắc-cổ, gia công học hán-tự trong mấy năm, những khi ông đưa dịch các sách nho ra chữ Tây, ông thường lăm-tìm cười nhác lại cái nửa điểm chữ nho khi đi thi.

Nam-Phong số 75 - Sept. 23)

P. Q.

— Câu sau này nói về ông Mac DONALD, nhưng sửa đổi một ít, cũng có thể nói về ông Phạm được:

Ông (Mac DONALD) cũng ưa đánh quân như ông không tài bằng ông LEYD GEORGES. Song không ai nghề đánh quân, mà có cái phép biết khéo bước đi như-g vết thưng cho các đàn-tộc, khéo điều-hòa các nước với nhau để mưu sự hóa-bình trong thế-giới, thời trước thế còn hơn là làm một nhà thể-thao chuyên-môn vậy.

N.-P. 82

— Lại nói về công-việc tòa soạn báo *Nam-Phong*. Lúc mới mở thì ông Phạm Quỳnh đặt tòa soạn ở phố Hàng Bông... Sau bán giấy đem về hội Khai-tri... Từ khi ông mua được cái nhà ở phố Hàng Đa thì đem bán giấy về

nhà riêng của ông. Chỗ ấy (Tích-mịch) có hai cái nhà gác nhỏ. Một cái người nhà ở, còn một cái thì đặt bán giấy, nhà này có hai gian, trên gác một gian là phòng khách nằm, một gian ông ấy ngồi làm việc, tủ sách, bàn giấy, máy đánh chữ, máy điện-thoại, một cái ông ấy kiếm cả. Đồng-nhân cũng là hiệu của ông ấy, vì ông ấy vốn quê ở Thượng-hồng (Phủ Ninh) Hải-dương. Ông ấy chăm học mà hay làm lăm. Bàn giấy ở nhà mà ngay hai buổi khuya ao chỉnh-tề làm việc. Có một lần đang buổi hôm ngày tháng năm nông-dục, tôi vào chơi, ông ấy đang làm việc thấy tôi mới vội quạt máy tiếp khách. Người việc báo trong nhà, lại dọn bài dạy tư-ông Cao-học, viết bài đăng báo Tây, rồi thì xem sách.

Bức thư ông Hồ-nam-từ gửi về Tri-đức học-xá Hà-tiên, ngày 13-8-1928).

II — Nói về các nhà chí-sĩ

— Nước Nam ta mới thật mất một bậc chí-sĩ, là cụ Phan Chu-Trinh... Từ tay lên cụ sẽ ghi vào sử sách, làm liêu-biểu cho một cái thời-kỳ đau-dớn trong lịch-sử nước nhà. Thời-kỳ ấy là cái thời-kỳ lòng ái-quốc coi là một cái tội-vạ, người nào nhiệt-thành yêu nước là người ấy khốn-khổ đến thân.

N.-P. 103

— Ngày nay hội-dồng đề-bình đã xử ông Phan Bội-Châu khỗ-sai chung-thần chẳng khác nào một tên phạm thượng kia vậy.

... Cụ Phan là một tay danh-sĩ, học-thức cao, vận-dộng giỏi, nên từ năm 1904 đến năm 1914, những người An-Nam đi ngoại-quốc lo cho nước nhà được độc-lập đều tôn ngài làm lãnh-đụ.

(Indochine Républicaine)

PHAN QUỲNH

Bản dịch của hai ông

TRẦN HƯNG-LẠNH và BÙI CÔNG-TRƯỜNG

— Ông ZAGLUL PACHA là một tay chi-sĩ Ai-cập có công to trong cuộc độc-lập này, trước đã mấy phen bị Chính-phủ Anh bỏ ngục, hất đi đây, nay được làm thủ-tướng trong nước.

... Con đường độc-lập là con đường khó-khăn, nguy-hiểm, khốn-nan, nhọc-nhân, phải gan-góc bạo-dạn lắm mới lời được, không phải là đường cái thênh-thang kẻ chân giầy chân giép lướt-thướt như lũ đàn-hà cũng bước tới ung-dung được.

N.-P. 81

— Lãnh-tu đảng Ai-quốc Ai-cập là ông ZAGLUL PACHA phải đau đã lâu, mới tạ-thế ở kinh đô Le Caire hồi hạ-tuần tháng tám tây vừa rồi. Địa-vị, thế-lực ông trong dân-sử nước Ai-cập rất to, nay ông mất không khỏi có ảnh-hưởng đến chính-trị trong nước. Ông đứng đầu đảng Ai-quốc, được đảng-nhân thờ như thần-thánh, hiện trong đảng không có người nào có tài-cán, có danh-vọng bằng ông mà có thể thay ông cho xứng-dang.

N.-P. 121

Trên trường quốc-tế, nước Ai-cập (Egypte) là nước mới được độc-lập sau cùng hết, mới thoát được ra ngoài cái vòng lao-lung đã bị giam-hãm trong mấy thế-kỷ, làm cho chủ-quyền không phát-siêu ra được, hôn trầm nếm bị ngăn-trở về kinh tế, chính-trị, xã-hội, không tuần-tự tiến-hóa lên được. Bấy giờ đã đến hồi vận-hội thay đổi, bĩ-cực thái-lai, đương qua một cuộc cải-cách sâu-xa về khắp các phương-diện vật-chất tinh-thần.

N.-P. 147

— Khi Tôn ở Đông-kinh Nhật-bản có tổ-chức một hội đồng-minh, mới đề-xướng ra cái chủ-nghĩa «Tam-dân», cốt là ở phần kiến-thiết, chứ không phải phá-hoại:

1) Dân-tộc chủ-nghĩa thì cốt làm cho tiến cái địa-vị quốc-tế nước Trung-hoa lâu;

2) Dân-quyền chủ-nghĩa thì cốt làm cho tiến-tới về đường chính-trị;

3) Dân-sinh chủ-nghĩa thì cốt làm cho tiến-tới về phần kinh-tế. Đó đều là công-việc kiến-thiết cả, còn như việc cách-mệnh chẳng qua là cái thủ-đoạn dùng cho được việc đó mà thôi.

N.-P. 98

— Ông GANDHI sinh ở thành Porandard, về miền tây-bức Ấn-độ, năm 1869 ông theo học trường của Chính-phủ Anh từ thừa nhỏ; 17 tuổi vào trường Đại-học thành Ahmedabad, 19 tuổi sang du-học bên Anh, chuyên về luật-khoa ở trường Đại-học Luân-đôn. Năm 1891, được văn-bằng tốt-nghiệp, trở về nước, sung làm trạng-sư tòa Thượng-thẩm thành Bombay. Về phần tây-học, như thế thì ông đã học đến nơi đến chốn vậy. Nhưng ông vẫn phân-nân rằng về phần quốc-học, về những kinh-diễn cũ của Ấn-độ, ông không được tinh-thông lắm, và thường oán sự giáo-dục của người Anh làm cho ông xao-nhãng về ngữ-ngôn văn-tự của nước nhà. Về sau ông cũng có học thêm được ít nhiều, nhưng vẫn không đủ xem nội những kinh Vedā và kinh Upanishad, phải đọc trong bản dịch bằng tiếng Anh. Đó là một sự di-hâm một đời của ông.

Bấy giờ ở Ấn-độ có hai nhà chi-sĩ có tiếng, là ông NADABHAI và ông GAKHARLE, đương gắng-gỏi dạy dân yêu nước và ra sức bảo-tồn quốc-tự. Ông GANDHI mới đi du-học về, cảm-phục hai ông lắm và thờ hai ông làm thầy.

Ông bắt đầu mưu toan về việc nước tự năm 1893. Sự-nghiệp ông từ bấy đến nay chia làm hai thời-kỷ: thời-kỷ thứ nhất từ năm 1893 đến năm 1914, hành-động ở Nam-Phi-châu; thời-kỷ thứ nhì.

Thiếu trang 222

kiến cho lòng người phún-vân không biết ngã theo đường nào, có tiếng gọi của chủ-ông-tộc, của tổ-tiên là đối với người hữu-tàn vẫn có cái giọng thiết-tha mà giông-giã lên cả. Anh em ta phải nên lắng tai mà nghe, cho biết đường mà tới, kéo nữa do-dự trú-trừ, mở-màng phông-phất, để cho cái phóng-tâm nó lạc đi rồi khò mà thu về cho được.

N. P. 94

— Nay ta đã có một cái mục-dịch nhất-dịnh, là làm cho nước ta được vẻ-vang đời đẹp, giàu mạnh thanh-thời, mục-dịch ấy là chữ « thiết-kỹ-xử », chữ « trước-lực-xử » của ta, thời cái nghĩa-vụ cũn-cấp bây giờ là phải thu-thập tinh-thần vào đó, phải đem hết tâm-lực trí-lực mà kết-tập vào đó, phải lấy cái đức tri-tuệ, lấy cái lửa nhiệt-thành mà chiếu-diệu vào đó, khiến cho nó sáng rực cả cõi lòng mà phân-chiếu ra ngoại-giới, phát-động ra ngoài sự hành-vi có thể tỏ rạng được non sông, thay đổi được thời-thế.

Nhưng mà trước khi đến cái thời-kỳ « phát-tán rực-rỡ », tất phải qua cái thời-kỳ « thu-liễm » âm-thầm. Ta nay chính là đang vào cái thời-kỳ « thu-liễm » vậy.

N. P. 95

— Ông văn-sĩ Tân thì nói rằng: « Hạ-sĩ khu-khu bảo-chủng, ái-quốc, lôn-học chí chí dã ». Bề hạ-sĩ tôi chỉ khu-khu có một cái chí giữ-gia cho nói giống, thương yêu lấy nước nhà, và bảo-lữ lấy sự học.

Nếu theo được như lời đó, nuôi được cái lý-tưởng cốt-yếu, giữ được cái chí-hướng thiết-thực như thế, thời ngộ-hầu cũng không đến nỗi phụ-lãm lòng kỳ-vọng của các bạn đồng-thành cùng đồng-chí.

N. P. 96

Xem như lòng dân đối với việc ông Phan Bội-Châu mới rồi thì đủ biết dân-khí ta ngày nay không đến nỗi ủy-mĩ như trước nữa. Nay phải làm thế nào mà nuôi lấy cái dân-khí ấy, kết-tập cho nó thành một cái sức mạnh để giúp cho Chính-phủ Bảo-hộ trong sự nghiệp khai-hóa của quốc-dân ta? Chỉ có một cách là bao nhiêu người trí-thức trong nước họp nhau lại mà lập lên một chính-đảng lớn, trước là để nghiên-cứn cùng cổ-động những việc ích-quốc lợi-dân, sau là để vận-động yêu-cầu với Chính-phủ mở-mang rộng-rãi cho ta, và mỗi khi Chính-phủ thi-thố điều gì ích-lợi cho nhất-ban quốc-dân thời hết sức lên-tố.

V.-P. 100

— Nói về chúng-tộc, phải duy-iri và đề-xương cái nghĩa thống-nhất trong dân-tộc Việt-Nam, liên-lạc Trung-Nam-Bắc tam-kỳ, phân-đối những cái kế hoạch cùng những sự hành-vi gì có thể làm cho phân lia gián-cách người trong ba xứ.

N.-P. 101

Đời xưa thiên-hạ thái-hình, nãn châu yếu lộng, nước nào ở trong bờ cõi nước ấy, sinh-hoạt thanh-thời, đều có xung đột với nước ngoài cũng không kịch-liệt là mấy tí, chủ-nghĩa này không cần phải xuất-hiện. Ngày nay thì không thế, thế-giới là thế-giới cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại, cá lớn thít cá con, sự xung-đột là hằng ngày, sự nguy-hiểm ngay trước mắt, nếu không thăm-dạm kinh-doanh, khước-khở tự-lệ, thời không những (bỏ-địa) bán-dân vào chủ khác, mà chúng-tộc văn-hóa cũng tiêu-trầm. Bởi thế nên các dân-tộc mau tự-lập tự-tổ, hằng phải nơm-nớp sợ hãi, nghĩ cách dự-phòng kích-thích cái tư-tưởng về quốc-gia, về chủng-loại để củng-cố cái đoàn-thể tự-nhiên của mình mà đối-phó với

sự ngoại-hoạn. Cái quốc-gia chủ-nghĩa tuy còn có cái nguyên-nhân cao-thượng hơn, nhưng cái nguyên-nhân cần-thiết đó là khảo-cấp hơn cả.

N.-P. 101

— Không nói xa đến triết-giả Hi-lạp PLATON đời xưa cho muốn sự muốn vật trong thế-gian đều là ảo-tưởng cả, duy có ý-tưởng trong thần-trí người ta mới là thực-thể; nói ngay tiền-nho nước Tàu đời Minh, Vương Dương-Minh xưng ra cái thuyết « tri-hành », bác-sĩ nước Pháp cận-dại ALFRED FOUILLEE xưng ra cái thuyết « ý-lực » (*idée force*), đều là thuyết-minh về cái sức mạnh của lý-tưởng, cho lý-tưởng là cái nguyên-dộng-lực đệ-nhất trong thế-gian.

N.-P. 101

— Cái bệnh suy-nhược của quốc-gia ta ngày nay, bị ngoại-cảm cũng có, mà bởi nội-thương phần nhiều. Muốn bồi-bổ cho binh-phục lại và phấn-phát lên thì liệu-trị ở ngoài đã đành mà điều-dưỡng ở trong lại cần lắm. Phương-pháp ngoại-trị là thuộc về chính-trị; phương-pháp nội-trị là thuộc về tâm-lý. Chính-trị không có định-sách, tùy tình-thế, tùy cơ-hội mỗi lúc mà thay đổi phương-châm, mà chuyên-di kế-hoạch. Tâm-lý duy có một phương: là bồi-bổ cái sức mạnh tinh-thần, là nuôi-nấng lấy cái quốc-hồn kia cho mỗi ngày một mạnh-mẽ, mỗi ngày một tinh-tao lên. Đó là cái nghĩa vụ chung của cả quốc-dân. Nội-thương đã trị được thì ngoại-cảm tất cũng phải trừ. Quốc-hồn đã khôi-phục thì mọi vấn-đề chính-trị sớm trưa ắt sẽ giải-quyết xong. Cốt nhất là quốc-dân phải tỉnh-ngộ mà sớm nên chú-trọng về phần hồn, dấu gập cảnh yếu hèn cũng chớ nên cam-tâm yên phận, biết tin ở nước, tin ở mình, phấn-phát tự-cường, thời trở-lực nào mà ngăn được cái sức mạnh

tinh-thần đó? Lại cốt nhất là phải đồng-tâm hiệp-lực với nhau, cố-kết cùng nhau, thời yếu mà cũng trở nên mạnh được, dẫu mỏng như cánh bèo cũng có thể che được mặt nước, chắn được trời xanh.

N.-P. 103

— (Nói về ông Trần Văn-Tăng). Nhưng dù nghị-luận cao xa dường như thuộc về thuần-lý hơn thuộc về thực-tế, mà cái mục-dịch của tác-giả chẳng qua cũng chỉ là muốn giúp cho công việc « văn-hồi quốc-vận, phú-cừ quốc-nguy » mà thôi.

Mục-dịch chính-đang vô cùng. Phàm kẻ làm văn, kẻ tư-tưởng ở nước ta ngày nay, không thể có mục-dịch khác được.

N.-P. 107

— Ngày nay thời không thế: cái nông-nổi mất nước của ta chính là một lần kịch nhỏ trong cái đại-bi-kịch của thế-giới bây giờ, là cái bi-kịch Đông-Tây xung-đột nhau, Tây-phương đem cái chủ-nghĩa đế-quốc, cái dục-vọng bá-quyền, những tư-tưởng phá-hoại, những cơ-khi tối-tàn mà tràn ngập sang Đông-phương, trong khoảng một thế-kỷ nay làm cho các dân-tộc Đông-phương thất-diên bát-đảo, bầy nổi ba chìm, tới nay bầy còn tẻ-mé lẫn-lóc, chưa tỉnh sự đời. Thành ra nông-nổi ấy đối với ta không phải chỉ là một vấn-đề chính-trị mà thôi, lại kèm thêm một vấn-đề văn-hóa nữa, khó-khăn nguy-hiểm vô cùng. Chúng ta ngày nay thật là vừa gặp cái khổn-cảnh « vong-quốc », vừa phải cái hiểm-tượng « tiêu-hồn », hiểm-tượng này lại còn nguy-ngập cho ta bội phần. Xưa kia nước có mất mà hồn bầy còn, thời hồn vẫn còn nước không đến nỗi mất hẳn. Nay có khác: nước đã mất mà hồn cũng thoi-thóp, thời nguy-hiểm ấy to biết dường nào!

N. P. 107

— Năm 1917, bên Âu-châu chiến-tranh đang dữ dội; bên này thì chính-trị cần-nghiệm, dư-luận trong nước bình nhủ vãng ngất, trong Nam ngoài Bắc, thật là tịch-mịch không có tâm-tiến gì. Báo-quản thì ở Hà-nội ở Sài-gòn lơ-thơ có một vài tờ báo quốc ngữ, còn báo bằng chữ tây của người mình tuyệt-nhiên chưa có cái nào. Báo quốc-ngữ cũng là báo phổ-thông mà thôi, chưa có nghị-luận gì. Và lại hàn-điền chính-trị, nói về việc nước, bấy giờ coi như câu chuyện quái-gở, không ai dám công-ubiên đã-động. Còn vấn quốc-ngữ thời bấy còn non-nớt, chưa ai nghĩ dùng để bàn bạc những vấn-đề quan-trọng hay nghiên-cứu những nghĩa-lý cao-xa. Tiếng « quốc-văn » dùng để chỉ vấn quốc-ngữ cũng mới thoáng-dùng tự năm 1917 trở đi. Đến cái « phong-trào quốc-văn » về sau này tràn khắp cả xã-hội, thì hồi ấy còn phảng lửng ăm-đềm cả.

Giữa lúc ấy, báo Nam-Phong ra đời.

N. P. 119

— Giữ-giữ lấy cái căn-bản tinh-thần của dân-tộc để truyền lấy mãi mãi cái tổ nghiệp của nòi giống, cho mỗi ngày một phong-phù thêm lên, đó là cái phần cốt-yếu của chủ-nghĩa quốc-gia.

... Cho nên những người túy-tâm về Âu-hóa quá đến ruộng-bỏ cả cái văn-hóa cổ của Đông-phương, không chịu tìm phương châu chính lại mà chỉ lăm-le phá-hoại đi, những người ấy tuy miệng nói là nhiệt-thành phụng-sự chủ-nghĩa quốc-gia mà kỳ-thực là cừu-thù với cái tư-tưởng quốc-gia châu-chính vậy.

... Nghiên-cứu các học thuyết cổ, phát-huy cái văn-hóa cổ như ông Trần Trọng-Kim, chính là giúp cho thực-hành chủ-nghĩa quốc-gia một cách châu-chính đặc-lực vậy.

N.-P. 149

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học-văn. Cái chủ-nghĩa tôi phụng-sự bấy lâu nay, — Kể có trên dưới mười lăm năm trời, thật là dốc một lòng. chuyên một dạ, — chính là chủ-nghĩa quốc-gia, nhưng chỉ mới phụng-sự về phương-diện văn-hóa, chưa hề chuyên-di sang phương-diện chính-trị.

N.-P. 152

— Nay cái văn-minh duy-tân đó rồi sẽ như thế nào? Ta đã nói: sẽ dung-hòa được cả cái tinh-hoa của Âu-Á. Thế là cái mộng bình-sinh của tôi bấy giờ sẽ thực-hành được, cái mộng mà từ khi tôi mới biết đem tư-tưởng suy nghĩ đến những vấn-đề phiến-phức trong cuộc tiến-hóa của xứ này, tôi vẫn hằng ngày hoài-bão vậy. Tôi không thể sao tưởng-tượng rằng có ngày bao nhiêu cái nguồn sáu sinh-hoạt của dân-tộc này sẽ tiêu-tàn đi hết cả, tưởng-tượng rằng cái đạo Không khôn-ngoan kia, cái đạo Lão siêu-việt kia, cái đạo Phật từ-bi bác-ái kia, cái thi-vị thâm-trầm nó tràn-chứa trong những bài đã-ca, khúc cò-diệu của nước nhà kia, khác nào như cái hồn thơ phảng-phất của một giống vừa biết trọng thực-tế mà cũng vừa biết ham mơ-màng, đời đời cây sáu cốc bầm, nhọc-nhần trên thửa ruộng của ông cha, nhưng nghe con chim oanh học uói, thoảng chút gió đông thổi qua, cũng biết rùng mình mà cảm-động; tôi không thể tưởng-tượng những cái đó có ngày biến mất hẳn đi được.

Không, những cái đó không sợ mất được. Cái hương-hòa của nòi-giống đó sau này sẽ sáp-nhập vào trong một cái hình-thể văn-minh mới, có in dấu tinh-thần của nước Pháp-Sū gây ra một bọn thượng-lưu mới, biết điều-hòa cả tân-hóa với cổ-diền, vừa quả-quyết theo cái phương-pháp khoa-học mới, vừa trân-trọng giữ

những cốt-cách tinh-thần cũ, đã tạo thành ra chúng ta bây giờ.

N.-P. 154

— Những cái nguyên-tố dễ gây thành ra bọn thượng-lưu đó, hiện đã có. Bây giờ chỉ phải đoàn-kết lại và khiến cho có một lòu-chỉ chung. Hiện nay duy có một cái lý-tưởng có thể đoàn-kết được kẻ thượng-lưu trong nước, là cái tư-tưởng quốc-gia. Ai cũng phải công-nhận rằng ở xứ này cái tư-tưởng ấy có thật; lại nghiệm thấy càng ngày nó càng truyền-bá, càng phát-đạt càng mạnh-mẽ thêm lên. Muốn ngăn-cản cho nó không phát ra được không ích chi; thà biết lợi-dụng nó, khéo khuynh-hướng để làm gốc cho sự giáo-dục của thượng-lưu cũng của cộng-chúng còn hơn. Nếu biết khéo chăm-chước thì tư-tưởng ấy sẽ thành một sức mạnh, có thể điều-hóa được hết thảy.

N.-P. 156

IV — Văn dịch

— Một nước là một cái hồn, một cái mối tinh-thần. Có hai phần làm ra cái hồn ấy, cái mối tinh-thần ấy, hai phần kẻ cũng là một. Một phần thuộc về quá-khứ, một phần thuộc về hiện-tại. Một phần là cùng nhau có một cái gia-tài kỷ-niệm lớn; một phần là hiện-đứng lòng muốn ăn ở cùng nhau, đồng chí muốn cùng nhau mở-mang mà hưởng lợi cái gia-tài đã nhận được chung ấy. Các ngài phải biết rằng người ta không phải budi hòm budi mai mà thành được. Một nước cũng như một người là kết quả một cuộc quá-khứ lâu dài những công-phu khó-khăn nhọc-nhẫn mới làm nên. Thờ tổ-tiên là sự thờ chính đáng hơn cả, vì chính tổ-tiên gây dựng ra ta như bây giờ. Một cuộc lịch-sử về-vao, những danh-nhân hiền-hách, cái vinh-đự châu-chính, đó là cái vốn chung có thể gây lên một nước. Về

đời trước thì có những sự về-vao chung, về bây giờ thời có một cái chỉ-nguyện chung; trước đã làm nên công-nghiệp lớn, giờ còn muốn làm được thế nữa, đó là cái điều-kiện thứ nhất cho thành một dân một nước. Xưa đã càng phải thiệt-hại nhiều, càng phải chịu khổ lúm, thời nay lại càng phải thương yêu nhau hơn. Cái phà tay mình xây dựng ra, tự mình truyền đi lại, chắc là lòng mình yêu-mến. Dân Ty-ba-đạt xưa có câu hát rằng: « Xưa các anh thế nào, nay chúng tôi như thế, nay các anh thế nào, sau chúng tôi sẽ thế », tuy lời bình-dị mà thật là lóm-tắt được cả bài quốc-ca của các nước vậy.

(Nguyên Pháp-văn của E. RENAN).

N.-P. 74

— Thăm miếu ông Khổng.

Đất này chính là đất nước Lỗ đời xưa đây. Trong hai giờ nữa chúng tôi sẽ tới huyện Khúc-phụ (Kiu-soa) là nơi Khổng-phu-tử đã làm quan trong ba-mươi năm, rồi thấy chính-sự không ra gì, dời đi, du-lịch mười-bốn năm ở các lân-bang, sau về mất ở đây, hiện nay hãy còn má. Chúng tôi nay đến thăm thành này, thăm tử-đền ấy, thăm cái đền của người Tào đời ấy sang đời khác làm to mãi ra để phụng thờ Ngài. Mỗi lần nghĩ đến, chúng tôi lại càng lấy làm lạ một người như ngài không phải là một ông giáo-chủ mà ngày nay người theo đền thờ nhiều hơn cả các ông giáo-chủ khác, như Phật-đà, như Allah. Vậy thời đạo ngài chỉ lấy lễ phải, mà cái lễ phải thông-thương ở đời làm gốc, có sức mạnh thế nào mà được như thế? Sự lạ-lùng thay! Như thế thì cái thương-thức ở đời ra cũng có mãnh-lực như lòng tin-ngưỡng; cái lễ phải ra cũng có thể khiến cho cả một dân-tộc đời đời phụng thờ như một vị thần mà không chán vậy. Người Tây-phương

ta trong óc hãy còn mờ-âm những chủ-nghĩa thần-bí, cũng khó lòng mà biểu được sự đó. Chúng tôi đến thăm mà ông Thành-nhân Đông-phương đây và thăm cái đền cổ nhất và lớn nhất dựng ra để thờ ông ở đây, là có ý muốn nghiên cứu xem thế nào.

(Nguyên Pháp-văn của PAUL-LOUIS
COUCHAUD).

N.-P. 33

— Hòa-lan du-kỳ.

Mà thật dân-tộc đó, tuy bề ngoài có cái vẻ nặng-nề chầm-chạp một chút, mà quả là một dân-tộc có sức hoạt-động nhất trong thế-giới từ xưa đến nay vậy. Đất thì nhỏ hẹp mà cái địa-vị trong lịch-sử Âu-châu không phải là nhỏ. Hồi vua Tây-ban-nha PHILIPPE đệ-nhị đương hách-dịch, họ đánh cho phải thua, hồi vua Pháp Louis thập-tứ đương thắng-thế, họ cự cho phải nhục. Chủ-quyền trên mặt bể, đã có bởi ở trong tay họ. Họ đã chinh-phục được và biến thống-lĩnh một cõi thuộc-địa lớn-lao. Về mĩ-thuật, về pháp-luật, họ đã chiếm được một cái địa-vị cao. Hoặc trong cách hoạt-động có cái vẻ nghiêm-khắc một chút, thời đã khéo biết đem những hoa thơm cỏ đẹp mà traug-diễm vào.

Những dân-tộc đó sở-dĩ thành công được như vậy, sở-dĩ thịnh-vượng được đến thế, là chẳng phải là chừa nhờ ở cái tinh-nết điều-độ, ôn-hòa, vãng-vãng, chần-chần đó dư, không sự gì là dễ phò mặc cho tình-cờ, không việc gì là nóng-nảy báo-hức? Người Hòa-lan khi sắp sửa làm việc không vội-vàng, vì có suy-nghĩ, khi thi-hành công việc không vội-vàng, vì đã suy-nghĩ. Nghĩ-ngợi không hấp-tấp, để cho dự-liệu được khắp, mà hành-động cũng không hấp-tấp, vì đã dự-liệu cả rồi. Trong khi lắng-lặng suy-nghĩ, việc khó đến đâu cũng lường được hết cả, rồi đến khi thực-hành thì cứ vững dạ

thẳng tay mà làm, vì bao nhiêu sự nguy-hiểm đã liab trước kỹ-càng cả rồi. Vảo-vì Đức SCHILLER nói về vua Hòa-lan GUILLAUME D'ORANGE đã có câu rằng: «Bồi ba-đạo chúa vẫn bình-tĩnh, vì khi bình-thường chúa đã lo sự». Câu đó thật là tóm-tút được một cách rõ-rệt cái tâm-lý một bậc vĩ-nhân hiền-bách nhất của nước Hòa-lan, quốc-dân đã tặng cho cái huy-hiệu là « quốc-phụ » thật là đáng lắm; nay lại đem ra để tả cái tâm-lý người Hòa-lan đời nay, há lại không đáng dự?

(Nguyên Pháp-văn của LOUIS-LUCIEN
HUBERT)

N.-P. 147

— Âu-châu có lịch-sử của Âu-châu, mà Âu-châu được cường-mạnh cũng là vì cái lịch-sử của mình. Ta cũng vậy, ta phải uốn trí ta cho hiểu rằng ta không nên mượn lịch-sử của các dân-tộc khác, và nếu ta làm tất mất cái lịch-sử của ta, thời là ta phạm tội tự-diệt vậy.

(Nguyên-văn của R. TAGORE)

N.-P. 91

Tôi có làm quà cho quan Thủ-tướng một cái bùa thiêng, là cái bình con voi của ALANANNA SALVIATI. Người này khi xưa là một người dân danh-giá ở thành Florence, thường có câu châm-ngôn rằng: *Sais viribus pollens*, nghĩa là làm người phải mạnh tự sức mình. Câu này chúng ta ngày nay cũng phải nên khôi-phục lại mà noi theo vậy. Đợi cho quốc-gia được hưởng thái-bình, mỗi người trong quốc-dân phải tự đổi, tự mới, tự mãi, tự giữ lấy mình.

(Lời ông d'ANNOZZIO)

N.-P. 95

— Xét về tinh-cách và ảnh-hưởng của ROUSSEAU.

Các sách của ROUSSEAU ảnh hưởng rất sâu và rất rộng, thật cũng là một sự lạ. VOLTAIRE lúc sinh-thời hiền-bách

hơn ROUSSEAU biết bao nhiêu, vì có cái tri-tuệ sáng-suốt, có cái vầu-chương sán-lạn, lại trước-tác cũng nhiều, vậy mà không có công biến-cách xã-hội, chính-trị, phong-tục, cho đến tinh-tinh tập-thượng trong thế-kỷ ấy và thế-kỷ sau bằng ROUSSEAU, VOLTAIRE chỉ kích-thích cái tinh hoạt-ké dĩnh-ngộ của người Pháp. ROUSSEAU thời cảm-động đến cả tâm-hồn tinh-tinh người ta. Học trò của VOLTAIRE là những người thông-minh sáng-suốt, lại có tinh cách hoà-nghi; đồ-đệ của ROUSSEAU thời toàn là những kẻ nhiệt-thành tin-nguỡng, hăng-hái cái-cách, những kẻ bị cái tinh-cảm, sự tưởng-tượng nó sai khiến; những kẻ mơ-màng cảm-kích, lấy cảm-động làm hành-vi, lấy ức-thuyết làm qui-tắc, lấy không-ngôn làm lý-luận; những người bất-thà mộc-mạc, khao-khát sự hạnh-phúc mà tri-thức hơi thiên-cạn; nói tóm lại là đại-da-số trong loài người.

N. P. 108

Nói về địa-vị MONTESQUIEU trong lịch-sử văn-học nước Pháp.

Tác-giả sách «Thư Hạ tự» và sách «Văn-pháp-tinh-ly» chắc là một người trong mấy người có ảnh-hưởng sâu-xa nhất về thế-kỷ thứ 18 và có thể liệt-hãng-đẳng với VOLTAIRE, ROUSSEAU, DIDEROT vậy. Cùng với các nhà ấy, ông cũng là thuộc về đội tiên-phong của cuộc Đại-cách-mệch nước Pháp vậy. Những tay chủ-động ở hội lập-hiến (*la Constituante*) về đời Cách-mệnh nghiệp-cửu và sở-đắc ở các sách vở ông nhiều lắm. Ông nhất-thiết phản-đối mọi sự chuyên-chế, hết sức tôn-đương sự tự-do, tự-do về chính-trị, tự-do về xã-hội, tự-do về tôn-giáo, sánh với VOLTAIRE thời ông có ý ham bình-đẳng hơn, sánh với DIDEROT thời ông có độ-lượng khoan-dung hơn, và sánh với ROUSSEAU thời ông chắc không khi nào có những sự mong-tưởng bóng-lông như trong sách

«xã-ước» vậy. Trong thế-giới số-dĩ gây ra cái đại phong-trào cách-mệnh, khiến cho đâu đâu chính-thể quân-chủ chuyên-chế cũng biến-đổi ra quân-chủ lập-hiến, hay ra cộng-hòa đại-ngbj, và theo cái chế-độ phân-quyền, phần nhiều là như ở công ông vậy.

(N. P. 108)

— VOLTAIRE.

Lịch-sử của ông VOLTAIRE là cái lịch-sử rất sung-mãn, rất hoạt-động, rất phong-phú, rất ly-ký, nổi chìm cũng lắm, chắc-trở cũng nhiều, thế mà thùy chung vẫn là lịch-sử trang-nghiêm một vị danh-sĩ suốt đời tận-lực về nghiệp-văn, chứ không phải là cái lịch-sử bóng-lông một kẻ giang-bê theo về chủ-nghĩa lãng-mạn. Có người nói đời ông chính là một quyển văn kiệt-tác của ông, một quyển văn có phong-vị, có hứng-thú vô-cùng. Cuộc đời ví như một cái trường hí-kịch, thì ông chính là một vai đóng trò xuất-sắc nhất, cách-hộ nhẹ-nhàng lanh-lợi, diễn-kịch vừa có duyên, vừa tự-nhiên, vừa hăng-hái. Là vì bản-tính ông là một người chí-thành, bất cứ làm việc gì không hề có chút giả-dối, không hề có cái thái-độ úp-mò, cái thói-cách khờm-luộm một chút nào. Mỗi việc ông làm là ông để hết tài-lực, tâm-tư, dục-tinh, can-cối vào đấy, cho nên trong 80 năm trời ông sống ở đời, thật đã đem một cái lực-cách rất phong-phú mà hoạt-động với đời, không có hồi nào nghỉ, không có lúc nào ngưng. Muốn cho biết rõ nhân-cách ông chưa đủ, phải biết cái cách sinh-hoạt của ông vậy.

N. P. 114

V — Văn diễn-thuyết, phê-bình, du-ký

Chẳng hay Tuyêt-nương vừa mắt cho hạng người nào, nhưng nét mặt, dáng người, cách đi bộ đứng của cô,

dầu kẻ rất khó tính tưởng cũng không chế được điều gì. Trong thái-dộ có vừa có vẻ yêu-điện mà lại vừa có vẻ dậm-đá, nhưng thứ nhất là có một cái tinh-thần riêng: ta gọi là cái duyên. Duyên là gì? Cũng khó mà giải được. Duyên là một thứ điện-khi riêng nó làm cho người ta phải luyến-ái. Có người đẹp lạnh-lẻo cao-kỳ, ai đến gần cũng hình như rút rè bẽn lẽn; có người đẹp nồng-nần lộng-lẫy khiến cho thiếu-hạ phải say đắm tề-mê. Hai cái đẹp ấy đều có nguy-hiểm, vì lạnh-lẻo quá rồi thành ra cô-độc, mà nồng-nần quá không khỏi đến chán-chường, thậm quá hóa phải là lẽ thường như thế. Người có duyên thì không thế; không cứ xấu đẹp — xấu thì gọi là có «duyên lành» — ai đến gần cũng phải cảm, phải mến, phải phục, phải yêu, như có một cái hào-quang sáng-sủa, mọi cái người nóng ấm-áp, ở trong tâm trong trí phát ra, làm cho thiếu-hạ vui vẻ lại với mình.

N.-P. 52

Truyện Kiều.

Trên kia đã nói truyện *Kiều* là một khúc «đoạn-trường-thanh». Mà thật truyện *Kiều* tức là một bài đàn chia ra làm mấy khúc, mà người gảy là một kẻ sầu-nhân. Thừa nỗi mới học đàn đã gảy khúc «bạc-mệnh», rồi sau trong mười mấy năm trời dỗi xoang dỗi điệu biết bao nhiều lần, mà lần nào cất tiếng lên cũng là có cái giọng «bạc-mệnh» ở trong ấy cả; thành ra một tiếng đàn ấy là cái tia-mạch ngầm quán-xuyến cả cuộc đời cô *Kiều*, cả toàn-thiên truyện *Kiều* vậy. Các nhà đại trù - tác xưa nay phạm kết - cấu những trường-thiên đại-đoạn thường hay dùng một cái ngụ-y để làm cái dây vô-hình liên-lạc các bộ-phần trong bài văn, các chương-liệt trong quyển sách. Cái ngụ-y trong truyện *Kiều* ấy tức là tiếng đàn của cô *Kiều*, tiếng nào

nàng ai-oán, suốt cả trong truyện không đâu là không như văng-vẳng nghe thấy bêu tai. . .

Giữa buổi đêm khuya kia, đương lúc linh-y nồng-nần, ngồi gảy cho kẻ tri-âm nghe. Tưởng suốt đời cô *Kiều* không có thời-khắc nào vui sướng bằng cái phần đêm hôm ấy, nên cả nghề-tài phở bầy ra hết, mà tiếng đàn gảy lên

*Trong như liếng hạc day qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vơi.*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa...*

«Hay thì thật là hay», mà «nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào», khiến cho «người ngồi đấy cũng phải ngơ-ngẩn sầu»!

«Lựa chi những khúc liêu-tao,
«Thiệt lòng mình cũng nao-nao lòng người?»

— *Rằng*: «Quen mất nét đi rồi,
«Lẽ vui thời cũng tình trời biết sao?...»

Lại buổi đêm kia nữa, khi đã kinh-quá những sự nguy-hiểm tây trời, mới vào lĩnh chức Hoa-nô ở nhà ở Hoạn.

*Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tờ hồi đến nghề chơi mọi ngày.*

*Linh lời nàng mới lỵu dây,
Ni-non thanh-thốt dễ say lòng người.*

Tiền-thư xem cũng thương tài...

Rồi đến lúc bắt ra hầu rượu Thục-lang, trông mặt cố-nhân lòng càng đau-dớn, mà tiền-thư ác-nghiệp thay lại bắt giở đến nghề chơi mọi ngày.

Rằng: «Hoa-nô đủ mọi tài,
«Đàn đàn thử gảy một bát chàng nghe.»

*Nàng đã choáng-váng tề-mê,
Văng lời ra trước bình the vận đàn.*

*Bốn đống như khóc như than,
Khiến người trên liếc cũng tan nát lòng!*

*Càng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nư người trong khóc thăm.*

Giọt châu lã-chã khôn cầm,

Cúi đầu chàng những gạt thềm giọt
Trương.

Tiền-thư lại thét lấy nông:
« Cuộc vui, gảy khúc đoan-tràng ấy
chỉ?... »

Lại đến lúc Từ Hải đã bị lừa mà
chết, Hồ Tông đốc mở tiệc trong dinh:

Bất nằng thị yến dưới màn,
Đồ say lại ép cung đàn nhật tấu.
Một cung gió thổi mưa sầu,
Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve kêu vượn hót nào lây,
Lọt tai Hồ cũng nhân mây rơi châu!
Hỏi rằng: « Nay khúc ở đâu?
« Nghe ra muốn thắm nghìn sầu lắm
thay! »

Thưa rằng: « Bạc-mệnh khúc này,
Phở vào dân ấy những ngày còn thơ.
Cung đàn lựa những ngày xưa,
Mà quơng bạc-mệnh bây giờ là đây! »
Nghe càng dăm ngấm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngày vì linh!..

Cho đến hồi tái-hợp, mười-lăm năm
mới lại ngồi cùng ai như đêm nào:

Tình xưa lai-lãng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: « Vì mấy đường tơ,
Làm người cho đến bây giờ mới thôi!
Ấn-nấn thì sự đã rồi,

Nỡ lòng người cũ vâng lời một phen.
Phim đàn dlu-dặt tay liền,
Khởi trầm cao thấp tiếng huyên gần xa.

Khúc đầu dăm-ấm dương-hòa,
Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh?
Khúc đầu êm-ái xuân-tinh,

Ấy hồn Thục-đế hay mình đồ-quyên?
Trong sao châu rỏ duyên quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam-diên mới đồng?

Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nẻo-nùng xót xa?
Chàng rằng: « Phở ấy tay nào?

Xưa sao sầu thắm nay sao vui vầy?
Tê vui bởi tại lòng người,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai? »

Nàng rằng: « Vì chút nghề chơi,

Đoan-trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đây về sau cũng chỉ a. »

Cầm đến đàn là gảy nên khúc bạc-mệnh, cũng như bước chân ra là gặp phải cảnh đoan-trường, đó là cái ngụ-ý của tác-giả muốn mượn tiếng đàn mà biểu-hiệu cái thân-thế có Kiều. Khúc khúc rất những giọng tiêu-tao, kịp cho đến lúc sau cùng kết-cục vì nề người cũ mà phải giờ đến ngón đàn xưa, thời tuy có gảy nên những giọng dăm-ấm xuân-tinh, nhưng rõ là gảy giọng mà thôi, giọng vui ấy lại thắm hơn mấy mươi lần những giọng thắm trên kia, cũng như cuộc vui cuối mùa ấy cũng là vui giọng để cho khỏi phụ lòng ai, chớ thân-thế ấy còn vui sao được nữa! Bi thay! Nhà thi-nhân biết đặt cái ngụ-ý sâu-xa như thế, thật là tuyệt-xảo vậy.

N.-P. 30

Mà từ khi nhà Nguyễn lên ngôi, và thiên đô ra Huế, đầu không hại gì cho hoàng-triều chẳng nữa chớ đối với nước Nam là một thời-kỳ suy-đổi đang khởi-sự đó. Cái trung-tâm sự sinh-hoạt trong nước đã dời đổi, xa với chỗ nhau rừng của giống nòi.

Opinion d'un lettré campagnard

N. P. 163.

— Du-lich xứ Lào.

Đườ g xa chớ ngại Ngõ Lào...

Ngày xưa đi sang Tàu với sang Lào là gian-nan hiểm-trở vô cùng. Nhưng sang Tàu còn là sự thường, cống-sứ vắng lai, không mấy năm không có người Nam-Việt đi đến Yên-kinh. Sự thần lại thường là những bạc từ thần, có tài văn-học, nên đến đầu ngăm-vịnh đây, lầu Hoàng-hạc, hồ Động-dinh, miếu Nhạc-Phi, đền Gia-Cát, phàm những nơi danh-thấu, sử sách

đã ghi trnyền, các cụ được mục-đích, lấy làm khoái-lạc lắm. Cuộc du-lịch có vẻ văn-chương, lại dường như có màu tôn-giáo nữa, vì đi là đi thăm chốn tổ văn-minh của nước mình, đã sẵn một lòng tin-ngưỡng cảm-phục vậy. Cho nên đường đi hàng tháng, không khỏi khó-nhọc, mà được đi vẫn lấy làm một sự hân-hạnh ở đời.

Chứ đi sang Lào thì không mấy ai đi. Đường đi đã cách-trở, mán mọi còn thú gì. Tục có câu: « Sang Lào ăn măn nhái » đủ biết cái phong-vị đã-mạn kham-khở lại dường nào ! Trừ linh đi viễn-chinh, tù phải phát-vãng, mới mon-men đến giáp ranh nước Lào, thời rừng sâu nước độc, mười người đi một người về, những nghe nói đã rùng mình còn ai hứng đi du-lịch ?

(N.-P. 158)

VI. — Cở-động việc học Quốc-văn

*Vơ-văn tư vương hờn Đại-Việt,
Thanh-tào thép lột giọng Hàn Thuyên.*

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười, mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn kia nó cảm ta như thế ? Là bởi trời sinh ta để nói cái lời ấy, trời sinh ra cái lời ấy để ta nói, ta có nói bằng lời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng lời khác là nói những sự không thực cả. Trong trời đất chỉ có lời ấy với ta, ta với lời ấy là có cái duyên-nợ ba-sinh vậy !

(*Nam-phong số 5 Hanoi 1917*)

Trước khi bàn về quốc-văn, những nhà tân-học phải hiểu rõ rằng quốc-văn không phải bằng dung mà thành được, không phải nương tựa vào đâu mà dựng nên được. tất cũng như muốn vật ở đời phải có nguồn gốc tự

đâu mà ra, và nguồn gốc ấy tức là Hán-văn.

(*Nam-phong số 19 Sài-gòn 1919*)

Nếu cái mục-đích tối-cao của sự giáo-dục là để giúp cho phát-siễn nhân-cách được hoàn-toàn ; và nếu nhân-cách người ta là bao giờ cũng tùy thuộc trước nhất ở hoàn-cảnh và ở giống nòi, rồi sau là ở cái gốc đại-đồng của cả loài người, dầu cở kim Đông-Tây bao giờ cũng thế, cái gốc ấy lại cũng chính là gốc của văn-hóa nước Pháp ; thời chúng tôi xin quý-quốc có giáo-dục cho chúng tôi, đừng dạy thành cái giống An-Nam dở-dang nửa mùa, mà dạy cho nên những người An-Nam hoàn-toàn chân-chinh, vừa theo đòi văn-minh học-thuật Thái-tây, lại vừa biết giữ-gìn lấy ngữ-ngôn phong-tục cổ-hữu của nước mình.

(*Paris 1922*)

Người (Viên-thành thượng-nhân) nói chuyện với tôi rằng hiện đã soạn được một bộ « Thích-ca lược-sử » bằng quốc-ngữ mà bằng văn xuôi...

Quốc-dân ta ngày nay đã ai chịu công-nhận rằng chữ quốc-ngữ có văn mà đã mấy người chịu hạ-cổ viết văn xuôi ; nay nghe thượng-nhân nói làm sách bằng quốc-ngữ mà bằng văn xuôi, tôi có ý lấy làm lạ... Tôi mừng rằng đã có một bậc trí-thức biết cho văn quốc-ngữ có ích-lợi. Thực đáng mừng mà đáng vui thay, vì cái vấn-đề văn quốc-ngữ ấy vẫn là một sự khở-tâm cho tôi đã lâu nay vậy.

(*Nam-Phong số 10 (Huế 1918).*)

Còn việc dùng toàn quốc-văn ở bậc Sơ-học thì sau đây thế nào tôi cũng cố đi cho đến đích, nhưng trong khi chờ đợi thì dần dần tôi hãy xin thêm vào chương-trình thi Sơ-học Pháp-Việt

một vài bài thi quốc-văn mà nhân-số cũng ngang với bài Pháp-văn đã.

Ngo-báo, 10-7-1933.

(Huế 1933)

— Sửa đổi mấy điều trong Học-chính tổng-qui.

Nghị-định quan Toàn-quyền ký tại Dalat ngày 17 Juin sửa đổi lại mấy điều trong Học-chính tổng-qui, có quan-hệ đến bậc tiểu-học và Cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt tại Đông-dương như sau này :

Chương-trình hạch từ nay lại có thêm Hán-tự và quốc-văn.

Điều 16.— Các kỳ hạch viết gồm có :

3) Một bài luận dễ dàng bằng chữ bản-xứ.

7) Một bài viết tập chữ Hán bằng bút lông chừng 12 đến 15 chữ và dịch ra quốc-ngữ. Bài này là bài tình-nguyện, chương trình không bắt buộc.

Các bài vấn-dáp gồm có :

2) dịch một tiếng bản-xứ ra Pháp-văn.

Quốc-văn từ nay cũng trọng bằng Pháp-văn .

Điều 18. Thời-giờ làm mỗi bài và nhân-số ấn-định như sau này (điểm số cho từ 0 đến 20 .

Kỳ viết

Các bài hạch	Thời giờ	Nhân số
Âm-tả chữ Pháp	1 giờ	1
Câu hỏi	1 giờ	1
Luận Pháp văn	1 giờ	3
Luận quốc văn	1 giờ	2

Bảng tiểu-học Pháp-Việt từ nay sẽ làm bằng hai thứ chữ.

Điều 22. — Bảng tiểu-học Pháp-Việt trong mỗi xứ Đông-dương đều do quan

Học-chính cấp cho và có chữ quan Thủ-hiến trong xứ duyệt.

Bảng ấy làm bằng Pháp-văn và quốc-văn và dưới có đề « enseignement indo-chinois du 1^{er} degré ». Bảng ấy sẽ làm theo y kiểu mẫu phụ-định với nghị-định này.

Thí-sinh nào đỗ kỳ chữ Hán thì trong bảng sẽ đề thêm « Hán tự ».

Nam-phong số 185

(Huế 1933)

VII.— Lời phê-bình của người Pháp

Ở Bắc-kỳ, chúng ta còn biết một người cũng có tiếng tăm. Là ông Phạm Quỳnh, quản-lý báo *Nam-Phong* (Gió nam, báo quốc-ngữ).

Ý-kiến ông Phạm Quỳnh khác hẳn hai ông Khai và Long. Hai ông này ước ao được mở mang rộng rãi theo khuôn mẫu Pháp-quốc, còn ông Phạm Quỳnh thì muốn bảo-tồn khuôn mẫu Việt-Nam.

Không màng gì đến chính-trị, ông lo giữ gìn quốc-tủy của giống nòi, và lo cho tiếng nói nước ông được thành một thứ tiếng tân-thời.

(Léon Archimbaud—N.-P. 101)

— Trong đám người Việt-Nam, có thể kể tên ông Nguyễn Phan-Long, quản-lý báo *l'Écho Annamite*, viết tiếng Pháp thật phi-thường, có lẽ ông ấy với ông DANDOLO là nhà làm báo tài-thinh nhất ở Đông-dương ; ông Nguyễn Văn-Vĩnh quản-lý báo *Trung-bắc* ở Hà-nội và ông Phạm Quỳnh, giáo-sư trường Cao-học Hà-nội, ông này vừa là một nhà nho-học nền-nếp ở Bắc-kỳ, vừa là một nhà diễn-thuyết Pháp-văn có tài.

(La Parole. 1925)

— Chắc rằng số thống-kê sự-nghiệp văn-chương của các nhà Việt-Nam có

Pháp-học bấy còn ít-đi lắm, và những người lãnh-tự của dư-luận bản-xứ chưa được nhiều, ở Bắc-kỳ có Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn-Vĩnh, ở Nam-kỳ có Bùi Quang-Chiêu và Nguyễn Phan-Long — số đó chỉ đủ đánh một bàn bài. — Mỗi người có những công-nghiệp riêng, ta không nên làm giảm giá : Phạm Quỳnh tựa-hồ được dư-luận chung trao cho phần danh-dự thứ nhất, dùng tiếng nước ta như kẻ mĩ-nhân đất *Andalousie* phẩy quạt, tôi muốn nói là có dáng-diệu tự-nhiên và hữu-duyên.

JACQUES DANLOR

(*La Tribune indochinoise*, 11-7-32)

— Tiếng chúng ta, thì bọn họ (người Việt-Nam) học cũng mau lắm, vì họ sở-trường về việc học các thứ tiếng nói. Một vài người lại có thể nói tiếng Pháp rất tuyệt-diệu, và muốn làm thí-dụ, tôi sẽ kể tên ông Phạm Quỳnh, người viết báo và bút-chiến ở Bắc-kỳ, viết tiếng Pháp lấy làm phi-thường vậy.

LOUIS SALLE, *agrégé de l'Université*

(*La Dépêche coloniale*, Juin 1932)

— Duy có một phái nhỏ, là phái Phạm Quỳnh ở Bắc-kỳ là rõ-ràng có tinh-cách quốc-gia chủ-ngĩa. Người này bấy lâu vẫn dùng hết tài-trí để phát-huy cái tư-tưởng quốc-gia. Ông muốn gây lấy một nền quốc-văn An-Nam đích-dáng để thay được Pháp-văn, muốn bảo-lỗi lấy cái triết-học cổ mà tham-bác với tư-tưởng mới cho thích-hợp với sự cần dùng của quốc-dân. Muốn duy-tri lấy cái văn-minh cổ-hữu của nước nhà, giữ cho khỏi Âu-hóa quá, sợ Âu-hóa thì sẽ biến mất cái cốt-cách của nòi-giống, tức là diệt mất

cái tư-tưởng quốc-gia. Những ý kiến đó là chính-đáng lắm, và cũng chủ-tri một cách ôn-thỏa lắm, không hề có cái lốh-cách phẫn-kháng gì đối với nước Pháp cả. Ông cũng hiểu rằng quyền bảo-hộ của nước Pháp là một sự cần, ông công-nhận như thế, và cho rằng đối với quyền nước khác thì quyền này là còn hơn ; nhưng ông yêu-cầu nên cho rộng rãi khoan-dung, biết tôn-trọng quốc-gia Nam-Việt, che chở giúp đỡ cho nước Nam được hoàn-toàn phát-đạt theo cái cốt-cách tinh-thần cổ-hữu vậy.

XXX.

Revue du Pacifique

N.-P. 149

VIII. — Lời phê-bình của người trong nước

Đề tẩm ảnh ông Phạm Thượng-chí
 Sinh-trưởng năm châu mới,
 Văn-chương một tấm lòng ;
 Vung-vẫy tay giáo-dục,
 Trang-diềm mặt non sông.

MAI-KHÉ

Vai không rộng lắm, sức không dài,
 Đem tẩm lòng vắn gánh việc đời ;
 Chân đi chưa khắp bốn phương trời,
 Báo-chương truyền tiếng hết ra ngoài.

MAI-NHẠC

— Viết tản-văn như mấy ông Phạm Quỳnh, ROUSSEAU, CHATEAUBRIAND, PIERRE LOTI không phải là hạng văn-sĩ tầm-thường đâu. Miễn là biết tìm được những câu văn đục-tinh đa-cảm có thể tô-diềm, cũng như đoạn văn trong bài « Cung chiêm các tôn-lăng » của ông

Phạm Quỳnh: « Hoàn-cầu dễ không đâu có chốn nhà mồ của bậc vua chúa nào mà khéo hòa-hợp cái cảnh thiên-nhiên với cảnh nhân-tạo, gây nên một cái khí-vị riêng, như não-nùng, như thương nhớ, như lạnh-lẽo, như hắt-hiu, mà lại như đầy những thơ những mộng, khiến người khách viễn-cảnh luống những ngẩn-ngơ trong lòng ».

Trong tản-văn hay, câu văn lên xuống theo điệu bằng trắc êm-dềm mà tiêu-tao, có nhiều khi lại réo-rắt hơn thơ hay nữa.

PHẠM CHU-HÓA

(Phụ-nữ tân-văn 23-2-33)

— Hơn mười-lăm năm nay, từ khi còn *Đông-dương tạp-chí*, đã thấy có ông Phạm Quỳnh ra góp mặt trên đàn văn. Trước còn những bài ngắn-ngắn dịch ở sách Tây, sau tới những bản kịch *Le Cid*, *Horace* diễn ra quốc-ngữ, qua những bài khảo-cứu về học-thuyết của các văn-hào hiền-triết Thái-tây, những bài diễn-thuyết về văn-học ngôn-ngữ Việt-Nam, những bài giảng-cứu về bác-cổ-học và Hán-Việt văn-chương, cho tới nay ông đã nghiêm-nhiên là một nhà chánh-trị có thể lực chủ-trì cái thuyết « Lập hiến » : cái đời tư-tướng của ông Phạm Quỳnh thiết đã tân-hóa nhiều lắm, và những món hàng ông đã đem cống-hiến cho quốc-dân thiết cũng đã gần đủ mặt.

... Nước đối với ông Phạm Quỳnh là gì? Ông đã dịch lời RENAN mà giải nghĩa nó ra rằng: « Một nước cũng như một người, là kết-quả một cuộc quá-khứ lâu dài, những công phu khó-khẩn nhọc-nhăn mới làm nên... Một cuộc lịch-sử vẻ-vang, những bậc danh-

nhân hiền-hác, cái vinh-dự chân-chính, đó là cái vốn chung có thể gây nên một nước. Về đời trước thì có những sự vẻ-vang chung, về bây giờ thì có cái chí-nguyện chung, trước đã làm nên công-nghiệp lớn, giờ còn muốn làm được như thế nữa, đó là cái điều-kiện thứ nhất cho được làm một dân, một nước... »

Bởi vậy mà ông là một nhà hiếu-cổ, thủ-cựu, xuất-thân ở Tây-học, cảm-hóa theo Tây-học, mà lại ưa cái đạo-lý quán-tử của Khổng, Mạnh, cái triết-học lãng-mạn của Lão, Trang, cái thi-vị của những câu ca-đạo nơi thôn-dã, cái êm-dềm của nền văn-bóa cũ nước nhà. Ông cho những cái đó là cái gia-sản về tinh-thần của tiền-nhân để lại, là phải phát-huy nó ra, giữ lấy nó làm cái căn-bản cho cái văn-minh của nước nhà, cũng như cái cổ-học La-mã Hi-lạp đối với văn-hóa Tây-phương vậy.

Tuy nhiên, cái thủ-cựu của một nhà Tây-học nó cũng không đến nỗi tối tăm như của một vài bạn nhà nho. Ông muốn bảo-lấn lấy những cái đặc-sắc trong văn-hóa Đông-phương, mà ông biết rằng cái văn-hóa ấy cần phải dung-hòa với cái văn-minh Tây-phương mới có thể sống được ở cái đời khoa-học này.

Nên chỉ những công-trình về văn-học triết-học của Âu-châu và nhất là của nước Pháp, ông dịch dịch ra quốc-văn rất nhiều, mà dịch thật đúng, thật hay, vừa biết tôn-trọng cái nguyên-ý của tác-giả lại vừa hay lựa theo cái giọng điệu của quốc-văn.

Bởi muốn mưu một cái công-cuộc mới mẻ đó, mà cái tiếng nói bản quốc

còn nghèo-nàn túng thiếu quá, nên ông lại phải lo tài - bồi cho quốc - văn, mượn những danh-từ triết-học của tiếng Tàu, tiếng Nhật cho nhập-tích vào quốc-ngữ để có thể diễn-thuật được những cái mà tiếng nôm ta không đủ để gọi nó ra.

Thế là cái quốc-gia chủ-nghĩa của ông Phạm Quỳnh nó sống về thủ-cựu mà lại phải cứu-cánh ở tương-lai, hồn-lánh ó hòa-bình mà chỉ hướng về văn-hóa.

Nếu ông cứ yên trí, đem cái học rộng tài cao, nhờ ngọn bút rần-rỏi của mình mà phụng-sự nó về phương-diện ấy thì cũng đã hết lòng với nó rồi. Cái công-phu trừ-tác của ông, ích cho quốc-dân không phải là nhỏ mà ảnh-hưởng đối với nhân-chúng cũng thiệt là sâu. Có nhiều người không biết đọc văn Tây, văn Tàu, chỉ nhờ *Nam-Phong* hun-dúc mà cũng có được cái tri-thức phổ-thông tạm đủ sinh-hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ nho chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng biết được đại-khái những văn-chương học-thuật của Tây-phương. Có lắm ông đồ Tây chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng hiểu qua được cái tinh-thần văn-hóa của Đông-Á.

Ở Hà-tiêu lâu nay có một cái đoàn-thè học-văn, kêu là « Tri-dức học-xá », chỉ chuyên học quốc-văn, người chủ-trương nó là ông Đông-hồ Lâm Tấn-Phác; nó thường chỉ lấy *Nam-Phong* làm sách giáo-khoa và cũng dùng *Nam-Phong* làm cơ-quan để đăng những bài luận-văn của mình.

Cái cây bút quốc-văn của ông Phạm Quỳnh nó đã ảnh-hưởng đến thế, mà cái cây bút Pháp-văn của ông nó cũng

danh-giá lắm thay. Mấy bài diễn-thuyết ở *Paris* đã có người Tây cho là kinh-nhật-lụng của người Pháp ở thuộc-địa (*bréviaire colonial*), và những bài xã-thuyết của ông ở báo *France-Indochine* cũng được nhiều người khen-ngợi lắm. Người ta khen cái giỏi của ông, nghĩa là người ta nhận là An-Nam có người giỏi. Mà đã đọc văn ông, tất cũng có thể biết thêm được cái tinh-thần bền-sắc của nước Việt-Nam nó cũng không đến nỗi hèn kém gì. . .

THIỆU-SƠN

(Phụ-nữ-tân-văn 30-7-31)

— « Nghề làm báo có thể dắt người ta đi tới đâu cũng được ».

Song nếu nghề làm báo không phụ chi ông Quỳnh, thì tự ông thật cũng xứng-đáng với nó lắm. Thật, báo-giới quốc-văn ta tuy mới trong bước đầu, mà đã nảy ra được tay xuất-sắc như ông, thì thiết-tưởng cũng là một sự vẻ-vang chung cho những người cầm viết. . .

Ông Phạm Quỳnh là người có tài; ông đã nhờ cái tài làm báo mà lên đến địa-vị cao sang, như thế có lẽ cũng rạng-tiếng lây thom đến các bạn đồng-nghiệp.

(Phụ-nữ-tân-văn, 10-11-32)

— Cái phong-trào chấn-hưng quốc-ngữ sơ-dĩ được mạnh-mẽ như bây giờ là nhờ có mấy nhà tư-tưởng có lòng với tổ-quốc, muốn cho tiếng nước nhà, tuy chưa được sung-túc như mọi thứ tiếng khác, nhưng cũng xinh đẹp, lối tươi, đáng sống dưới bóng mặt trời cõi-Đông-Á này.

TƯƠNG-VAN

N.-P. 96

— Rồi kết-luận bài này, chúng tôi sẽ chép lấy bản dự-dịnh của ông Phạm Quỳnh là người được cái danh-dự, đủ cái can-dảm tố-cáo trước nhất các điều tai hại trong nền sơ-học Pháp-Việt. Theo ý chúng tôi, hiện thời, mỗi khi kêu nài cải-cách việc học là việc tự ông khởi xướng lên ngày trước người ta không thường nhắc hay là tuyệt-nhiên không nhắc đến tên ông.

Dịch lời ông ĐOÀN QUANG-TẤN

(Indochine, Mars 1932)

— Một cái phong-trào mà ai nấy cũng phải nhún-nhún và có quau-bệ một cách rất lớn-lao, bởi vì chính nó đã giúp vào cho cuộc phục-hưng một phần rất trọng-yếu, ấy chính là cái phong-trào chấn-chỉnh quốc-văn trong hai chục năm sau này.

... Qua lối năm 1915, đã nhờ có một cái cơ-quan, một cái tạp-chí ghi chép và sắp đặt những chữ mới ấy lại để truyền-bá ra và làm cho quốc-văn ta được chấn-chỉnh cái-lương một cách mau chóng. Ấy chính là cái công của tạp-chí *Nam-Phong* và của ông Phạm Quỳnh, là chủ-bút báo ấy. Nhà cõ-học ấy đã có được cái ý-kiến, khá gọi tài-tình, là lật-đật thiết-hành cái công việc « bảo-tồn và tô-diêm » cho quốc-văn Việt-Nam.

(Cet humaniste eut l'idée presque générale d'entreprendre sans tarder une « défense et illustration » de la langue nationale).

Lời diễn-thuyết của ông UNG-QUÀ

Bản dịch của ông BUI THẾ-MỸ

(Phụ-nữ tân-văn số 165; 25-8-32)

NGUYỄN VĂN-KIỆM biên-tập



X ĐÁP LẠI MỘT CÁI NGUYỆN-VỌNG HAY CỦA ÔNG LÊ THĂNG

Tôi sở dĩ viết bài này là vì có hai cái cảm-tình nó cùng phát ra một lúc, khiến cho tôi lấy làm vui-vẻ vô-cùng. Hai cái cảm-tình ấy là: 1^o) Tạp-chí *Nam-Phong* ra tháng Mars 1933, tôi có một bài luận đề là « *Cùng ai trong bạn tây-học* » để khuyến-khích những bạn tây-học nhận-chấn lấy cái chức-trách trừ-thuật mà truyền những cái mình đã học được lại cho trong nước. Hưởng-ứng với bài luận của tôi ấy, ông Luật-khoa bác-sĩ Lê Thăng viết một bài bằng Pháp-văn đề là « *Présent* —Hiện-tại», đăng ở báo *l'Annam nouveau* Hà-nội ngày 11 Juin 1933. Song tôi ở nhà-quê, không có báo *l'Annam nouveau* không được đọc bài đại-luận ấy nên không biết. Bỗng cuối tháng Aout 1933, tòa soạn *Nam-Phong* có chuyên giao cho tôi một phong-thư ở tự *Paris* gửi cho, phong thư ấy của tòa báo *Argus de la Presse*. Trong chỉ có một bài « *Présent* » của ông Lê Thăng mà báo *Argus de la Presse* đã cắt ở báo *l'Annam nouveau* ra và dán dính với một cái giấy *Adresse* của báo ấy.

2^o) Đọc bài đại-luận « *Présent* » mà tôi biết một cái ý-kiến thô-thiển của tôi ở *Nam-Phong* đã được một vị tân-nhân-vật chú-ý đến lại tỏ lời ứng-đáp với cái tiếng gọi cùng trong thanh-khí, nhất là lại tỏ ra cái nguyện-vọng muốn cùng bè bạn ghé vai gánh lấy cái gánh đạo-ngệ cho nước nhà mai sau.

Nếu không nhờ có cái lòng nghĩa-hiệp của nhà *Argus de la Presse* bên Qui-quốc thì tôi không được biết đến một tiếng đồng-điệu của người bạn yêu-quí trên báo-trương. Nhân đọc bài « *Présent* » mà tôi được biết rằng bao giờ cũng vẫn có người có chí. Bởi hai cái cảm-tình đó mà tôi viết

bài này để đáp lại cái nguyện-vọng hay của vị Bác-sĩ trong nước mà cũng là đáp lại cái thịnh-tình của quý-đồng-nghiep phương tây.

Trước khi nói về bài « *Présent* » của Lê tiên-sinh, tôi nhắc qua lại cái chỗ quan-hệ ở bài « *Cùng ai trong bạn tây-học* » của tôi để duyệt-giả dễ hiểu.

Bài ấy Lê tiên-sinh cho rằng tôi làm án bạn tây-học không làm, hoặc dịch được sách để truyền lại đạo-ngệ cho trong nước. Nhưng thực thì là ý tôi nói để khuyến-khích đấy thôi. Tôi đem cái địa-vị tôn-quí, cái trách-nhiệm lớn-lao mà khuyến-khích với bạn thiếu-niên ta đã du-học phương tây về, nên dụng-lực về đường trừ-thuật mà truyền lại những đạo-ngệ mà mình đã sở-đắc. Cho khỏi phụ cái công cầu-học phương xa vất-vả của mình, cho khỏi phụ lòng quốc-dân mong đợi. Tôi có đem những sự-nghiệp trừ-thuật, truyền-bá tây-học của những bạn ở Tàu ở Nhật đã cùng đi du-học phương tây với ta để làm cái gương khích-khuyến. Nhưng tôi lại đặt làm lời hoặc-giả mà viện ra ba cái cớ nó làm trở-lực cho bạn tây-học ta phải thua kém người. Ba cớ là: 1^o) Hoàn-cảnh không lợi. 2^o) Cái học cổ-gốc đông-phương bạn chưa sở-đắc được đầy đủ. 3^o) Tiếng ta còn nghèo.

Bởi vì tôi đã từng được nếm cái mùi cay-đắng của kẻ thiếu-niên hiếu-học trong buổi giao-thời của xứ này vừa mới qua, đã từng chán-chường cái cũ mà khát-khao cái mới, đã từng bị trặc-trở về con đường cầu tân-học, nên thể-tất tình-cảnh của bạn mình mà viện ra ba cớ trên ấy. Tôi cho cái cớ thứ nhất là cái hệ-trọng nhất, ở phần đầu bài ấy tôi đã nói vì cái cớ ấy nên

sự-nghiệp tây-học của ta không thực-hành ra hiện-tại như bạn ta ở Tàu ở Nhật được. Song về cái sự-nghiệp thực-hành thì chưa làm được, chứ đến cái sự-nghiệp truyền-bá là viết sách với dịch sách, thì dù có ba cái cơ ấy cũng không ngăn-trở được người có chí, tức là kẻ sĩ hào-khiết.

Bài ấy tôi đem những cái tôn-hiệu : làm tổ-sư của nhà nghề, làm thành làm hiền của học-thuật Đông-phương sau này mà cầu-đạo cho bạn tây-học, tức là tôi đem những cái đơn thuốc trảng-sinh bất-tử mà dâng bạn đó. Thực là do một lổm chân-tâm yêu-mến ý-thác vào bạn mà viết ra.

Đáp lại, ông bác-sĩ Lê Thăng cũng nhận như thế, thực là cái chỗ may của tôi đó. Ông nói : « Dưới cái ngòi bút của ông Nguyễn Trọng-Thuật đã viết ra một cái vấn-đề tối-cao về tinh-thần, luân-lý và dân-tộc — *Sous la plume de M. Nguyễn Trọng-Thuật, traite un problème d'une haute portée, intellectuelle, morale et nationale* ». Song ngoài ba cái cơ trở-lực mà tôi đã viện ra, — tôi tưởng viện đến như thế là đủ, nhưng ông lại viện thêm vào một cơ nữa là « cái mắc ách của Tàu — *Le joug chinois* ». Dưới « cái mắc ách của Tàu » ấy ông lại viện thêm vào một cơ nữa là « còn phải làm chính-trị bát cơm — *La politique du bol de riz* » trước đã. Sau hết ông có tỏ ra những cái nguyện-vọng hay (*bonnes volontés*), tức là muốn cùng bạn sẽ làm được cái trách-nhiệm truyền-bá đạo-nghe ấy. Vậy xin lần lượt giải đáp lại cho thêm vui như sau này :

— Về cái mắc ách của Tàu, ông Lê Thăng nói : « *Pendant des siècles, l'Annam avait été sous la domination chinoise. Pendant des siècles, l'Annamite avait appris, copié servilement, et la littérature, et l'art et les mœurs de ses*

tyrans maltrés. Jusqu'à ces derniers temps personne ne devait critiquer, juger les principes enseignés par Confucius et ses disciples. C'était un véritable sacrilège que de les trouver vieux, caducs inutiles. De la tradition, et rien que la tradition. Toute nouveauté était danger et atteinte aux bonnes mœurs. Pas d'initiative. Pas de progrès. Nous avons été éduqués, formés « à la perroquet ». Et du jour au lendemain on veut que nous changions nos façons de vivre et de penser ! Quatre mille ans de servitude morale et intellectuelle sont encore là pesant de tout leur poids sur nos faibles épaules. Il nous est donc difficile, sinon impossible, à nous qui formons la génération de transition entre la vieille et la jeune, de secouer d'un coup ce joug millénaire pour devenir d'actifs et brillants novateurs. — Trong bao thế-kỷ nước Nam bị người Tàu đó-hộ. Trong bao thế-kỷ ấy, người Nam đã học đã phụng-chép được nào là văn-chương, nào là mỹ-thuật, nào là phong-tục của ông thầy áp-chế của mình ấy. Cho mãi đến thời-kỳ gần đây, nào ai đã dám bẻ-bác, xét đoán đến những lời bần-huẩn của họ Khổng cùng của môn-đồ họ Khổng. Vì rằng bởi móc những cái hủ những cái dở vô-ích trong đó ra tức là phạm vào cái tội ché thành không cãi được, cái gì cũng chỉ những tổ-truyền là tổ-truyền. Cho bao nhiêu cái mới là có nguy-hiểm có can-phạm đến thuần-phong mỹ-tục cả ! Nén chẳng sáng-kiến được cái gì, chẳng tiến-bộ được tí nào. Người nước ta đã dạy-đồ đức nặn nên cái lối học của con vẹt lâu rồi. Như thế mà bây giờ người ta muốn cho chúng ta nhất-dán thay đổi hết cả những cái cách-thức về sinh-hoạt, về tư-tưởng của chúng ta ngay đi được dư ! Cái thói nô-lệ về luân-lý về tinh-thần, từ bốn nghìn năm nay nó vẫn còn đè nặng chiu ở trên đôi vai yếu-duối của chúng ta.

Nó thực là khó-khăn cho chúng ta, nếu mà có thể làm đi được, thì chúng ta đã lập được cho nó nên một mối thông-hệ dễ liên-lạc giữa phải trẻ với phải già mà rủ phải cái mắc ách ngàn xưa kia đi dễ trở nên hạng người canh-lân lanh-trai mà thông-thạo. »

Cho được lộn nghĩa hơn nữa, ông Lê Thăng lại tiếp: — « *Après la Chine qui nous a exploités jusqu'à la moelle, la France est venue planter son drapeau sur notre sol, avec mission de nous élever progressivement et effectivement à la dignité d'une nation civilisée. Nous abandonnons les études chinoises et faisons les études françaises. De nouveaux principes nous sont dispensés. On nous a appris à penser, à vivre, à nous comporter en hommes dignes de ce nom. Nous sommes devenus plus nous mêmes, cela grâce aux sciences occidentales, pourquoi ne pas le dire ? Malgré ce progrès indéniable, le joug chinois continue de peser sur nous : nous ne sommes pas encore des hommes parfaitement libres. Aussi des œuvres d'initiative hardie et audacieuse sont-elles encore très rares chez nous.* — Sau khi nước Tàu đã rút đến tủy của ta rồi thì nước Pháp mới đem cờ tới cắm ở cõi đất ta này, và truyền dạy để nâng cho ta tiến lên mà thực-hành lấy cái chức-vụ của một quốc-dân văn-minh. Ta mới bỏ Hán-học đi mà theo về Pháp-học. Bao nhiêu cái mới căn-bản đều đã phân-phát cho ta. Người ta đã dạy cho ta biết suy-ngĩ, biết hoạt-động, dạy cho biết đường ăn lẽ ở cho xứng-đáng với cái danh-nghĩa con người. Ta mà được hay hơn lên như thế, há không phải cũng là nhờ ở học-thuật Thái-tây ấy ư ? Song tuy có cái cuộc tiến-hóa ép-nài này, nhưng cái mắc ách của Tàu kia nó cứ theo mà dễ xuống ở trên vai ta, nào ta đã được là hạng người tự-do hoàn-toàn đâu, *Ấy cũng vì thế mà*

ở trong nước ta, những sự-nghiệp tân-sáng mạnh-bạo, băng-hái vẫn còn rất hiếm-hoi mãi. »

Đọc hai đoạn văn chữ Pháp trên ấy, tôi tuy lôm-bôm chữ Pháp, phải tra tự-diễn từng chữ mới biết được, nhưng cũng đủ thấy Lê-quân không những là nhà pháp-luật-học mà cũng là nhà văn-học nữa. Về phần văn-chương tôi tưởng như thế cũng đã là được lắm, duy về phần tư-tưởng thì tôi tưởng phải nên nghĩ phản lại cái ý trên ấy đi một chút là sự-nghiệp của ta ở đó. Sao vậy. Vì những cái mà ông Lê đã viện ra trên ấy, tuy đều có như thế cả, nhưng tới nay thì nó đều đã quá-khứ cả rồi. Cho nên nhà xét án, việc gì làm lỡ thì tha-thứ cho, việc gì tuy cố-phạm mà thời-bạn đã tiêu-diệt rồi thì cũng không cần truy-tố nữa. Mà chỉ cần xét hỏi về cái nó hiện đương hành-động, đáng có công mà vô-trạng mà thôi.

Đối với cái cũ của ta, tôi chia làm hai thời-đại. 10) Từ đời Hoàng-tử Cảnh trở lên, toàn thế-giới, tây cũng như đông, đâu đấy đều thuộc về thời-đại hắc-ám. Học-thuật của loài người bấy giờ chỉ có lễ-truyền mà thôi. Vậy nay chỉ nên tạo-lập lại mà không nên trách. 20) Từ đời Hoàng-tử Cảnh đến đời Nguyễn-Tràng-Tộ, cái mới linh-tươi mạnh-mẽ của Tây-phương đã tới tận cửa nhà ta mà gọi ta, mà sao cái cũ ấy cứ khư-khư giữ lấy địa-bản mà phá tan cuộc tiến-hóa của ta, thì cái cũ ấy thực là tội-khối. Nhưng sau khi nước Pháp đã cắm cờ tới nay thì cái cũ ấy lại không những đã tiêu-diệt thời-hạn, mà chính nó cũng đã quá-cổ, đã nghiệp-kinh đi rồi. Dù có truy-tố nữa cũng vô-ích.

Xét như thế thì cái « *joug chinois* » tới hiện-tại « *Présents* » đây, cái nghiên son đã vắt ra khỏi nơi nhà học-hiệu mà thay cái lọ phẩm đổ vào, thì nó còn có quyền có chức gì mà để nặng

được ở trên vai chúng ta ở gia-đình, ở xã-hội và ở đâu nữa?... Phương-chí sự-nghiệp trừ-thuật của kẻ học-giả nước ta bây giờ lại chỉ là phương-diện truyền-bá tư-tưởng mà thôi, chứ đã dám nói gì đến thực-hành với sáng-kiến. Vậy cái « mắc ách » của Tàu tới nay quyết nó không phải là một cơ làm trở-lực về đường học-vấn của chúng ta được nữa.

— Về cái cơ còn phải làm chính-trị bát cơm trước đã, chỗ này Lê-quân lấy cái hiện-trạng của đời kinh-tế, của kẻ sĩ ngày nay mà nói một cách thực-tình mà hoạt-kê. Thú-vị lắm. Đại-ý Lê-quân cho rằng kẻ đã học được dù có muốn đem mà trừ-thuật ra đi nữa, nhưng trước hết cũng phải có công ăn việc làm để lo về phần vật-chất mà nuôi sống lấy mình. Làm gì thì làm, chứ chẳng chính-trị gì cho bâng chính-trị bát cơm soong cháo đã (*Je fais de la politique du bol de riz ou de la marmite de soupe*). Ở đời có thực mới vực được đạo (*Pour pouvoir travailler il faut avoir le ventre plein*), nào ai hồ-dễ « không có bột mà đã gột nên hồ (*Donnez-moi de la farine et je ferai de la colle*). Thế cho nên học-sinh ở Pháp về, nhiều người có ý tốt muốn trừ-thuật mà truyền-bá cái học của mình, nhưng ai làm thế nào mà có thể cầm hơi nước lã cho qua tháng ngày dễ mà làm việc. Chỗ này là ý tác-giả muốn nhân dịp mà tố-cáo cái chân-tình của kẻ sĩ năm mèo hiện nay. Tôi cũng biểu đồng-tình với tác-giả mà nói sự đời thực có như thế. Cho nên trong bài « *Ba cái bát của kẻ sĩ ngày nay* » ở Nam-Phong (n^o 136), chỗ nói về sự mưu-sinh của kẻ sĩ tôi đã nói: « Cũng có kẻ muốn hi-sinh một đời cho sự học, cặm-cui ở trong chỗ thư-phòng, nhưng một đàn rách-rưới con như bố, bà chữ nghêu-ngao vợ chán chồng, thì rồi cũng đến bãi ngánh cả thánh-hiền và

chân-lý... » Thế thì kẻ sĩ mà có chí về sự học, trước phải tự tìm lấy cái kế đủ mưu-sinh đã. Kẻ sĩ không phải ai cũng bất-chước KANT tiên-sinh mà không đeo-bông gia-thất được. Nhưng dù là kẻ sĩ có chí lớn tự nhận cái gánh học-thuật của đời làm của mình, thì sự mưu-sinh cũng chỉ cầu lấy có một cái nghề-nghiệp thường đủ cung cho gia-đình no ấm thì thôi, chứ cũng không nên ước-mong cho phong-phú hơn được nữa. Bởi vì miếng dinh-chung chính nó là kẻ thù-nghịch của sự-nghiệp danh-sơn (nơi đã làm ra những sách kiệt-tác) kia đấy. Lại xét như thế thì cái cơ « chính-trị bát cơm » nó cũng chỉ là cái trở-lực tạm-thời của kẻ sĩ nghèo mà có chí mà thôi.

— Bây giờ nói đến những cái nguyện-vọng hay (*bonnes volontés*) của ông Lê là ông muốn cùng bạn nhận lấy cái trách-nhiệm truyền-bá đạo-nghệ, cái công việc trừ-thuật. Chỗ này thì vì tôi nghĩ rằng cõi học của ta ngày nay cũng như một cái nhà đồ nát, mà chúng ta là bọn đến ăn thừa-tự cái nhà, mà chúng ta thì lại vốn nghèo-nàn. Thì làm cái kế tiệm-liến, hằng đem dần những cái mới vào mà điền-khuyết dần vào chỗ những cái cũ đã bỏ, cho nên tôi yêu-cầu ở kẻ học-giả. Nhưng ông Lê thì lại nghĩ khác. Ý ông còn đúng hơn. Ông cho là muốn làm cho nên việc thì phải nhờ vào thế-lực của chính-phủ. Vậy chính-phủ đã tác-thành cho phải tấn-tiến tất phải giúp đỡ bênh-vực cho họ thành những cái nguyện-vọng hay ấy. Ông kết rằng: « Nhưng mà nếu chính-phủ và dư-luận vẫn còn cứ thờ-ơ với những cái nguyện-vọng hay ấy của chúng tôi, thì chúng tôi không chịu những điều yêu-qui mà ông Nguyễn Trọng-Thuật đã trách chúng tôi nữa (*Mais tout le gouvernement et l'opinion publique resteront indifférents à l'égard de ces bonnes vo-*



**Lễ phong tước Nam cho quan nguyên Hình-bộ Thượng-thư
Tôn-thất Đản**

(Người đứng giữa là quan Khâm-mạng cầm mao-liết ; bên hữu là quan
Khâm-sứ Thibaudeau ; bên tả là cụ Thân-thần Tôn-thất Hân và
quan nguyên Hình-bộ Thượng-thư Tôn-thất Đản)

Kính ảnh Tùng-Vinh



Sau lễ phong tước Nam cho quan Tôn-thất Đoàn
(Ngồi ghế là cụ Thần-thần Tôn-thất Hầu và Ngài Hoái-ân Quận-vương)

Kính ảnh Tùng-Vinh

lontés, nous ne sommes pas responsables de ce que nous reproche — d'une façon très aimable du reste — M. Nguyễn Trọng-Thuyết). Kề ra thì ý ông Lê nghĩ như thế là đúng lắm đó, một cái công-cuộc học-vấn mà không có thể-lực của chính-phủ với quốc-dân giúp cho thì có bao giờ thành-tựu được mĩ-mãn. Song đối với cái ý nghĩ khôn-ngoan mà hợp-lẽ của ông bạn thiếu-niên tôn-qui và đồng-diệu, tôi xin phụ thêm một ý nghĩ thành-thực nữa là : chính-phủ ở đâu bao giờ cũng không chịu đi sau cái bước tiến-hóa của nhân-dân mà không giờ tay ra dắt. Nhưng chính-phủ bao giờ cũng hay xét kỹ xem nhân-

dân có thành-tâm muốn bước tiến lên thực không đã. Muốn bước tiến lên thực tức là đã thấy nhân-dân nhúc-nhắc làm theo cái nguyên-vọng của mình mà làm một cách có thực-lực. Vậy muốn như thế thì kịp nay chúng ta phải nên đem công-phu của cá-nhân hoặc công-phu của từng đoàn-thể riêng mà khởi-công làm cái việc nghiên-cứu trừ-thuật để truyền-bá những học-thuật tư-tướng căn-bản của Thái-tây đi. Đó chính là cái kế phát-biểu nguyên-vọng một cách chân-thành cao-thượng vậy. Chứ xin đừng có ngồi không mà đợi!

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

CỔ KIM DẬT-SỰ

Nguyễn Văn-Giai 阮文階

Ông Nguyễn Văn-Giai nguyên tđ-quán ở làng Phú-lưu huyện Thiên-lộc (nhất-thuyết ông ở làng Thu-hoạch cũng huyện ấy), đến đời thân-phụ ông lấy vợ ở làng Đại-lã huyện Thanh-lâm, nhân làm nhà ở đấy.

Ông ăn rất khỏe, một mình ăn bằng hai ba mươi người, khi còn bé gặp cảnh nhà nghèo khổ, ông vẫn cố chí học-hành, dầu đèn không có mà học, những lúc ông đi ăn xiu, đi qua địa-phương nào, trông thấy lợn thả rông, lừa lúc vắng người, ông bèn lừa lợn xuống bờ ao, bắt đem về nấu ăn và rán lấy mỡ để thắp đèn học, hết con này lại bắt con khác, đêm thì ra đồng ăn trộm dưa, đậu và các thứ rau, hoặc đón ngang đường cướp lại những đồ-vật của các tay đi ăn trộm về.

Ông thường đem vào đền Đồng-cổ-sơn ngủ, gặp hôm trong làng đang có tiệc thờ thần, mới làm thịt trâu xong,

đem trâu vào để trước án thờ, còn vỗ trống hát xướng. Kịp đến sáng ngày sắp tế, thì xôi thịt đã bữa bãi ra, người làng rất lấy làm lạ ; sau trông thấy ông Văn-Giai say rượu còn nằm ngủ cạnh thần-tòa, vừa toan trối lại, chợt thấy thần đèn ấy lên miệng bảo rằng : « Chúng mày không được vô-lẽ, đó là người bạn của ta, khi gần tới đến chơi, ta thiết một bữa đó thôi. » Bấy giờ người làng lại chào mời ông tử-tế. .

Có một hôm ông xuống tắm ở một cái ao ven đường cái đi, cõi cái khố rách để trên bờ, phải người ta đùa ném ra chỗ khác, ông trầu-trường then không dám lên, may lúc ấy có một người con gái trong làng đi qua đấy, trông thấy thương tình, giã-cách đánh rơi một đoạn giải yếm ra đấy ; ông nhặt đoạn giải yếm, đóng khố mà lên, lấy làm ân-đức, lúc về ghi vào sổ để nhớ về sau.

Đến đời Quang-bưng nhà Lê, ông thi đỗ hoàng-giáp, làm quan Hiến-

sát xứ Thanh-hóa, dần dần tiến đến chức Thượng-thư, kiêm-chưởng-lục-bộ-sự, làm quan mười chín năm, thăng đến chức Ngự-sử, Thái-phó, gia phong làm Lê-quận-công. Khi bấy giờ có người sứ Tàu sang trông thấy ông, nói rằng : « Ông này là sao Tắt ở trên trời giáng xuống, ở vào nước nhỏ, thì làm sao cho được no ».

Khi ông ở Hoàng-giáp vinh-qui về, ông giữ sở mời tất cả những người mà khi trước ông có bắt lợn hoặc có hái đậu hái rau mà ông đã hàm-án ghi ở sổ, cùng đến yến-hội, đều y giá trả tiền, mọi người đều vui-về duyệt-phục. Đến như người con gái rơi giải yếm khi xưa, bấy giờ đã có chồng rồi, đã sinh được một trai một gái, ông còn nhớ đến cái ân-đức xưa, sai mời người chồng đến, kể chuyện khi trước cho nghe, muốn chuộc lấy làm vợ, người kia có ý ngại-ngùng. Nhân nói với ông rằng : « Nhà tôi không giàu cũng không nghèo, tiền-tài tôi cũng không thích, chỉ ước rằng được làm một chức huyện-thừa, được di vống di ngựa có lính-tráng hầu, vinh-hiền với đời, thì vợ tôi tôi cũng không dám tiếc, xin dề dâng ông ». Ông cười mà bảo rằng : « Cái đó có khó gì ! » Nhân tâu xin bỏ cho người ấy làm chức huyện-thừa huyện Tư-nông, được nhiệm huyện-vụ một mình mười tám năm. Người vợ về với ông sau sinh được mấy người con, theo nghề văn-học, khoa giáp nối đời, một mạch thư-hương, ai cũng truyền-tụng.

Lúc ông về hưu-quan rồi, ngời huyện Thanh-lâm là nơi quê mẹ, ông muốn báo ơn, nhân tâu xin cho huyện Thanh-lâm không phải đắp đê, sau ông sống lâu đến bảy-mươi-hai tuổi mới chết, được lập-đền, phong làm chức Tư-đồ thái-tử; đến nay ở huyện Thiên-lộc có đền thờ thần Hồng-lĩnh đại-tướng-quân tức là đền thờ ông vậy.

Nguyễn Đại-Phạp 紀代乏

Ông Nguyễn Đại-Phạp là người văn-thần thừa triều Trần, năm Trưng-hưng (重興) thứ bảy (1291 Trần Nhân-tôn), nhà Nguyễn sai sứ là Trương Lập-Đạo (張立道) sang khuyên-dụ vua Nhân-tôn lấy sự đương có trọng-tang từ không đi, liền sai ông cùng ông Lập-Đạo sang Tàu, dâng biểu trần-tạ, và xin tu lễ tuế-cống luôn. Ông Đại-Phạp sang đến Tàu, người Tàu đều gọi ông là Lão-lệnh-công (老令公), đi vừa đến Ngạc-châu, ông Đại-Phạp vào yết-kiến các quan Binh-chương tại nơi tỉnh-ly Hồ-bắc. Khi ấy Trần Ích-Tắc cũng ngồi ở đấy, ông Đại-Phạp không hề chào hỏi gì, Ích-Tắc có ý bất-bình, hỏi ông rằng : « May là một người học-trò ở nhà Chiêu-đạo-vương (昭道王) có phải không ? » Ông trả lời rằng : « Phải, việc dời thay đời, tôi là Đại-Phạp nguyên là người học-trò ở nhà Chiêu-đạo-vương, mà nay làm chức sứ-thần, cũng như quan Binh-chương (chỉ vào Trần Ích-Tắc) xưa là con nhà vua, mà nay trở làm một kẻ hàng-thần với giặc vậy ». Nguyễn ông Ích-Tắc cũng là con vua 1 hái-tôn, với ông Chiêu-đạo-vương là anh em cùng mẹ, Ích-Tắc sau đầu-bàng nhà Nguyễn, người Nguyễn thường lấy binh-lực đưa ông về làm vua, nhưng không được; phải cho ở tại Ngạc-châu, phong cho làm chức Hồ-quảng Binh-chương chính-sự, cho nên khi ấy cũng ngồi ở đấy, nghe lời Đại-Phạp lấy làm xấu-hổ. Từ đó về sau, cống-sứ nước ta đến, Ích-Tắc không dám ra ngồi tiền-đường với các quan Binh-chương nữa.

Oi! hàng-thần mà ra làm quan, thì có danh-giá gì, mà dám đối với sứ-thần bản-quốc, lên mặt rằng ta đây là một vị Binh-chương thượng-quốc, như thế là bất-tự-lượng lắm, may được nghe ông Đại-Phạp nói cho mấy câu

rất thông-khoái, mới hồ thẹn mà biết thân.

Trần Vỹ 陳璣

Ông Trần Vỹ người làng Hoạch-trạch, thi đỗ tiến-sĩ khoa giáp-thìn năm Hoảng-dịnh (Lê Kinh-tôn); ông là người tinh rất liêm-trực, khi ông làm quan Hiến-sát-sứ tỉnh Nghệ-an, bấy giờ tỉnh ấy có người Quốc-Cốt 國汨 cậy thế kiêu-giống, không sợ gì cả, thường thường làm những sự trái phép, làm cho khốc-hại nhiều người, những đơn không-lớ không biết bao nhiêu mà kể, thường có việc quan chuyên đến, bị nó ngăn-trở, các quan trước cũng không biết làm thế nào. Khi ông phó-nhiệm, bấy giờ Quốc-Cốt lại càng hung-hăng, ông liền sai người đến mật-thăm, rồi bắt về tra. Lúc tra đích-thực rồi, ông quá tay đánh chết. Sau những đảng nó nghe thấy, đến thẳng tỉnh-đường vây bắt ông, ý muốn báo-thù, nhưng ông đã vội xuống thuyền lai Kinh rồi.

Khi ông đến Kinh vào chầu vua, ông bỏ mũ mà tạ rằng: « Tôi vắng lĩnh chức Hiến-tý, vì triều-đình giữ phép, có người Quốc-Cốt lộng ngược làm can, khi tôi quá giận, lỡ tay đánh chết, nay xin phục-khuyết thú tội, riu bùa cũng cam». Vua hỏi duyên-cớ làm sao? Ông tâu rõ đầu đuôi như thế. Vua phán rằng: « Đặt quan là để giữ phong-hóa cho dân, nay đã vì dân trừ hại, lại còn tội gì? Ông vái tạ lui ra, lại được quí-nhiệm, từ đấy những bọn hào-cường khiếp-phục, tinh-hạt được trị-an. Sau ông lại sang sứ Tàu, làm quan đến chức Lại-bộ thị-lang, về tri-sĩ, khi chết được tặng phong chức Thiệu-bảo Hương-quận-công.

Vũ Tụ 武聚

Ông Vũ Tụ người làng Hoạch-trạch, thi đỗ hoàng-giáp khoa quí-sửu đời

Hồng-đức nhà Lê, ông là người tinh rất liêm-trực, xưa nay không lấy của ai một tí gì. Đương thời bấy giờ, thói đời hay đút lót, vua bắt-hước lối cũ của vua Đường Thái-tôn, sai người đem lụa cho để thử, các quan đều lấy, chỉ một mình ông không lấy, người đem lụa bảo ông rằng: « Nay quen lệ như thế, đã thành tục rồi, vả món lụa này là một vật nhỏ, xin ngài nhận cho, có hại gì đến liêm.» Ông giận mà bảo rằng: « Người đời trọc cả, chỉ một ta thanh, ta há vì lời người mà ta đổi mất tiết-thảo ». Người ấy về tâu, vua khen ông là người có tiết « mộ dạ từ kim », bèn thưởng cho ông hai chữ « liêm-tiết 廉節 », hễ khi vào triều, đính vào tràng áo, để khác với người ta. Sau ông làm quan đến chức Tả-thị-lang.

Ông là một bậc danh-thần liêm-tiết, trong nhà rất nghèo, mà ông vui-vẻ như thường, quan-lộc chỉ đủ tiêu dùng. Đến lúc ông làm-chung, nhà chỉ có vài sào ruộng bạc-diền, ông dặn cùng về làng, làm ruộng tể-tự, không để gì lại cho con, ý chỉ nghĩ để hai chữ thanh-bạch cho con cháu là đủ. Sau người làng cảm nghĩa, lập miếu thờ ông. đến nay hương-hòa vẫn còn nghĩ-ngút.

— Nguyễn Văn-Huy 阮文徽

Quan Thượng-thư Nguyễn Văn-Huy người làng Vĩnh-kiều, huyện Đông-ngân. Nguyên tiên-tổ là ông Phúc-Mại là người nhất sinh hiền-lành, thường làm nhà ở tại làng Đông-lũ, huyện Yên-phong, làm nghề nấu rượu; ở bên nhà ấy có một cây dề cổ-thụ, bị gió bão đổ, ông mua về làm củi. Khi đào đến rễ cây, thấy có ba khối vàng chôn ở đấy, ông đem về cất đi, rồi dỡ nhà đi ở chỗ khác. Được hai năm, có một người khách ở Tàu sang lấy vàng, thấy mất dấu cũ, chỉ còn đất không, hỏi người ở ven, biết vàng ấy hẳn là ông được, mới hỏi thăm đến tận nhà

ông, đưa một quyền gia-phả ra mà nói rằng : « Tiên-nhân tôi để của, vậy tôi lặn-lội sang đây, không ngờ trời đã cho ông, nay mai tôi về, xin ông cấp cho tiền lộ-phi thì tôi lấy làm cảm ơn ông ». Ông Mai từ khi được vàng, cứ để nguyên-số cất đi, cũng không biết là bao nhiêu cả, bấy giờ xem quyền gia-phả, nhân vào diêm số vàng không sai, liền khoản-dãi người khách tử-tế, rồi bảo rằng : « Vàng này đích tôi bắt được, nhưng vầu đề nguyên số cất đi, chưa hề tiêu dùng ít nào cả. Nếu đã là của nhà ông, tôi xin trả cả. » Người khách từ rằng : « Vàng này tuy của nhà tôi, nhưng nay ông bắt được, thì là của nhà ông, ông có lòng nghĩ lại, tôi chỉ xin đủ tiền lộ-phi đã là may rồi. Nếu ông trả cả, tôi không dám nhận ». Ông nghe nói, khăng-khăng nhất-định không nghe. Người khách nói rằng : « Ông đã chân-tâm như vậy, thì tôi xin một nửa ». Ông lại bảo rằng : « Nhân-tình ai không quý của, nhưng vàng này không phải của ta, chẳng qua trời khiến ta giữ hộ chú thôi, vậy để lại trả, chú không nên từ ». Người khách không dám trái ý, xin lĩnh vàng về Tàu.

Sau người khách thường đem chuyện ấy nói chuyện với một người địa-lý ở Tàu, thầy địa-lý bảo rằng : « Không mấy khi có người hảo-tâm như thế, tôi nay tuổi già, nếu còn trẻ, sẽ sang nước Nam, tìm một ngôi đất để bảo ơn ». Người khách kia nghe nói, có mời, thầy địa nói rằng : « Tôi có hai người học-trò đi được. Người khách mời hai thầy địa đến làng Vĩnh-kiều để xem đất. Khi đến nơi, thì ông Phúc-Mại đã mất rồi, người khách bên bên lễ tế phùng rồi đi. Được hơn hai tháng trở lại bảo con ông Mai rằng : « Đội ơn tiên-công không lấy gì đền được, nay tôi mời thầy địa-lý giỏi, sang tìm cát-địa để tạ ân, có một ngôi « quần-sơn cũng-phục », là đất đế-vương, một ngôi « chiếu trục hoa-gian », là đất bầy đời phò-

mã, trong hai ngôi ấy, ông thích ngôi nào? » Người con ông Mai nói rằng : « Nhà tôi quê-khê, chỉ cầu ngôi thế-xuất văn-nho ». Hai thầy địa nói rằng : « Nếu đất ấy thì ngay làng này cũng có, không phải tìm đâu ». Xét long-mạch từ làng Phong-chương lại, khuất-khúc như hình rầu bò, đến xã Vĩnh-kiều thì đổ mạch, đột lên hai cái đống coa, đống lớn thì bằng-phẳng, đống nhỏ thì khấp-khềnh, hai thầy địa tranh-biện không hiểu huyệt ở đống nào, phải họa đồ sai người đem về Tàu, để thầy xét bảo. Ông thầy bảo rằng : « Cục đất ấy là cục « Hoàng-xà-thỉnh-kê » khi ở hai tai, hai cái đống, tức là hai tai, tai lớn điếc, tai nhỏ hơi lệch có khí, tức mạch ở đây ». Hai thầy địa nghe lời, đem mộ ông Phúc-Mại đến táng, tọa Cấn hướng Khôn. Đến ông Văn-Huy là cháu ba đời, thi đỗ thám-hoa khoa át-sử đời Minh-đức nhà Mạc, làm quan đến chức Thượng-thư về hưu.

Ông sinh được ba người con trai. Ông Trọng-Quỳnh thi đỗ hoàng-giáp khoa đình-mùi năm Vĩnh-định (Mạc Phúc-Nguyên), làm quan đến chức Thượng-thư. Ông Đạt-Thiện đỗ hoàng-giáp khoa kỹ-mùi năm Quang-định (Mạc Phúc-Nguyên), làm quan đến chức Đô-đài. Ông Hiền-Tích thi đỗ tiến-sĩ khoa át-sử năm Thuận-phúc (Mạc Mậu-Hợp), làm quan đến chức Thi-lang. Cháu là ông Giáo-Phương đỗ hội-nguyên khoa binh-tuất năm Đoan-thái (Mạc Mậu-Hợp), thi đình đỗ thám-hoa. Cháu bốn đời là ông Đức-Vọng đỗ hội-nguyên khoa qui-sử năm Thái-đức đời vua Nguyễn Nhạc, lại đỗ tòa Đông-các, làm quan đến chức Đô-đài. Ông Đức-Đôn, ông Quốc-Ích nối nghiệp đăng khoa, đều là cháu chắt ông cả.

Nay họ ấy vẫn di-truyền rằng : Những người dự khoa-giáp, mặt đều hơi lệch, là bởi cục đất như vậy.

Mộ-trạch Vũ-thị 墓澤武氏

ở về họ Vũ ở làng Mộ-trạch, tên tiên-tổ họ ấy tên là Vũ Hồn, ở tỉnh Phúc-kiến bên Tàu. Đầu Đào-lich đời vua Kinh-tôn nhà Tống, ông Hồn sang thay người Hàn làm quan Đô hộ-sứ, đến đầu Hội-xương đời vua Vũ-tôn, lại người Hàn Ước làm thứ-sứ Giao-chi. Ông thích phong-cảnh làng ấy mới lập dương-cơ ở đấy, đặt tên là huyện Đường-an 塘安 (bây giờ là Năng-an 能安), đặt tên ấp là Mộ 可墓 (nay là Mộ-trạch). Đến Dương-trú đời vua Minh-tôn nhà Tống, có người Nghiêu-Tá và em là Tống đều thi đỗ khoa Thái-học-sinh, ông đưa hai người hay chữ, làm quan Nhập-nội-hành-khiển tả-học-xa, ông làm ra đồ kể các tôn-phái, đời đời truyền danh quan-tước, câu-cốt từ đấy. Về sau có cháu bảy đời ông Cao-vương tên là Quýnh, sang nước Nam ta, tìm lập danh-địa nước ta, đến cổng làng thì trở bảo rằng: « Làng này là tổ quan họ-sĩ ».

Vào khoảng đời Thịnh-dức, Vĩnh-hoà, khoa binh-thần có ba người đỗ ông-bàng, đến khoa kỹ-hội lại bốn người đỗ. Trương-truyền bảy giờ mười người làm quan tại-triều, các quan ông ấy, đều là con cháu ông Vũ Hồn. Nguyên trước ông được phong làm chức-thần, về sau lại mấy lần được gia phong tước, hiện nay ở phía sau làng này vẫn còn ngôi mã-phát-phúc.

Đương đời Dương-dức, ông Công-trí 公治, ông Duy-Hải 惟海 nhân làm quan sứ Tàu, ước khi xong việc rồi, mới mời ông Phúc-dinh về để nhận ông-đôi họ Vũ; nhưng sau phải giặc gian-trở, đương bộ không thông, đi ông thủy lại phải quay buồm về, nên ông đi sứ cũng không xong được.

Đến năm Vĩnh-trị, ông Công-Trí 公治 là quan Thượng-thư ở làng Thổ-

hoàng, huyện Thiên-thị (nay là phủ Ân-thị) lại sang sứ Tàu, gặp một ông già họ Vũ đón đường hỏi rằng: « Quan sứ là quan lớn nước Nam, hẳn biết vọng-tộc nước ấy, chẳng hay dòng-đôi họ Vũ bây giờ thế nào? » Quan sứ nói tường-tận cho ông già nghe. Ông ấy tự-nhiên lắc đầu vỗ tay lấy làm thích lắm, nhân nói chi-phái ở bên Tàu, cũng kể-thế dăng-khoa, bây giờ hiện đương hanh-vận. Xong rồi cáo-biệt, lấy bạc và vóc lụa tiễn-tặng quan sứ, nhưng khi ông Công-Trí đi sứ về, gặp vợ tên Đặng Diệu là tước nhà Minh, giận vì việc đánh nhau ở Hồng-dâm, nước ta giết mất chồng nó, nó báo-thù cho chồng, mang người đón đường, nên những đồ hành-trang bị nó cướp hết.

Người ta nói khoa-đệ ở nước ta, thì làng Mộ-trạch nhiều nhất. Khoa nhâm-thìn đời Vĩnh-thịnh, ông Duyên-Tư thi đỗ tiến-sĩ, quan thám-hoà ở cùng huyện là ông Vũ công mừng bài trường có câu thơ rằng:

八百餘年道脉長
 Bát bách dư niên đạo mạch trường,
 名家碩望世相傳
 Danh gia thạc vọng thế tương truyền;
 高曾契耳動賢聽
 Cao tăng vãn nhi huân hiền kể,
 爵祿科名蔭澤光
 Tước lộc khoa danh âm Trạch quang;
 八葉蔚門登末歇
 Bát diệp Tiên môn thanh vị yết.
 三槐王氏跡堪芳
 Tam hộc Vương-thị tích kham hương;
 誦張不盡君家事
 Phó Trương bất tận quân gia sự,
 筆下長來翰墨香
 Bút hạ thời lai hân-mặc hương.

Ông Vũ Hữu 武有 người làng Mộ-trạch, là cháu bảy đời ông Vũ Nghiêu-Tá, cha ông là ông Bá-Khiêm, làm quan

An-phủ-sử-tư-phó-sử ở lộ Qui-hóa. Nhà ông nhiều âm-đức, sinh hạ được năm trai ba gái, đều quý-hiền cả, sau lấy nơi nhà cũ ấy gọi là nhà Truy-viễn; trước nhà có một cây thông cổ rất cao, nên ông Tùng-hiền tiên-sinh lấy cây thông ấy làm một cảnh đẹp trong làng Mộ-trạch mà vịnh thơ rằng:

祖來遺種異凡英

Tổ lai di chủng dị phạm-anh,

香火堂前得地靈

Hương-hỏa đường tiền đắc địa-linh;

翠藍摩天滋黛色

Thúy cái thâm-thiên tư đại-sắc,

怒濤十里樹旗聲

Nộ đào thập-lý thụ phong thanh;

高標挺特爲人望

Cao liêu đĩnh đặc vi nhân vọng,

大器軒昂晚成

Đại-khi hiên-ngang thuộc vãn thành;

壘蔭綿洪培植厚

Phúc âm miên hồng bồi thực hậu,

故家喬木永留名

Cổ-gia kiều mộc vĩnh lưu danh.

Ông Vũ Hữu tính hay mô cở ưa lẽ, học rộng nghe nhiều, thi đỗ hoàng-giáp khoa qui-mùi đời Quang-thuận, trải làm quan trong quan ngoài, tiếng tăm lừng-lẫy, rồi thăng đến chức Thượng-thư, ông thường ngâm thơ tự-thuật rằng:

荏苒週年官歷踐

Nhâm-nhiễm chu-niên quan lịch tiển,

家中曾有乏牛耕

Gia-trung tằng hữu phạp ngưu canh.

Nghĩa là làm quan mà nhà vẫn nghèo, không có trâu cày.

Xem thế đủ biết ông là người thanh-giới.

Ông lại rất tinh-thạo toán-pháp, làm ra sách *Toán-pháp đại-thành*, và sách *Điền-mẫu tân-thuật*, thi-hành ở đời. Bấy giờ thành công Hoan-môn và các công Đại-hưng, Đông-hoa, là công xây từ đời nhà Lý, lâu ngày đổ nát, vua hội bàn xây lại, nhân phán-bảo ông

rằng: « Trẫm nghe người tinh toán-pháp. bây giờ các công sửa lại, thử tính xem hết bao nhiêu gạch, thì xây được như cũ. Ông đo bốn bề cao thấp rộng hẹp, tính xong tâu trình, vua mới sai thợ nung gạch, rồi đem ra xây, y như công cũ, không sai một thước một tấc nào, vua rất khen ngợi là thần-toán, nhân thưởng cho ông hơn trăm mẫu ruộng, để hiên thanh-danh.

Năm ông đã bảy-mươi tuổi, làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, thì xin về tri-sĩ, dựng lên noãn-quâu lương-đài ưu-du sơn-thủy, để vui tuổi già. Về sau được tặng phong đến chức Thái-bảo, ông Quang-Bi có câu thơ rằng:

豪傑當初進士科

Hào kiệt đương sơ tiến-sĩ khoa,

白勩白慣一無差

Viết cần viết thận nhất vô sa;

諸曹迭試功能著

Chư tào diệt thí công năng trứ,

同列咸推德業加

Đồng liệt hàm suy đức-nghiệp gia;

唐相守文欽宋璩

Đường tương thủ văn hân Tống

Cảnh,

晉朝博物美張華

Tấn-triều bác-vật mỹ Trương Hoa;

門廷青紫相輝映

Môn đình thanh tử tương huy ảnh,

除惡從知積善家

Dư khánh tòng tri tích thiện gia.

Cháu ông là Vũ Dự武預 có tài võ-lược hơn người. Khi nhỏ chơi đất Kinh-thành, được bổ chức diên-binh, gặp lúc Phạm Đồn, Phan Mẫn cùng với Lạng-son-vương là Nghi-Dân, viêt phép thi-nghịch, giết mất vua Nhân-tôn. ông ấy mặt-mưu với ông Sùng-quốc-công và Kỳ-quốc-công, giả-hình làm người xem tướng, giấu dao trong mình, giết được Phạm Đồn, rồi kịp gọi hai ông quốc-công đem quân sẵn đến, bắt được Phan Mẫn, và các đảng-ác nó, giết cả đi, chốn cung-đình tức-thank

rồi, bèn rước vua Thánh-tôn vào kế-thống.

Sau triều-đình luận-công, liền phong cho ông Dự là Minh-nghia công-thần Đò-đốc-phủ tá-đò-đốc, tức là Tri-lễ-bá, và một trăm mẫu ruộng tốt, cây cấy đời-sỏi. Tục-ngữ nói : « Quan Tri-lễ huyện Đường-an có liếng », tức là nói ông Dự vậy.

Về sau như ông Vĩnh-Phu được tặng-phong chức Thái-bảo, ông Chi-Thụ làm đến Đò-đốc, ông Lương đồ đến liêu-sĩ, ông Đinh-Lâm đồ đến hoàng-giáp, ông Trọng-Trieh, ông Đinh-Ghiêu, ông Đinh-Ăn, đều đồ tiến-sĩ, cũng cùng là con cháu ông Vũ Hữu cả.

Ông Vũ Phong 武 纒 người làng Mộ-trạch, là em ông Vũ Hữu ; ông là người tướng ngũ-đoan, lúc còn nhỏ đánh vật rất tài. Đường đời vua Thánh-tôn nhà Lê, ông lên chơi Trường-an, thấy vua ngự triều, có người dò-lực-sĩ cầm dùi đồng đứng hầu, khí-mạo dương-dương tự-dắc, ông hỏi người bạn rằng : « Người ấy có tài-năng gì mà ngang-nhiên như thế ? » Người bạn bảo rằng : « Người ấy sức khỏe lắm, nghề vật không ai sánh bằng, bởi thế được vua trọng-dụng ». Ông nói rằng : « Ta xin so nghề vật với hần xem sao ? » Người bạn nói rằng : « Người ta cao lớn, mà anh hé nhỏ, sợ vật thì anh thua, ở chốn đấu-trường người ta cười anh lắm ». Ông nói rằng : « Nghề vật tôi rất tinh, chắc hơn người ấy, bởi chưa đối-thù, nên người ấy được tiếng mà thôi ; phen này thử xem sức tôi ». Lập-tức làm tờ lấu, xin cùng quan dò-lực-sĩ quyết thắng-phụ. Vua xem tờ lấu phán rằng : « Người lực-sĩ của ta, muốn nghìn người mới có một, đời không ai bằng, người này sao dám cả gan như vậy, đã xin thì cũng hứa cho, thử xem sức mạnh thế nào ! » Hẹn ngày đánh vật, vua cũng ngự ra xem. Lúc hai bên vào vật, ông Phong cầm cát trong tay, xung-xe

xông vào, ném cát vào mắt người lực-sĩ, người lực-sĩ mắt không mở được, nhảy trở không kịp, ông liền dùng cách xốc-nách, quật ngã lực-sĩ xuống đất, mọi người xem đều vỗ tay reo lên. Vua khen ông khỏe, lập-tức lấy tước phong người lực-sĩ ấy, phong cho ông.

Sau ông làm quan đến chức Cầm-y-vệ-ùy-tư, chỉ-huy-sứ, ai nấy đều khen ông là một ông quau công-bình, người ta nói huyện Đường-an có bốn trạng, đều ở làng Mộ-trạch, là : ông Lê Nại là trạng-nguyên chữ và trạng ăn, ông Vũ Huyền là trạng cờ, ông Phong là trạng vật vậy.

Ông có năm anh em, đều có tước-trật cả, mà chi nhà ông và chi ông Vũ Hữu thì lại thịnh hơn, kế-thế đăng-khoa, hơn cả trong họ Vũ.

Quan Tề-tướng Vũ Duy-Chi 武 惟 恣 là người làng Mộ-trạch, nguyên ông tăng-tổ nhà ông xưa, làm quan đến Hình-bộ viên-ngoại-lang, đến lúc tuổi già về dạy học ở một làng ven đây là thôn Mạc làng Thời-cử. Ông ấy là người tính rất sợ địa, nhân một hôm cùng năm sáu người học-trò nhỏ đi tắm ở ao bên đầu làng, lúc đi qua một cái vườn, thấy có một cái gò cao, liền trở bảo học-trò rằng : « Khi thầy bách-tuế, đem đến đây táng, thì địa không sao đến được ». Kịp đến khi mất, người nhà nhớ lời di-chức, đem táng tại gò ấy.

Nay xem chỗ đất ấy, đằng trước có ản phù-thủy-diện, đằng sau có phượng-hoàng hàm thư, mộ đề tọa Ất hướng Tân, các nhà phong-thủy bảo là đất thiên-tàng, tất con cháu phát đến công-hầu.

Đến bà mẹ ông Chi lại là người vốn có âm-đức, khi bà còn ít tuổi, một hôm đi chợ mua bán, có một người đàn-bà bán lụa, khi trở về bỏ quên lại một bó lụa to, bà bắt được cất đi, một

lát người đàn-bà chạy lại gào khóc hỏi tìm, bà hỏi đích-thực, liền đem lụa trả cho, người ấy xin để tạ bà hai tấm lụa, bà cười mà bảo rằng: « Tôi lấy hai tấm lụa sao bằng tôi lấy cả bó lụa chẳng hơn ư, ta thương chị mất lụa mà về, tất phải chông con trách mắng, cho nên ta trả, há mong bảo làm gì! » Người đàn bà xin tạ thế nào bà cũng không chịu lấy; cả chợ ai cũng khen bà là một người đức-phụ.

Một hôm bà nằm chiêm-bao thấy đóa mây ngũ-sắc, óm mây mà sắc xanh sắc đỏ tan trước, sau bà sinh được năm người con trai.

Ông Chi là người xuất-thân lại-diễn, lúc trước lấy văn-học thờ chúa Dương-vương, khi tiếm-đề đã được chúa thân-tín. Bấy giờ tỉnh Quảng-nam thì có chúa Nguyễn xưng-hùng, tỉnh Cao-băng thì có họ Mạc chiếm-cử. Ở chốn cơ-lũ, ông rất có công-lao, nào khi vượt bể diệu lương, nào khi lên núi đánh giặc, khi cách nghìn dặm bày mưu, vua sai việc gì được việc nấy, ngày thêm được yêu dùng, cho nên làm quan đến chức tham-chính tể-tướng. Triều-đình thường chê ông về việc lại, chuyện đến tai vua, vua bèn kể hết sự-nghiệp Tiên, Tào, Phòng, Triệu, làm bài luận giải-nghi, để bảo các quan.

Có một năm, đến ngày mồng một tết nguyên-đán, chúa Trịnh có củ sai các quan văn-vũ, lúc vào triều yết Hoàng-thượng xong, đều phải dâng nguyên-triều-phục, sang phủ-đường bái tạ. Ông tâu với chúa Trịnh rằng: « Đức chúa-thượng xưa nay trọng đạo làm tôi, cử lễ thì nay các quan đến phủ, nên mặc áo thanh cát là phải, không nên dùng triều-y, sợ trái lệ cũ ». Chúa Trịnh nghe lời tâu, bèn thôi việc ấy. Ông thực có phong-thê là người chính-thần, sau làm quan đến chức Lại-bộ Thượng-thư, quốc-lão Thiếu-

phó, thì về hưu-tri. Câu đối thêu có rằng:

一代宗臣 勳相國

Nhất đại tôn-thần Tiều tướng-quốc,

四朝元老 趙韓王

Tứ triều nguyên-lão Triệu Hàn-vương.

Ông thọ được bảy-mươi-năm tuổi, khi mất được tặng-phong đến chức Thái-phó. Con ông là Duy-Hải đỗ tiến-sĩ khoa kỹ-hội, cha con đồng-triều, rất là vinh-diệu.

Ông năm anh em đều vinh-hiến cả. Anh cả là ông Tự-Khoái, khi còn nhỏ đã có đại-chí, đến năm mười-bảy tuổi lên chơi kinh-thành, bấy giờ vương-tử thứ hai là Phủ-Hoa, được chúa Trịnh yêu lắm, nhân-tình ai cũng suy-vọng về Phủ-Hoa, mà ông Hoàng-tổ Dương-vương thì phải chúa Trịnh ghét bỏ, mỗi buổi triều ông đến xem, thấy ông Phủ-Hoa cách ăn nói cử-chỉ làm-thường, không phải là người thành-lập được. Kịp trông thấy ông Dương-vương, ông lấy làm lạ, biết có thành-tại, liền xin vào làm môn-hạ, nên về sau chúa Dương-vương nghĩ ông là một người công-thần từ khi tiếm-đề, rất là yêu-trọng. Ông làm quan đến chức Tả-thị-lang, Trung-quận-công.

Anh thứ hai là ông Bạt-Hoa, đỗ hoàng-giáp khoa giáp-thin, làm quan đến chức Thị-lang. Ông Duy-Chí làm quan đến Tể-tướng, ông Phương-Trượng làm quan đến Thượng-thư, đều được phong tước quận-công. Con thứ năm là ông Cầu-Hối, đỗ tiến-sĩ khoa ái-hội, làm quan đến Tham-chính.

Ông Tự-Khoái trẻ đã gặp vua, làm quan đến lúc tuổi ngoại sáu-mươi; ông Duy-Chí ông Phương-Trượng đều công-thành danh-toại. Đến như ông Bạt-Hoa ông Cầu-Hối, tuy là quan to, nhưng đều không thọ, bấy giờ anh em mới nghiệm là diêm mây ngũ sắc, xanh đỏ tan trước vậy.

Phạm Đình-Trọng 范廷重

Quan Thượng-thư Phạm Đình-Trọng, khi làm trấn-thủ Nghệ-an, một hôm đi ra, gặp hơn một trăm người khách-trú, đón đường vái lạy, ông hỏi về có gì mà như vậy? Bọn khách-trú thưa rằng: « Vì thấy ông diện-mạo y như tượng thần Ngũ-hồ, ông thật là người phi-thường vậy, cho nên chúng tôi đón lạy ».

Ông thường bị bệnh lở ở vai, đến hơn một năm không khỏi, trong bụng lấy làm nghi, gặp khi có người sang sứ Tàu, ông nhờ xem hộ tượng thần Ngũ-hồ, thì quả-nhiên ở chỗ vai thần-tượng, màu sơn róc lả tả, người sử mượn sơn chữa lại xong mới về, khi về đến nơi, thì bệnh ông đã khỏi rồi, hỏi bệnh khỏi từ bao giờ, thì nói khỏi đúng tự hôm sơn xong thần-tượng vậy.

Khi ông ở dinh Cầu, có một đêm chiêm-bao thấy có một người mới đến nhà uống rượu, nhà ấy có một người gái góa, tuổi gần bảy-mươi, nhà ấy cũng là một nhà tâm-thường, khách đến ăn cũng chỉ có một mình ông, người đàn bà ân-cần mời chào, ông thấy tình rất cảm. Khi ông chiêm-bao tỉnh dậy, những vị ăn hãy còn phảng-phất thấy mùi, và lối đi ông còn nhớ cả, đến diện-mạo người đàn bà ông cũng còn nhớ chưa quên. Ông rất lấy làm lạ, bèn ăn hạn tâm - thường đi vào trong làng gần dinh ấy hỏi dò, quả-nhiên gặp người đàn bà, ông gạn hỏi thì người ấy nói rằng: « Sinh được một người con trai, đã mười ba tuổi thì chết mất, ngày hôm qua là ngày kỵ vậy ». Ông nghiệm khi người con bà ấy mất, so vừa đúng với tuổi ông, ông nhân đón bà ấy về, cung-dưỡng rất là tử-tế.

Nguyễn Huy-Oánh 阮輝儻

Quan thám-hoa Nguyễn Huy-Oánh, tiểu-tự là Cảnh, là con một ông hương-

cống, ông hương-cống ở làng Trường-lưu, huyện Thái-thạch, làng-diềng nhà ông có một người thợ cưa, một hôm người thợ cưa từ làng Phù-thạch trở về đến đầu làng, trời đã tối rồi, đương đi giữa đồng, trông thấy hai người học trò, một người chừng mười-bảy mười-lăm, một người trạc độ mười-bốn mười-lăm, hai người đi với nhau trò-chuyện, người thợ cưa đi theo sau, nghe nói chuyện nhiều câu không rõ, chỉ nhớ được tên cả hai người, thì người lớn ấy tên là Cảnh 景, mà người nhỏ ấy tên là Vĩnh 泳. Khi đã vào đến cổng làng, thì người lớn bảo người nhỏ rằng: « Anh đến nhà rồi, thôi anh ở đây, em hãy đi tiêu-đạo ». Người nhỏ nói rằng: « Tạm xa cách ít lâu, mười năm nữa anh em ta lại gặp ». Nói dứt lời thì cả hai người đều không thấy đâu nữa. Lúc người thợ cưa về đến nhà, thì người vợ vừa sinh được một người con trai, người thợ trong bụng rất mừng, muốn đặt tên cho là Cảnh, nhưng còn chưa đặt. Sớm hôm sau liền đến nhà ông hương-cống toan hỏi đặt tên con như thế có nên không. Lúc đến nơi mới biết tối hôm trước bà vợ ông hương-cống cũng sinh được một người con trai, người thợ ấy lấy làm kinh-ngạc nghi ngờ. Một lát thấy ông hương-cống, nhờ ông đặt tên cho con, và hỏi ông hương-cống mới sinh người con trai, đã đặt tên là gì chưa? Ông hương-cống nói rằng: « Chưa biết đặt tên là gì, vừa rồi nghĩ, toan đặt cho là Cảnh. Người thợ nghe nói, mặt thất-sắc đi ».

Phạm-Viên 范員

Ông tiên Phạm Viên là con quan Thị-lang Phạm Chất, ở Đông-thành. Khi ông đã mấy-tuổi rồi vẫn chưa biết nói, lúc ông lên tám tuổi, thì bỏ nhà ra đi, người ta thường gặp ông ở trong núi Tây-sơn và núi Hồng-lĩnh. Đến khi ông Chất chết, ông bần đồ tang-phục về chôn cất ma-chay, việc xong

thì lại đi, đến khi đã mãn tang, thì ông đi biệt, không ai biết ở đâu nữa.

Thế truyền rằng bài phú « *Tịch-cư ninh-thê* » bằng quốc-âm là của ông làm, có cái khi-cốt ở ngoài trần-thế.

Về sau có người làng Bọt-thượng huyện Hoảng-hóa tên là Nguyễn Quỳnh, tự-phụ văn-chương tài-tảo, khinh ngạo một đời, thường ở kinh-thành Thăng-long về trấn Thanh-hóa ngoài, đi đến chợ Tịch, chợt gặp một người học trò hỏi rằng : « Ông phải là Nguyễn Quỳnh tiên-sinh đó chăng ? » Ông Quỳnh bảo phải. Người học trò nói rằng : « Được nghe tiếng ông đã lâu, nay xin ông cho một bài thơ ». Ông Quỳnh thấy dưng-dột như vậy, liền bảo rằng : « Anh cũng biết thơ ru ! » Người học-trò thưa rằng : « Tôi học thơ từ thủa nhỏ, thơ dẫu không giỏi, song thấy người đời làm thơ, ít câu vừa ý, nay muốn thử bác thợ cả múa riu xem sao ? » Ông Quỳnh tức lời nói khinh-mạn, liền bảo rằng : « Đã như vậy, anh cũng phải làm với tôi. » Người học trò thưa rằng : « Xin tiên-sinh hạn trình-khóa cho ». Lúc ấy nhân trước mặt có một cái cầu gỗ lim đi còn cách không đầy mười dặm, ông Quỳnh ước rằng mỗi người phải làm một trăm vắn, được câu nào sẽ ghi lấy số câu, hạn đi tới cầu, phải làm xong hết. Người học trò ấy hỏi rằng : « Nếu ai làm không xong, sẽ phải thế nào ? » Ông Quỳnh nói rằng : « Ai không xong thì đập rập xuống ven cầu ấy ».

Khi đi đến cầu, người ấy làm vừa đủ một trăm vắn, ông Quỳnh mới làm được hơn sáu-mươi vắn ; chưa kịp nói lại, thì người ấy đã đập ông Quỳnh xuống mà bảo rằng : « Từ nay đừng khinh người nữa nhé ! » Ông Quỳnh biết là không phải người thường, trở dậy chấp tay vái mà tạ rằng : « Tôi người trần mắt thịt, không được biết thần-tiên, xin ngài chỉ-giáo cho ». Người ấy

bảo rằng : « Ta cũng chẳng giấu chi, người có biết thế-gian có ông Phạm Viên không ? » Ông Quỳnh thụp lạy xin theo, ông Phạm Viên bảo rằng : « Tự-duyên còn vương, chưa thể đi được, hãy gắng chí tu-hành, còn nhiều phen hội-ngộ ». Ông Quỳnh từ đấy dốc chí tu-hành. Không thiết gì đến danh-lợi nữa.

Lại có ông Nguyễn Trọng-Mỗ người làng Thanh-dâm, cùng với ông Nguyễn Hưng-Hàn người ở Đông-thành kết bạn, hai người cùng tịch-cốc vào núi tu-tiên, sau gặp ông Phạm Viên bảo hai người cùng không có tiên-cốt, bảo ông Mỗ thì nên về đi học mà làm quan, mà ông Hàn thì dạy cho học lấy nghề mà kiếm ăn là đủ. Về sau ông Mỗ thi thi đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Lại-bộ Thị-lang ; ông Hàn thi giỏi nghề phong-thủy.

Ông Hàn dẫu giỏi nghề phong-thủy, song ít làm đất cho ai, chỉ thích đi lang-thang một mình, như người dờ-dại. Ở trong cửa Đông-thành có một cái chợ, chợ sát vào ven núi Di-lạc-son, một hôm trời vừa sáng, người đến họp mới độ mươi người, bấy giờ ông Hàn tuổi đã ngoài bảy-mươi, chông gậy ra khua đuổi những người họp chợ mà bảo rằng : « Chúng mày muốn sống đi ngay, không thì chết cả ». Chạy tan rồi lại họp, ông đuổi như thế đến bốn năm lần, rồi ông Hàn bảo rằng : « Ta mệt lắm rồi, lũ mày không đi thì chết đến nơi ». Mọi người không hiểu ý ông Hàn cho là một người say rượu. Cách mười ngày sau, mới sáng ngày ra, chợ mới có mươi người họp, sườn núi đổ sụp, mọi người bị chết hết, bấy giờ chợ mới đời đi.

Có một hôm làng ông Hàn đang tế thần ở trong đình, ông Hàn lần vào ôm lấy bài-vị thần đi ra, người làng biết xô nhau chạy đuổi, lúc đuổi được vài dặm đã gần đến nơi, ông Hàn bảo rằng : « Chúng mày sao không ngăn

lại, nay định đem bài-vị thần đề vào đầu?» Nói chưa dứt lời, mọi người nghe phía sau có tiếng kêu la, ngảnh lại trông thấy đình đã cháy, chữa cũng không được, lại cháy lan ra đến mấy chục nhà, nháo thế cũng dời đình đi chỗ khác.

Ông Hàn thường chống gậy đi xem đất, sai một đứa đầy tớ mang một quan tiền đi theo, gặp một đứa ăn mày đang khúm-núm ở bên đường xin ăn, ông giờ gậy mà bảo rằng: «Mày há miệng ra cho ta đấm một cái, nếu mày chịu đau được, thì ta sẽ cho một quan tiền này». Người ăn mày nghe ông nói dõn, cũng há miệng ra, ông đấm cho một cái vào miệng, máu chảy ròng-ròng, người ăn mày lăn khóc rên-rỉ, ông bảo rằng: «Ta bản-tâm dõn mày, không ngờ ta tuổi già, tay không giữ lại được cái gậy, hóa làm mày đau quá, mày nghèo đến thế này, đâu được một quan tiền, cũng chẳng bổ-ích gì, ngay chỗ mày nằm ấy, có mấy chính tiền của người đời xưa chôn đấy, mày nên đào lấy». Người ăn mày nghe lời, đào lên quả-nhiên được tiền.

Đình Tiên-hoàng 丁先皇

Ông Đình Tiên-hoàng là con quan thứ-sử Đình Công-Trứ, người ở đồng Hoa-lư, tục truyền trong đồng ấy có một cái đầm sâu, có một khi bà mẹ ông đi tắm giặt ở bên đầm, bị con gái-cá lớn hiếp, rồi có thai, mãn-kỳ sinh được một người con trai, ông Trứ rất đề lòng yêu-giấu, nhưng bà mẹ ông vẫn biết thắm ông là con một con gái-cá kia. Không bao lâu, ông Trứ mất, mà con gái-cá cũng bị người đồng ấy bắt được ăn thịt, bà mẹ ông nghe tin, đợi lúc vắng người đến nhặt lấy những xương ấy đem về, gói kín gác lên gác bếp. Thường vẫn bảo ông rằng: «Xương bố mày gác ở đây».

Đến khi ông lớn hụp lặn rất tài, lại thêm nhanh nhẹn, đặt tên là Đình Bộ-Lĩnh. Bấy giờ có một người khách ở Tàu sang xem đất, tìm lough-mạch đến đây, trông lên thiên-văn, thấy một đám khí sáng, khởi từ giữa đầm ấy lên, trông như một tấm lụa, thẳng đến sao Thiên-mã. Hôm sau người khách đến tận nơi xem, nói rằng: Trong này hầu có thảo-vật, nháo mượn lặn xuống xem sao. Nguyên đầm ấy ở giữa có một chỗ rất linh-thiên, không ai dám đến gần cả, người khách bảo ai xuống thăm được sẽ hậu-thưởng cho. Ông Bộ-Lĩnh nghe lời xin xuống, lặn xuống đến vực sâu, tay sờ thấy có một vật hình như con ngựa, đứng ở đáy nước, lên bảo cho người khách hay, người khách lại bảo ông đem một bó cỏ xuống dử vào mõm ngựa xem sao. Ông Bộ-Lĩnh lại đem cỏ xuống dử vào mõm ngựa, ngựa há mõm dớp cỏ, lại yế nói cho người khách nghe. Người khách nói rằng: Chỗ ấy có huyết, liễn lấy tiền bạc cho ông Bộ-Lĩnh và bảo rằng: «Bấy giờ hãy thưởng ít nhiều, chờ lần sau tôi lại sang, bấy giờ sẽ hậu-thưởng». Ông Bộ-Lĩnh dấu còn ít tuổi, nhược là người thông-mẫn, nghe lời người khách, biết huyết dích ở đầu ngựa không sai, bèn đợi lúc người khách đi rồi, liễn về lấy gói xương trên gác bếp bọc cỏ ở ngoài, rồi lặn xuống dử vào mõm ngựa, ngựa dớp lấy nuốt đi.

Từ đó ông Bộ-Lĩnh hùng-cường, người đều ủy-phục, tôn làm dân anh đứng trưởng bọn chúng. Bấy giờ ông vẫn còn ở trên đầm nhà bè đánh cá, một hôm bị người chủ đánh, ông chạy ra, sa chân ngã xuống đầm, người chủ toan dằm, bỗng thấy có hai con rồng vàng che trở, người chủ kinh sợ trở về, bởi thế người ta lại càng qui-phụ.

Vài năm sau, người khách đem hải-cốt liền-tử ở Tàu sang, tìm đến chỗ ấy

loạt táng, nghe nói ông Bộ-Lĩnh đã nổi tiếng anh-hùng, được hơn nghìn thủ-hạ, biết là huyết ấy ông táng mất rồi, nghĩ miuh uống mất công-phu, nhân thế cặm giạn, liền đến bảo ông rằng: «Anh được huyết ấy đâu hay, nhưng đầu ngựa không có gươm, thì không được tốt, nay cho một thanh gươm. để lên đầu ngựa, thì dọc ngang bờ cõi, đến đâu cũng phục». Ông Bộ-Lĩnh nghe lời, lại lặn xuống nước, sờ đầu ngựa, để gươm vào.

Về sau ông đánh đầu cũng được. gọi là Vạn-thắng-vương, bình được cả mười hai ông sứ-quân, dư-dễ thắng-nhất, ông làm vua được mười-hai năm, rồi phải đưa nội-nhân là Đổ Thích giết, con ông là ông Liễu, cũng bị giết cả. Người ta cho là bởi trùng kế người địa-lý Tàu.

Miêu Thủy-thần

Ở bên sông thuộc làng Kim-dộng 金洞 huyện Đại-ao, có một cái miếu thờ Thủy-thần, phương-dân đều sùng-bái, rất là hiền-linh, đương đời Vĩnh-khánh nhà Lê, có ông Điền quận-công người ấp Bảo-ngũ huyện Thiên-bán, là em bà bảo mẫu vợ ông Ngô Thuận, đang được dự diên-bình, gặp trong huyện có đề Thụ-triều bị vỡ, ông quận Điền phụng mệnh đi hộ đề, lúc thuyền ông đi qua miếu Thủy-thần, hình như có người ngỗ-trở, thuyền không đi được, ông quận Điền trở má mắng rằng: «Ở đây mà không bảo-hộ được phương-dân, để cho nước vỡ, hại đến dân-gian, nay ta phụng mệnh đi hộ đề, đến đây lại dám ngăn-trở? Một lát, thấy trước mặt kéo ra năm chiếc thuyền đến khiêu-chiến, ông Điền vốn người phù-thủy cao tay, biết thủy-thần hiện ra như vậy, liền ở trong thuyền chống gươm thư phù niệm chú, và cũng sai người sáo sậu gươm giáo ra đánh, hai bên đánh nhau xô-xát, súng bắn mù

trời, cách gang tấc cũng không trúng, hồi lâu, năm cái thuyền kia lùi trước, rồi không thấy nữa, thuyền ông quận Điền liền thuận dòng thẳng tới chỗ cửa cống đề vỡ kia, cả cừ đắp đất. Khi công việc đắp đề đã gần xong, thấy ở sông có một con cá lớn giương vây, hình như cái cánh bướm, lấy đuôi vùng-vẫy, sóng cồn như núi, đề lại bị vỡ, vỡ lại đắp, đắp lại vỡ, đến ba bốn lần, ông Điền không làm sao được, bèn mặt khẩn với thủy-thần rằng: «Mời rồi thuyền đi qua miếu, tạm-thời làm lỗi, đánh nhau với thần-bình, xin ngài dừng nên giới-ý, nhờ ngài ủng-hộ đề để đắp vững-bền, thì phương-dân được đời an-lâm». Từ đấy, đề đắp không vỡ nữa, ông Điền lại nói rằng: «Ta đắp đề này, từ rày dẫn trăm thủy-thần làm vỡ cũng không nổi». Nói rồi, chột nghe sóng nổi âm-âm, nước xung-kích vào chân đề, lại sạt mất một đoạn, ông Điền-quận kinh sợ, vội vàng sầm-sửa lễ-vật hát xướng lễ tạ, rồi lại đắp đề, nhưng nước đánh vào chân đề thành vực, không hàn-khâu được, ông Điền bao-tồn công-phu, sinh lòng căn-tức, liền bắt lấy tre gỗ trong huyện ra cực nhiều, cặm khắp chung quanh chỗ vực, rồi lấy đá vôi vôi ném xuống, một lát nước vực sủi lên, cá giải chết nổi lên không biết bao ubiêu mà kể. Sau được độ nửa tháng, ông Điền-quận nhiễm bệnh đại-nhiệt, như nằm trong đồng lửa, thuốc-thang không khỏi, buồn bực mà chết.

Không bao lâu trong làng Bảo-ngũ động, súc-vật chết hại mất nhiều, người trong ấp cầu cúng, bồng chốc thấy một người hiền hình đứng dậy quát lo rằng: «Ta là Điền-quận-công, bị thủy-thần độc-thủ, ốm giạn mà chết, nay muốn báo thù, nhưng không có ngựa voi binh-khi, nhờ nói với chị ta là bà Bảo-mẫu, chính-biện cho ta, nếu không thì không những tổn của, còn hại đến cả người kia». Bà bảo-mẫu

nghe nói, liền mượn người làm các đồ minh-khi, y như các đồ khi-giới khi ông Điền-quận còn sống, xong rồi đổi đi. Ngày hôm sau một quãng sông vùng ấy, sóng cồn gập ghềnh, hình như voi xô ngựa chạy, ở bên bờ nghe có tiếng gươm giáo đánh nhau, cá giải nhao lên mà chết. Bà bảo-mẫu liệu ông Điền cùng thủy-thần đánh nhau; nhân khẩn rằng: « Hôm nay em ta đánh với thủy-thần thế nào xin báo cho biết ». Một lát, trong nhà có người đứng dậy nói rằng: « Tôi nay nhờ chỉ, tặc cho các đồ binh-đạo khi-cụ, cũng đã trương-hoàng, nhưng tộc-loại nó nhiều, vả đã am-luyện, quân ta thủy-chiến chưa am, vả binh-khi hình-nhân, không mặc được áo giáp mũ trụ, nên yếu-ớt lắm, khó địch nổi với loài lân-giáp, mới ra giao-phong, đã bị thua luôn, từ nay không nên đánh nhau với họ làm gì, nên ở cửa cống, lập miếu thờ họ, cho khỏi sinh thù ». Trong họ theo lời, bèn mua gỗ làm đền thờ, từ đấy phương-dân duyên-giang, không thấy sự gì quái-lạ nữa.

Hạ-bì dị-nhân 下邳異人

Dị-nhân người làng Hạ-bì (tục danh làng Quát) huyện Gia-lộc, vốn làm nghề bán hến, một hôm đi đến bờ sông, thấy hai con trâu đánh nhau, ở trên bãi cát, liền lấy đòn gánh đánh, trâu chạy xuống sông mất, lông trâu còn dính vào đòn gánh, coi rất lạ-lùng, đem nuốt đi. Từ đấy khi lực khác thường, đi dưới nước cũng như đi trên cạn, có khi xuống sông mò cá, vài ba hôm mới về.

Khi bấy giờ quân Tàu đem ba trăm chiếc thuyền sang ta, đến bến Vạn-nhiã, nước ta kinh-hoàng, vua hạ chiếu: hễ ai lui được quân Tàu, vua sẽ phong tước lớn cho. Dị-nhân lĩnh mệnh xin đi, lặn xuống đáy bể, nép vào ven thuyền, lấy dao nhọn khoét thuyền, thuyền giặc bị đắm rất nhiều, giặc Tàu

kinh sợ, không biết làm thế nào? lấy ống thủy-tinh ngồi trên nhòm xuống, thấy đáy nước có người nép ở ven thuyền đục khoét, liền quăng lưới vây, bắt được dị-nhân đem tra-lấn, giặc hỏi rằng: « Nước này có mấy người tài giỏi như mày? » Dị-nhân đáp rằng: « Trong nước tôi, những người như tôi vô-số, hiện khiến một bọn xuống bể khoét thuyền, tôi không may mà bị bắt, nếu thượng-quốc tha tôi ra, tôi sẽ dẫn đến chỗ bọn ấy, tha-hồ mà bắt ». Giặc Tàu nghĩ thực, cho lên ngồi trên thuyền chờ đi. Dị-nhân thừa-cơ nhẩy xuống bể mất, người trong thuyền chỉ đứng mà trông, không làm gì được. Bấy giờ quân giặc nghĩ mình đắm mất nhiều thuyền, lại thấy Dị-nhân nói trong nước có nhiều người như thế, không dám ở lâu, dẫn ngay quân về.

Sau Dị-nhân mất, triều-dinh nghĩ có công khước-dịch, liền phong làm đại-vương, bao nhiêu những chài lưới các cửa bể, cho người họ dị-nhân cai-quản, lấy lợi phụng-tự, đến nay vẫn linh thiêng, làm phúc-thần một xứ.

Mộ tổ nhà Trần

Nhà Trần tiên-tổ là người làng Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc, làm nghề chài lưới ở nam-dạo Trường-giang.

Bấy giờ có một người địa-lý ở Tân-sang ta xem đất, xem được một cục đại-địa ở xã Đại-dương, đã làm cho Nguyễn Cố ở làng Ấm-nha rời, song khi làng, thầy địa-lý bảo Cố phải tạ một trím quan tiền, và khi nào được làm vua, phải chia cho nửa thiên-hạ. Cố cũng xin vâng. Thầy địa lại sợ Cố phẫn-trắc, lại nói với Cố rằng: « Chỗ này nếu quả là cát-địa, thì phải có diêm hay, trong một trăm ngày, phải thắp nom luôn, nếu thấy sấm gió, có sự gì lạ, thì hung đa cát thiểu, phải đi-tàng ngay ».

Được ít lâu, người khách lại đến, chực lấy tiền tạ, Cố liền trói cả chân

tay, đem ném xuống sông, không ngờ chỗ ấy là bãi cát nổi, từ khi Cổ ném người địa-lý xuống, thì nước triều dâng cạn, nằm ở trên bãi, ông tỏ họ Trần chài lưới ở qua đến nơi, nghe tiếng người gọi cứu, liền đem cho người địa-lý ấy lên thuyền, cho thay quần áo, hỏi vì cớ gì, người địa-lý Tàu nói hết lai-lịch, và tạ rằng: «Tôi cảm cái ơn tái-tạo của ông, xin báo đền một cục đại-dịa». Ông tỏ họ Trần nói rằng: «Bất-ấy, còn làm gì được? Người địa-lý nói: «Tôi liệu trước, đất ấy hẳn là ông được». Họ Trần liền lưu người địa-lý ở trong thuyền, không cho ai biết, người địa-lý liền bảo mua lấy nhiều đồ đồng, để đúc hình lưỡi tầm-sét, và lấy gỗ vang nấu nước, để phòng cần dùng; gặp một đêm trời mưa, có tiếng sét đánh, người địa-lý và họ Trần, chờ lúc tanh mưa, đem lưỡi tầm-sét và nước gỗ vang, đến chỗ mồ nhà Nguyễn Cổ, đóng lưỡi tầm-sét xuống đến quan-tài, rồi đổ nước vang lên. Hôm sau Cổ ra thăm, ngỡ là sét đánh mà đổ máu ra, sợ hãi đòi má táng ra nơi khác, người địa-lý liền đem má tổ họ Trần đến táng.

Táng xong rồi, người địa-lý có câu rằng: «*Phấn đại dương tiền chiếu, 粉黛當前照, yên hou đối diện sinh, 烟花對面生*, hẳn nhờ có nhan-sắc mà được thiên-hạ. Họ Trần nói rằng: «Hắn được như lời, xin chia nửa tài-lộc thiên-hạ». Người địa-lý nói rằng: «Không cần như thế, nhà người hưởng phúc, nhà ta đời đời cấp-lộc, lời ấy nên ghi tạc chớ quên». Nói rồi, hai bên làm tờ giao nhận.

Người địa-lý Tàu ấy, lòng vẫn còn ngờ, lại viết mật hai đạo gia-phả, lưu cho con cháu cất đi, và dặn rằng: «Ngày sau lễ ấy không bạc, nên bảo lấy thực, nếu bội-ước, thì làm như thế như thế». Lại bảo họ Trần rằng: Ta có một phép, thêm hưởng lâu dài, về sau này sẽ báo.

Được ba đời, đến năm Kiến-gia thứ tám đời vua nhà Lý, bấy giờ sinh được ông Trần Cảnh, rồi được bà Chiêu-hoàng nhường ngôi cho, tức là vua Thái-tôn nhà Trần vậy.

Bấy giờ con cháu người địa-lý ở Tàu sang, đều có hậu-lặng, đến khi đời cuối dần bạc, con cháu người địa-lý liền đến tâu rằng: «Tiên-tổ tôi có để một bản sấm, dặn về sau quý-quốc, để dâng ngài xét, vua nhà Trần cầm sấm xem xong, thấy nói ngôi mộ phát-lịch ở Đại-dương, đến nay không vượng, phải khai một con sông, thì mới được hưởng-quốc lâu dài; chiếu đồ họa trong sấm, đào từ đại-giang làng Phú-vật trở vào, quanh-quất đến xã Đại-dương. Không ngờ đoạn thương long-mạch, nên nghiệp nhà Trần suy, rồi phải Xích-trủy-hầu (Hồ Quý-Ly) cướp mất.

Nạn chết dịch

Dịch-lệ là một sự thiên-tai rất ghớm-ghe, có khi một nhà chết đến mấy người, có người cho là vì truyền-nhiễm, như thế là không biết có mệnh vậy.

Quan Hiệp-biện đại-học-sĩ Hà Hộ-bộ nói dương năm canh-thìn có chủng dịch-lệ rất dữ, bấy giờ ông đang ở trong Kinh, ở trọ tại nhà hàng cơm Đông-gia, lại có một người cùng làng với ông là hương-cống mỗ, thì ngụ ở nhà sử-quáo. Một hôm ông đang mắc bệnh dịch, hoảng-hốt không còn biết gì, sau thòh-linh tỉnh biết, đi ra con đường chinh-đông trong thành, chợ gặp một vị qui-nhân, đem theo đến mấy, mười người. Vị qui-nhân trông thấy ông liền nói rằng: «Người này về sau làm quan đến Đại-học-sĩ, làm sao bây giờ lại đến đây, lại ngành lại báo người đứng ven ấy rằng: «Bắt là bắt người cùng trọ với người này là hương-cống mỗ kia, chúng mày bắt làm rồi». Nói rồi, tha

cho ông Hà về. Lúc ông tỉnh dậy, các đầy-tớ nói ông chết đã nửa đêm rồi.

Đến sáng hôm sau, ông khỏi bệnh, sai người đến hỏi ông hương-cống kia, thì đã chết từ nửa đêm rồi.

Chuyện tái-sinh

Thầy đội-trưởng Hoàng Văn-Bào là con một người thổ tên là Hoàng Ích-Trang, ở làng Phúc-yên Hạ-lương Cao-bằng. Nguyên kiếp trước Bào là người làng Đoài-côn, huyện Thượng-lương, là con một người Nông, tên là Nông Văn-Mậu, sinh từ năm giáp-tý là năm Gia-long thứ ba; khi mới lên bảy tuổi, đã biết đọc được sách *Tam-tự* và sách *Tứ-tự*. Ngày 25 tháng 10 năm Gia-long thứ 9 (canh-tý), Bào đương đêm nằm ngủ, thình lình thấy một ông già râu tóc bạc phơ, dắt hai đứa bé con chừng sáu bảy tuổi, đến rủ Bào đi. Bào liền theo ông già và hai đứa bé ấy đi, đang sau phẳng-phất thấy có tiếng người gào khóc, Bào cũng mần-thình không ngăn lại, lúc đi xem nhà cửa và đồ ăn uống, không khác gì lúc sinh-thời. Đi đã năm ngày mới đến làng Bào ở này, thì ông già kia dắt Bào vào nhà Hoàng-ông mà dặn lại rằng: «Mày ở đây sáu mươi sáu năm, sau ta sẽ đến đón. Nói xong thì đi, mà Bào thì đã ở trong lòng bà mẹ kiếp này rồi. Từ đó những sự đau-thai Bào mẹ-mạn không biết gì nữa. Ngày Bào sinh vào nhà Hoàng-ông tức là ngày mồng một tháng mười-một năm ấy vậy.

Đến khi Bào lên bảy tuổi, chợt như giấc chiêm-bao tỉnh dậy, những chuyện kiếp trước mới dần dần nhớ

ra, mà đường lối xa gần, cũng không thấy ai nói đến, thấy các bà con họ mạc đều không phải là người Nông, trong lòng nghi-hoặc, chỉ để bụng mà không nói ra. Đến năm Minh-mệnh thứ hai, lúc ấy Bào đã hai-mươi-hai tuổi, nhân đến tỉnh-thành, lúc về đi qua làng Đoài-côn, trông thấy thôn-lư, y như lúc bình-sinh mình vẫn thường đi lại, trong lòng ngạc-nghân, hồi lâu mới tỉnh-ngó là quê-quán kiếp trước của mình tại đây, liền không đợi hỏi thăm ai, tự mình chạy ngay vào trong nhà họ Nông, thấy cha mẹ cũ của mình hãy còn như trước, liền khóc lóc kể hết đầu đuôi, cả nhà họ Nông đều lấy làm kinh-dị. Một lát, họ mạc kéo đến ai ai cũng cửa tin nửa ngờ, gạn hỏi lai-lịch, Bào nói lúc Bào còn bé, hay chơi những việc gì, và trong làng có những người nào, nói không câu nào sai cả. Bào lại nói: «Khi tôi đi trời đã xế chiều, trong làng đang hô-boán nhau đuổi hùm ở đồng, tôi cũng chạy một mình ra xem, người nhà mới chạy ra ôm về. Lại lúc tôi đi, Nông-mẫu có đeo một cái hộp mực con ở cổ tôi. Hai việc ấy tôi còn nhớ mình-bạch cả, có như thế không?» Vợ chồng họ Nông nghe lời Bào nói câu gì cũng đúng, bấy giờ mới tin, từ đấy yêu đương thân-mật, không khác gì bên nhà họ Hoàng. Còn như ông già kia tên họ là gì thì Bào cũng không biết.

Đến năm Thiệu-trị thứ 4, quan Án-sát Cao-bằng nghe nói, lấy làm lạ-lùng, gọi Bào vào hỏi, Bào cũng thuật hết đầu đuôi chuyện ấy.

Sở-cuồng tập

VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

XIII

- 637— Đát sỏi có trạch vàng (1).
 638— Có đi thì mới đến, có học thì mới biết (2).
 639— Đan lổ thành miếng trám (3).
 640— Dạy con từ thuở còn thơ,
 Dạy vợ từ thuở bơ-ơ mới về (4).
 641— Đốc một lòng, trông một đạo (5).
 642— Chỉ đầu mà buộc ngang trời,
 Tay đầu mà dạy miệng người thế-gian (6).
 643— Ghim ra khỏi lồng khôn trông
 trở lại (7).
 644— Con vua thì lại làm vua,
 Con nhà kẻ khó bắt của tối ngày (8).
 645— Con quan thì lại làm quan,
 Con nhà kẻ khó đốt than tối ngày (9).
 646— Con vua thì lại làm vua,
 Con nhà thầy chùa lại quết là đa (10).

1) Đây là ví ở nơi bèo-lánh, què mùa, xa chỗ văn-học trung-tâm, mà lại này nói ra có người học-vấn giỏi.

2) Lấy sự đi vi với sự học, để khuyên kẻ đi học đừng nên ngại khó. Nơi mình định đến mà chưa ra đi thì tưởng là xa, nếu ngại xa mà không đi thì không bao giờ đến được thật. Nhưng nếu không ngại xa mà cứ đi thì chẳng bao lâu mà đến nơi ngay. Cũng như sự học. Lúc mới học, đối với rừng văn bễ lý, đối với những sự-nghiệp các thánh-triết, tưởng là mong-mênh man-mát biết bao. Song nếu cứ học mãi đi thì có một ngày kia đều thấu-biểu được cả.

3) Theo hình quả trám giữa to hai đầu nhọn, nhà mĩ-thuật bèn dùng hình ấy đặt thành hàng với nhau để vẽ hay

là thêu vào các đường mép, hoặc dùng đặt chéo vào giữa ô vuông, như thế gọi « miếng trám ». ... Đây là ví kẻ vụng làm hỏng việc ấy mà nó lại chuyển thành việc khác hóa ra hay, cũng như kẻ đần vụng, đần lổ mà nó lại thành ra những « nóng » hình miếng trám.

4) Người ta hay theo thói quen mà nhiễm thành ra tính xấu. Khi đã thành ra tính xấu thì khó chữa sửa lại được. Cho nên muốn cho con hay thì phải dạy từ khi con còn thơ, chưa nhiễm phải thói xấu. Muốn cho vợ hay thì phải giữ đạo-đức lễ-nghĩa để cảm-hóa lấy vợ từ khi mới về nhà chồng còn bơ vơ lạ-lùng. Chớ nếu chiều con ruồng vợ, để đến quen đi thành tính xấu rồi mới biết mà mới tìm cách uốn-nắn lại, thì là không biết phép dạy vậy.

5) Đây là nói về tin-niệm của kẻ tin theo một đạo nào, hay là một chủ-nghĩa nào. Đã tin về đạo nào hay là chủ-nghĩa nào thì phải đốc một lòng mà làm theo nó cho tới cùng thì mới thành. Nếu lúc này tin rồi lúc khác lại nghi-hoặc thì chỉ là kẻ dờ-dang không làm nên một việc gì.

6) Việc làm ở mình mà khen chê ở miệng người đời. Sự khen chê ở miệng người đời có khi đúng mà có khi không đúng. Lại đời nhiều người thì nhiều miệng, sự khen chê của họ thường không giống nhau. Vậy chỉ cốt hỏi ở việc mình làm mà là hay, thì miệng người thế-gian có chê-bai đi nữa cũng coi như không. Thử hỏi có ai lấy dây ở đầu mà buộc được khắp ngang trời,

thì có ai lấy tay ở đầu mà đẩy được hết miệng người đời được.

7) Chim ra khỏi lồng tức là chim đã được thoát khỏi nơi giam-hãm mà trở về thú tự-do sinh-hoạt cũ, thì khi nào chim còn đại gì mà tự-nhiên trở lại nữa. Đó là lẽ thường, thế mà kẻ thấy chim xô lồng mà còn cứ trông mong rằng nó sẽ trở lại mà vào lồng thì là què.

8-9-10) Trẻ con nhà nghèo ở nhà quê phải đi bắt cua ở ngoài đồng. Nhà nghèo ở rừng thì chỉ có nghề kiếm củi với đốt than. Tự-chùa là kẻ Thủ-tự coi giữ chùa cho làng cũng gọi là sãi-chùa. Kẻ này có vợ con, chỉ giúp đỡ nhà sư việc cúng lễ chứ không đi tu. Chùa nào nhỏ thì làng thường cho kẻ này ở trông coi gọi là Tự-chùa. — Đây là nói cái giai-cấp về chức-nghiệp ở xã-hội sơ-dĩ có sang hèn khác nhau là đều bởi cảnh-ngộ không giống nhau mà ra, chứ không phải ở giai-cấp sang thì toàn là người tài-trí, mà ở giai cấp bèn thì toàn là người ngu-muội cả đầu. Thế cho nên con nhà vua quan, vị-tất đã đều tài-trí như ông cha, nhưng may được cái cảnh-ngộ hay, nền-nếp sẵn thì rồi làm vua quan. Còn con nhà cùng-dân, thường cũng nhiều đứa có tư-bẩm tốt, nhưng không được học-hành, không ai giúp đỡ, thì tư-bẩm tốt cũng bị vùi lấp đi, mà ở nhà quê thì đi bắt cua, ở rừng thì đi đốt than, ở chùa thì quét lá đa, lại theo mà kẻ lấy chức-nghiệp ông cha, cũng như con nhà vua quan kẻ chức-nghiệp của ông cha vậy. Ấy cái giai-cấp của xã-hội về đời phong-kiến khi xưa, các nước ở đâu cũng giữ một cái giới-hạn ác-tập ấy, thực là bất-công. Đến ngày nay cái giới-hạn ấy phá bỏ đi đã được nhiều. Nhưng con nhà nghèo-khó thì cũng vẫn còn chịu cái số-phận thiệt-thòi không được học-hành để gây nên tài-trí.

647 — *Cần được một người, phúc đặng hà-sa (1).*

648 — *Có võ mà nọ có ruột (2).*

649 — *Có sừng thì đờng hàm trên (3).*

650 — *Cựa lăm càng sây vầy (4).*

651 — *Biết thì thoro-thối,*

Không biết thì dựa cột mà nghe (5).

652 — *Ăn cơm với cây thì ngày o-o,*
Ăn cơm với bò thì lo ngay-ngáy (6).

1) Đẳng 等 là ngang bằng. Hà-sa 河沙 là cát sông, do câu « Hạng-hà sa số » = số cát sông Hạng-hà — trong kinh Phật, là nói về cái số nhiều lắm. Phúc đặng hà-sa là được phúc nhiều như cát sông. — Đây là lời khuyên sự từ-thiện cứu người.

2) Đây là nói chỉ có hình-thức mà không có tinh-thần, hay là chỉ có hư mà không có thực.

3) Giống trâu không có răng hàm trên. Triết-học Đông-phương, phải định-mệnh có chủ-trương một cái luật « thừa trừ » của tạo-hóa. Cho rằng tạo-búa tạo ra vạn-vật đều lấy luật « thừa trừ » mà chi-phối hết thảy để cho công-bằng. Cho nên giống vật nào dễ được hậu cái nọ tất phải giảm cái kia. Hùm có nanh vuốt thì không biết hay, chim có cánh bay thì lại chỉ có hai chân. Và như đây nói con trâu đã có sừng để húc thì hàm trên nó lại thiếu răng. Chó ấu nó đã có minh to, có sừng húc mạnh như hổ, mà nó lại có nanh vuốt của hùm, có cánh của chim, có khi bào của cá, thì vạn-vật sẽ bị nó trừ-diệt hết. Coi đó thì biết đạo trời là công. Nhân suy ra số-mệnh người đời, người nào có tài giỏi thì hay bị số kiền, tức là cái thuyết « bí sắc tư phong = phần ấy kém thì phần này hậu » ở truyện Kiều vậy. Ngày nay theo lẽ « ru thẳng liệt bụi » của thuyết thiên-diễn thì người ta không tin thuyết « thừa

trừ» này nữa. Nhưng đây cũng ghi lại cho biết một cổ lý thuyết như thế.

4) Cá bị nhốt vào rổ vào lò thường muốn cựa để thoát ra, nhưng thế không thể thoát được thì càng cựa càng càng sây vầy ra mà thôi. Đây là lời ví như người bị sự giam cầm hoặc bị nghèo-nàn, bởi hoàn-cảnh không lợi, nếu không biết cái thế không có thể thoát được, không chịu an-phận đợi thời, mà cứ với cựa-quậy mãi thì chỉ càng hại thân không khác gì con cá kia vậy. Tuy-nhiên đó là lời của kẻ tụy có bụng muốn cầu thoát cảnh khổ, nhưng không đủ nghị-lực, mới thất-bại mà đã thoái-chí đó thôi. Ta xem cá trong rổ, cựa tuy bị sây vầy mà nó vẫn cựa để tìm lối ra, vậy người bị cảnh nghèo-nàn mà sợ khó-khẩn không chịu tìm cách làm ăn khác để cầu cho được sung-túc hơn thì lại dại hơn cá.

5) Ngày xưa từ-dệ hầu lớn-trưởng thì hay đứng dựa vào cột nhà. Đây là nói về khi kẻ từ-dệ hầu lớn-trưởng, điều gì có hiết rõ sẽ nói, không thì lững mà nghe còn hơn là tranh đề nói mà nói không thành lời-lẽ gì.

6) Cây giống như con cua mà ở dưới bãi phù-xa. Vùng Hải-dương sản cây. Người nghèo đi bắt cây về làm đồ ăn hoặc giã ra làm nước mắm gọi là « nước cây ». Ăn cơm với cây là cảnh nhà nghèo, ăn cơm với bó — thịt bò — là nhà quan. Đây là nói cái thú ở đời, sướng với khổ không nhất-định. Người nghèo ăn dùng vật thường của rẻ, cảnh coi ra khổ, nhưng lại được một cách : sướng mà không phải lo-lắng gì, ngủ suốt đêm ngày o-o. Người làm quan ăn dùng của ngon vật quý, cảnh coi ra sướng, nhưng lại phải một cách khổ là phải lo-lắng ngay-ngay suốt đêm không ngủ được. Vậy thì ở đời mà nếu không vì nghĩa-vụ, không vì sự-nghèo, thì hãy sống cách nào cho đỡ

khô là hơn. Còn cơm cây với cơm bó cũng không lấy gì làm phân-biệt.

II. — Phương-pháp

653— *Lục tạp, tháng chạp tháng sáu* (1).

654— *Mưa tháng sáu là máu rồng* (2).

655— *Tua-rua một tháng mười ngày,
Cấy chốc vàng cây cũng được lúa
Bao giờ nắng rữa bèo trôi. [xoi.
Tua-rua quá ngo thì thôi cấy mùa* (3).

656— *Liệu cơm mà gắp mắm ra,
Liệu cửa liệu nhà mà lấy chồng đi.
Nữa mai quá lứa nhỡ thì,
Cao thì chẳng lời thấp thì chẳng
thông* (4).

657— *Sống mỗi người một nhà,
Già mỗi người một mồ* (5).

658— *Vườn tọng chó trồng tre ngà,
Nhà rộng chó chứa người ta ở
cùng* (6).

1) Lục là lục-nguyệt 六月, tháng sáu. Tạp là tạp-nguyệt 臘月, tháng chạp. Đây là nói về cái thời-hạn cấy lúa về hai vụ chiêm với mùa ở Bắc-kỳ. Chiêm thì cấy lúa trong tháng chạp, mùa thi cấy lúa trong tháng sáu là hai cái thời-tiết cấy lúa vừa độ.

2) Lời bầu-nghôn về thời-tiết của nhà nông nước ta. Bắc-kỳ về tháng sáu nhiều mưa. Tháng này có những cái vệt gió dổi mùa trông như cái voi voi, tục gọi là « rồng lấy nước ». Nên đây nói máu rồng là tỏ ra nhiều mưa. Vậy nhà nông khi nào sang tháng sáu mà thấy ít mưa thì cũng chó lo, vì thế nào rồi cũng mưa nhiều. Nhất-thuyết : Vì tháng sáu ít mưa, nếu được hạt mưa thì qui bằng giọt máu rồng.

3) Nói về thời-tiết cấy lúa mùa. Tua-rua là một ngôi định-tinh có năm điểm nhỏ, độ chuyển của nó đến cuối tháng tư sang đầu tháng năm thì ở Đông-A chạp tối trông thấy, gọi là tua-rua mọc. Lịch gọi là tiết « mang-hiện 芒見 ». Tiết này mặt trời soi về hết phân bắc-bộ nhiệt-dới, nên nóng bức lắm. Tục bèn cho

là tiết tua-rua mọc nẻo nóng bức như thế. Sau tua-rua mọc hơn một tháng lúc là giữa tháng sáu bẩy giờ mà cây lúa xuống dần cấy ở chỗ đầu chốc vàng đất cây là chỗ cang-láo thì lúa cũng lên tốt được.

Hoa cây nắng nở, lá bèo lồi đều về tiết nước có nhiều mưa. Trời khi tiết lạnh thì hoa nắng rữa tàn, lá bèo rũ theo nước trôi đi là hết mùa mưa. Bấy giờ chập tối đã thấy tua-rua ở quả đĩnh đầu là quả cung ngo rồi. Tiết lạnh mưa ít cấy lúa không lên được.

4) Người con gái vốn phải kén chọn lấy người chồng cho như ý mình, nhưng kén chọn lấy người xứng-hợp với tư-cách mình, chớ không nên vọng cao quá. Cũng như gấp năm ra đề ấu cơm, phải liệu có bao nhiêu cơm thì gấp từng ấy mâm cho vừa đủ ăn mới là khéo, mà không có cái sự nhỡ-nhàng hoặc thừa hoặc thiếu về sau. Vậy sự kén chọn cũng nên liệu gia-phong nhân-cách hai bên cho phiên-phiến mà lấy đi, kéo kềm-càng lựa-lọc mãi mà thành nhỡ-nhàng, thiệt cho cả đời người. Đó là lời dạy cho những người con gái đã cao tuổi mà còn làm cao vậy.

5) Nói về sự ở chung chạ với nhiều gia-đình trong một cái phòng-ốc thì có nhiều sự bất-tiện, ngăn-trở tự-do.

6) Tre ngà là thứ tre vô-dụng. Đây nói nhà dù rộng cũng không nên ở chung-chạ với gia-đình người khác họ, sẽ sinh ra nhiều sự bất-tiện, cũng như đất rộng mà trồng tre ngà vậy.

659— Văn hay chẳng cứ đọc dài,
Vừa mở đầu bài đã thấy văn hay (1).

660— Vợ bất-chước thói chồng,
Đưa ở bất-chước lòng chúa nhà (2).

661— Vác tiền ra mà mặc-cả cái chết (3).

662— Vô quít dầy đã có móng tay nhọn

663— Vừa mắt ta ra mắt người (5). [(4).

664— Vào lỗ hà ra lỗ hồng (6).

665— Vào lỗ tai ra lỗ miệng (7).

666— Văn hay chẳng lọ dài dòng (8).

667— Dài dòng tốn giấy (9).

668— Việc to đừng lo tốn (10).

669— Vạn sự khởi đầu nan (11).

670— Ủy thủ ủy vi, thân kỳ dư kỷ (12).

671— Trên trông xuống, dưới trông lên (13).

672— Trong anh em, ngoài cờ-bạc (14).

673— Trước vụng sau khéo (15).

1) Phạm những bài văn hay, thì mới đọc đoạn mở đầu cũng đã thấy ý của toàn bài biểu-lộ ra rồi. Như thế mới có hứng-thú khiến đọc-giả vui lòng mà đọc cho hết bài. Cho nên nếu đọc một bài văn nào đến hết đoạn mở đầu bài mà không thấy hay, thì cũng bất-lắt đọc cho dài suốt nữa.

2) Người làm chủ trong gia-đình phải có tư-cách hay cho kẻ khác bất-chước. Bởi vì cái hay cái dở đều làm gương cho kẻ thuộc về mình trông mà bắt chước.

3) Nói về những kẻ đại, tự-dưng nhận lấy sự nguy-hiểm, cũng như kẻ tự-dưng đi hỏi mua lấy cái chết.

4) Đây là ví dụ một kẻ vô-hạnh vô-sĩ đến đâu, thì cũng lại có kẻ răn giỏi hơn nó để trị nỗi no.

5) Người đời ai cũng một cảm-giác biết cái đẹp cái xấu như nhau. Vậy nhà hàng, nhà nghề đối với khách phải tự suy mất mình ra: mắt người ta mà đừng đem đồ xấu ra bảo người ta là đồ tốt.

6) Lỗ hà nhỏ lỗ hồng to, đều là chỗ bị nút vỡ mà nước dò vào dò ra được.

chớ không phải là chính những cửa miệng. Đây là lời nói vì đề răn sự tham lam vô đạo. Phạm cái lợi nó đã do cái cửa bất-chính ấy mà vào thì nó tất lại do cái cửa bất-chính khác mà ra. Mà nó ra thì nó lại làm tai-hại dễ đi cho mạnh hơn là khi nó vào. Không khác gì nước theo lỗ hà mà vào được rồi nó lại phá lỗ hồng to hơn mà ra, vậy kẻ tham lợi quên nghĩa nên nghĩ kỹ.

7) Đây là nói về lối học khoa-cử, không có thiết gì đến phần đạo-lý, chỉ cốt nhớ lấy cho nhiều mà thôi. Đạo-lý không thấm-thiêng gì đến trong tâm-não. Chẳng qua tai nghe được câu nào thì rồi ai hỏi lại theo miệng mà đọc ra câu ấy, chứ chẳng suy nghĩ để ứng-dụng ra sự thực-học vậy. Ngày nay khoa-cử chữ Hán đã bỏ, nhưng khoa-cử chữ Tây lại thịnh, kẻ học-giả phải biết mà tránh cái tệ ấy.

8) Nói về phép làm văn, cần lời cho gọn mà nghĩa cho sáng. Người có đại-tài viết trang-giang đại-hải, nhưng bài tuy dài mà ý-nghĩa vẫn không hết, thì cái lối viết dài ấy mới là hay. Chớ thấy người ta viết dài cũng bắt chước, cũng kéo cho bài dài lê-thê ra mà chẳng có ý-nghĩa gì hay thì là dở.

9) Bị những lối văn dài lê-thê mà vô ý-nghĩa, chỉ tốn giấy mà thôi.

10) Phạm việc gì to thì phải tốn nhiều công nhiều của nhiều thì-giờ, cho nên đã định làm việc gì cho được kết-quả to thì chớ lo tốn. Vậy kẻ mưu-sự phải nên kiên nhẫn cả-quyết mà chịu.

11) Vạn sự khởi đầu nan 萬事起頭難, muốn việc đều khó lúc khởi đầu. Đây là câu cách-ngôn của Tàu. Nghĩa là làm việc gì cũng chỉ khó lúc khởi-dầu mà thôi, cứ làm đi thì rồi việc gì cũng quen mà là dễ cả.

12) Ủy thủ ủy vi, thân kỳ dư kỷ 畏首畏尾, 身其餘幾. Sợ đầu sợ đuôi, còn đầu khúc giữa. Câu này ở *Tả-truyện*. Nghĩa là nếu cái gì cũng sợ, mặt nào cũng sợ thì còn đâu là mình mà còn làm được việc gì.

13) Trong một đoàn-thề, không khỏi có trật-tự vì tư-cách của từng người mà ra. Nhưng trên dưới phải chiếu-cổ thề-tất cho nhau, thì đoàn-thề ấy mới có-kết vững-bền được.

14) Anh em ruột thì bao giờ cũng thương yêu nhau. Đám cờ bạc thì phải bóc-lột nhau. Vậy nếu đến như anh em ruột mà đánh cờ bạc với nhau, thì trong tuy thương yêu mà ngoài phải bóc lột đã, nữa là đối với kẻ khác. Đó là chế cái thói cờ-bạc tệ-bạc không nên chơi.

15) Đây là dạy kẻ mới học nghề mới làm việc, chớ thấy vụng mà bỏ. Bởi vì nghề với việc, lúc mới ai cũng thế cả. Thế mà học mãi làm mãi thì rồi khéo cả.

674— Trùng chọi với đá (1).

675— Trùng đẻ đầu đặng (2).

676— Truyền ngôi đổi pháo (3).

677— Trói voi bỏ rọ (4).

678— Tri pháp úy pháp (5).

679— Trêu ong, ong đốt (6).

680— Trèo cây bắt cóc (7).

681— Thế-gian lắm kẻ mơ-màng,
Thấy hòn son đỏ ngỡ vàng chắt-
chiu (8).

682— Thương con thì thương bằng roi.
Thương con đòi thì thương bằng
cơm (9).

683— Thiên-dịa, vô khí-vật,
Thánh-nhân, vô khí-nhân (10).

684— Thệt cá là hoa, tương cá là gia-
bảo (11).

685— *Thịt nạc dao phay, xương sấu
riêu-búa (12).*

686— *Thèm cho chết, chẳng thể chẳng
ăn (13).*

687— *Thượng bất chính, hạ tắc loạn (14).*

688— *Tham bong-bóng, bỏ bọng trâu
(15).*

1) Đấu chọi là sự rất hay. Ngày nay nói cạnh-tranh là mẹ văn-minh. Nhưng không cứ là việc gì, khi sắp ra tuyên-chiến với bên địch phải liệu sức nó với sức mình đã. Nếu sức mình còn kém quá mà vội ra chọi liều như đem trứng chọi với đá thì là ngu.

2) Nói cách làm việc không cần-thận. Trứng tròn dễ lăn đi. Đẳng về loài cái ăn, mặt dẳng phẳng mà tròn, nếu để trứng vào dầu mặt dẳng thì khỏi sao không lăn mà rơi xuống dứt vỡ tan ra. Kẻ hờ-hênh đem những việc hay, của quý để lộ ra ngoài mà không phòng-bị cần-thận, có khác gì.

3) Muốn làm nhưng xui cho kẻ khác làm chứ mình không làm, thế là cái kế hiềm-độc. Cũng như dốt pháo mà không chằm lửa ngay vào chính cái ngòi của nó, lại truyền lửa ở cái ngòi khác sang.

4) Voi là một con vật to mà khỏe, rọ là một cái đồ vật đan bằng nan tre để nhét con lợn vào mà đem đi xa. Đây là ví như cách đem một việc rất lớn mà nhét vào một cái phạm-vi rất nhỏ. Thường dùng để ví với sự làm thơ có luật, có hạn số câu, như những lối thơ tứ-tuyệt, bát-câu bằng ngũ-ngôn hay là thất-ngôn. Phải thu-quát tất cả cách, tình man-mác thuộc trong một cái đề ấy mà tả ra chỉ có từng ấy câu từng ấy chữ mà thôi. Tả sao cho không sót ý mà tình-cảnh hoạt-dộng chứa-chan. Thế có khác gì trói con voi lại mà nhét vào cái rọ không. Đó là nói cho

kẻ học làm thơ biết khó mà đừng khinh-suất, cứ tưởng đủ câu đủ chữ có vần là thơ, thì lầm. Không những hai thứ thơ trên ấy phải như thế, mà các lối thơ khác như lục-bát, ca-trù và ngâm, đều phải như thế. Dùng ít lời mà thu-quát được nhiều ý, hết tình đủ cảnh mới là thơ hay. Mà hay như thế thì khó, chứ không phải dễ.

5) Tri-pháp úy pháp 知法畏法, có hiểu phép-luật mới biết sợ phép-luật mà tuân theo. Trái lại kẻ đã không hiểu phép-luật thì lấy đầu mà sợ, nên hay làm liều mà hay phạm tội. Lại những người biết phép sợ phép cũng thường lấy câu này để tự-hào là mình biết phép mà giữ chớ không phải là nhát. Những người ấy lại cũng thường nói câu này để khinh những kẻ không biết phép mà làm liều, thì dù có may mà vô-sự cũng không phải là giỏi, chỉ là ngu mà thôi.

6) Chê những kẻ ngu hay trêu những tội ác-côn vô-nạnh. Chúng có tội đáng hay bênh nhau, mình trị chúng thì là bất-vũ, thế mà chúng trị mình thì mình thiệt. Tuy-nhiên, đó cũng là cái thói tự cao-tự thượng mà thực nhu-nhược, gây cho kẻ ác dễ làm can. Đến như thói nghĩa-hiệp thì không nghĩ thế: ông hay dốt bậy thì phải phá tổ ông đi cho xã-hội.

7) Cười kẻ ngu đi tìm cái sở-cầu mà tìm trái nẻo.

8) Chê những người không biết phân-biệt cho tình, bị của giả lại lấy làm thực mà quý-báu giữ-gìn.

9) Con mình đẻ ra, muốn cho hay thì phải chăm dạy bảo. Nhà khá thì con bé lại hay làm nũng với cha mẹ, nhiều khi không dùng cái roi nhỏ để đe nẹt không được. Còn như con đòi là đứa con nhà nghèo phải đến ở làm

bầy tỏ cho nhà mình. Minh thương thì cho nó ăn no mặc lành, còn sự dạy bảo thì nên lấy lời mà khuyên. Chử dùng roi vọt luôn thì mang tiếng là người ác. Vạy roi dề dùng thương con, com dề dùng thương dứa ở. Nếu trái lại mà con thì chỉ cốt cho ăn không dạy, dứa ở thì chỉ đập đánh mà không hỏi đến miếng ăn của nó, thì con thành hư, dứa ở nó oán, hoặc bỏ chủ.

10) Thiên địa vô khí vật 天地無藥物. Thánh-nhân vô khí nhân 聖人無藥人, là trời đất không có bỏ đi vật nào mà không dùng được. Thánh-nhân cũng không có bỏ đi người nào mà không dùng cho làm được việc. Văn-giác là vật hữu-bại-nhưng dùng bốn cây thì tốt, thế là vô khí vật. Ngày xưa dạy người mù học nhạc thì tai nghe tinh, ngày nay cầm mù què đều có trường dạy cho biết chữ biết nghề được cả, thế là vô khí nhân. Coi hai câu cổ-huấn này thì đối với vạn-vật, với người đời, dùng nên động thấy cái gì trái lẽ thường mà vội bảo ngay là vô-dụng thì là lầm.

11) Đây là lời dạy xử-gia nên kiệm-uóc phải độ. Gia-bào thì phải giữ luôn, nhưng hoa thì cũng có lúc có, miễn đừng nhiều quá.

12) Đối-phó với công việc gì cũng phải tùy thế mà thay dùng phương-pháp. Ví như kẻ pha thịt-trầu. Chỗ nạc mềm thì dùng dao phay được. Đến chỗ xương-sâu mà cũng dùng dao phay

ấy thì gãy mẻ dao mà không được việc, tất phải đổi dùng riu búa mới được.

13) *Thết* là thết đãi, có lời mời chào tử-tế. Đây là dạy kẻ nghèo phải giữ lễ mà đối với miếng ăn của người khác trong khi mình bị đói thêm. Nếu không biết tự-trọng có khi vì miếng ăn mà bị nhục là thường.

14) Thượng bất-chính, hạ tắc loạn 上不正下則亂 là kẻ trên mà bất-chính thì kẻ dưới làm loạn trật-tự. Đó là trách ở kẻ trên không công-chính mà khiến nên. Nếu kẻ trên không biết tự-trách mà kết tội cả cho kẻ dưới, thì kẻ dưới đã bị ức lại bị ức mãi.

15) *Bong-bóng* là cái túi đựng nước tiểu ở trong bụng thú-vật, không dùng để ăn được. *Bọng trâu* là cái bọc bằng thịt ở trong bụng trâu dùng để ăn được. Đây là chê kẻ ngu mà thian : đã được cái bọng trâu ở chỗ mỡ trâu có thể ăn được, lại tréng thấy kẻ khác được cái bong-bóng trâu ở đây, ngỡ là tốt hơn của mình, bèn bỏ cái hữu-dụng của mình mà đi đòi cái vô-dụng của kẻ khác. Người đời thường bỏ cái thực của mình đã có mà đi cầu lấy cái hư chưa chắc được. Tức như thói bỏ của ra mua phẩm-hàm cũng thế. Kẻ bỏ sự-nghiệp học-vấn mà đi cầu danh-lợi cũng thế. Kẻ bỏ đạo-đức mà cầu phú-quí cũng thế.

(Còn-nữa)

ĐÔNG-CHÂU - ĐỒ-NAM

ĐẰNG-VƯƠNG CÁC TỰ ĐIỂN-ÂM

滕王閣序

(Nguyên-văn của Vương Bột (王勃) nhà Đường)

Lời tiêu-sử và tiêu-dẫn

Vương Bột tên tự là Tử-An, sinh ra ở buổi Đường-sơ, 14 tuổi đã hiển-trúc văn-danh, làm một vai Tây-sở-bá-vương trong văn-giới, cùng với Dương Quỳnh, Lạc Tân-Vương, Lư Chiêu-Lân ba người tề-danh, đời gọi là tứ-kiệt. Song ở đời có nhiều kẻ ghen-ghét ông, ông vào thi thường bị bọn khảo-quan là Bùi Hành-Kiểm truất-lạc đi, ông vẫn là một người ồm tài uất-ức ở chốn kinh-đô. Vua Cao-lôn nghe tiếng triệu vào triều, cho làm chức Bác-sĩ; ông nhán làm ra một bài hịch-văn nói về sự đấu-ké (chọi gà), chẳng qua mượn cái đầu bài nhỏ-mọn để phát-dương cái chí-khi mình. Sau có kẻ gièm-pha ông với Cao-lôn, Cao-lôn nổi giận cho vẫn ông là có chí gây nên sự tranh-dấu, liền truất ông đi nơi xa, không cho ở chốn kinh-đô nữa. Ông từ đấy làm một kẻ nhân-lân trong vũ-trụ, lưu-lạc chốn giang-hồ. Khi đó ông nhán có cha là Vương Phúc làm chức Giao-chỉ Lệnh, ông đi sang nam-phương thăm cha, đường đi qua đất Nam-xương, ngày mồng chín tháng chín được dự tiệc hội ở Đẳng-vương-các, mới thảo ra bài tựa này.

Nguyên ngày xưa con vua Cao-tổ nhà Đường là Nguyên-Anh làm chức Hồng-châu Thứ-sử phong tước là Đẳng-vương, kiến-trúc ra gác này, đời sau nhán gọi là Đẳng vương-các. Năm Hàm-thuần thứ hai có Diêm Bá-Dữ làm Hồng-châu Đô-đốc, nhán ngày Trưng-dương, thuộc tiết mộ-thu, đại-hội tân-khách yến liệc ở trong gác ấy, kẻ văn-vũ hiển tài đều họp mặt, thật là một tiệc thịnh-cử. Khi ấy Diêm-công đã sai người rề là Ngô Tử-Chương dự thảo ra một bài tựa sần-sàng, chức đề phở lòi chàng rề mà khoe với khách; nhán đem giấy bul ra, thỉnh khắp người nọ người kia, khiến thảo bài tựa, khách tại-tọa đều chẳng dám đương. Diêm-công đã chắc rằng tài văn-chương của rề ta có thể áp đảo được tân-khách. Vương Bột khi ấy ở trong đám tiệc là người tuổi trẻ nhất, vâng lời cầm bút thảo ngay, không từ-chối gì cả. Diêm-công lấy làm giận, cho rằng kẻ niên-thiếu kia lại dám thế ư! Sai sứ-giả đến dòm văn Vương Bột, hễ Vương Bột được câu gì thì liền chạy báo cho Diêm-công biết. Kịp sứ-giả báo đến câu: « Lạc-hà dữ cô-vụ tề phi, thu-thủy cộng tràng thiên nhất sắc ». Diêm-công kính-hãi than khen là bậc thiên-tài. Rồi thỉnh Vương Bột thảo cho trọn bài văn. Tiệc xong chủ với khách rất vui-vẻ rồi giải-lân.

Lời tiêu-bình

Người chữa thường-thức đến cò-văn Tàu thì chớ, người đã thường-thức đến cò-văn Tàu, thì ai cũng phải nhận bài Đẳng-vương các tự của Vương Bột là kiệt-tác, đứng về thứ nhất thứ hai trong kho văn, cùng với bài Ti-bà-hành của Bạch Cư-Dị, bài Xích-bích-phủ của Tô Đông-Pha cùng lưu-truyền bất-hủ ở thiên-địa-gian.

Trước kia Hán-học ở nước ta còn thịnh-hành, kẻ học-trò từ 15 tuổi trở lên chẳng ai là chẳng từng đọc bài Đàng-vương các tự mà thuộc lâu; sẽ biết những áng văn-chương hay, vốn có cái năng-lực khiến người ta xem đi xem lại mà chẳng cùng, đọc đi đọc lại mà chẳng chán, mà lưu-truyền bất-hủ về một cách tự-nhiên vậy.

Cái đặc-sắc của bài văn này ở về chốn nào, thì xưa nay ai cũng biết rằng cái đặc-sắc của bài văn này ở về chốn miêu-tả cảnh-vật rất là công-xảo, phó-dãi hình-thể rất là phong phú và cảm-khái cổ-kim rất là bi-tráng, thuyết-thoại tinh-tự rất là chuiên-miên; những chốn ấy ai cũng đã biết cả rồi. Song dịch-giả lại còn muốn liến lên bậc nữa, để cầu lấy cái đặc-sắc ở trong chốn đặc-sắc của bài văn này. Nay ai ơi, xem đó mà xem: Nói bầu vũ-trụ thì thấu lẽ vô-cùng, nói cuộc doanh-hư thì qui phần hữu-số, há chẳng phải là ngôi bút triết-học; tha-hương cố-quốc một lòng yên vua, trảm-hốt trăm năm, thần-hồn muốn dậm, há chẳng phải là ngôi bút hiếu-trung. Lấy hai chữ « an-bần » làm bản-linh cho người quân-tử, lấy hai chữ « tri-mệnh » làm kiến-giải cho kẻ đạt-nhân, há chẳng phải là ngôi bút đạo-học. Đem tâm-tráng dấn-dò kẻ lão, đem chí-kiên khuyên-báo kẻ cùng, há chẳng phải là ngôi bút hào-kiệt. Báo nước khen người cao-khiết, khóc đời chê kẻ điên-cuồng, há chẳng phải là ngôi bút thuần-khiết, ngôi bút lạc-quan. Tài-danh ngô-hầu đã nhất đời, mà vẫn tự-khiêm rằng kẻ đồng-tử chưa biết gì, bài văn ngô-hầu đã áp-đảo cả quần-chúng, mà vẫn tự-khiêm rằng ngưỡng-vọng ở quần-công, há chẳng phải là ngôi bút đại-tài đại-nhã.

Kia những kẻ chưa cầm bút đã viết ra những câu chán đời, những giọng bi-quan, chừa giả đã than rằng giả, chừa cùng đã oán rằng cùng, chẳng thấu lẽ vũ-trụ, chẳng hiểu số doanh-hư, chẳng biết tu-hạnh cao-khiết, chỉ biết học thói điên-cuồng; và những kẻ còn làm hạng hậu-học đã đòi làm bậc tiên-sinh; chừa làm nhà học-vấn đã đòi làm nhà trừ-thuật; những kẻ ấy nghe bài văn của Vương Bột há chẳng có cảm-giác mà cầu tiến-ích dấy dư?!

南 昌 故 郡

Nam-xương cố-quận,

洪 都 新 府

Hồng-đô tân-phủ;

星 分 翼 軫

Tinh phân Dực Chấn,

地 接 衡 臺

Địa tiếp Hành Lư.

Quận Nam-xương quận này quận cũ (1),

Phủ Hồng-đô phủ họ phủ tân (2);

Sao trời Dực Chấn (3) ngôi phân,
Hành Lư (4) đất tiếp núi gần non xa.

襟 三 江 而 帶 五 湖

Khâm tam-giang nhi đới ngũ hồ,

控 蠻 荆 而 引 甌 越

Không Man-kinh nhi dẫn Âu-việt;

物 華 天 寶

Vật hoa thiên-bảo,

耀 光 射 牛 斗 之 墟

Long-quang xạ Ngưu Đẩu chi khư.

Cảnh giang-hồ vẽ ra khâm-đới (5),

(1) Nam-xương tức Dực-chương, tên một quận cũ đời Hán, nay tỉnh-thành Giang-tây.

(2) Nhà Đường đổi Nam-xương làm Hồng-châu.

(3) Thuyết cổ: 28 ngôi tinh-tả, thì phương nam ứng về phân sao Dực sao Chấn.

(4) Hành-sơn, Lư-sơn; hai trái núi trừ-danh ở tỉnh Giang-tây, tỉnh Hồ-nam.

(5) Kinh-giang, Tùng-giang, Triết-giang gọi là tam-giang. Thái-hồ Phan-dương-hồ, Thanh-thảo-hồ, Đông-dinh-hồ, Đan-dương-hồ gọi là ngũ-hồ. Khâm = Vạn áo. Bối = Dây lưng; hình-thể sông hồ bao-bọc uốn-lượn ví như vạn áo dây lưng.

Thông châu Kinh (1) dẫn cỡi Việt
 Âu (2);

Bầu trời hoa vật thiếu đầu,
 Ảnh lên Ngưu Đầu ấy màu long-quang
 (3).

人傑地靈
 Nhân kiệt địa-linh,
 徐禪下陳蕃之榻
 Từ Trì hạ Trần Phồn chi tháp;
 雒州霧列
 Hùng-châu vụ liệt,
 俊彩星馳
 Tuấn thái tinh trì.

Hất Liuh-khu hợp' làng kiệt-sĩ,
 Giường Trần Phồn Từ Trì ghé lên (4);
 Ngò-sơn Sở-thủy gần miền,
 Châu Hùng vụ dải khách hiền sao sa.

蚤隍枕夷夏之交
 Đãi-hoàng trâm di-hạ chi giao,
 賓主盡東南之美
 Tân chủ tận đông nam chi mỹ.
 Tấm đãi-hoàng (5) gối ra đôi ngà,
 Ngắm ranh-ranh bên hạ bên di (6);
 Phồn-hoa phong-nhã đầu bi,
 Đẹp duyên tân-chủ trọn vì đông-nam
 (7).

郗督閣公之雅望
 Đốc-đốc Diêm-công chi nhã-vọng,

榮戟遙臨
 Khải kích giao lâm;
 宇文新州之懿範
 Vũ-Văn tân châu chi ý phạm,
 穩帷暫駐
 Thiềm duy tạm chú.
 十旬休暇
 Thập tuần hưu-hạ,
 勝友如雲
 Thắng hữu như vân;
 千里逢迎
 Thiên-lý phùng nghênh,
 高朋滿座
 Cao bằng mãn tọa.

Bè đức-vọng quan Diêm Đô-đốc (8),
 Vai phạm-mô quan Mục tân-châu (9);
 Cao-bằng thắng-hữu thiếu đầu;
 Dặm xa đưa đón ngày rầu nghĩ-ngơi.

騰蛟起鳳
 Đằng giao khởi phượng,
 孟學士之詞宗
 Mạnh học-sĩ chi từ-tôn;
 紫電清霜
 Tử điện thanh sương,
 王將軍之武庫
 Vương tướng-quân chi vũ-khố.

(1) Đất Hồ-nam, Hồ-bắc.

(2) Đất Lương-quảng.

(3) Thuyết cổ: Cõi đất Nam-xương ứng về phận sao Đầu. Đới Tây-Tân khoảng sao Ngưu, sao Đầu thường thấy ánh sáng chiếu ra, sau Lôi Hoàn làm quan ở đất ấy, đào được hai thanh kiếm, một thanh gọi là can-lương, một thanh gọi là Mạc-gia, từ đấy cái ánh sáng ở trên sao Ngưu sao Đầu mất đi, mới biết rằng là cái tinh-hoa của thanh bảo-kiếm ánh lên vậy. Nhân gọi thanh gương ấy là Long-quang bảo-kiếm.

(4) Đới Hán Từ Trì là người cao-sĩ đất Nam-xương, quan thái-thủ đất ấy là Trần Phồn đặc-biệt đặt một cái giường để kính đãi Từ Trì, hễ Từ Trì đến thì hạ giường xuống ngồi, Từ Trì đi thì lại treo giường lên.

(5) Đãi = Là chỗ lầu-dài xây cao ở trên mặt thành. Hoàng = Là chỗ hào ranh đào sâu ở dưới chân thành.

(6) Chỗ trung-châu gọi là hạ, chỗ xung quanh mọi rợ gọi là di.

(7) Từ đây trở lên, là tả về hình-thế địa-dư và nhân-vật cổ-kim, ở chỗ Đăng-vương-các.

(8) Diêm Bá-Dữ khi ấy làm Nam-xương Đô-đốc là người chủ-tịch về tiệc ấy.

(9) Vũ-Văn-Quán mới nhiệm chức mục-bà ở Phong-châu, là người khách đi qua đất ấy mà dự tiệc.

Bên đàng-giao, bên thời khởi-phượng
(1),

Khách Mạnh-bầu là áng văn bay;

Lại kho vũ mạnh xưa nay,
Sương xanh diện tía ai tầy Vương-
công (2).

家君作宰
Gia quân tác Tể,
路出名區
Lộ xuất danh khu;
童子何知
Đông-tử hà tri,
躬逢盛饌
Cung phùng thịnh tiễn :
時維九月
Thời duy cửu nguyệt,
序劇三秋
Tự thuộc tam thu.

Buổi thăm cha trong vòng gặp-gỡ,
Tôi biết gì vốn gã trẻ ngày;
Chén vui nhớ bữa hôm nay,
Tiết rày nguyệt-cửu, ngày rày thu tam
(3).

淞水盡而寒潭清
Lạo thủy tận nhi hàn đàm thanh,
烟光凝而蓉山紫
Yên quang ngưng nhi mộ sơn tử;
儼瞻巖于上路
Nghiêm tham phi vu thượng lộ,
訪風景於崇阿
Phóng phong-cảnh ư sùng-a.

Nước đục lắng hàn-dâm trong vắt,
Bóng chiều ngưng sơn-sắc tía gay;
Đường cù xe ngựa như bay,

Tim phong cảnh đẹp vui-vầy thú cao.

臨帝子之長洲
Lâm đế-tử chi trường-châu,
得仙人之舊館
Đắc tiên-nhân chi cựu-quán;
層巒聳翠上出重霄
Tầng loan tủng thùy, thượng xuất
trùng liêu,
飛閣流丹下臨無地
Phi các lưu đan, hạ lâm vô địa.

Châu đế-tử còn nhiều dấu cũ,
Quán tiên-nhân vẫn đủ cảnh chơi (4);
Núi xanh xanh biếc da trời,
Gác cao cao ngất tuyệt vời trần-ai.

鶴汀鳧渚
Hạc-đình phù-chử,
窮島嶼之繁迴
Cùng đảo dữ chi oanh-hồi;
桂殿闌宮
Quế-diện lan cung,
列巖巒之體勢
Liệt cương loan chi thể-thế.

Nọ bãi Le kia nơi bến Hạc,
Đảo vôi cồn man-mác bao cùng;
Ngắm chiều quế-diện lan-cung,
Bày ra thể-thế non Bồng cảnh tiên (5).

披緇罔俯睨
Phi tử thạt phủ điêu quy nh.
山原曠其盈視
Sơn nguyên khoáng kỳ doanh thị;
川澤盱其駭罔
Xuyên trạch vu kỳ hải trác,
闔闔揆地
Lư diêm phước địa,

(1) Giao = Lá loài rồng. Đàng-giao là giao bay, khởi phượng là phượng dấy, là nói vì cái tài văn hay.

(2) Oai-nghiêm lẫm-liệt hiện ra như diện tía sương xanh, là nói cái đức võ mạnh. Mạnh Học-sĩ, Vương-tướng-quân đều là khách tại-lạ.

(Tự đây trở lên là tả về nhân-vật những khách tại-lạ trong Đàng-vương-các).

(3) Tháng thứ ba mùa thu tức là tháng mộ-thu.

(4) Đế-tử liền-nhân đều trở về Đàng-vương khi xưa.

(5) Từ đây trở lên là kể qua địa-vị mình và tả ra cảnh-sắc tháng mộ-thu với hình-thê Đàng-vương các.

鐘鳴鼎食之家

Chung minh đình thực chi gia ;

Nương cột vẽ trèo lên gác tía,
Cảnh sơn-xuyên xiết vẻ liếc trông ;
Chòm tây cho tri xóm đông,

phong-lưu thối đỉnh lễ chung những nhà.

荆艦迷津

Kha hạm mê tân,

青雀黃龍之軸

*Thanh-tước hoàng-long chi trục.**Khoang thanh-tước lượn qua mặt sóng,*

Dây hoàng-long tung bông đầu khe ;

Chiều chiều sớm sớm đi về,

Xem bề kha-hạm (1) mà mê bến trời.

虹銷雨霽

Hồng liêu vũ tễ ;

彩徹雲衢

Thái triệt vân cù.

落霞與孤鶩齊飛

Lạc-hà dĩ cô-vũ tề-phi ;

秋水共長天一色

Thu-thủy cộng tràng-thiên nhất sắc.

Cầu vồng lặn chiều trời mưa tạnh,

Trên đường mây rợn cảnh trời thu ;

Cò bay rờn lượn đua nhau.

Long-lanh đây nước in màu trời xa.

漁舟唱晚

Ngư chu xướng vãn,

簫聲彭蠡之濱

Hương cùng Bành-lãi chi tân ;

鴈陣驚寒

Nhạn trận kinh hàn,

聲斷衡陽之浦

Thanh đoạn Hành-duyệt chi phố.

Trầm Bành-lãi gần xa tai lắng,
Giọng ngư-chu vãng-vãng chiều hôm ;
Tiếng đầu Hành-phố nổi chìm,
Phải chăng trận nhạn bắc nam kinh-hàn (2).

遙吟俯暢逸興遄飛
Giao ngâm ; hủ xướng, dật hưng xuyền phi ;

爽籟發而清風生
Sảng-lãi phát nhi thanh-phong sinh ;
緜歌凝而白雲遇
Tiêm ca ngưng nhi bạch-vân át.

Khúc ngâm-nga câu tàn lại nổi,
Tứ đặt-diu đường nổi hứng bay ;
Văn ca tiếng sáo xinh thay !
Nghe ra trong gió trên mây khác nào.

淇園綠竹
Kỳ viên lục trúc,
氣凌彭澤之檣
Khi lăng Bành-trạch chi tòn ;

鄴水朱華
Nghiệp-thủy chu hoa,
光照臨川之筆
Quang chiếu Lâm-xuyền chi bút.

Bóng Kỳ-thủy so chiều lục-trúc (3),
Về Nghiệp-thành xem gốc chu-hoa (4) ;
Chén kia bút nọ giao-hòa,
Một là Bành-trạch (5) hai là Lâm-xuyền (6).

四美具二難并
Tứ mỹ cụ ; nhị nan tinh.
窮睇眇于中天
Cùng thế miện vu trung thiên ;
極娛遊於暇日
Cực ngư-du v hạ nhật.

(1) Thuyền lâu

(2) Tự đây trở lên là tả ra những cảnh-vật gần xa, khi ngồi trong gác mắt trông tai lắng.

(3) Trúc ở sông-Kỳ, là nói vì cái đức tốt vua Vũ-công nước Vệ.

(4) Hoa ở thành Nghiệp, là nói vì những khách văn-nhân ở đời Tào Tháo.

(5) Bào Tiềm là người cao-sĩ nhà Tấn, hay uống rượu, từng làm chức Bành-trạch-lệnh.

(6) Vương Hi-Chi là danh-nhân nhà Tấn, viết chữ tốt, từng làm chức Lâm-xuyền-lệnh. Kỳ-thủy, Nghiệp-thành, Bành-trạch, Lâm-xuyền đều là sự-tích kể ra để vì với mọi khách cao hiền tại-lạ.

Cuộc hành-lạc đủ phen tứ-mĩ (1),
 Hội chủ-tân hợp vẽ nhị-nan (2);
 Ngày rồi rã mực du-quan,
 Kề làm sao xiết muôn vàn sự vui (3).

天高地迥

Thiên cao địa quỳnh,

覺宇宙之無窮

Giác vũ-trụ chi vô-cùng;

興盡悲來

Hưng tận bi lai.

興盡悲來

Thức doanh hư chi hữu số.

Ngắm cho thâu bầu trời cõi đất,
 Biết kiên-khôn là vật vô-cùng;
 Vui buồn là cái sự chung,
 Doanh-hư hai chữ cũng trong số
 thường.

望長安於日下

Vọng Tràng-an ư nhật hạ,

指吳會於雲間

Chỉ Ngô-hội ư vân-gian.

地勢極而兩溟深

Địa-thế cực nhị nam-minh thâm;

天柱高而北辰遠

Thiên trụ cao nhi bắc-thần viễn.

Trông bóng nhật Hàm-dương (4)
 quạnh-quẽ,

Trở làn mây Ngô-hội (5)-xa-xôi;

Cột trời bloh đất tuyết vời,

Xa thời Bắc-cực (6) sâu thời Nam-
 minh (7).

關山難越
 Quan-sơn nan việt,
 誰悲失路之人
 Thày bi thất lộ chi nhân;

萍水相逢

Bình thủy tương-phùng,

盡是他鄉之客

Tận thị tha-hương chi khách.

Bước quan-san gặp-gheờnh vắng-vẽ,
 Ai thương vay cho kẻ đường cùng;
 Cảnh bèo mặt nước tương-phùng,
 Tũ thân cố-quốc chạnh lòng tha-hương

懷帝閣而不見

Hoài đế-hôn nhi bất kiến;

李宜室以何年

Phụng Tuyên-thất dĩ hà-niên.

嗚呼時運不齊命途多舛

Ó-hồ! Thời-vận bất tề; mệnh đồ đa
 xuyến.

馮唐易老李廣難封

Phùng-Đường dĩ lão; Lý-Quảng nan
 phong.

Chi yêu vua mơ-màng kinh-triệu (8),
 Biết năm nào phụng chiếu nhà Tuyên
 (9);

Than ôi, vận-mệnh xui nên,
 Tiếc công Lý Quảng (10) ngàn duyên
 Phùng-Đường (11).

願賈誼於長沙

Khuất Giả Nghị ư Tràng-sa,

非無聖主

Phi vô thánh-chủ;

(1) Bốn sự hay: Mĩ-cảnh, tương-thần, thường-tám, lạc-sự.

(2) Hai sự khó: Chủ hiền, khách tĩ.

(3) Từ đây trở lên là tả ra những cuộc hành-lạc ở trong gác.

(4) Hàm-dương tức Tràng-an, kinh-dó nhà Đường,

(5) Ngô-hội tức Kim-lăng, đất Nam-kinh ngày nay.

(6) Thuyết cổ: bắc-cực tức là ngôi sao bắc-thần, người ta gọi đó là cột trời.

(7) Bờ nam. Thuyết cổ: người ta gọi đó là ao trời.

(8) Tức là chỗ kinh-dó.

(9) Giả Nghị nhà Hán bị đuổi ra đất Tràng-sa, phụng chiếu vua Văn-đế lại được trở về nhà
 Tuyên-thất.

(10) Đời Vũ-đế nhà Hán Lý Quảng là người tài-tướng nhất đời-mà chẳng được phong hầu.

(11) Đời Văn-đế nhà Hán Phùng-Đường là người có công lớn mà chết già ở chốn biên-quận.

窺梁鴻於海曲
Thoán Lương Hồng ư hải khúc,
豈乏明時
Khởi phạp minh-thời.

Đất Trảng-sa nén chàng Giã Nghị (1),
Hỏi mà xem thánh-đế phải không ?
Cối-kê già khách Lương Hồng (2),
Hỏi ra thì cũng là trong thịnh-thời (3).

所賴君子安貧
Sở lại : Quán-tử an bần ;
達人知命
Đạt-nhân tri mệnh,
老當益壯
Lão đương ích tráng,
寧知白首之心
Ninh tri bạch thủ chi tâm ;

Song biết mệnh là người đạt-giá,
Mà yên nghèo là giá cao-hiền,
Càng già càng giềng mới nèn,
Lòng ta há biết đến phen bạc đầu.

窮且益堅
Cùng thì ích kiên,
不墜青雲之志
Bất trụ thanh-vân chi chí.
酌貧泉而覺爽
Ch:酌 tham toàn nhi giác sáng ;

處酒榼以猶懷
Xử hạc triệt dĩ do hoan.

Cùng thì cùng trước sau cứ vững,
Chí mảy xanh đường thẳng mà đi ;
Suối tham, vũng cạn chi-chi,
Uống thì vẫn sạch chơi thì vẫn vui (4).

北海雖除扶搖可接
Bắc-hải tuy xa, phù dao khả tiếp ;
東隅已逝桑榆非晚
Đông-ngu dĩ thế, tang-du phi vãn.

Dầu xa tít là nơi bắc-hải,
Cánh phù-đao gặp hội thì bay (5) ;
Đông-ngu tuy mất bấy chầy,
Mà pheu thu lại còn ngày tang-du (6).

孟嘗高潔
Mạnh-Thường cao-khiết,
姿懷報國之心
Tư hoài báo quốc chi tâm ;
阮籍猖狂
Nguyễn-Tịch xương-cường,

豈效窮途之哭
Khởi hiệu cùng-đồ chi khóc.
Lòng báo nước trước sau dám đổi,
Chí Mạnh-Thường là lối khiết-cao (7) ;
Tiếc cho Nguyễn Tịch hiền-hào,
Điền-cuông quen thói ra vào khóc
than (8).

(1) Đời Tây-Hán, Văn-đế là hiền-quân mà lại nên tài Giã Nghị, đuổi ra làm, Thái-phó ở Trảng-sa.

(2) Đời Đông-Hán, hỏi Queng-vũ là hỏi thịnh-thời, mà bỏ sót người hiền-sĩ là Lương Hồng ở đất Cối-kê.

(3) Từ đây trở lên là kể ra cái ý tưởng quan-sát bầu vũ-trụ cảm-khái cuộc cò-kim.

(4) Tam-toàn là lên một cái suối, chỉ mình nếu chẳng tham, dầu uống nước suối ấy cũng vẫn thanh-khiết. Hạc-triệt, là chỗ vớt bánh xe khó-khan. Con cá ở chỗ khó-khan cũng như người sĩ ở nơi cùng khổ, nếu biết sự vui của mình, thì dầu ở chỗ cùng-khó cũng vẫn vui.

(5) Phù-đao là sức gió mạnh, chim bằng gặp gió thuận thì nhưc cánh bay. Tự bề bắc sang bề nam, là nói ví người sĩ khi gặp thời.

(6) Đông-ngu là chỗ mặt trời mọc, tang-du là chỗ mặt trời lặn. Mất ở chỗ đông-ngu, thu lại ở chỗ tang-du, là nói mất ở lúc sớm, thu lại ở lúc chiều.

(7) Mạnh-Thường nhà Hán lên là Thường làm Hợp-phổ thái-thủ, tình-hạnh liêm-khiết, có chí báo ơn rức mà chưa được triệu về kinh-dô, nay Vương Bột chỉ muốn bắt-chước như Mạnh Thường.

(8) Nguyễn-Tịch là người cuồng-sĩ nhà Tấn, từng đi xe vào núi, gặp đường cùng thì than khóc mà trở ra, để tỏ ra ý chán đời, nay Vương Bột không muốn bắt-chước như Nguyễn Tịch.

(Từ đây trở lên là kể ra cái tâm-lý bậc đạt-nhân quán-từ đê khuyên-bảo chư-khách và yên-ái mình).

物三尺微命
Bật, tam xích vi mệnh;

一介書生
Nhất giới thư sinh.

無路請纓
Vô lộ thỉnh anh,

等終軍之弱冠
Đẳng Chung-quân chi nhược quán;

Bật tôi đây vốn con nhà sĩ,
Ba thước tròn dăm kê dài lưng;
Mũ xin buộc giải cho năng,
Như ai niên-thiếu đã từng luận-công(1).

有懷投筆
Hữu hoài đầu bút,
慕宗怒之長風
Mộ Tôn-Sắc chi tràng-phong.
舍簪笏於百齡
Xả trâm-hốt ư bách linh;
本晨昏於萬里
Phụng thần-hôn ư vạn lý.

Chi dọc-ngang những mong ném
bút (2),
Lại như ai đợi chút tràng-phong (3);
Nợ-nần trăm-hốt trả xong,
Xa-xôi muôn dặm cam lòng thần-hôn.
非謝家之寶樹
Phi Tạ-gia chi bảo-thụ;

(1) Người Chung-quân nhà Hán mới hai-năm tuổi có chí hăng-hái, xin lấy giải mũ của mình, buộc cổ vua Triệu Việt đem lại Hán-dinh.

(2) Ban Siêu nhà Hán ném bút tống-quân, chỉ ở phong hầu.

(3) Tôn-Sắc đời Lạc-triều chỉ lập công-danh, thường nói rằng xin đợi dịp gió to, phá đợt sóng cả.

(4) Tạ Huyền đời Tấn là người tài giỏi, người chủ là Tạ An khen rằng: Chi-lan cây ngọc sinh ở chốn đình-giai.

(5) Bà Mạnh-mẫu vì con kén chọn làng-diềng hay mà ở.

(6) Lý là cá chép, con ông Không tên là Lý, hầu cha ở trước sân, học Thi học Lễ. Vương Bật dẫn tích này để vì về sự mình đi thăm cha.

(7) Lý Uyên nhà Hán là người phạm-giá rất thanh-cao. Phạm kẻ sĩ-phu người nào được tiếp Lý Uyên thì lấy làm vinh-hạnh như lên cửa rồng. Vương Bật dẫn tích này để vì về sự mình được tiếp của Diêm-dô-đốc.

(8) Tư-Mã Tương-Như làm bài phú Lãng-vân, gặp Dương Đắc-Ý là người tri-kỹ liền lên vua vãn-đế.

(9) Bà-Nha gây đàn hay, chỉ ở lưu-thủy, gặp Chung-Kỳ là kẻ tri-âm lắng tai ngợi khen.

(Tư đây trở lên là kẻ ra cái chi-khi mình và cái duyên-phận mình).

接孟氏之芳隣
Tiếp Mạnh-thị chi phương lân.
他日趨庭叨陪鯉對
Tha nhật su đình, thao bồi Lý đối;
今晨捧袂喜託龍門
Kim thần phụng quyết, hỉ thác Long-môn.

Nền bảo-thụ thua môn Tạ-khách (4),
Thói phương-lân học sách Mạnh-gia (5);

Ngày nào sân Lý thăm cha (6),
Ngày nay nâng áo mới qua cửa rồng (7).
揚意不逢

Dương Ý bất phùng,
撫凌雲而自惜
Phủ Lăng-vân nhi tự tích;
翰期既遇
Chung-Kỳ ký ngộ,
奏流水以何漸
Tấu lưu thủy dĩ hà tâm.

Mặt Dương-Ý nếu không gặp lúc,
Bãi Lăng-vân ôm khúc ngâm-ngùi (7);
Chung-Kỳ tai đã lắng tai,
Gây câu lưu-thủy nên đời Bà-Nha (9).
嗚呼勝地不常盛筵難再
Ô-hồ! Thâm-địa bất-thường; thịnh
diễn nan tái.
關亭已矣梓澤丘墟
Lan-dinh dĩ hi; Tử-trạch khâu-khư.

Trò thịnh-hội xem ra nan-tài,
Cuộc thăng-du ngấm lại bất-thường;
Lan-dinh trái kiếp tang thương (1),
Mà nơi Tử-trạch gò hoang những ngày (2).

臨別贈言
Lâm-biệt tặng ngôn,
幸承恩於你饒
Hạnh thừa-ân ư vĩ liễn;
登高作賦
Đăng cao tác phú,
是所望於羣公
Thị sở vọng ư quần-công.
敢竭鄙誠恭疏短引
Cảm kiệt bĩ thành; cung sơ đoản
一言均賦四韻俱成
Nhất ngôn quân phú; tứ vận câu
hành:

Khi lâm-biệt ơn dày tặng-thuyết,
Lúc đăng cao theo gót quần-công;
Ấy lời doãn-dẫn xếp xong,
Thêm câu bảy chữ nổi trong bốn vần (3).

詩曰

Thơ rằng:

滕王高閣臨江渚
Đăng-vương cao các lâm giang chử,

佩玉鳴鸞罷歌舞
Bội ngọc minh loan bãi ca vũ.

Đăng-vương cao-các sông kề bên,
Điệu múa câu ca tưởng ít nhiều.

畫棟朝飛南浦雲
Họa đống chiêu phi nam-phổ vân,
朱簾暮捲西山雨
Chu liêm mộ quyển tây-sơn vũ;
Chu liêm mộ quyển tây-sơn vũ;

Cột vẽ mây lồng làn nước sớm,
Rèm chu mưa cuốn rặng non chiều.

閒雲潭影日悠悠
Nhân-vân đàm ảnh nhật du-du,
物換星移幾度秋
Vật hoán tinh-di kỷ độ thu.

Mây luôn dầm lẳng ngày rảnh-rặc,
Vật đổi sao dời cảnh trái bao.

閣中帝子今何在
Các-trung đế-tử kim hà tại?
檻外長江空自流
Hạ-ngoại tràng-giang không tự lưu.

Trong gác hỏi ai là đế-tử?
Nước sông ngoài cửa chảy nao-nao.

TÙNG-VÂN

(1) Đồi Đông-Tấn Vương Hi-Chi hội quần-hiền ở Lan-dinh.

(2) Đồi Tây-Tấn Thạch-Sùng yến lân-khách ở Tử-trạch (tức là nơi Kim-cốc).

(3) Từ đây trở lên là kể ra cái cuộc thăng tiệc thịnh đáng ghi, và cái nguyên-nhân làm ra bài tựa bài thơ.



CÂU CHUYỆN PHÁ NGHI

Thuộc về lịch-sử nước nhà

Tôi từng đọc lịch-sử lữ-quốc, thuộc về thời-dại họ Hồng-bàng khai-sáng, kể nhiều sự đáng ngờ, nhưng ngờ nhất có hai chuyện :

1^o Chuyện sử cũ chép rằng : « Vua Lạc-Long sánh bà Âu-Cơ, có điềm một bọ: sinh ra trăm trứng, trăm trứng nở ra trăm con trai, rồi sau chia ra ở núi ở biển ».

2^o Chuyện « đời vua Hùng-vương thứ sáu, có giặc Ân bên Tàu sang quấy rối, vua xuống chiếu cầu người tài để phá giặc. Khi ấy làng Phú-đồng có người trẻ ba tuổi. Xin nhà vua cho một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, để đi đánh giặc. Sau khi giặc tan, rồi cưỡi ngựa bay lên trời. »

Đọc sử đến đây, tôi nghĩ đi, mà lại nghĩ lại, không những một lời ngờ, mà các nhà đọc Nam-sử đẽc ngờ. Ngờ thật, ngờ là phải lắm.

Nói về điều thứ nhất, có lẽ người là loài có vú nuôi con, mà lại sinh ra trứng dư? Sinh ra trứng mà lại sinh đến hàng trăm dư? Trăm trứng mà lại sinh thành trăm người con trai dư? Sự đó dẫu nhà học khảo-cổ, cũng phải cho là hoang-dã.

Nói về điều thứ hai, có lẽ người vừa mới biết đi, mà đã vác nổi gươm, cưỡi nổi ngựa, để địch với muôn quân giặc Bắc-tung-hoành kia dư? Sự đó dẫu đứa bé ba thước, nghe đây cũng phải lấy làm hoang-dường. Đợi-đề đều là không đúng sự thực.

Cận-kim các nhà sử-học cũng đã nghiên-cứu về hai chuyện ấy, để phá bức lũy ngờ trên khoảng nghìn năm. Có người rằng : « Câu chuyện bọ trứng đó là vua Lạc-Long-quán thấy bà Âu-Cơ sinh nhiều con mà nói bỡn như thế; rồi

sau nhà làm sử chép thành câu chuyện thật », câu nói ấy cũng tựa hồ tìm ra được một chân-lý. Có người rằng : « Câu chuyện ngựa sắt, đó tức là ngựa sắc sắt, chứ không phải ngựa rèn bằng sắt thật ». Câu nói ấy tựa-hồ cũng gần đúng chân-lý. Còn những nhà bàn về những sự ấy cũng nhiều: đại-ý lấy rằng : « Giống kỳ-lân sinh, cũng có khác loài muông thú. Giống phượng-hoàng sinh, cũng có khác các loài cầm. Thế thì đáng thánh-nhân sinh, cũng có khác các tỳ-vong-nhân xa lắm ». Đại-đề lý thuyết như thế không thể kể xiết.

Ồi ! Ân-tử và chữ, làm thành nghi-sử nghìn thu. Sao được thấy chân-tướng người xưa, mà chụ thành bức ảnh. Vậy tôi đã hoài-nghi, mà tôi lại tìm cách phá-nghi, tìm ra sự thực để công-hiến trước ghế các nhà đọc sử, cũng chót dành cho khỏi hoài-nghi.

Tôi đã đọc lịch sử, tôi từng muốn trông nghe những sự thực trong lịch-sử đã ghi, để làm chứng-thực. Một khi tôi từng du-lâm Hùng-sơn, chiêm-bái tổ-miếu, mà tìm dấu hùng-phong để lại. Xét ra đền Hùng ở làng Cổ-tích, thuộc phủ Lâm-thảo, tỉnh Phú-thọ bây giờ, xưa thuộc về hạt Phong-châu. Đền ấy ở trên đỉnh núi, núi ấy nhả: thuyết là « Hùng-sơn », nhất-thuyết là núi « Nghĩa-lin »; nhất-thuyết là núi « con Voi », nhất-thuyết là núi « con Rồng cái », nhất-thuyết là núi « Cự » đó đều là nhân tượng hát hình, cũng đều có ý-ngĩa cả. Tôi trông, tôi ngắm, tôi trông ngắm sơn-hà từ-cổ ở quanh gần, và bình-nguyên vạn-lý ở ngoài xa. Núi ấy phát-nguyên từ dải núi « Côn-luân » ở bên Vân-nam nước Tàu chạy sang, là từ các núi trung-chí xứ Bắc-kỳ. Mà là

cưỡi miền Thượng-du, đầu miền trung-châu xít Bắc-kỳ. Đền ấy trước mặt trông ra ba con sông, là sông Bờ, sông Lô, sông Thao hội ở miền Bạch-hạc. Hùng trấn bên hữu là núi Tân-viên, đờng trấn bên tả là núi Tam-đảo. Ngoài tay tả thì là giải núi Yên-tử, ngoài tay hữu là giải núi Hoành-sơn. Trung tâm là bình-nguyên Bắc-kỳ, ngoài xa là vịnh biển Bắc-kỳ, đấng-lâm mà xem, thực là tỏ ra bức bản-đồ địa-dư của quốc-tổ khai-sơn phá thạch, mà chốn-cổ-đó và nơi tìm-miếu đều ở vào trong quăng đó. Kề hình núi ấy thì ngọn núi nguy-nga, cỏ cây sầm-uất, tới ga Phù-đức mà ngàng trông lên, nhà du-lich đều cũng biết là nơi linh-tích. Còn các đồi ở gần chung-quanh, không những hàng trăm, kè có thiên-trùng vạn-diệp, trông tròn trặn toản như hình trứng, thực là chỗ cao, chỗ thấp lắm về khá yếu. Tới trông hình-thể thiên-nhiên, và hằng-cảnh tở-quốc, nhân nghĩ ra hai điều thâm ý.

1^o Vua Lạc-Long sánh bà Âu-Cơ, dễ đẻ dễ nuôi, như là loài đẻ trứng. Nền nhà sử chép ghi, cũng như nghĩa kinh-văn của người Tàu rằng : « Trời như hình trứng gà, trời bọc ở ngoài mặt đất, đất lọt ở trong lòng trời » cũng cùng một ý. Đó là lời ăn-từ nhà làm sử, nói về « địa-lý với nhân-chúng », « nhân-sự với thiên-tâm ». Cũng đều có quan-hệ.

2^o Bà Âu-Cơ có đức bao-dung các cung-tần, nên được diễm sinh nhiều con trai, nhà làm sử chức-vịnh, cũng như nghĩa nhà thi-nhân bên Tàu, chức ông Văn-vương sánh bà Hậu-phi ở đời nhà Châu, cũng cùng một ý đó, là lời ăn-từ của nhà làm sử nói về phong-hóa hay, ở chốn khuê-môn, cùng với lịch-sử nhân-quần xã-hội, lịch-sử nhân-tộc quốc-gia cũng đều có quan-hệ.

Lại một khi, tới từng du-lich Phù-đồng chiêm-bái Đổng-thiên-vương mà

tìm dấu anh-hùng. Xét ra Đổng-thiên-vương là một bậc thiếu-niên anh-hùng ở làng Phù-đồng, chỉ-khi hằng hái đeo gươm cưỡi ngựa đã nức tiếng ở Vũ-ninh-bộ từ lúc hầy còn đầu xanh. Gặp khi Hùng-triều có quân Bắc-dịch gọi là giặc Thạch-linh sang lấn. Vua hạ chiếu cầu kẻ anh-tài, ngài quyết chí cấn-vương : xin một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, vua bèn ban cho ngựa sắc sắt, gươm bằng sắt. Ngài bèn rudi giọng gươm ngựa, phá giặc ở núi Châu-câu. Khen thay ! lấy sắt chém đá, chính là anh-hùng lấy mẹo dụng người.

Sơ thời-kỳ vua Hùng-vương thứ sáu nước ta, chính là thời-đại vua Ân Cao-tôn bên Tàu. Sử Tàu chép rằng : « 殷高宗伐鬼方三年 〓 Ân Cao-tôn phạt Quỷ-phương tam niên », nghĩa là vua Cao-tôn nhà Ân sang đánh Quỷ-phương ba năm. Nguyên nước ta từ khi đức Kinh-dương dựng nước, người Tàu gọi là Xích-quỉ, nên người nhà Ân cũng cứ theo thể mà gọi.

Sử ta chép rằng : « 纣王六世 〓 殷賊來侵 〓 武王部扶董紀 〓 有三歲兒 〓 願得一鉄馬 〓 一鐵劍 〓 以破賊 〓 賊平 〓 躍馬騰空而去 〓 Hùng-vương lục-thế, Ân-lặc lai xâm, Vũ-ninh-bộ Phù-đồng hương hữu tam tuế nhi, ngưng đắc nhất thiết-mã, nhất thiết-kiếm, di phá tặc, tặc bình, rước mã dăng không nhi khứ » Nghĩa là đời vua Hùng-vương thứ sáu giặc Ân bên Tàu sang lấn nước ta, bộ Vũ ninh, làng Phù-đồng có người trẻ ba tuổi, xin nhà vua cho con ngựa sắt, một thanh gươm sắt để đi đánh giặc. Khi giặc tan cưỡi ngựa lên trời mà đi.

Nay lấy chữ « tam tuế 〓 歲 » với chữ « tam niên 〓 年 » mà cãi nghĩa cho đúng, thì đức Phù-đồng là một ông thiếu-niên đánh giặc Ân ba năm, chứ không phải là ba tuổi. Vì làm nghĩa ba tuổi, mà nạn là ba năm không nói không cưỡi. Một vượn mà vừa cao vừa

lớn. Than ôi! Đời xa người khuất, di hư truyền hư, thành ra một đoạn nghi-sử vô-bằng-cứ. Nay xin cải-chính lại là nghĩa ba năm. Ôi! ba năm ấy thật làm ghê cho người, thật là làm chuyền-động cả trong trời đất.

Còn như chép rằng: « Cưỡi ngựa lên không, với truyên rằng còn vết chân ngựa in ở huyện Kim-anh. Và dấu dằm « rút roi » ở huyện Quế-dương, dấu « ném tre » ở huyện Siêu-loại, người thì cho làm sức thánh, kẻ thì cho làm oai thần, người cho làm tài trời, kẻ cho làm hoang-dẫn. Các chi nhất-thuyết, bán-tin dân - nghi, mập mờ trong khoảng nghìn năm, không ai tỏ rõ căn nhắc ở trên ngọn bút, cho khỏi nghi-ngờ. Đức Phù-đồng thiên-vương thật là bậc thiếu-niên anh-hùng, cứu-quốc vĩ-nhân của dân nước xưa nay hiếm có. Lúc thiếu-niên không ai tưởng họ biết tên. Khi thành-công không chịu tước-lộc quốc-gia thưởng-cấp, không chịu danh dự xã-hội tôn-sùng. Treo áo lên cây đa rồi cưỡi ngựa lên dãy núi Vạn-mã triều-thiên, mà vui cùng non nhân nước trí, sự-nghiệp thực là nguy-nga lộng-lẫy, dân không biết thế nào mà khen cho cùng được; vua Hùng muốn nhớ công ghi đức, bèn sai thợ đá nhân đá núi Vệ-linh là nơi ngài ần-tích, mới chạm hình ngựa hình roi ở đó. nên nay linh-lịch hãy còn ở trên đền Sóc. Không những thế thôi. Lại nhân chỗ

cổ-trạch mà dựng đền dựng bia, mở hội tượng-công ở làng Phù-đồng.

Than ôi! Không chịu hưởng vinh-dự ở nhất-thời, mà hưởng hậu-báo ở vạn-thế; nên một người thiên-cổ vĩ-nhân chẳng vinh-dự làm dư? Kề lại đương khi đánh giặc ngày xưa thì dùng toàn gậy tày giáo mác, đồ thiết-chiến không đủ, thế tất phải dùng đến tre, chính là cái thế dụng binh khi cần-kip. Đến như « dằm rút roi », chẳng qua là nhân lúc chinh-chiến, vát-thủ cận-liện mà dùng; « Vững chân ngựa » chẳng qua là nhân lúc rưỡi giông mà hát hình ghi dấu, đều là dấu kỷ-niệm của một bậc đại-anh-hùng. Nhà cách-ngôn Tây có câu rằng: « Những người thiếu-niên thành-công ấy là bậc ông ba tuổi ». Kề lịch-sử thiếu-niên trong thế-giới rất nhiều. Nhưng ở nước ta tôi xin lấy đức Phù-đồng làm bậc sơ-đầu đệ-nhất-đẳng nhân-vật.

Nay là đời thực-học phải cầu lấy chân-lý cho ngày càng phát-minh, tôi đọc sử hoải-nghi, mà tìm cách phá-nghi, phỏng vẫn tiện bút biên ghi, đề cuốn màn ngõ trên thiên cổ, nhân nghi-sử tìm ra tín-sử, đem kim-văn mà bàn lẽ cổ-văn. Quốc-lô có thiêng chăng tá? Núi Hùng thêm tỏ vẻ tiên long, vĩ-nhân có thấu hay chăng? Non Sóc còn ghi tài kiếm-mã.

CHI-BÌNH

Tư-cách nghị-viên các nước bên Thái-tây

Tòa nghị-viên là nền khởi-lò dựng ra hiến-pháp, nghị-viên là người đại-biểu toàn-thể quốc dân. Quốc-dân ai cũng phải có tư-tưởng chính-trị, không phải một hai người nghĩ ra được, mà cũng không phải hợp nghìn muốn ức triệu người tụ-hội lại mà bàn đn-áo được. Bởi đó tới trong đám nghìn muốn người, kén lấy người nào được

đa-số người đều kính-phục tôn-trọng ra làm đại-biểu, mà tiêu bằng lên gọi là nghị-viên. Vì vậy khi ban đầu tuyển-cử, phải nên kén chọn cẩn-thận, tư-cách nghiêm-ngặt rất là phải lắm.

Nay xét các nước bên Thái-láy tuyển-cử tư cách nghị-viên, trực-trọng có bốn điều.

1) « Lấy niên-xỉ định tư-cách ». Như

nước Anh tất phải người 21 tuổi trở lên, nước Pháp và nước Tây-ban-nha, tất phải tự người 25 tuổi trở lên, nước Phổ-lỗ-si, nước Ti-li-thi, và nước Hà-lan tất phải tự người 30 tuổi trở lên, vì rằng người nhiều tuổi thì mới biết xếp đặt công nọ việc kia. Người ít tuổi tất chưa trải mọi việc, cho nên lấy niên-xỉ định tư-cách là vì thế.

2) « Lấy chức-nghiệp định tư-cách ». Như là luật nước Anh, nước Đức, quan-lại hiện-chức thì được kiêm quyền tuyền-cử, luật nước Mi, nước Pháp, các giới nhân-dân, có danh-dự thực-nghiệp thì được sung quyền tuyền-cử. Ý lấy rằng những người có chức-nghiệp thì mới biết tình-hình quốc-dân su-hướng, lấy chức-nghiệp định tư-cách là vì thế.

3) « Lấy quốc-tịch định tư-cách ». Như là điều-lệ người Pháp người Mi người Ti-li-thi, vân-ván :

Điều-lệ người Pháp rằng : « Phàm người Đệ-nghị tấu là người sinh ở nước Pháp có vinh-dự với quốc-dân thì mới được ứng-cử ».

Điều-lệ người Mi rằng : « Tất là người sinh-trưởng ở nước hợp-chúng, và có quê-quán ở địa-phương tuyền-cử thì mới được ứng-cử ».

Điều-lệ nước Ti-li-thi rằng : « Phàm những người có nhập quốc-tịch nước Ti đã lâu thì mới được quyền ứng-tuyền ».

Ý lấy rằng có là người ở quốc-tịch, thì mới tương tình-trạng quốc-dân, lấy quốc-tịch định tư-cách là vì thế.

4) « Lấy bản-phứ định tư-cách ». Thông-lệ các nước phương Tây tuyền-cử nghị-viên, thì chức nghị-viên ấy tất phải có sản-nghiệp to, hay nộp thuế nhiều. Ý lấy rằng người đã có sản-nghiệp to nộp thuế nhiều thì là người giàu, thế tất phải có tài-tri hơn, lấy bản-phứ định tư-cách là vì thế.

Trong bốn tư-cách ấy các nước đều chú-trọng cả, nhưng điều thứ tư thì

chú-trọng về người giàu. Nguyên-lai bên Thái-tây lấy nghề công thương dựng nước, kẻ nghèo không biết cách mưu-sinh, công-chúng tất không qui-phục, mà đã nghèo thì kiến-thức nông-nồi hẹp-hòi, cho nên tham-nghị quyền-chính trọng người giàu hơn người nghèo, sở-di như thế vì có bốn lẽ :

1) « Bàn phép cốt ở giữ lễ thăng-bằng » người nghèo đã lúng đến mình, hơi một tí thì ăn của lót, thế nào cũng không khỏi ngoắt-ngoéo quanh-co, người giàu thì cung-dùng sẵn đủ, thế tất có ý thanh cao, không chịu làm điều đê-hạ, đê mất danh-giá, mà quốc-gia chế-độ, nhờ đó được ích-lợi bản-tân công-bằng.

2) « Tróng coi tài-sản, giữ lễ công-chính ». Vì rằng trăm công nghìn việc, phải nhờ ở tài-chính mà ra, mà quyền soi xét tài-chính thì ở tòa nghị-viện. Nếu nghị-viên phần nhiều là người túng-thiếu, thế tất thông-đồng tác-lệ, cho nên dùng người giàu làm nghị-viên, thì người giàu phần nhiều vì công mà không tư, quốc-gia tài-chính nhờ đó mà được lễ biện-lý bình-công.

3) « Đề trừ-tính về việc kinh-phí ». Bên Tây thi-hành các việc đại-sự, của công khổ không đủ, thường thường phải quyền công-trái ở dân, thế tất phải nhờ nghị-viên quyết-nghị. Nghị-viên có trách-nhiệm với quốc-gia cùng quan-hệ, với quốc-dân cùng gánh vác, tất không có lẽ tự lợi tự tư. Ấy là vì quốc-gia mà trừ tập mọi việc kinh-phí.

4) « Đề trấn-hưng về việc công-thương ». Quốc-dân bên Tây giàu mạnh, phần nhiều do ở sự công-thương. Chức nghị-viên là người nhà giàu làm, chính-sách công-thương đã từng khảo-cứu, làm-thời tất hay kinh-doanh trừ-hoạch. Người Tây thông-thương các nước ngày càng giàu mạnh, phần nhiều do ở nghị-hội lập thành, ấy là vì quốc-gia trấn-hưng về việc công-thương.

Vậy thì tuyên-cử tư-cách nghị-viên, hạn lấy sự giàu nghèo so với sự niên-xĩ, chức-nghiệp, quốc-tịch, thực là có quan-hệ rất to, các nước tây-phương hiện-tại thi-hành, đều như thế cả.

Nay nước Pháp là nước mẹ đẻ ra tòa nghị-viên ở Âu-châu sang bảo-hộ ta, cho dân ta kén chọn nghị-viên, dù dẫu lên tòa nghị-viên, thực là một ông thầy chỉ đường dẫn lối cho dân ta lên dân-diễn-mạc ở đầu thế-kỷ 20 này.

Bỉ-nhân này có mấy lời thành-thực, kính bày trước ghế các ngài nghị-viên, các ngài đã làm đại-biểu toàn-quốc, thật là các ngài vì quốc-dân mà gánh một gánh trách-nhiệm rất to. Bỉ-nhân xin có mấy lời thó-thiền để cống-hiến.

1) Làm chức nghị-viên, cần phải có tư-cách học-thức, tư-tưởng lý-luận, về chính-sách « quốc-kế dân-sinh » như các nhà nghị-viên Âu Mi.

2) Làm nghị-viên phải giàu chức-nghiệp, giàu trí-thức, kiến-vấn, giàu lẽ phát-minh, kinh-nghiệm về trình-độ « quốc-kế dân-sinh » như các nhà nghị-viên Âu Mi.

Trên đối với chính-phủ, nghĩ sao cho ích nước, dưới đối với quốc-dân, nghĩ sao cho lợi dân. Đề không phụ lòng tốt của Nhà nước Bảo-hộ khai-hóa, đề cho tăng cao trình-độ nghị-viên. Mai sau theo qui Bảo-hộ, cùng bước lên công-nghị-trưởng trên thế-giới.

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

CHUYỆN CŨ VỀ TRIỀU-ĐÌNH HUẾ

Nhân-vật mới, nhân-vật cũ

I

Than thiệp than năm dậu,
Vừa tháng năm rày,
Nhắc thêm càng,
Rụng rời chân tay !
Tưởng sao mà ?
Thiệt là không hay !
Sao chiến-công là trọng,
Mà chẳng coi ngày ?...

Hăm-ba không phải là một ngày kỵ theo như cái lý-tưởng giản-dị của hạng bình-dân, song năm dậu kia (1883) quả thật là một năm đáng làm cho Phú-xuân-kinh thất-thủ.

« Tư nguyệt tam vương » trong bốn tháng mà đởi ba triều vua, nội-loạn như thế, mà ông Tôn-thất Thuyết bỗng khi không lại gây ra cuộc chiến-tranh làm cho lúc bấy giờ ai nấy cũng đều « rụng rời chân tay ».

Vua Hàm-Nghĩ sở-dĩ ngồi trên bửu-vị gần ba năm cho đến ngày thất-thủ

là vì bởi ngài còn nhỏ tuổi, mặc sức hai chú quyền-thần kia lộng-hành; chỉ như các tiên-đế như Dục-Đức, như Văn-Lãng thời cũng chỉ vì muốn cùng nước Pháp giảng-hòa mà bị hại.

Nước yếu, thành cô, từ vua cho đến dân ai lại chẳng biết rõ rằng tình-thế nước mình là hòa lợi hơn chiến ?

Ấy vậy mà chỉ một mình ông Thuyết, ông Thuyết quyết đánh, đánh đề họa may giữ lấy cái địa-vị « diện-tiền đại-tướng-quân » của ông ta, vì cái tội thoán-thị như những việc ông ta đã làm, thì thật là khó nổi ngồi yên cho lâuặng.

Ông Nguyễn Văn-Tường cũng phản rồi !

Bởi vậy nên đối với chuyện khai-chiến, thì ông Thuyết đã làm một cách mật-nhiệm hết sức.

Mãi tới chiều hôm-hai mà Triều-đình với ngoài dân-gian cũng chưa ai hay biết chi hết. Họ chỉ lấy làm lạ sào lại

có lệnh truyền cho tất cả mấy cơ-binh nấn còm và vất còm sẵn đề dự-bị.

Bữa đó, trước khi hoàng-hôn, thì Đê-dốc Nguyễn Xuân-Soạn là một người tay-chân mặt-thiết của ông Thuyết, cỡi ngựa đi đóng hết mảy cửa thành ngoại.

Nói tới tên Đê Soạn và ông Thuyết, thì chẳng thế nào mà chẳng nhớ tích Lã Bố, Đổng-Trác ngày xưa. Giống lắm ! Đê Soạn là một người tay chân tin-nhiệm của ông Tôn-thất Thuyết. Chẳng khác chi Lã Bố với Đổng-Trác. Ông Thuyết lúc còn tại triều, thời đã lấy bao tiền bạc, châu báu, ngọc ngà, chi chi cũng đều cho chở lên giầu tại Tân-ấp ở Thượng-du tỉnh Quảng-bình Quảng-trị chẳng khác nào Đổng Trác lập Mỹ-đ. Buồn cười chắt là ông Thuyết với Đê Soạn lại cũng đều có tình-chung với một á Điêu-Thuyền ở tại Đông-ba. Gia-hội gì đó, á ấy tên là cả Đ...

Tôi nói chiều lại Đê Soạn đóng hết cửa thành, cấm tuyệt chẳng cho ai vô ra chi nữa. Và cũng vì vậy nên chỉ bao nhiêu nhân-dân ở trong thành đều không có ngã chạy mà làm cho ngày 23 tháng năm, hiện nay ở Huế cũng vẫn còn là một ngày kỳ còm chung, cũng có-hồn rất lớn. Tối hăm-hai tháng năm bao giờ mình cũng thấy hương chong, đèn rạng, người khóc, kẻ than mà bắt phải ngậm-ngùi cho những chuyện đã qua trong một thời-kỳ « hỗn-độn ».

Tối lại chừng độ canh ba, thì ở ngoài thấy trong thành dốt bộn-hỗ sáng trưng như ban ngày, tiếng la réo thời nhiều, tiếng sùng thời ít, thỉnh-thoảng mới nghe một vài phát thần-công bắn, rồi nghe đạn rớt một cái thạch, chớ chẳng lòn-bại chi ai hết.

Đã vậy mà lại thêm ông Nguyễn Văn-Tường còn không chịu đưa thuốc đạn, ních chặt cửa kho lại.

Vì thế nên chi, mình dốt lửa mặc mình, mình la « nhà lâu » sập mặc mình, bên kia vầu cứ binh-tính mở cửa ngũ yên không thèm trả lời một tiếng.

Lúc trời hừng-hừng sáng, trong khi lính hỏa-lò của ông Thuyết vai mang khiên, tay cầm cờ đỏ, chạy ra phố Đông-ba báo tin thắng-trận cho dân hay, thì lính Pháp ở dưới Trấn-bình-dài, tục kêu là Mang-cá, thùng-thăng kéo lên vô tận Ngo-môn đánh đầu năm phút với Đê Soạn và cậu con ông Thuyết rồi treo cờ tam-sắc lên trên cột cờ mà chiếm-lãnh kinh Phú-xuân.

Còn ở trong đền, ông Tôn-thất Thuyết cầm gươm vô buộc hai bà Hoàng-Thái-hậu là đức Từ-Dụ và đức Trang-Y cùng vua Hàm-Nghi phải theo ông ta mà chạy ra Tân-ấp.

Có kể thuật chuyện rằng lúc ông Thuyết vô xin đức Hàm-Nghi đi giá ra Tân-ấp thì ngài phán trả lời :

— Không, tôi không đi đâu hết. Tôi có đánh ai đâu mà tôi chạy.

— Tâu Ngài, nếu như ngài không đi, tôi xin hầu cái đầu của ngài đi theo.

Than ôi ! đối với một cái thời-kỳ loạn-ly như thế, thì gia-vong quốc-phá là một lẽ tất-nhiên. Phải chi không có chủ quyền-thần kia gây ra cuộc chiến-tranh để cho vua mình cùng nước Pháp nghị-hòa, thì cái cuộc-diện ngày nay có khi chưa phải giống như cuộc-diện mình thấy.

Bây giờ, trót đã thế rồi, trót đã thành ra một « việc » của lịch sử, thời thời ta hãy cứ thành-tâm lựa một cái địa-vị cho chánh-đáng, đem chuyện dĩ-vãng để làm gương, làm kinh-nghiệm đáng có khảo-sát tình-hình hiện-tại mà tỉnh với việc tương-lai.

Và nhất là nhân đó dựng xét coi thế nào là nhân-vật mới, thế nào là nhân-vật cũ. Vì nhân-vật nước mình mà phải chia ra mới cũ, thành ra một vấn-đề, có lẽ cũng do nơi ngày 23 tháng năm, năm Dậu làm gốc vậy.

II

Sau khi vua Hàm-nghi huộc mloh phải theo ông Tôn-thất Thuyết mà ngự ra Tân-ấp, thì Lương-cung, đức Từ-dụ và đức Trang-ý, chỉ đi đến Quảng-trị, đã được chính-phủ Pháp hầu về Đại-nội mà ra lệnh chiêu-an, hiểu-dụ cho nhân-dân đều biết cái ý giảng hòa của quí-quốc, rồi hiệp với Nam-triều mà tôn người con nuôi của đức Tự-đức lên ngôi Hoàng-đế, đổi niên-hiệu lại là Đồng-khánh. Đức Đồng-khánh như tôi đã nói là con ruột của đức Kiến-thái-vương, anh em ruột với vua Kiên-phúc và vua Hàm-Nghi. Vì vậy nên chỉ lúc bấy giờ mới có câu ca-đao :

*Một nhê sinh dặng ba vua,
Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.*

Tuy là hai nước tự đấ đã thân-thiện, hai chính-phủ đã hiệp-dồng mà ký xong tờ Hòa-nghị năm 1834, song ở phía Quảng-binh. Nghệ-Tĩnh sắp ra cũng hãy còn chưa yên, đạo binh của-vương, của ông Phan Đình-Phùng đương lấy danh-nghĩa của đức Hàm-nghi mà hùng-cứ một phương trời, thanh-thế lẫy-lừng, mãi đến mấy năm sau, bao nhiêu sĩ-phu lúc bấy giờ cũng đều nhận rằng đó mới thật là danh-chánh nghĩa-thuận.

Tuy vậy, chứ ở trong Triều, thì đức Cảnh-tôn thật cũng là một vị đế-vương dù cả thông-minh, duệ-trị. Ngài xử-trị với Chính-phủ Bảo-hộ một cách rất khôn-khéo, lấy sự hòa-hảo thân-mục làm gốc, song chẳng bao giờ ngài chịu để cho ai làm điều chi phạm đến thể-thống của nhà vua và Triều-đình. Có nghi-tiết chi mà phải đả quan Thông-sứ, thì ngài dều hết sức thành-kính để lấy lễ thượng-tân mà tiếp rước, song bao giờ cũng chỉ thiết yến ở Thái-bình-ngự-lã a-thư-lâu, chứ chẳng hề đem lên điện Cấn-chính là một chỗ chánh-diện như mấy triều sau mình thường thấy.

Cái oai-đức của ngài làm cho ai cũng phải khâm-phục, nên chỉ mấy ông ở trong Nam mloh theo chính-phủ Bảo-hộ ra hành-sự tại Kinh như cụ Trương Viab-Ký, cụ Nguyễn Trọng-Tạo đến sau vẫn cũng còn tán-dương ca-lộng mãi.

Trên thời có vua là đức Cảnh-tôn, dưới lại có tôi như cụ Nguyễn Trọng-Hiệp, thì dầu cho ở giữa buổi nguy-nan, nước nhà nhiều nạn như mấy năm vừa thất-thủ kinh Phú-xuân, tôi tưởng Nam-triều cũng do đó mà yên như bán-thạch.

Cụ Nguyễn Trọng-Hiệp ! Ai đã biết binh-sinh của cụ ra thế nào, thì hãy nghe đến ba cái chữ này, tất cũng phải ngấm ngùi thương tiếc mà hỏi thăm trong trí : « Vậy chớ cái nhân-vật cũ ấy bây giờ đã mất hết rồi ? »

Nhưng than-ôi ! cái sức phi-hoại của thời-gian, trơ như đá, vững như đồng kia mà còn phải vì nó mà mòn, mà rết, huống chi nhân-vật, thì làm sao tránh cho khỏi cái công-lệ biến-thiêu của thời-thế và cảnh-ngộ ?

Thôi tiện đây, tôi chỉ xin nhắc lại một vài chuyện lật-vật của nghiệm-thân tôi, trong lúc sinh-tiền, đã thuật lại cho tôi nghe về cách trị-gia và hành-chánh của cụ Nguyễn Trọng-Hiệp,

Cụ tuy ở triều, vị cụ: nhân-thần, song chẳng lúc nào chịu cho phép vợ con về Kinh, cứ buộc ở Bắc mãi. Một đôi khi nghiệm-thân tôi hỏi về sự ấy, thì cụ đáp rằng : « Ở một mình mà lo việc Triều-chánh còn không xong thay, huống-chi là đem vợ con vào đặng làm bận. »

Đã vậy mà ngày nọ cậu Cả con cụ mới thi đỗ cử-nbân ở trường Hà-nam lật-đật vô Kinh để lạy mừng cha, thì cụ đề xuống đánh cho hai chục roi mà nói : « Ai cho phép mày thi mà mày đi thi ? Còn mẹ mày nữa, đề tao về đấy rồi sẽ hay ! » Cậu Cả bị đòn vừa tức, vừa khóc, cụ nói tiếp « Mày đi thi, dầu

cho có đậu thiệt-tài đi nữa, người ta cũng nói tại thần-thế. Huống-chi thiệt-tài sao dặng, mà con tao, thì sao cho khỏi quan-trưởng thấy tên là tư-vị. Mẹ mày với mày, tưởng đậu trước-vị triều-đình là của riêng của nhà mình sao chứ ? »

Nói tới chuyện này, tôi lại nhớ sự đến vụ đi thi của cậu Cả khác con của một cụ khác. Năm đó, tôi cũng cấp trại đi thi trường Thừa.

Ba giờ khuya, các quan-trưởng vừa « leo lên ghế treó » ngồi đề xướng danh, thì mình lại thấy ông DE LA SUSSE, Hội-biện Lại lúc bấy giờ, len-ten xách cây ba-ton chen vào đứng gần kê bên cửa. Bao đầu mình cũng tưởng ông đứng xem chơi, ai ngờ trong lúc quan-trưởng kêu đến tên cậu Cả kia, lính mặc áo dậu đỏ kéo cái trại đóng thành cái xe vào cửa, thì ông Hội-biện mình chặn lại rồi lấy ba-ton nhắm ngay phía sau cái xe kia mà thọc một cái thiệt mạnh, làm cho chủ cử già ngồi núp chèo-queo trong đó đau quá phải tung ra mà chạy nhào. Ông Hội-biện cười ngất rồi nói : « Xe mà cũng đóng hai dáy ! Cậu Cả đi thi, chứ phải chơi gá dậu mà chớ gá Nồi theo ? »

Đó l dó có khi cũng là một thứ nhân-vật... mới hay cũ ?

Cụ Nguyễn Trọng-Hiệp trị gia đã là cao-khiết như thế, mà đối với việc nước, thì từ việc nhỏ đến việc lớn; nhất-nhất điều chi cũng lấy sự thuận-cần trung-bậu làm gốc. Giao-thiệp với chính-phủ Bảo-hộ, thì cực-kỳ cương-trực, cu lễ thảng mà làm, dẫu có điều chi cũng chẳng có lúc nào nhượng-bộ. Ấy vậy mà mỗi khi bên sứ sai ai, người sai ấy là tên sơn đá cũng vậy, đem giấy tờ chi qua, thì cụ cũng đều khăn đen áo dài đưa ra tận cửa, rồi lại nói với nghiêm-thần tôi rằng : « Nếu mình, bất-kỳ là vì cơ gi, mà đã chịu đề cho người ta bảo-hộ, thì bao giờ, sau lưng trước mặt chi cũng vậy,

cũng nên lấy thành-tâm mà giữ theo cái địa-vị của người chịu bảo-hộ của mình. Miễn là giữ sao đừng đề cho người ta xâm-phạm đến quyền-hạn của mình... chớ chuyện xác chùng khi lên thật, không phải là cái thái-độ của người quân-tử... »

Nghiêm-thần tôi ở Huế mấy năm trời, mà chẳng có đêm nào đi ngang qua trước cửa bộ Lại mà chẳng thấy cụ Nguyễn Trọng-Hiệp, khăn đen áo dài, ngồi trước công-đường dưới cây đèn bạch-lạp, kê bên tập công-văn cho đến hai ba giờ khuya. Ở ngoài dóm vô như tuồng mỗi khi tay cụ lật một tờ là mắt của cụ đã dớm tuôn vài giọt nước mắt.

*Phi duyệt xuất-sư tiền hậu biểu,
Thiền-thu như kiến lão-thần tâm.*

Hôm nay tôi sờ-dĩ nhắc-sơ vài chuyện lật-vật về cái bình-sinh của cụ Kim-giang là cốt đề miêu-tả một cách rất thô-sơ, cái tâm-lý của nhân-vật cụ thời mà từ khi hai cụ Nguyễn Thân và Hoàng Cao-Khải vào Kinh đến nay, thì triều-đình Huế chẳng bao giờ thấy lại một lần nữa.

III

Trong mấy năm đức Đồng-khánh trị vì, có lẽ cái điều ngài lo hơn hết là vua Hàm-nghi còn ở ngoài mà đề cho đạo binh cầu-vương của ông Phan Đình-Phùng giữ được một cái danh-nghĩa rất chính-dáng

Còn đức Hàm-nghi, thời lên đến Tân-ấp ở chẳng được bao lâu, ông Tôn-thất Thuyết đã bỏ ngài lại một mình ở đó mà trở tuột qua Tàu cùng một vài tên bộ-hạ. Ở mãi đến già, đến chết, chính-phủ Tàu họ lấy cái thuế quế nhập-cảng của mình mà cung-cấp cho bọn đó sống.

Đức Hàm-nghi ở quanh hiu trên núi, bữa nọ ngài cùng đi với một tên thị-vệ ra ngoài khe thả bè chơi, bỗng thỉnh-linh gặp phải đạo binh tuần đón bắt.

Khi họ đi gần đến nơi, tên Thị-vệ giơ súng điều-thương lên vai mà nói : « Tàu cho chúng con liệu ! », thì ngài dạy : « Mau đi ! Mau đi ! » Nhưng may nhờ ông quan ba lẹ tay, lấy súng lục nhắm ngay tên Thị-vệ mà xử trước, nên mới hầu được ngài xuống tàu, chớ về Thuận-an hội-diện với quan Thống-sứ LÉNARD, có nghiêm-thần tôi làm thông-ngôn.

Hai đảng vừa gặp nhau, thì quan Thống-sứ LÉNARD nói :

— Tàu ngài, ngài cũng rõ biết rằng theo phong-tục An-Nam, thì trong nước chẳng lẽ có hai vua, vậy nên chính-phủ Bảo-hộ đã thương-lượng với Nam-triều mà định bầu ngài đi an-trị một nơi khác. Song hiện nay, đức Từ dương đau, vậy trước khi con xa mẹ, nếu như ngài muốn thì tôi xin cho sà-lúp lên rước đức Từ xuống tại đây cho ngài thăm lần chút.

Vua Hàm-nghi trả lời :

« Không, tôi bây giờ không còn mẹ con anh em chi nữa mà thăm... »

Quan Thống-sứ LÉNARD không trả lời, xuống sà-lúp trở lên sông Hương-giang, còn chiếc tàu kia, thì chở đức Hàm-nghi tuốt qua *Algérie* mà ngài ở đó đến bây giờ. Tục kêu ngài là Phế đế, song trừ chuyện tôn-qui ra, thì ngài hiện nay nghiêm-nhiên là một vị phủ-nhân-ông, thanh-nhân lo dạy con và chuyên về các mĩ-nghệ như đàn như vè.

Đức Hàm-nghi ngự qua *Algérie* chẳng bao lâu, thì bên này đức Đồng-khánh đi lên Long-thọ là chỗ có hăng với đá ngày nay mà xây dựng lăng « Thiên-thánh-cước » rồi bị lam-chương mà thăng-bá trong năm 1885.

Nói tóm lại, trong một triều Đồng-khánh, chính-trị Trung-kỳ nhất-nhất điều chi cũng đều do ở một tay vua và Triều-đình An-Nam mình định đoạt. Cái chuyện phá hai con đường ở cửa Đông-ba và Thượng-từ mà cụ Nguyễn

Trọng-Hiệp xin với chính-phủ Bảo-bộ nghĩ ba tháng rồi sẽ trả lời như tôi đã thuật trong một bài trước cũng đủ chứng-nghiệm.

Vua Cảnh-tôn băng-hà, thì Nam-triều và chính-phủ Bảo-bộ lại tôn ông con trưởng vua Dục-đức lên mà đổi niên-hiệu là Thành-thái.

Vua Thành-thái khi lên ngôi thì mới 11 tuổi.

Bởi vậy nên chi Bảo-hộ với Nam-triều phải đặt ra năm ông phụ-chánh dặng lo việc nước là :

Đức ông Tuy-lý-vương, Phụ-chánh đệ-nhất.

Đức ông Hoài-đức, Phụ-chánh đệ-nhị.

Cụ Nguyễn Trọng-Hiệp, Phụ-chánh đệ-tam.

Cụ Trương Quang-Đản, Phụ-chánh đệ-tứ.

Cụ Bùi Dị, Phụ-chánh đệ-ngũ,

Mấy ông trên đây đều là Hoàng-thân, thế-thần, đều là thuộc về nhân-vật cũ, nên chi trong mấy năm đầu triều Thành-thái, tuy là giữa buổi một Âu-quán tri-vi, thì sự hành-chánh của Nam-triều cũng đã bị nhiều việc khó dễ, song họ cũng hể: sức duy-trì mà làm cho chẳng có chuyện chi thay đổi lắm. Hoàng-chi cụ Nguyễn Trọng-Hiệp còn đó, thì thật cũng khó có chuyện thay đổi.

Có thay đổi chẳng là từ khi cụ Nguyễn Thân dẹp xong giặc Phan Đình-Phùng đo ngôi tiết-chế trở về làm Thượng-thư bộ Binh, cụ Hoàng Cao-Khai từ-giã nha Kinh-lực Bắc-kỳ mà về Huế.

Nhân-vật cũ, nhân-vật mới từ đây mới thanh ra một vấn-đề, từ đây hai bên mới cùng nhau xung-đột, từ đây chính-thê Trung-kỳ với tờ hòa-ngộ năm 1884 mới thành hai vật khác nhau như vô-vô dễ ra nhệ vậy ..

Diệp Văn-Kỳ

(Công luận báo, Sài-gòn)

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

VIII

Ngoài ra các thị-tứ vừa kể trên, sự buôn bán còn dồn về các cửa bể lớn, ghe thuyền người Nam người Khách lui tới tấp-nập rất đông. Những cửa bể ấy như là:

Vẽ Đức-phổ có cửa Sa-huỳnh, Mĩ-á ;

Tư-nghĩa có cửa Cồ-lũy ;

Bình-sơn có cửa Sơn-trà.

Các cửa bể ấy tùy theo địa-thể và sự buôn bán thịnh-vượng, mỗi chỗ đều có sở Thương-chính lập ra để đánh thuế các hàng-hóa xuất-cảng và nhập-cảng. Số xuất-cảng và nhập-cảng theo biên thống-kế của quan Thương-chính trong ba năm 1929, 1930 và 1931 như sau này :

TÊN CỬA BÈ	SỐ XUẤT-CẢNG KÈ TẤN					
	1929		1930		1931	
	Hàng ra ngoại-quốc	Hàng đi trong nước	Hàng ra ngoại-quốc	Hàng đi trong nước	Hàng ra ngoại-quốc	Hàng đi trong nước
Cồ-lũy . . .	103 T	9.601 T	?	9.113 T	?	7.898 T
Sa-huỳnh . . .	?	2.116 ,	3.700 T	8.542 ,	?	3.377 ,
Sơn-trà . . .	1.755	2.245 ,	2.451 ,	3.677 ,	948 T	448 ,
Tổng-cộng . .	1.858 T	15.062 T	6.151 T	21.382 T	948 T	11.723 T

TÊN CỬA BÈ	SỐ NHẬP-CẢNG KÈ TẤN					
	1929		1930		1931	
	Hàng các nước vào	Hàng các tỉnh vào	Hàng các nước vào	Hàng các tỉnh vào	Hàng các nước vào	Hàng các tỉnh vào
Cồ-lũy . . .	94 T	6 878 T		4.321 T		7.780 T
Sa-huỳnh . . .		484 ,		656 ,		443 ,
Sơn-trà . . .	279 ,	799 ,	170 T	1.104 ,	793 T	1.116 ,
Tổng-cộng . .	373 T	2.161 T	170 T	6.081 T	793 T	9.339 T

Trên đây là kê tất cả những hàng-hóa xuất-cảng và nhập-cảng trong các cửa có sở thương-chính.

Nay xin lược kê các món đại-lớn như sau này :

(1) Xem N.-P. từ số 181.

Xuất-cảng

1° Đường. — Theo bản thống-kê của

sở Thương-chính thì số đường xuất-cảng
tất cả ba năm về sau đây được là :

Tên cửa bể	1929	1930	1931
Cò-lũy	7427 tấn	6694 tấn	6464 tấn
Sơn-trà	1594 , 887	1069 , 206	874 , 703
Sa-huỳnh	31 , 010	19 , 700	12 , 430
Tổng-cộng	9052 tấn 897	7782 tấn 906	7351 tấn 123

Lấy tỉ-lệ mà nói thì trong ba năm 1929 1930 và 1931 số đường xuất-cảng chỉ trên dưới bảy tám nghìn tấn, năm 1929 được trên 9.000 tấn.

Theo sách địa-dư quan Công-sứ LABORDE thì số đường xuất-cảng mỗi năm trên 12.000 tấn.

Trên kia về mục hoa-màu tôi đã nói cứ các phủ huyện kê số đất trồng mía phỏng được 11.887 mẫu ta, lấy trung-bình mà tính mỗi mẫu có thể làm ra mười tạ đường, nghĩa là 600 cân tây, số đường toàn tỉnh về năm nay phỏng được 7.132 tấn 200 cân tây.

Đường mía là món thổ-sản đại-tôn có thể khuếch-trương ra cho dân tỉnh này, thế mà thử dóng theo con số trên đó. một đảng quan Công-sứ LABORDE nói mỗi năm có xuất-cảng đến 12.000 tấn, một đảng theo biểu kê quan Thương-chính, ba năm về sau đây duy có năm 1929 được hơn 9.000 tấn, còn năm 1930 và 1931 chỉ hơn 7.000 tấn, còn theo các phủ huyện kê về năm nay thì số đường toàn tỉnh phỏng được 7.132 tấn.

Ta thấy, thì nghề buôn đường mỗi ngày mỗi thoái, trong khoảng mười năm nghĩa là từ hồi quan Công-sứ LABORDE (1922) đến nay mà thoái-bộ đến gần nửa.

Khi quan Công-sứ LABORDE làm sách thì số đường là 12.000 tấn, vì thời-đại bấy giờ chưa gặp hồi kinh-tế khủng-hoảng, dân-gian làm ra đường được nhiều và xuất-cảng có lợi, nên họ bán đến số 12.000 tấn. Trên kia tôi đã nói số đất trồng mía không có nhất-định, dân nông ta thấy lợi mới làm, vì vậy mà mấy năm về sau đây vì thời-buổi khủng-hoảng, số đường làm ra không thể tiêu-thụ hết được, nên những đất trồng mía họ đem làm các thứ khác như gieo lúa, trồng khoai, trồng sắn, trồng đậu, tía bắp, gieo mè, v. v., nên chỉ số đường xuất-cảng trong ba năm nay có phần sụt đến bốn năm nghìn tấn.

Nói tóm lại, nếu nghề làm đường mà phát-đạt thì dân làm mía, đường ở tỉnh này mỗi năm xuất-cảng được trên dưới 12.000 tấn. Lấy theo thời-giá hồi bình-thường mỗi tấn đường là 100 \$ 00, thì số thu-nhập về món đường của dân Quảng-ngãi mỗi năm được 1.200.000 \$ 00 cũng là một con số lớn trong thương-trường.

2° Sắn. — Số sắn xuất-cảng trong ba năm 1929, 1930 và 1931 ở các cửa bể theo biểu số Thương-chính kê được như sau này :

Tên các sở Thương-chính xuất-cảng sắn	1929	1930	1931
Sơn-trà	2832 tấn 509	705 tấn 321	14 tấn 590
Cỏ-lũy	464	36	?
Tổng-cộng	3296 tấn 509	741 tấn 321	14 tấn 590

Sắn ở Quảng-ngãi duy có phủ Bình-sơn là đất xấu nhiều gò cao không dùng gieo lúa được, dân-gian phải trồng sắn nên phần nhiều sớ sắn xuất-cảng đều do cửa

bờ Sơn-trà và theo đường bộ Bến-ván mà đi ra.

3. — Muối. — Số muối xuất-cảng theo biểu sớ Thương-chính kê sau này :

Tên các sở Thương-chính xuất-cảng muối	1929	1930	1931
Sa-huỳnh	1094 tấn 900	7634 tấn 250	2636 tấn 550
Sơn-trà	32 , 510	32 , 500	33 , 326
Cỏ-lũy		61 ,	40 ,
Tổng-cộng	1127 tấn 400	7727 tấn 750	2708 tấn 876

Muối chỉ có sở thương-chính Sa-huỳnh là xuất-cảng nhiều hơn hết, mỗi năm có hơn 4.000 tấn, mỗi tấn theo lời quan Thương-chánh giá bán 4 \$ 10, nhưng từ năm 1930 không có xuất-cảng về Hương-

cảng và Hội-hào nữa chỉ ăn trong tỉnh và các lân-tỉnh Trung-kỳ mà thôi.

4 — Quế. — Số xuất-cảng theo biểu kê sớ Thương-chính sau này :

Tên các sở Thương-chính xuất-cảng quế	1929	1930	1931
Cỏ-lũy	131 tấn 000	12 tấn 000	3 tấn 000
Sơn-trà	36 , 156	82 , 565	63 , 243
Sa-huỳnh	1 , 065	00 , 130	0 , 350
Tổng-cộng	168 tấn 230	94 tấn 690	66 tấn 593

Quế do ở Trà-bồng sản-xuất nhiều, nên phần nhiều quế đều ra ở cửa Sơn-trà cũng có ra đường bộ nữa, nhưng sớ Thương-chính không kê.

5. — Cau khô. — Số cau khô xuất-cảng theo biểu kê sớ Thương-chính sau này :

Tên các sở Thương-chính xuất-cảng cau khô	1929.	1930	1931
Cò-lũy.	77 tấn	35 tấn	140 tấn
Sơn-trà.	?	0 , 329	3 , 081
Sa-huỳnh.	22 , 450	42 , 750	12 , 320
Tổng-cộng.	99 tấn 450	78 tấn 079	155 tấn 401

Số cau có thể nhiều hơn biểu kê của sở Thương-chính, vì gần đây số cau khô thường do đường bộ chở vào xe điện mà đi ra như phần nhiều cau ở Ba-tơ.

6. — Lúa, gạo. — Số lúa và gạo xuất-cảng đối với số lúa và gạo nhập-cảng thời số lúa nhập-cảng có phần nhiều hơn, cho nên ta cũng có thể đoán biết được rằng

số lúa trong tỉnh làm ra không đủ cho dân-gian dùng. Cứ lấy số lúa làm ra trong năm vừa rồi là 44.070 tấn mà chia với dân toàn-tỉnh là 438.059 người thì mỗi người dân ăn trong một năm có lẽ nào chỉ có trên dưới 25 ang lúa. Theo hai biểu kê dưới này kê số lúa và số gạo xuất-cảng và nhập-cảng thì ta sẽ thấy rõ.

a) Lúa : xuất-cảng và nhập-cảng :

Các cửa bờ xuất-cảng và nhập-cảng lúa	SỐ LÚA XUẤT-CẢNG			SỐ LÚA NHẬP-CẢNG		
	1929	1930	1931	1929	1930	1931
Cò-lũy	41 tấn	29 tấn	29 tấn	598 tấn	110 tấn	858 tấn
Sơn-trà.	15 , 550	4 , 484	46 , 440	42 , 660	14 , 100	137 , 327
Sa-huỳnh	3 ,	?	14 , 780	264 , 140	88 , 350	250 ,
Tổng-cộng.	59 tấn 550	33 tấn 484	80 tấn 220	664 tấn 800	212 tấn 450	1245 tấn 327

b) Gạo : xuất-cảng và nhập-cảng :

Các cửa bờ xuất-cảng và nhập-cảng gạo	SỐ GẠO XUẤT-CẢNG			SỐ GẠO NHẬP-CẢNG		
	1929	1930	1931	1929	1930	1931
Cò-lũy	92 tấn	447 tấn	104 tấn	159 tấn	26 tấn	1.083 tấn
Sơn-trà.	22 , 530	150 , 749	36 , 068	17 , 420	?	131 , 760
Sa-huỳnh	?	7 , 500	0 , 500	0 , 600	0 , 990	34 , 500
Tổng-cộng	114 tấn 530	605 tấn 249	140 , 568	177 tấn 020	26 , 990	1249 tấn 260

Theo hai biểu kê trên này, ta thấy trong ba năm 1929, 1930 và 1931 số lúa gạo nhập-cảng năm nào cũng hơn số lúa gạo xuất-cảng. Lại năm 1931 số lúa nhập-cảng hơn số lúa xuất-cảng :

1245 tấn 327 — 80 tấn 220 = 1165 tấn 107

Còn số gạo nhập-cảng cũng hơn số gạo xuất-cảng :

1249 tấn 260 — 140 tấn 568 = 1108 tấn 692.

Số lúa gạo nhập-cảng năm nay bội lên có 1.000 tấn, vì lẽ gì ? Vì năm ấy phần thời bị họa cộng-sản, dân nông phần lo trốn tránh phần nghe lầm-lạc ; nên nghề nông chèn-mãng và một phần vì đường xe-hỏa khởi-công đắp, dân tứ-chánh đến ăn nhiều mà gạo lúa đang trong đem ra bán rẻ hơn lúa gạo ở trong tỉnh nên số nhập-cảng mới nhiều vậy. Hiện nay trong tỉnh các nhà giàu vì thế mà còn đình-trữ lúa gạo lại bán không được ; gần đây các phủ huyện có xin quan tỉnh cấm không cho lúa gạo đang trong nhập-cảng ở Quảng-ngãi. Vấn-đề đó còn đang nghiên-cứu.

Ngoài ra các món đại-tồn đã kê trên này tỉnh Quảng-ngãi còn xuất-cảng được những thứ dầu dừa, ốc xa-cù, dầu phụng, đá vôi, vôi hầu ở Lý-sơn, mắm cái và mắm nước ở Sa-huỳnh. Thứ đá vôi Lý-

sơn (*madr'pores*) và thứ vôi hầu mà tô đã nói về chỗ làm đường, mỗi năm xuất cảng có hơn 40 tấn.

Nhập-cảng

Những hàng-hóa nhập-cảng là dầu-hóa dầu ét-săng (*essence*) rất thịnh-hành, mỗi năm đến 1500 tấn, các thứ tơ lụa lĩnh xuyên hàng tàu hàng tây, vải Quyển, vải Hồng-mao cũng có dùng rất nhiều. Các thứ thuốc bắc thuốc tây rượu tây chè tàu bánh tây, thuốc hút vãn rồi, giấy tây, đèn bạch-lạp, giấy tàu, giấy vàng, bạc, diêm, sơn thuốc-phiện, đều là những món cần dùng, bán rất mạnh.

Nói đến thuốc-phiện thứ « vàng đen » ấy dân tỉnh Quảng-ngãi nay dùng rất nhiều, mỗi năm theo biểu Thương-chính kê, thì lấy trung-bình mà nói mỗi năm có hơn 800 cân tây, cứ mỗi cân theo giá Thương-chính gần đây là 283 p 43, thì dân Quảng-ngãi trong một năm tiêu-thụ về số thuốc phiện đến 226.784 p 00. Lấy câu người nước Pháp nói : « Biết bao nhiều là tài-sản theo khói mà bay đi » (*que de richesse s'en vont en fumée*) của ông G. BRUXO chẳng phải là đúng ưong vậy. Số thuốc phiện ấy bán trong các sở Thương-chính theo bản thốn, kể dưới này từ năm 1929 đến năm 1931 được

Tên các sở Thương-chính	1929	1930	1931
Cỏ-lũy	631 cân (k) 030	531 cân 550	405 cân 010
Sơn-trà	93 650	82 210	53 600
Sa-huỳnh	95 040	88 050	66 120
Phủ-nhơn	316 710	289 220	217 980
Tổng cộng	1136 cân 430	991 cân 630	783 cân 710

Xem biểu trên này thấy số thuốc-phiện bán tuy mỗi năm có sụt vài trăm cân, nhưng cứ vậy mà sụt mãi thì lo gì dân ta còn cái hại đem tiền mà vãi vào tro, để thủng-thình chờ xem.

Số thu-nhập của các sở Thương-chính

Các món tiền thu-nhập ở bốn sở Thương-chính ở Quảng-ngãi, theo biểu quan Thương-chính kê ra sau này từ năm 1929 đến năm 1931 ta sẽ thấy đường đi của dân tỉnh này về nghề thương-mại.

Tên các sở Thương-chính	1929	1930	1931
Sa-huỳnh	41.826 \$ 67	63.954 \$ 11	42.338 \$ 67
Cồ-lũy	111.314 68	82.266 89	68.228 71
Sơn-trà	24.488 80	22.049 28	20.383 55
Phủ-nhon	124.449 86	133.129 17	104.213 05
Tổng cộng	302.080 \$ 01	301.399 \$ 45	235.163 \$ 94

Cứ biểu kê của Thương-chính thì ta thấy trong ba năm đây mỗi năm đều có sụt, nhất là năm 1929, đối với năm 1931 thì năm 1931 có sụt đến hơn 100.000 \$00.

Hình như tỉnh Quảng-ngãi này cũng

có chịu ảnh-hưởng kinh-tế khủng-hoảng rất nặng bởi vì tất cả đường đều không xuất-cảng được bằng mấy năm trên.

Hình vẽ (*graphique*) chỉ đường đi của sự thương-mại.

	1929	1930	1931
400.020 \$			
300.000	302.080	301.399	
200.000			235.163
100.000			

Tuy Thương-chính không kê đủ trong mười năm nay, nhưng ta cũng có thể đoán theo số sản-vật xuất-cảng nhập-cảng và số tiền thu được thì cũng có thể đoán trước năm 1929 nghề buôn bán vẫn có phần khá hơn, trong ba năm về sau đây làm vào thời buổi khủng-hoảng, mà vẽ ra cái hình *graphique* trên này chỉ thoáng con mắt qua thì thấy được đường đi của sự buôn bán ở Quảng-ngãi này :

Các cửa bè phần nhiều hẹp và cạn lại hiểm-trở, nên thuyền đại-thương ngoại-quốc không thể vào được, các thuyền ấy đi cách bờ bè trên năm dặm hải-lý, còn vào ra cửa thì chỉ có thuyền tam-bản, ghe bầu của khách-trú và An-Nam. Ghe thuyền đó theo biểu kê của Thương-chính mỗi cửa bè trong ba năm như sau này :

Cửa Sa-huỳnh

NĂM	Ghe thuyền đậu tại cửa số tấn	Ghe thuyền vào cửa số tấn	Ghe thuyền ra cửa số tấn
1929	1584 tấn	3035 tấn	3065 tấn
1930	2362	4909	5122
1931	2330	4525	4606

Cửa Cờ-lũy

NĂM	Ghe thuyền người An-nam			Ghe thuyền khách-trú	
	Đậu tại cửa	Ra cửa	Vào cửa	Ra cửa	Vào cửa
1929	1270 Chiếc ghe	120.289 tấn	7.207 tấn	104 tấn	80 tấn
1930		13.601	7.913	15	18
1931		8.153	7.757	57	57

Cửa Sơn-Trà

NĂM	Ghe thuyền đậu tại cửa số tấn	Ghe thuyền vào cửa số tấn	Ghe thuyền ra cửa số tấn
1929	1189 chiếc	4603 tấn	4.318 tấn
1930	ghe nặng	3213	2.968
1931	2629 tấn	3096	2.636

Ngoài ra các ghe thuyền lui tới ở các cửa, còn có một số ghe thuyền đậu trên các mặt sông theo phủ huyện kê tính có hơn 2.821 chiếc ghe. Những ghe ấy hoặc chở chuyên trong sông hoặc chài lưới.

Cứ mỗi chủ có một chiếc ghe thì được 2821 người tìm nghề sanh-hoạt trên mặt nước. Nhưng ghe thuyền ấy hoặc đậu tại các bến dồ, hoặc đậu tại các vạn như sau này :

P phủ Huyện	Tên vạn	Số ghe	Tên bến dồ	Số ghe
Bình-sơn	An-phủ	83	Sơn-trà	64
	Thanh-thủy	36	Tân-hy	46
	Phước-thiện	130	An-bòa	3
	Lệ-thủy	42	Vĩnh-an	32
	Tuyết-diêm	79	Hải-ninh	27
	Thuận-an	98	Bình-an-nội	44
			Đông-an	43
			Mĩ-huệ	71
			An-hải	37
			Tiền-đào	10
	Cộng . . . 6 vạn	468	10 bến dồ	357

Phủ Huyện	Tên vạ	Số ghe	Tên bến dò	Số ghe
Sơn-tịch.	Mĩ-lộc.	27	An-hòa Kim-thành	50
	An-vĩnh	105	An-phú	1
			Diên-niên	1
			Phước-lộc	1
			Ngân-giang	1
			Chợ-hố	1
			Trương-xuân	1
			Sung-tịch	20
			Nữ-kê-tây	10
			Kỳ-xuyên	1
			Phái-nhứt	1
			Đò-bè.	1
			Vạn-thiện	1
	Cộng 2 vạ	132 chiếc	13 bến dò	90 chiếc
Tur-ghĩa	Thu-xà	33	Hà-kê	9
	Phú-thọ	3	An-bàn	4
	Khương-thành	2	Phú-mĩ	4
			Đồng-mĩ.	6
			An-đại	4
			Phồ-au-ấp	234
			Trung-ấp.	74
			Thượng-ấp	44
			An-phú	42
			An-long	210
			Cô-lũy.	
			Thuận-an	33
			Thanh-an	25
		Tân-an	2	
		Vạn-mĩ		
	Cộng 3 vạ	38	15 bến dò	691

Phủ Huyện	Tên vạn	Số ghe	Tên bến đò	Số ghe
Mộ-đúc	Nghĩa-lập	37	Cây-mốc	2
	Bồ-đề	6	Trung-giang	4
	Khả-độ	5	Cây-gia	2
	Thi-phổ-nhất	4	Năng-an	2
	Thanh-thủy	8	Trà-ninh	2
	Phú-an	17	Tập-an	1
	Đồng-dinh	27	An-thạch đông-nhất	2
	Kỳ-tân	59	An-thạch đông-nhì	1
	Đông-dương	5	Du-quan	17
	Xuân-dương	4		
	Tập-an	19		
	An-thồ	31		
	Hội-an	30		
	Bàn-an	20		
	Mĩ-an	7		
	An-thạch đông-nhất	16		
	An-thạch đông-nhì	19		
	Du-quan	5		
	Đạm-thủy	26		
	Phú-vinh, Phú-mĩ	38		
	Vân-bân	4		
	Trà-ninh	33		
	Cộng 22 vạn	417 chiếc	9 bến đò	33 chiếc
Đức-phổ	Mĩ-á	200	Đông-phủ	12
	Qui-thiện	40	Thạch-bì	25
	Long-trì	82	Thanh-đức	16
	Chỉ-trung	23	Long-thanh	20
			Phước-diễn	34
			Thanh-biểu	70
	Cộng 4 vạn	345 chiếc	6 bến đò	177 chiếc
Nghĩa-hành	Nguyên-hóa	142	Đại-lộc	22
	An-hà	22	An-xuân	14
			Bán-thạch	
			Phú-lâm	
			Đông, Tây	
			Mễ-sơn	17
			An-ba	
			An-chí	
		Hòa-huân		
	Cộng 2 vạn	164 chiếc	8 bến đò	53 chiếc

Sở nấu rượu Phú-nhon

Ngoài ra ba cửa bể có ba sở Thương-chánh, cách tỉnh-thành về phía bắc, đều cầu Trà-khúc (làng Phú-nhon) có sở nấu rượu do quyền Thương-chánh kiểm-soát, theo biểu kê của quan Thương-chánh, số rượu nấu trong ba năm 1929-1930-1931 được như sau này:

Năm 1929 :	165.568 lít (litres)
Năm 1930 :	152.832 —
Năm 1931 :	93.868 —

Sở nấu rượu ấy dùng mật mía trong tỉnh mỗi ngày nấu hơn 50 lít, mỗi tháng nấu chỉ 20 lần được trên 1000 lít, thế mà

dân-gian dùng không đủ phải mua thêm rượu ở phố Hội-an (Quảng-nam); Bồng-sơn, Phù-mĩ, (Bình-dịnh) mà dùng nữa; đó là chưa kể các thứ rượu tây ở ngoại-quốc vào nữa.

Số tiền uống rượu và hút thuốc phiện của dân-tỉnh này mỗi năm có đến 300.000\$.

Sở tiền lưu-thông trong các chợ búa và các phép đo, lường, cân

Đồng tiền còn lưu-thông trong tỉnh là tiền ăn ba và ăn sáu niên-hiệu Gia-long, Thiệu-trị, Minh-mệnh, Tự-đức, Đồng-khánh. Thành-thái, Khải-dịnh. Theo các phủ, huyện kê như sau này :

Phủ huyện đồn	Số tiền ăn sáu	Số tiền ăn ba	Tổng-cộng (tính ra quan tiền kẽm)
Bình-sơn	1700 quan	5600 quan	27.000 quan
Sơn-tĩnh	4000 —	6000 —	42.000 —
Tư-nghĩa	280 —	600 —	3.480 —
Mộ-đức	150 —	700 —	3.000 —
Đức-phò	1000 —	4000 —	5.000 —
Nghĩa-hành	2000 —	8000 —	10.000 —
Ba-tơ	440 —	540 —	980 —
Sơn-hà	300 —	700 —	1.000 —
Minh-long	400 —	600 —	1.000 —
Tổng-cộng	10.270 quan	26.740 quan	93.460 quan

Thường-thường cứ mỗi đồng bạc ăn bảy quan và sáu quan tám, không có nhất-dịnh, có khi giá bạc sụt xuống sáu quan năm, hay là sáu quan. Cứ theo hồi căn-kíp như căn tiền đem bạc đổi rẻ mà khi căn bạc (mùa thuế) đồng bạc lại cao giá (7 quan hoặc 7 quan 5 là cùng).

Các phép đo lường cân

1) *Phép đo*. — Trong dân-gian thường dùng ba thứ thước : Thước may để đo

vải và hàng lụa, thước mộc đo cây và quan-diễn-xích để đo đất ruộng.

Cái thước dùng trong dân-gian không nhất-dịnh, có chỗ dùng thước may 30 đồng (nghĩa là xấp 30 đồng tiền kẽm một hàng dài mà bề thước), có chỗ dùng thước 27, 28, 29, không căn-cứ vào một khuôn-mẫu nào cả, ví như thước may ở phủ Tư-nghĩa thường dùng là thước 27-28 mà ở Bình-sơn lại dùng thước 29,

30, sự già, non sý tùy theo tình tục dân-gian mỗi nơi, vì vậy mà trong việc thương-mại rất là phiền-phức.

Phông như nói vãi ở phủ Tư-nghĩa rẻ, một người dân phủ Bình-sơn hay phủ Sơn-tĩnh vào mua đem về đo lại với thước nhà mình thời thấy mất một cây vãi ba thước. Hiện nay có nhiều chỗ như ở thành-phố, người ta đã bắt đầu dùng thước tây mà mua bán vì đã tiện-lợi mà khỏi cái hại nói trên.

Kề thường ra thước may 30 đồng dài phông 0 = 66 (thước tây), thước mộc thợ mộc cứ đo hai gang mà bề một cái thước nên dài phông 0 = 40, quan-diễn-xích dài phông 0 = 47.

2) *Phép lường* — Trong dân-gian hay thông-dụng cái *ang* và cái *lon sira bỏ* mà đong lường lúa gạo. Cái *ang* cũng như cái thước, già non không chừng đổi, có hạng *ang* 17, 18 lon mà cũng có hạng *ang* 23, 24 lon. Nghe nói ở hạt Đức-phổ phần nhiều là *ang* non mà ở Mộ-đức, Tư-nghĩa, Bình-sơn phần nhiều là *ang* già. Các chủ xe nước có dùng cái *thùng* để lường lúa xe. Mỗi *thùng* xe nước là 10 *ang* tùy *thùng* già non theo cái *ang* của bờ xe nước. Lại còn có cái *thùng* nữa, có thứ *thùng* 5 *ang* để khi đong lường cho người bưng cho dễ; có thứ *thùng* mười *ang* hay là mười-bai *ang*.

3) *Phép cân*. — Trong dân-gian thường thông-dụng có ba thứ cân :

a) Cân nhỏ để cân vàng, thuốc phiện gọi là cân « *tiểu-ly* », cứ 10 phân là một chỉ, 10 chỉ là một lượng, 16 lượng là một cân.

b) Cân vừa dùng cân thịt, thuốc lá, các hóa-hạng vật gọi là cân « *tiền nỏi* » vì lấy một tiền kẽm là 60 đồng làm căn-bản mà tiện trái cân, một cân là mười « *tiền nỏi* » gọi là cân « *quan tiền nỏi* »; hiện nay có dùng của người bán một thứ cân gọi là

cân « *tư-mã* », một cân *tư-mã* là 16 lượng bằng 4 tiền nỏi, nghĩa là một tiền nỏi là 4 lượng, một cân *quan-tiền nỏi* được 2 cân *rười tư-mã*.

c) Cân lớn để cân đường và các vật nặng gọi là cân « *tạ* », cũng cứ 16 lượng vào một cân, mười cân là một yến, lại 10 yến vào một tạ; vì thế nên hiện nay phần nhiều chỗ buôn-bán lớn người ta thường dùng cân tây (*balance à bascule*), vì một tạ nặng được 60 kg, cứ tính 6 kg là một yến, 60 kg là một tạ.

XIII — Đường-sá thông thương và các cách vận-tải

Đường-sá tỉnh Quảng-ngãi có ba hạng
1) Đường thiên-lý số 1, dài 98 cây lô-mét (từ cây lô-mét 200 đến cây lô-mét 298).

2) Các đường tỉnh-lộ cả thảy 21 điều, đường dài nhất được 41 cây lô-mét. Trong số 21 điều tỉnh-lộ ấy có đường xe điện chạy được, có đường xe điện chỉ chạy được một khúc hay chạy chưa được.

3) Đường công-hương để đi trong làng và làng này đến làng khác, những đường công-hương ấy do lấy tư-ích các làng mà đắp con thiên-lý và các điều tỉnh-lộ đều do sở Lục-lộ ở tỉnh chuyên-trách tu-bổ, xin kê các con đường tỉnh-lộ ấy trong bản dưới này dài mấy khúc, và khúc nào xe chạy được, khúc nào xe chạy không được.

Ngoài ra ba hạng đường-sá nói trên đó thì dọc theo đường thiên-lý có đường hỏa-xa đương đắp. Theo lời tru-định của sở hỏa-xa thì đến năm 1935, xe lửa ở Bắc-kỳ chạy suốt vào Quảng-ngãi được. Lại có con đường đương đắp từ *Kontoum* ra Trà-my (Quảng-nam) ngang qua các miền Thượng-du tỉnh Quảng-ngãi, khi đắp xong, sự giao-thông của người Nám và người Mọi rất là tiện.

Tên và số hiệu các con đường	Bề dài tất cả	Khúc có đồ đá	Khúc xe điện chạy được	Khúc xe điện chưa chạy được	Khúc đi chưa được
A. — Đường thiên-lý số 1 (Từ cây số 200 đến cây số 298)	98 km	98 km	98 km		
B. — Tỉnh Lộ					
Điều số 124 đi Thu-xà	10	10	10		
— 125 — Làng Rí	41	27	20	21 km	
— 126 — Trà-mi	31	12	25	6	
— 127 — Minh-long	30	19		26	
— 128 — Bà-tơ	30	17	30		
— 129 — Cờ-lũy	12	12	12		
— 130 — Sơn-trà	20	14	20		
— 131 — Mĩ-kê	14	10	14		
— 132 — Phú-thọ	6	3			
— 133 — Trà-cầu	8				
— 134 — Từ Ba-gia đến An-hòa	12	1	12		
— 135 — Lộc-lãnh	14			14	1 km
— 136 — Đông-ngạn	8				8
— 137 — Liệt-sơn	6				6
— 138 — An-mĩ	27	1	10	17	
— 139 — Đá-chát	15				15
— 140 — Mĩ-á	4				4
— 141 — Long-thạnh	2				2
— 142 — Tri-binh	8			8	
— 143 — Từ Minh-long đến Bà-tơ	30				30
— 144 — Từ Trung-sơn đến Sa-kỳ	19			19	
Tổng-cộng	445 km	214 km	243 km	115 km	87 km

Trên mặt các con sông người ta còn dùng thuyền đi ngược, đi xuôi và chuyên chở các hóa-hạng, những sông ấy như:

Sông Trà-khúc.

Sông Vệ.

Sông Trà-bồng.

Nhất là trên con sông Vệ ghe thuyền buôn-bán tấp-nập, có vẻ huyền-náo, nên có câu ca-dao:

Đò đưa sông Vệ nghênh-ngang,

Bạn hàng nào nức sao chàng ngồi đây?

Không những câu ca-dao làm cho ta đủ thấy cái vẻ náo-nhiệt trên sông Vệ nhưng cũng chỉ cho ta biết rằng sông Vệ là một con sông lớn và quan-hệ ở Quảng-ngãi.

Cách vận-tải. — Ngoài ra các xe điện chở hành-khách và hóa-hạng trên con đường thiên-lý mỗi ngày có hơn 10, 15 chiếc, các xe-cộ, các cách khiêng gánh và ghe thuyền qua lại trên mặt nước, thì ở tỉnh này cách vận-tải không còn gì khác nữa.

Sự vận-tải trong tỉnh ngày nay cũng đã có phần thuận-tiện: đường tư-ích, đường tỉnh-lộ đã sửa-sang và có cầu-cống tử-lẽ, nhất là mới rồi trên sông Trà-khúc có cầu; trên con đường thiên-lý xe ngựa và người qua kẻ lại đã ít mất thời-giờ mà lại tránh khỏi cái nguy-hiểm đò giang.

Còn lâu bề đi lại ngoài bề ban đêm, thì nhờ có đèn chiếu «Phare» dựng trên cù-lao Lý-son; công-trình làm từ năm 1900 đến năm 1903 mới rồi. Cột đèn ấy toàn bằng sắt, cao 55 thước tây, ánh sáng chiếu ra ngoài 25 hải-lý. Hiện nay sở đèn ấy thống-thuộc về sở Hải-đạo Bắc-kỳ.

XIV — Điện phòng và trạm

Ở Quảng-ngãi có hai sở bưu-điện, một sở ở tỉnh-thành, một sở ở Thu-xà, vì thành-phố còn chật hẹp và sự giao-thông, vận-tải, ngoài ra xe hơi chở hành-khách và hàng-hóa thời không có tàu bè gì khác nữa, nên hai sở bưu-điện ấy không được mở-miàng gì mấy.

Hai sở bưu-điện này đều thuộc về Chính-phủ Bảo-hộ và chuyên-trách, gửi thơ từ, tiền bạc và thông tin-tức đi các nơi xa. Cứ lời ông chủ giấy-thếp tỉnh thời trong mỗi tháng trung-bình thu được:

- Số tiền bán tem (timbre): 600 \$ 00.
- Số tiền đánh giấy thép: 280, 00.
- Số tiền thuế măng-đa
- (mandat): 200, 00.
- Số tiền thuế vật 100, 00.

Tổng-cộng số tiền thu nhập tại sở bưu điện tỉnh trên dưới 1000 \$ 00. Còn sở Thu-xà mỗi tháng trên dưới 700 \$ 00. Số tiền thu nhập ấy đều do quỹ ngân-sách Đông-Pháp mà nộp.

Ngoài ra hai sở bưu-điện, còn có các giả-trạm thống-thuộc về quyền Quân-trị Nam-triều. Trước kia chỉ có các trạm dọc theo đường cái quan, nhưng theo nghị-định năm 1930 của quan Khâm-sứ Trung-kỳ đặt ra những giả-trạm để đưa thư-từ tin-tức cho dễ. Những giả-trạm ấy toàn tỉnh có 11 sở chia ra như sau này:

Phủ Bình-son	{	Nghĩa-bình
		Nghĩa-trà
		Nghĩa-thạch
Phủ Sơn-tĩnh	{	Nghĩa-hòa
		Nghĩa-lộc
Phủ Tư-nghĩa	{	Nghĩa-chánh
		Nghĩa-mỹ
		Thu-xà

- Phủ Mộ-đức Nghĩa-son
- Huyện Đức-phổ . . Nghĩa-quán
- Huyện Nghĩa-hành Nghĩa-bành

Những trạm ấy lấy một chữ « nghĩa » để đầu làm biểu-hiệu thuộc tỉnh Quảng-ngãi và một chữ tên làng mà đặt vào; đại-dề như:

- Nghĩa-chánh thuộc làng Chánh-lộ,
 - Nghĩa-son thuộc làng Tú-son,
 - Nghĩa-hòa thuộc làng, An-bòa,
 - Nghĩa-mỹ thuộc làng Phú-mỹ,
 - Nghĩa-bình thuộc làng Tri-bình. v. v. . .
- Duy có trạm Thu-xà không nằm vào cái lệ đó.

Các sở trạm ấy chuyên-trách đưa thơ từ trong một khu-vực thuộc địa-phận làng minh, tổng minh, phủ huyện minh và cũng có khi đưa ra đến các đồn lân-cận như: trạm Thu-xà đưa công-văn thư từ ra đến đồn Lý-son,

- trạm Nghĩa-hòa, đến đồn Sơn-hà,
- trạm Nghĩa-son, đến đồn Ba-tơ,
- trạm Nghĩa-bành, đến đồn Minh-long,
- trạm Nghĩa-thạch, đến đồn Trà-bông.

Mỗi một trạm đều có một tên Tá-dịch coi sóc và một số lính trạm không nhất-định tùy theo khu-vực rộng hẹp để chuyên đệ công-văn và thơ-từ.

Tổng-luận về mục kinh-tế

Xét kinh-tế tỉnh này thời những vật sinh-sản trong tỉnh mà kê tên được là thổ-sản về nghề nông, còn sơn-lợi, hải-lợi và những vật do công-nghệ làm ra, tuy có nhưng không có số kê-toán mà biết rõ được; nay chúng tôi thử lấy nhân-số toàn-tỉnh và so-sánh với sản-vật để chứng ra sự sinh-hoạt của dân thế nào.

Số dân toàn-tỉnh phỏng ước 438.059 người, sự sinh-boại của một người dân kê theo rất căn-kiệm, rất kham-khở một ngày cũng phải có 0 \$ 10 mới đủ sống (cứ nhà nước nuôi tù, mỗi người một ngày còn phải tới 0 \$ 12 hay 0 \$ 13, nay tính số ấy còn thua sự sinh-hoạt của một người tù).

Lại dân ta còn cần phải nộp cho Nhà nước mỗi năm các hạng thuế đinh, điền, chợ búa, sông, đằm tất cả là 336.693 \$ 33.

Chiều theo số dân toàn-tỉnh đã nói trên, tức sinh-sản trong tỉnh này mỗi ngày phải có 43.806 \$ 00 một năm cần phải :

Về sinh-hoạt	15.989.190 \$ 00
Về thuế-khóa	336.693 , 33
Cộng	16.325.883 \$ 33

Hưởng-chi lại sự phí-tồn về xa-xỉ như	
Thuốc phiện	226.784 \$ 00
Rượu	42.241 , 00
Cộng	269.025 \$ 00

Thế là trong một năm dân tỉnh này phải cần dùng tất cả là :

$$16.325.883 \$ 33 + 269.025 \$ = 16.594.908 \$ 33$$

Đó là chưa kể các sự phí-tồn khác như đám tiệc, phải không, ngày giỗ, tết-nhất, cho con đi học, v. v. . .

Chúng tôi lại lấy số xuất-sản có tên mà kê như hoa-màu và thời-giá năm 1932.

Lúa : 44.070 tấn, giá	2.203.500 \$ 00
Đường : 7.132 tấn, giá	713.200 , 00
Sắn và khoai: 682.780 ang, giá	68.278 , 00
Bắp : 798.880 ang, giá	79.888 , 00
Cộng	3.064.886 \$ 00

Thế thì sự sinh-hoạt sản ở Trung-châu có thể kê tên và trị giá được là 3.064.886 \$.

Còn thứ xuất-sản ở miền bề có thể kê tên được :

Muối 2.708 tấn, giá 11.103 \$ 00, và thứ xuất-sản ở miền núi có thể kê tên được :

Quế 66 tấn, giá 16.500 \$ 00.

Chúng tôi lại cộng 3 món xuất-sản ở Trung-châu, miền núi và miền bề có thể kê tên được một số tiền tất cả là :

$$3.064.886 \$ + 11.103 \$ + 16.500 \$ = 3.092.489 \$$$

Đem so sánh số sản-vật có tên mà trừ trong số tiêu dùng :

$$16.594.908 \$ 33 - 3.092.489 \$ 00 = 13.502.439 \$ 33.$$

Thời bấy còn thiếu đến 13.502.439 \$ 33 ; số thiếu ấy lấy đâu mà có ra ? Tất-nhiên còn sự sinh-sản khác như đậu, mè, cá,

mắm, than củi, thợ thuyền, lợi của người buôn, người đi xa đem về, gởi về, người làm việc ăn nhờ nhà nước và sự tạo-tác của Nhà-nước mà dân trong tỉnh được làm công, làm mướn (Đường xe lửa, cầu cống, v. v. . .)

Xét như trên này, thời sản-vật tỉnh Quảng-ngãi không đủ cho dân trong tỉnh tiêu dùng vì sản-vật làm ra không đầy 1/5 của sự tiêu-phí thời còn đâu mà nói đến sự thịnh-vượng nữa ?

Chúng tôi lại lấy riêng một sự cần dùng cho dân và rất rõ-ràng là món lúa gạo để cho dân ăn thời thấy rằng trong tỉnh một năm kê cả mấy mùa các giống lúa thu-hoạch chỉ có hơn 4 vạn 4 nghìn tấn. Lấy số đó đem chia cho số người toàn tỉnh là hơn 43 vạn 8 ngàn người thời sẽ thấy trong một năm mỗi người chỉ được :

$$\frac{44.000}{438.000} = 100 \text{ cân tây lúa.}$$

Cứ mỗi ang lúa nặng hơn 4 cân tây, thời trong một năm mỗi người chỉ có 25 ang lúa.

Cứ mỗi ang lúa là 20 lon có thể làm ra được 10 lon gạo, một người có thể ăn nhần nhịn được trong 6 ngày, thế thời số 25 ang lúa chỉ ăn được trong 150 ngày còn 215 ngày nữa trong năm chỉ ăn các vật khác như khoai, bắp, đậu, v. v. . .

Nói tóm lại, sự sanh-sản của tỉnh Quảng-ngãi không đủ cho dân trong tỉnh dùng mà lúa gạo cũng không đủ ăn.

Lời kết-luận và tư tưởng kỹ-vọng đối với tỉnh Quảng-ngãi

Tỉnh Quảng-ngãi này ở trên một cái khu-vực có đất rộng, có sông ngòi, xen lẫn trong các núi, các gò, nằm bên mé biển « Trung-quốc-hải ».

Dân-tộc làm chủ-nhân-ông cho miếng đất ấy hiện bây giờ là dân-tộc An-Nam và dân-tộc Mọi, nhưng số người An-Nam đông mà chiếm phần đất thời hẹp, còn số người Mọi ít lại chiếm phần đất thời rộng.

Trong một làng An-Nam ước 4, 5 trăm dân mà địa-giới của làng ước đi trong mấy giờ đồng-hồ thời giáp, trong một

làng Mọi chỉ 4, 5 mươi người, mà địa-giới làng ấy đi một hai ngày chưa cùng. Nhưng không cứ rộng hẹp thế nào, chúng ta thử lấy số đất và số dân toàn-tỉnh mà suy tính thời tỉnh này một cây số vuông đã dung hơn 100 người, so với các tỉnh khác thời tỉnh Quảng-ngãi là người nhiều mà đất hẹp; cứ theo số kê biên về sinh-tử trong hai năm nay, số sinh thẳng số tử, mỗi một năm thêm ra 1.369 người mà số người càng đông thời số thêm ấy lại càng chỗi lên nữa.

Địa-giới tỉnh thời phía đông giáp bể, ba mặt đều giáp lân-tỉnh, không có thể khuếch-trương thêm được mà số người lại càng ngày càng tăng, tất có một ngày kia tỉnh Quảng-ngãi sẽ bị cái họa « *nghơn-mãn* ».

Như chương-trình kinh-lẽ đã nói ở trên, thời dân tỉnh này làm ăn rất khó nhọc mà hiện-thời sự sanh lợi trong một năm cũng chỉ có thể nuôi miệng cho dân vừa đủ, mà cách vừa đủ ấy là cách rất cần-kiệm, rất kham-khở; theo sự sinh-hoạt của một kẻ bần-dân; cứ biện-trạng như thế này mà người càng ngày càng đông lên thời dân Quảng-ngãi không tránh khỏi cái họa « *phạp-thực* ».

Muốn tìm cái con đường sống và tạo cái hạnh-phúc cho dân Quảng-ngãi thời phải tìm thế nào?

Cách giải-quyết về vấn-đề khó-khẩn ấy tương-lai thế tất phải cầu-cứu đến nhà chính-trị.

Ý-kiến của chúng tôi như thế này:

1º) Nên mở một con đường giao-thông các đồn Mọi, từ Sơn-hà qua Minh-long, Ba-tơ, có thể do đường cái quan ở Sơn-tỉnh mà đi vòng lên Sơn-hà trở về Ba-tơ rồi về cái đường cái quan ở Mộ-đức hay Đức-phổ. Đường ấy dài không hơn 100 cây số mà đã có hai đầu đường sẵn ở Sơn-tỉnh chỉ Sơn-hà, từ Mộ-đức đến Ba-tơ non 50 cây số rồi, nếu mà mở được đường ấy sẽ tiện-lợi cho sự giao-dịch người An-Nam đối với người Mọi và nhờ con đường ấy dân Mọi đã được chóng

khai-hóa lại bớt dần những sự cướp bóc miền thượng-du.

2º) Đường giao-thông trong các hạt Mọi đã mở xong thời tiếp theo đường ấy mà mở thêm một con đường thông lên *Kon-toum* được.

3º) Xin lập thêm các đồn trên xứ Mọi để dụ các sách Mọi hoang và làm căn-bản cho các sách Mọi đã chịu thuế, cũng là giúp đỡ cho dân dưới trung-châu lên khai-phá đất ruộng còn hoang-nhàn miền thượng-du.

4º) Về phần trung-châu xin khích-khuyến cho dân cải-cách nghề nông để cho hợp với sự cần dùng của xã-hội bây giờ. Chúng tôi nói cải-cách không phải nói vội bỏ cái cây trâu mà dùng cái cây máy, bỏ tát nước bằng gầu mà lấy nước bằng máy dầu, nghĩa là cải-cách về thổ-sản. Xin phát cho dân những sản-vật gì mà có thể xuất-cảng ra ngoại-quốc được, khích-khuyến cho dân trồng-trọt để thêm ngạch xuất-sản ra, tìm những mối hàng cho dân tiêu-thụ hiện có trong tỉnh.

5º) Xin lập cho dân Quảng-ngãi một trường công-nghệ để chỉ vẽ những công-nghệ tân-thời. Trường ấy do Nhà-nước lập ra mà cũng có thể bắt những người đến học phải chịu học-phi.

Mấy khoản trên này là chúng tôi hi-vọng về đường chính-trị, nhưng nếu chính-trị làm có thành-hiệu cũng phải cốt có tấm lòng khuynh-hướng của dân.

Vậy chúng tôi đối với dân-gian có mấy lời ao-ước như sau này:

1º) *Bỏ sự khí vật mà cùng nhau mưu sự ích-lợi.* — Vẫn biết dân Quảng-ngãi là dân « *thượng-khí* », nhưng hai chữ « *thượng-khí* » mà dùng riêng về cá-nhân, đối với cá-nhân thời thật hại. Chúng tôi thường thấy nhiều người khí nhau về sự ăn chơi mà đến nỗi tan nhà nát cửa, khí nhau về sự kiện-tụng mà đến nỗi bỏ ăn bỏ làm, thậm-chí gây ra cừ-thù, xảy ra án mạng cũng vì hay khí vật nhau mà

sinh ra. Vậy thời khuyên nên bỏ sự khi vật dè cùng nhau vầy một đoàn « hòa-khí », đã đỡ tổn phí mà lại thêm ích-lợi cho tỉnh bạc.

20) *Bỏ sự phù-phí.* — Dân Quảng-ngãi cũng là dân biết tiết-kiệm không đến nỗi xa-hoa như các nơi, nhưng thường thấy trong các làng không biết bao nhiêu là đền, là miếu, nơi thờ lấy tiền công, nơi thờ lấy lương bằng gậy-dựng. Cứ liền tu hồ và tiền cúng tế trong một năm rất ít mỗi sở cũng phải tốn đến 10\$00. Thế thời chỉ bằng hợp lại mỗi làng một cái đình một cái chùa, làm ra cho nhiều mà dè cho tiêu-tụy thời ta nên hợp lại số ít mà giữ được trang-nghiêm, phần thời cũng giảm bớt được món tiền tiêu phí ấy nữa. Còn như Nghĩ-chúng thời chúng tôi thấy nhan-nhân trên mặt đất thờ đạo trong tỉnh mà xem lầm chỗ cách nhau năm mười mẫu ruộng đã có một sở Nghĩ-chúng. Vẫn biết trọng người chết cũng là một cái tình tốt, nhưng trong hồi kinh-tế khó khăn này thời cũng phải lo về kế sinh-hoạt của người sống nữa mới được. Nếu trong nơi hương-thôn đâu đâu cũng đều lo giảm những cách phù-phí đã nói trên thời cũng có thể đỡ ra một món tiền dè mưu về sự ích-lợi.

30) *Bỏ sự manh-lùng phải có lòng tự-chủ và tin-ngưỡng vào đường chánh-trị.* — Chúng tôi cũng biết rằng dân Quảng-ngãi phần nhiều có tư-tưởng đối với đời với nước, cũng là ưa tiếp-thụ các phong-trào mới trong thế-giới thật, nhưng ở đời phải có một cái tình-chất tự-chủ phải suy-xét tình-thế không phải nghe xiên làm quàng mà tạo hạnh-phúc cho mình được, chúng ta thử xét việc dĩ-vãng mà xem, dân ta thường nhẹ dạ mà nghe người ngoài xui-giục kết-quả gây ra cuộc họa-bại đã có tang-chướng, thời bây giờ ta nên hồi đầu tỉnh-ngộ lại. Ta thử xem sự cần-thiết cho dân ta bây giờ là việc gì?

Không phải những tư-tưởng viên-vòng phong-trào rộn-rập mà tìm con đường

sống cho dân ta được. Thế thời ta nên cần sự thiết-thật cho mình, nên lo làm, lo ăn. Nghề-nghiệp vụng thời lập cho hay, sản-vật ít thời làm cho nhiều, kiến-thức hẹp thì học cho rộng. Ta lại phải tin-ngưỡng về đường chánh-trị thuận theo chánh-trị mà tìm hạnh-phúc, không nên nhắm mắt nghe liều mà gây ra cái họa-hại cho quê-hương xứ-sở mình.

40) *Bỏ sự cố-chấp, làm ăn mua bán phải theo thời-thế.* — Chúng ta thử xem số xuất-cảng nhập-cảng năm vừa rồi, số lúa gạo của tỉnh Quảng-ngãi xuất-cảng có 80 tấn, mà số lúa gạo ở ngoài nhập-cảng đến 1.200 tấn.

Hai số chênh-lệch như thế là vì lẽ gì?

Vì tỉnh Quảng-ngãi bị mất mùa không đủ gạo ăn chăng? Không phải? Trong mấy năm nay tỉnh Quảng-ngãi vẫn được mùa, hiện bây giờ nhà nào cũng đầy kho đầy vựa, than-văn lúa gạo không bán được, mà lúa gạo ngoài thì cứ nhập-cảng tiêu-thụ. Người trong tỉnh vẫn mua gạo của người ngoài bởi vì những lúa gạo các nhà nông trong tỉnh làm ra cứ câu-chấp mà không bán giá rẻ, thành ra dân nghèo phải vác tiền mua gạo các xứ. Vẫn biết hột thóc làm ra kham-khở bán rẻ cũng đáng tiếc thật, nhưng sự mua bán phải theo thời-thế, nếu dân ta cứ cố-chấp mãi, thời đồng tiền trong xứ-sở này nó phải đi ra nơi khác, mà lúa gạo của mình ắt có ngày bị sâu, bị một câu bán cũng không ai thèm mua, sự cố-chấp ấy không những hại cho mình mà lại có tội với xứ-sở nữa. Không những lúa gạo, đến như đường như quế và các hạng khác cũng thế, theo kinh-tế-học phải nói thời những đồ xuất-sản phải tùy theo thời-giá mà tiêu-thụ ngay được mới có lợi.

50) *Phụ-huynh phải khuyên tử-dê cho có sinh-nghiệp.* — Chúng ta thường thấy các nhà giàu, cứ đến mùa bán lúa, bán đường thời con cháu đốn-dơ áo hàng, quần lụa giông chơi xe đạp, sao cha mẹ không dạy cho con một cái nghề cầm tay?

(Không có nghề nào hèn cả, chỉ có người hèn mà thôi).

« Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh »

Người sinh ra ai cũng phải tự-tạo con đường sống cho nấy, không nên ý-lại vào ai cả; ý-lại là một tánh xấu, mà đã chắc ý-lại nơi người được mãi sao? Còn bảo rằng không nghề. Chẳng nói gì các nghề khác, cái nghề nông ở xứ ta hãy còn vụng về, cần phải khuếch-trương và bồi-bổ thêm ra. Trong tỉnh nghèo là vì số người làm thời ít mà số người ăn không ở nễ thời nhiều. Một số ít người phải làm cung-cấp cho toàn-tỉnh, nghĩ gặp cơn nắng hạn mưa dầm, sao tránh khỏi cái nạn đói.

« Người sinh ra để làm như con chim đẻ bay » Không làm đã là một cái tội

đối với non-quần xã-hội, mà lại là một cái nguồn cho muôn sự chẳng hay.—Câu ngạn ngữ tây nói: « Không làm việc gì cả thời chẳng xu sự làm bậy được » Không có việc gì thời tất-nhiên phải đi tìm cách tiêu-khiển cho qua thi-giờ, thế mới sinh ra bạn bè phỉnh dối xúm năm xúm bảy bày cuộc đồ-bác hay là nghe lời người ta cử-dụ làm những việc chẳng lành, đem mình vào trong vòng tù tội. Vậy phụ-huynh đừng cho con em hâu-mạn đua chơi, phải cho chúng nó đi học nghề, phải mong bề thực-hành mở rộng con đường sinh-hoạt.

« Đất ruộng hộn-bề, không bằng cái nghề cầm tay ».

(Hết)

VĂN-UYÊN

NÔNG-SƠN THI-TẬP

Về làng gặp tuần mưa mới
tạnh, mừng mặt trời

Àn bóng mây mưa đã lấm rồi,
Nay óng mở mặt thế-gian coi;
Hôm qua vẫn tưởng ông đi vắng,
Ai biết rằng ông sáng rực trời.

Đề non-bộ

(Khi ở làng ngồi dạy học)

Một cái đèo con cái bề con,
Nước không khi cạn đá không mòn;
Đầu mười năm trước ầu còn đầy,
Không phụ tình xưa với nước-non.

Đỗ tú-tài

(Khoa bính-ngộ)

Ó hay tôi đỗ tú-tài ư?
Trời bảo tôi sao tôi cũng ư;
Một thi khoa danh thêm mắc nợ,
Ba sinh đèn sách vẫn vương tơ;

Bam nghề nghiên-bút ai còn hợm,
Lên ngón tài-hoa thế mấy đơ;
Ấu có mẹ già vui tạm vậy,
Phụ lòng dựa cửa những mong chờ.

Khi đỗ cử-nhân về mừng chúc mẹ

(Năm nhâm-lý)

Nhà ta vốn một lòng trung-hiếu,
Khi loạn-ly lẽ-đỡ bước phong-trần;
Trời cũng thương khỗ-tiết cô-thần,
Đề một chút vị-vong nhân đến phúc lại.
Mười-lăm năm giang-hồ đã trải,
Trăm đắng cay dầu-dãi tám lòng son;
Hai tay đất giữ dân con,
Từng lặn bề trèo non đá khó-nhọc.
Này tìm thầy để cho con theo học,
Mà ông thầy khoa-mục đại-tóng;
Này xem tóng để lấy vợ cho con,
Mà nhà vợ cũng danh-món hiếu-nghĩa.
Ngoài sáu-chục tiết nay chỉ-hỷ,
Đầu chưa già lo-nghi cũng già ra;
Ấu là nhờ phúc nhà ta,

Moy đầu trẻ dăng-khoa cùng một lúc (1).
 Yến vua ban đem về bài-chúc,
 Giở về giá lộc lại thêm tươi;
 Xin rằng thọ chín mươi mươi!

Thứ đêm

Hay lo il ngủ khò đêm dài,
 Chân chẳng buồn ngâm bó nữa hoài;
 Thối cái chữ này rồi cũng hết,
 Mà con người ấy sống còn dai;
 Trăm năm cuộc lớn nguyên là mộng,
 Một ngọn đèn con biết mấy ai;
 Mong sáng đi chơi còn có thú,
 Trò đời trông thấy được nhiều vai.

Long-thành hoài cổ

Còn khỏe còn ham thú nước non,
 Mắt không sao chán gót không chôn;
 Tượng đèn Trần-vũ đồng khôn nát,
 Bìa các Khuê-văn đá chữa mòn;
 Vàng mặt hồ Tây trong suốt đáy,
 Bận lòng sóng Nhị đục như son;
 Một mình thư-thần giọng chiều mát,
 Bóng ác chênh-chênh cuộc gọi hồn.

La-thành phỏng cổ

Bìa đức Đường xưa mảnh đá chìm,
 Thành La xuyên-tạc biết đâu tìm!
 Gốc cây đục rỗng tia hang chuột,
 Khóm cỏ tha tàn rác tổ chim;
 Trải mấy nghìn năm trong cuộc biển,
 Đứt ra từng đoạn giữa đồng chiêm;
 Sự đời nào chắc gì là vững,
 Nước mắt ai thừa khóc cồ-kim.

Hà-nội hành

Nùng Nhị từ xưa mở đất cõi,
 Nghìn năm vương khí nơi đó-hội;
 Nếp đất phồn-hoa trải mấy triều,
 Phố-xá rộng-rãi ở chặt chội;
 Nhà ngói bát úp, đường bàn cờ,
 Đèn điện sao sa nước máy rội.

Người đủ hạng người, trò đủ trò,
 Phong-lưu thanh-lịch cũng có lối;
 Trừ ra trai mấy cậu phu xe,
 Là không bộ cánh, áo rách-rưới;
 Trừ ra gái mấy chị hàng than,
 Là không son phấn, mặt đen đui;
 Dù đầu mắt mùa kềm bao nhiêu,
 Ở đất ăn chơi chẳng biết đời;
 Dù người như đất, hiền bao nhiêu,
 Ở lâu lập-nhiễm rồi cũng đời;
 Người khôn của khó lúc đua chen,
 Dù ngôn man chân ầu mới đời.

Xem trong bãm-sáu phố phường này,
 Kể đi người lại ai cũng vội;
 Các quan các lĩnh thường về chơi,
 Xin bỏ xin thăng hoặc xin đời;
 Công tư to nhỏ biết bao trường,
 Thấy thấy trò trò nhộn hai buổi;
 Kể đi làm việc kể làm công,
 Mỗi người một nghề chẳng ai rồi;
 Trước ga xe hỏa, trên bến tàu,
 Hàng-hóa lên xuống, phu bốc-rối;
 Đồng-xuân chợ họp đóng cả ngày,
 Hàng giấy khách chơi vui về lối;
 Cà-phê chả-cá hiệu coo-lâu,
 Chớp-ảnh tuồng lâu, rạp hát bội;
 Lên cao trông xuống bọn người đi,
 Thật là chen chúc trong đám bụi.

Nếu không danh-lợi dẫm nhau vào,
 Ai chịu đua chen sống mấy nổi;
 Suy ra cho rộng nổi doanh-hoàn,
 Đại đề cũng như thành Hà-nội.

Than quá thời

Ngày gần nói sao hết,
 Đêm dài thức phải lâu;
 Đã cam yên một phận,
 Thêm khò biết vài câu;
 Mượn chén cho tươi mặt,
 Soi gương vẫn lắc đầu;
 Ước gì ta trẻ lại,
 Duyên mới người càng ầu.

(1) Khoa ấy có em con nhà chủ đồ tù-tài.

Ngẫu-hưng

(Nhân đến chơi bạn đồng-niên là quan nghề Bùi Bằng-Thuận, quan nghề lên Thương-tá lại đi tri-phủ đến hai ba lần. Quan trọ ở đây được ký-bỏ tri-huyện mà mãi chưa b). Nên ngẫu-hưng ngâm đùa).

Cuộc đời là cuộc bạc,
 Bọn ta là bọn du;
 Quan phủ ù sống mãi,
 Quan huyện chờ chẳng ù;
 Như tôi ù phải báo,
 Quanh-quẩn những giả đồ;
 Cờ bạc trở về sáng,
 Bọn ta vẫn lu-bù.

Lên núi Non-nước

(Tỉnh Ninh-bình)

Trái mẩy tang-thương núi chẳng già,
 Trơ-trơ đứng giữa lớp đời-ba;
 Chỗ người đi đến cây cần-lại,
 Khi nước lui rồi đá nẩy ra;
 Mấy độ sương pha chổi cúc lão,
 Nửa phần rêu phủ chữ thơ nhòa;
 Tìm dấu cho thấy Trương Thăng-lần,
 Văng-vẳng bên trời tiếng hạc qua.

Lấy vợ nhà quê

I

Trắng phấn hồng son đầy kẻ làm,
 Mặc vào khó gỡ nút đồng-tám;
 Nhà quê ta lại nhà quê vậy,
 Mọc-mạc ra nhìn tấm nái thám.

II

Gấm đoạn nhung phay áo đủ màu,
 Ngả chiều thanh-bạch chiu sao lâu;
 Nhà quê ta lại nhà quê vậy,
 Dãi nắng dầu mưa mảnh áo nâu.

III

Bài bạc rỗng-rãi lại phần son,
 Mấy trăm lượng thặng cũng không còn;
 Nhà quê ta lại nhà quê vậy,
 Thu-xếp giang-sơn khéo vẹn tròn.

IV

Ngâm miệng im hơi dưới tiếng cồng,
 Xôi mà cố dấm cố yén không;
 Nhà quê ta lại nhà quê vậy,
 Ruộng đợ trâu giồng vẫn lụy chông.

Sáng sớm ra chơi Đờ-sơn

Đờ-sơn ao-ước bấy lâu nay,
 Gặp-gỡ xui nên mới tới đây;
 Mặt bề trời quang con mắt rộng,
 Đầu ghềnh rượu sớm lấm lòng chay;
 Thong reo quanh ghé chen làn sóng,
 Buồm lừng ngoài khơi làn đám mây;
 Trước ngọn gió nam ngâm một tiếng,
 Ngâm dài cho cả nước non hay.

Gái về chồng cũ

(Năm Bảo-dại thứ sáu lại bỏ về ngạch học-chính, chức Điền-học, khi ấy bỏ nhiều người về tân-phái, chỉ có một mình về cựu-phái mà thôi).

Mười mấy năm nay gái lộn chồng,
 Trở về cho khỏi tiếng lông-bông;
 Người ta duyên mới vui như tết,
 Minh giờ gương xưa luống thẹn-thùng.
 Minh giờ gương xưa luống thẹn-thùng,
 Ái-ân nay lại lọt trong vòng;
 Chốt vì thế nặng son chưa nhạt,
 Nữ phụ tình xưa với núi sông;
 Nữ phụ tình xưa với núi sông,
 Chiều hôm nâng quai lại thêm nồng;
 Chị em ai biết đưng khinh-khích,
 Quả lúa còn chen đám bụi hồng.
 Quả lúa còn chen đám bụi hồng,
 Kề đá hơn mấy kẻ buồng không;
 Đường-đường nay cũng lên ngôi mệnh,
 Ai phụ chi mình gái có công.

Đã trả lại cadre cũ, đầu năm 1932 lại được thăng professeur hạng nhì

1

Về với chồng em đã một niên,
 Trai còn gần-bó chữ nhân-duyên;
 Đá vàng thuyện hảo thôi vô-ích,
 Sao chẳng giùm em một món tiền?

2

Chèo đồ vừa trả lại đầu gà,
 Những hại cho người cuối cánh ta ;
 Âu cũng lợi quân nhờ vận tấy,
 Ủ thông đến sáng rút không ra.

Khai bút năm giáp-tí

Hân kiếp tu xưa phúc cũng đầy,
 Ngây-ngờ còn sống ở đời nay ;
 Rượu không biết uống liều làm ngọt,
 Bạc chẳng ăn ai ngọc vẫn cay ;
 Đại nết phong-tinh con mắt lằng,
 Vụng đường giao-thiếp cái lưng ngay ;
 Thế mà khoa-hoạn nhiều khi tấy,
 t:ầu hội này xem vận tới đây.

Hồ Ba-bể (1)

Rừng rộng, non cao, lọt bề khơi,
 Tang-thương này chứng cuộc muôn đời ;
 Đồi thay Lê, Mạc, triều lên xuống,
 Xưa đuổi sài lang sóng dập vui ;
 Những lối giặc Tàu rêu đã phủ,
 Mảnh lòng quan Quận bóng trắng soi ;
 Hỏi non-sông ấy ai là chủ ?
 Có diêm-tổ nên cảnh tuyết vời.
 Có diêm-tổ nên cảnh tuyết vời,
 Bức tranh sơn-thủy ngấm càng tươi ;
 Đường pào sáu thẳm khe lườn động,
 Bóng sáng trong xanh nước lộn trời ;
 Ba đợt đá chênh rờng cá nhảy,
 Và gian chùa cổ nâng mưa phơi ;
 Lênh-đênh bề hoạn mà chơi thú,
 Con tạo riêng cho người biết chơi.

Vịnh vòng ngọc tặng cô đào Hoàn (vòng)

Thân em trong sạch tình em tròn,
 Trái mấy liêu-ma chất chẳng mòn ;
 Non bề đúc nên đời hiếm có,
 Phồn-hoa đợ lại giá càng tồn ;

Vầy chơi cho chán gần không gợn,
 Gõ thử mà xem liếng vẫn giòn ;
 Thế-giới có em hoa hội rẻ,
 Ngày đêm ai cũng muốn đeo luôn.

Họa nguyên-vận mừng thọ cụ Thượng Nguyễn Vi-khanh

Tẻ vui chung với nước non này,
 Hỡi đợi mà xem vận-hội xoay ;
 Riêng hưởng phúc trời nhân lại khỏe,
 Trải qua mùi thế mặng cùng chay ;
 Áo xiêm hợp bạn kỳ-anh cũ,
 Mực thước làm gương bọn trẻ ngây ;
 Lục-dã còn bao ngày tháng rộng,
 Chơi xuân là lối bấy nhiều ngày.

Thống thơ của bà huyện Thanh-quan

Thơ

Dừng chân ngảnh lại trời non nước,
 Một mảnh tình riêng ta với ta.

Thống

Văn-chương trong đám quần-thoa,
 Nghìn thu còn để tiếng bà Thanh-quan ;
 Hồn thơ gửi với giang-san,
 Bạc đầu cái phận hồng-nhan mà phiền.

Thơ

Nghìn năm gương cũ soi kim-cổ,
 Cảnh đây người đây luống đoạn-trường.

Thống

Tiếng ai như tiếng chuông vàng,
 Thơ ai như thể văn-chương khóc đời ;
 Nghe thơ lại nhớ đến người,
 Đai-trang sao có những lời thanh-tao !

Thống thơ cô Hồ Xuân-Hương

Thơ

Hiền-nhân quân-lữ ai là chẳng,
 Mối gối chồn chân vẫn muốn trèo.

(1) Hồ ở châu Chợ-Giã Bắc-kạn. Khi Mạc giữ Cao-bằng lấy đây làm hiềm-yến, chống nhau với nhà Lê. Đến khi cuối đời nhà Lê, có giặc Tàu là Hoàng Lão-Tài cũng chiếm-cử nơi ấy làm sào-huyệt, có mấy ông quận-công nhà Lê tử-trấn ở đây. Tục truyền rằng : Khi trước đây là núi cao, vì dân ở đây hay làm điều ác, nên trời bắt sự xuống làm bể để giặt những loài ác ấy là loài sài-lang. Nhân có quan Phan Đình-Hóa án-sát Bắc-kạn, ta lên chơi ngẫu-hứng đề hai bài.

Thống

Vấn nào là chẳng deo-neo,
Cảnh nào là chẳng ra chiều lằng-lơ ;
Mà hồng phận bạc từ xưa,
Tài-tình chỉ mấy cô Hồ Xuân-Hương !

Thơ

Khen ai đẽ đá tài xuyên-tạc,
Khéo hỡ-hang ra lăm kẻ nhòm.

Thống

Cuộc đời xưa vẫn tối om,
Vào đời lên-lũ phải nhòm tận nơi.
Cố kia hiểu thấu sự đời,
Khéo thay mượn cảnh vẽ vời nên thơ.

Đề giả sơn-thủy của quan Tuấn
Mai Toàn-Xuân tự là Song-tiên

Ra tay xếp đặt đỡ công trời,
Nàng cũng non cao cũng bề khơi ;
Đá nước biệt thành riêng thế-giới,
Cỏ hoa chẳng chút bận trần-ai ;
Hỏi vườn mai ấy ai là chủ ?
Mà động tiển đây cảnh hợp người ;
Lịch-duyệt bấy lâu đường sĩ-hoạn,
Giang-sơn thu lại một bầu chơi.

Lại câu đời

Non nước đợi người nên cảnh đẹp ;
Cỏ hoa vui mắt bỏ tay trồng.

Lên núi Sài-sơn

(Dịch bài thơ Hán-văn)

Gió đưa lên núi Sài-sơn,
Núi cao chót-vót thân nhân phồn-phơ.
Đá kê hang thành tro-tro,
Chợ trời mây nổi tỏ cơ-sự đời.
Cảnh xinh may mới gặp người,
Ngoài vòng tục-lụy hã đời cỏ cây.
Nhớ xưa quê cụ Thượng Thầy,
Sách còn giấu ở non này phải không ?

Bối-am

Cửa Sài riêng một động tiên,
Ai đem là bối đặt tên am này ?
Hắn đá xưa cụ Thượng Thầy,
Tham-thiền mười cảnh những ngày
Ngự-thi còn đượm vẻ sơn, [qui-sơn.
Trăng treo đèn vách mây vờn khói
hương.

Bút hoa, giấy lá, mực sừng,
Hãy còn phảng-phất văn-chương thịnh-
triều.

Khách chơi từng trải bao nhiều,
Mà ai đã nhận ra điều đó không ?
Đạo lên ba tiếng chuông đồng !

Qua núi Phụng hoàng

Tiệc thay cho Phụng-hoàng-sơn,
Lạ cho đâu bề chẳng cơn-cớ gì !
Non cao đực đến phảng lý,
Cứ như thế mãi còn gì núi non !

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Huê-kỳ với Nga Sô-việt

Tư-bản và cộng-sản là hai chủ-
nghĩa không thể sống chung một trời.
Huê-kỳ làm đại-biêu cho chủ-nghĩa
trước, còn Nga Sô-việt làm đại-biêu
cho chủ-nghĩa sau. Hai nước ấy cự
một chút là tùm đàu bầu cỏ nhau mới
phải. Nhưng* không thể, hiện nay
ở Huê-kỳ lại xuất-hiện vấn-đề thừa
nhận Nga Sô-việt.

Vi sao mà có chuyện không ngờ ấy ?

Như ai nấy đều biết, Huê-kỳ là nước
chịu ảnh-hưởng cuộc thế-giới kinh-tế
khủng-hoảng này nặng hơn hết : cáo
công việc thương-mại kỹ-nghệ bị đình-
đốn, mà Hàng-hà sa-số dân bị thất-
nghiệp. Nay thừa-nhận Nga Sô-việt, rồi
cùng nước này ký thương-ước, làm cho
cuộc thương-mại mạnh thêm, dầu,
không gỡ hẳn được nạn thất-nghiệp

chớ cũng được một phần khá. Ấy là một cái cơ, cơ về mặt kinh-tế.

Còn một cơ về mặt chính-trị nữa. Hiện bây giờ, Mĩ với Nhật là hai nước như sừng với đuôi ở Viễn-đông. Hiệp-ước Hoa-lợinh-đốn (1922) đương còn đó mà Nhật đã vùng cậy rầm lên, toan xưng hùng xưng bá. Đến năm 1936 là năm hiệp-ước ấy mãn-hạn thì Nhật sẽ hành-động ra làm sao nữa! Đến đó mình chưa biết có đối-phó với nó được không! mà dầu cho có được đi nữa cũng là trầy vi tróc vảy. Lại biết đâu không có «chú chài» kia chực sẵn mà túm quách quyền lợi của mình! Chỉ cho bằng tìm thêm đôi nước giúp cho mình. Trong những nước ấy phải kể Nga làm đầu, vì Nga với Nhật là hai anh hàng xóm, mà lại là hàng xóm ngõ-ngịch với nhau.

Mĩ cần phải thừa-nhận Nga Sô-viết là vi thế.

Còn Nga? Nga có lẽ cũng không từ. Vì về mặt kinh-tế, cái thương-ước với Mĩ sẽ làm cho Nga xuất-cảng hàng hóa của mình được nhiều hơn. Về mặt chính-trị thì Nga cũng muốn có thêm vầy cánh để đối-phó với Nhật đương khiêu-khích mình luôn luôn kia.

Cho hay việc đời nó xoay một cách không ai ngờ! Lợi đâu thì xu theo đó, dầu là kẻ thù nghịch với cha ông mình, với mình cũng nhắm mắt mà theo.

N. S.

(Tiếng dân)

Thời-cực nước Tàu

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh. — Kỳ trước bản-chí đã nói tại Cồ-linh sẽ có cuộc chính-phủ hội-nghị. Theo những tin-tức đồn đi thì hội-nghị Cồ-linh có mục-dịch họp một chính-phủ do các đảng phái hợp-lực cộng tác. Ông Tinh-Vệ sẽ thay Lâm Sâm làm chủ-tịch chính-phủ quốc-dân, Tổng

Tử-Văn sẽ giữ công việc tổ-chức kinh-tế trong nước, có lẽ lại làm cả viện-trưởng viện Hành-chính. Còn Khổng Tường-Hy sẽ làm tổng-trưởng bộ Tài-chính, Hoàng Phu giữ bộ Ngoại-giao. Nếu chính-phủ lập được như thế thì sẽ tránh khỏi được những sự chính-kiến bất-đồng gây nên nạn nội-loạn. Tường Giới-Thạch thì vẫn giữ chức Tổng-tư-lệnh, mà quyền-thế có lẽ lại tăng thêm.

Song Tổng Tử-Văn, di dự hội-nghị Cồ-linh về Thượng-hải có tuyên-bố rằng chưa có quyết-định gì về việc thay đổi chính-phủ. Tuy vậy quyền-hạn của hội đồng kinh-tế toàn-quốc sẽ tăng lên để thử dùng bông và lúa của hãng cho vay. Hội-đồng có một ủy-ban thường-trực ba viên: Tổng Tử-Văn, Ông Tinh-Vệ và Tôn Khoa.

Tổng nhận rằng các nhà băng đã thuận cho Chính-phủ vay 12 triệu ngân hạn.

Về chính-sách đối Nhật thì Tổng không chịu nói rõ điều gì. Tổng nói đã giao cả các việc cho Ông Tinh-Vệ. Có lẽ viên đại-sứ Tàu ở Đông-kinh là Trương Tác-Tân nay mai sẽ đi Nhật để giữ cho việc bang-giao vẫn được ở mực cũ, nhưng vẫn giữ các điều thỉnh-nguyện trước về địa-giới.

Ông Tinh-Vệ ở Cồ-linh về cũng tuyên-bố cùng các báo rằng việc Tổng Tử-Văn về nước sẽ chẳng có sự thay đổi gì trong chính-sách ngoại-giao cả. Còn lúa mì và bông vay được của Mĩ sẽ dùng cả vào trong việc khuyến-khích nông-nghiệp và tổ-chức các nhà kỹ-nghệ. Ông Tinh-Vệ nói rằng thực có việc dự-định phái hai người trong ban Trung-ương hành-chính xuống miền tây-nam hội-kiến cùng các tướng miền ấy để phá tan mối nghi-ngờ trước.

Chính-phủ trung-ương định cử Vu Hữu-Nhiệm xuống Hương-cảng để khuyến Hồ Hán-Dân và Tiêu Phạt-

Thành lên Nam-kinh dự Ngũ-toàn đại-hội và chủ-trì đại-kế.

Có tin ở Nam-kinh rằng viện Lập-pháp đã chuẩn-y bản điều-lệ của hội-dồng kinh-lễ Hội-dồng sẽ được đủ quyền hành để dự-thảo và thực-hành chương-trình chấn-hưng nền kinh-lễ, chi-tiểu các khoản cần và tuyền các tay chuyên-môn ngoại-quốc.

Ông Tinh-Vệ, Tôn Khoa và Tổng Từ-Vấn đã họp ở Thượng-hải bàn xét về vấn-đề tài-chính và chức-vụ hội-dồng kinh-lễ. Sau buổi hội-dồng này, Ông Tinh-Vệ tuyền-ngôn cùng các nhà báo rằng hiện nay Chính-phủ đang gặp nhiều sự khó-khẩn về tài-chính. Chính-trị ủy-hội Quốc-dân-đảng không tìm được phương-kế giải-quyết, nên phải đến Thượng-hải thương-thuyết cùng Tổng Từ-Vấn, Ông nói rằng sắp tìm được phương-kế giải-quyết rồi. Ông Tinh-Vệ, Tôn Khoa và Tổng Từ-Vấn bắt đầu từ thứ tư sẽ nhận chức trong hội-dồng kinh-lễ.

Cũng có tuyền-ngôn cùng các báo rằng:

10) Lúa mì và bông Mĩ cho vay sẽ chỉ dùng vào việc chỉnh-đốn nghề làm ruộng và trồng bông.

20) Thay đổi chính-sách đối với Nhật là một sự không thể được. Nhưng Tàu không bao giờ chịu mất bốn tỉnh, tuy vậy việc bang-giao có thể lại như thường được.

Sau việc Mãn-châu, Trung-hoa thiệt hại thế nào. — Từ sau khi quân Nhật chiếm Thâm-dương, Trung-quốc thiệt mất lãnh-thổ hơn 128 vạn 5 nghìn dặm vuông, thiệt mất nhân-khẩu 294.377.190 người, chiếm mất một phần 16 nhân-khẩu cả nước. Đường sắt bị cướp là hơn 6300 dặm vuông, chiếm một phần ba đường sắt cả nước.

Hôm 18 Septembre là ngày kỷ-niệm lần thứ nhì việc quân Nhật chiếm Phụng-thiên. Tất cả nước Tàu đều kỷ-niệm ngày «quốc-si» ấy. Tại Nam-kinh

các hàng-hóa Nhật đem ra đốt tại các công-viên.

Việc ngoại-giao. — Tàu đối với Nhật trước kia thì bất-đề-kháng, đến khi nó gần lấn đến Bắc-bình, bất-đắc-dĩ phải định hiệp-ước; nay người Nhật lại tuyền-truyền lên cái thuyết «thần-thiện». Nguyên Tướng Giới-Thạch và Ông Tinh-Vệ vẫn có hai người rất trọng-yếu về phái thân Nhật. Bên Ông thì Đường Hữu-Nham, bên Tướng thì Hoàng Phu. Năm ngoái về hồi sau cuộc đình-chiến ở Thượng-hải, Đường đã từng bốn-lần về phía Nhật rất là thân-nhiệt; năm nay về cuộc đình-chiến ở Hoa-bắc, Hoàng đã từng chủ-trương về việc hiệp-ước với người Nhật. Vậy nên Ông, Tướng mới ủy-nhiệm hai người trên ấy để làm mối giới thông với Nhật.

Trong các yếu-nhào Tàu lại có phái thân Anh Mĩ nữa, đứng liệch-tự, phái ấy nhất là Tổng Từ-Vấn; Tổng chuyển này sang Âu Mĩ sở-dĩ được thuận-lợi, là vì Âu Mĩ có ý muốn hợp-tác với-Tàu. Song Ông, Tướng đã định phương-châm thân Nhật, mà Nhật lại phải các nhà ngoại-giao như Quảng-Điền, Sam Thôn sang Trung-hoa tiếp-hợp luôn. Đến nay Tổng Từ-Vấn đi Âu Mĩ mới trở về, thì công-ước đã thành rồi, vậy nên chính-sách ngoại-giao cũng không có thay đổi gì cả. Mới rồi Hoàng Phu có đến hội-kiểu với quan đại-sứ Nhật là M. Oarvasan chẳng qua chỉ là tỏ tình thân-thiện. Ông, Tướng sở-dĩ câu-kết với Nhật, cũng chỉ cốt dùng làm hậu-viện đề mà củng-cố lấy quyền-vị của mình.

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Hiện nay ở Trương-gia-khẩu vẫn chưa yên, quân Nhật vẫn lượn tàu bay ném truyên-dơn xuống kẻ tội quân Tàu, Nhật còn hoạt-động như thế thì ngọn lửa chiến-tranh Bắc-bộ Trung-hoa không khéo lại bùng lên. Còn ở ngoài

Cát-lâm thì quân nghĩa-dũng lại khởi lên như ong, lúc thì đánh lấy Đông-minh, khi thì đến vây Phú-cầm. Quân Cát Hồng-Xương, Phương Chấn-Vũ lại đứng đầu cho quân nghĩa-dũng chực đánh lấy Bắc-bình. Thạch Hữu-Tam thì dựa vào người Nhật cầm đầu cho các bọn thổ-phi quấy rối miền bắc. Như thế thì miền Hoa-bắc bấy còn rắc-rối lắm.

Tin Cập-nhĩ-tân : Nước Hoa-đông cộng-hòa gần đây ra sức mưu mở mang về quân-sự, đã hoàn-thành hai sư-doàn quân quốc-phòng, nhân-số ước hơn tám vạn bốn nghìn người, những khi-giới đều là súng liên-châu kiểu mới của Nga, chia ba đường tiến về phía tây. Quân-bộ Quan-đông Nhật nghe tin lập tức từ Trường-xuân phái ba chiếc máy bay, đội lục-chiến hơn 500 người đi đánh, gặp đạo thứ nhất quân Hoa-đông ở miền Đầu-đạo-cương, hai bên huyết-chiến ba ngày đêm, quân Nhật thiệt hại hơn 120 người, quân Hoa-đông thiệt hại hơn 30 người và hơn 60 người bị thương. Kết-quả cuộc huyết-chiến ấy, Quân Nhật phải bỏ lui về Tiểu-tuy-phần-bà và cấp điện đến Trường-xuân cầu-viện. Quân Hoa-đông không đi theo, đợi các đạo cùng liên-lạc, lại đại-cử tiến-đánh, huyết-chiến lần thứ hai.

Chính-sách đối Hoa của ngoại-tướng mới nước Nhật.— Sau khi Quảng-diễn thay Nội-diễn làm ngoại-giao đại-thần nước Nhật đã định cái chính-sách mới đối với Trung-hoa từ khi xảy ra việc Mãn-châu theo chủ-nghĩa tĩnh-quan, ngày nay cũng giữ phương-châm đã định. Nhưng gần đây hội Quốc-liên cùng Trung-hoa hợp-lạc, các nước Anh Mĩ đối với Trung-hoa sự hoạt-động đã dần-dần hăng-hải. Nước Nhật vì có tự-vệ, nên bỏ chủ-nghĩa tĩnh-quan dùng thái-độ tích-cực, mà chính-sách mới đối với Trung-hoa không như cái chính-sách thỏa-hiệp ngày trước nữa.

Nước Nhật gần đây đối với bốn tỉnh đông-bắc đã thi-hành ba chính-sách mới : 1° Các trường đều dạy tiếng Nhật chữ Nhật ; 2° Quan lại đều dùng người Nhật, 3° Quân cảnh Mãn-châu-quốc, nếu khuyết ngạch không bỏ nữa.

Mãn-châu-quốc gần đây lại định chiếm hẳn cả Sơn-hải-quan.

Mãn-châu chính-phủ có mở cuộc điều-tra dân-số thì thấy Mãn-châu-quốc có 30.929.000 người. Số này là gồm cả dân số Quan-đông và miền đường sắt Nam-Mãn. Dân-số nguyên một Mãn-châu có 29.605.000 người, trong số đó thì 16.333.000 dân ởng và 13.273.000 dân bà. Dân-số Quan-đông và miền đường Nam-Mãn được 1.323.000 người. Con số 30.929.000 chia ra như sau này :

Người Mãn	29.951.500 người.
Người Nhật và Cao-ly	838.250 người.
Ngoại-quốc	137.250 người.

Nga với Mãn.— Quan Ngoại-giao bộ tổng-trưởng Mãn-châu đã đề cho viên tổng-lĩnh-sự Nga bức thư thứ hai và là bức thư cuối cùng phản-kháng những việc vừa xảy ra tại miền cương-giới. Trong bản công-diệp này lại thấy những điều-kiện đã nói trong bản ngày 11 Aoút, như là phải tha ngay cho 10 người Bạch-Nga bị sở mật-thám chính-trị của Nga bắt trong địa-phận Mãn-châu cũng là phải trừng-trị những kẻ có lỗi, cả chính-phủ Nga phải tạ lỗi với Mãn-châu-quốc. Bản công-diệp ấy lại nói nếu Nga không chịu nghe theo những điều thỉnh-cầu ấy thì sẽ sinh ra nhiều việc quan-trọng. Nên nhắc lại rằng việc bắt cóc ấy do một bọn cường đồ hạ-thủ một cách rất bạo-tợn ở phía tây *Pogranichnaya*. Chúng chặt gãy đường sắt bắt xe hỏa lại bắt cóc bọn lính gác Mãn và tất cả các viên-chức sở xe hỏa cùng hành khách rồi đưa cả vào trong núi.

Vì những việc rắc-rối trên đó, nên hai quân Nhật, Nga giữ nhau ở Mãn-châu-ly, xích-quân của Tô-Nga dẫu

chưa vượt cõi, nhưng ở các nơi biên-cảnh đã xếp đặt việc phòng-ngũ, trừ những chiến-hào tưới sắt đã làm xong, lại đắp nhiều pháo-lũy. Quân Nhật cũng lập trường bay và đặt vô-tuyến điện-thoại dùng về việc quân ở Mãn-châu-lý.

Theo tin ở Cáp-nhĩ-tân nói nước Nga Sô-viết vì nước Mãn-châu tự-tiền bắt những người làm ở đường sắt Trung-dông và cưỡng-đoạt nhà ga Mãn-châu-lý cho là trái ước và có ý khiêu-hấn, không dùng võ-lực bảo-hộ đường sắt ấy không xong. Hiện ở Xích-tháp đã dự-bị sắp đặt xe bọc sắt và xe súng trái phá đi vào Mãn-châu-lý. Nhưng thái-độ Mãn-châu-quốc cũng cường-ngạnh lắm, nói nếu quân Nga vượt cõi, lập tức đón đầu thông-kích. Hai nước Nhật Nga sẽ vì việc Đông-thiết-lộ mà gây nên ngòi lửa chiến-tranh chăng?

Đại-biểu Nhật là Xâm-diễn đã từ

Trường-xuân đi Cáp-nhĩ-tân, sẽ ra sức giải-gi quyết việc phân-tranh ấy.

Thương-ước Trung-hoa với Đông-Pháp. — Việc này trước Ngoại-giao-trưởng là Vương Chính-Đình đã giao-thiệp ký bản phó rồi, còn đợi bản chính nữa là xong. Gần đây bộ Ngoại-giao Tàu cùng Tổng-lĩnh-sự Pháp hiện đã bàn bạc được thỏa-thiện, chỉ chờ Tổng-Tử-Vấn về là quyết-định xong. Nay Tổng đi công-cán đã về thì điều-ước sẽ sắp được chuẩn-định thi-hành,

Bấy lâu nay vì thương-ước chưa có, nên chính-phủ Quảng-đông mới rồi định tăng thuế nhập-cảng gạo lên mỗi tạ một đồng; nghe đâu đã sút xuống sáu hào.

Trong việc cốt yếu thương-ước là:

Định rõ thuế nhập-khẩu và thuế quá-canh.

Người Tàu được đãi bằng các nước tối-huệ, được đặt 2 lãnh-sự: 1 ở Sài-gòn, 1 ở Hải-phòng.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 9 năm 1933)

Đức Bảo-đại sắp ra Bắc-tuần. — Có tin ở Triều đình Huế rằng đức Bảo-đại sẽ ra Bắc-tuần vào thượng-tuần tháng *Décembre*. Ngài sẽ ngự chiếc chiến-hạm « *Dumont d'Urville* » do đường thủy tới Hải-phòng rồi lên Hà-nội, mỗi khi đi quan-phong đến nơi không có cơm ăn áo mặc. Hội-đồng « *Cứu tế xã-hội* » ở đấy đặt ra một ban « *Chăn-tế thất-nghiệp* » để tư liệu cứu giúp cho dân thất-nghiệp, Quỹ của ban « *chăn-tế thất-nghiệp* » mới được hai vạn đồng, bắt đầu đã đặt ra hai sở: Một sở ở đường

Albert 1er để làm chỗ nuôi cơm cho dân thất-nghiệp người Pháp, mỗi ngày thết một bữa cơm, bắt đầu từ mồng 1 tháng 9 này đã có 80 người đến ăn; một sở ở đường *d'Ayot* để làm chỗ nuôi cơm cho dân thất-nghiệp người Nam, mỗi ngày thết một bữa cơm, bắt đầu từ mồng 4 tháng 9 này đã có 120 người đến ăn. Cũng có thết cơm cho dân thất nghiệp người Ấn-độ nữa. Các nhà từ-thiện ở đấy có giúp cho tiền hoặc các thực-phẩm, người đến xin ăn mỗi ngày mỗi thêm nhiều. Ban Chăn-tế còn định cho áo mặc, và tìm việc cho làm nữa.

Quan THOLANCE tái-nhiệm chức Thống-sứ Bắc-kỳ. — Quan THOLANCE lên thay Thống-sứ Bắc-kỳ từ năm 1930, đến năm 1932 ngài về Pháp nghỉ, nay lại được thực-thọ Thống-sứ Bắc-

ký, mới Pháp sang tới Hà-nội ngày 10 tháng 9 này, ngài đã lý-chức, có các quan-chức văn võ Tây Nam đến yết-kiến chào mừng.

Đức Bảo-đại di kinh-lý. — Ngày 14, đức Bảo-đại cùng quan Khâm-sứ TAI-BAUDEAU đi kinh-lý tỉnh BANWETHUOT, đến ngày 19 Ngài và quan Khâm-sứ đã trở về Huế.

Cuộc đại-bảo-cử Dân-biểu Trung-kỳ. — Toàn xứ Trung-kỳ năm nay có cuộc đại-bảo-cử Dân-biểu. Ngày 17 tháng 9 này, các khu đều đã họp bầu. Kể cả toàn xứ thì phải bầu là 34 ghế Đại-biểu nhân-dân và 4 ghế đại-biểu môn-bài, thì hôm ấy mới bầu được 21 ghế Đại-biểu nhân-dân và 2 ghế Đại-biểu môn-bài. Còn mấy ghế biểu thì đến ngày 24 mới bầu xong. Khi bầu ban trị-sự thì ông Hà Đăng làm chánh-hội-trưởng, ông Nguyễn Trác phó-hội-trưởng, ông Phạm Văn-Quảng làm thư-ký.

Đông-dương Đại-hội-ngị. — Ban Thường-trực của Đông-dương Đại-hội-ngị ở phía Bắc đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội ngày 20 tháng 9 này, đề bàn mấy việc sau này :

1) Đồi lại những số dự-chi về các việc công-tác lớn và các việc thuộc về vệ-sinh trích vào tiền công-thải năm 1933 ;

2) Hoãn thi-hành trong năm năm đoạn E điều 326 bis nghị-định ngày 6 novembre 1929 về thuế trước-bạ thuộc về các sở quản-lý văn-khế.

Những số dự-chi trong sổ dự-toán sẽ giảm đi tới 3.394.817 đồng.

Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ. — Ngày 19 tháng 9 này, quaa Thống-đốc Nam-kỳ KRAUTHHEIMER đã khai-mạc kỳ hội-đồng quản-hạt thường-niên năm 1933, ngài đọc một bài diễn-văn nói về tình-hình xứ Nam-kỳ, rồi Hội-đồng bầu ban trị-sự mới. Ông MATHIEU được tái-cử hội-trưởng.

Hai ông LABASTE và NGUYỄN PHAN-LONG trúng-cử phó-hội-trưởng.

Hai ông TROUSTINAT và TRẦN VĂN-KHÁ trúng-cử thư-ký.

Hội-đồng lại bầu ban ủy-viên đi dự Đông-dương kinh-tế và lý-tài Đại-hội-ngị. Các ông sau này trúng-cử :

Các ông thực-thụ : MATHIEU DE LACHEVROTIERE, BLANCBARD, NGUYỄN PHAN-LONG, HUYNH NGOC-THUẬN và NGUYỄN VĂN-SÂM.

Các ông dự-khuyết : GUILLEMET, ORSINI, BRODEUR, NGUYỄN ĐĂNG-LIÊNG, TRẦN NHƯ-LÂN và TRƯƠNG VINH-DUY.

Chức Đông-lý phủ Thống-sứ Bắc-kỳ. — Ngày 29, quan Cai-trị DOUGET đã từ Huế tới Hà-nội lại nhiệm chức Đông-lý phủ Thống-sứ như trước.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 29, Hội-đồng bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Hội-đồng Chánh phủ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 30, ban Thường-trực hội-đồng Chánh-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội do quan Toàn-quyền chủ-tọa.

Cụ Quận Hoàng Thái-Xuyên tạ-thế. — Cụ Quận Hoàng Thái-Xuyên, Phụ-chính đại-thần, Thái-tử Thái-phó, Văn minh-diện Đại-học sĩ, sung Cơ-mật-viện Đại-thần, quân-lãoh Binh-bộ, Diên-mậu Quận-công, trí-sĩ, thưởng-thụ đệ-nhi-hạng Bắc-dầu-bội-tinh và Quân-công bội-tinh, vừa tạ-thế tại tư-đề ở ấp Thái-hà tỉnh Hà-dông, hồi 10 giờ đêm 22 Septémbre 1933, tức là ngày 3 tháng 8 năm quí-dậu.

Phủ Thống-sứ lai-cáo bản lịch-sử của cụ như sau này :

Cụ lớn Hoàng Cao-Khải, nguyên Kinh-lược Bắc-kỳ Phụ-chính đại-thần, Văn minh-diện Đại-học-sĩ, thưởng-thụ đệ-nhi-hạng Bắc-dầu bội-tinh, đệ-nhi-hạng An-Nam Long-bội-tinh, đệ-nhi-hạng Cao-mên bội-tinh, đã tạ-thế

tại Thái-hà-ấp, gần Hà-nội, ngày 22 *Septembre* 1933, hồi 22 giờ 40 phút.

Cụ quán làng Đông-thái, tổng Việt-yên, phủ Đức-lho, tỉnh Hà-tĩnh (Trung-kỳ), sinh năm 1850 (Tự-đức tam-niên). Hồi thiếu-niên, đã uôi danh hay chữ, năm 1868, Cụ thi Hương trường Nghệ-an, đậu Cử-nhân.

Năm 1875, Cụ vào làm quan trong Triều-đình Huế, sung chức hành-tầu bộ Lễ, đến năm sau, thăng tư-vụ bộ Lễ kiêm tư-vụ bộ Binh.

Năm 1880, Cụ ra Bắc-kỳ bắt đầu lĩnh Giáo-thụ phủ Hoài-đức, thuộc Hà-nội, Năm 1881, quyền tri-huyện Thọ-xương (Hà-nội), năm sau được thực-thụ tri-huyện Thọ-xương. Năm 1883, được bổ quyền án-sát Hà-nội. Hồi ấy trong xứ đương bị giặc cướp quấy nhiễu; phủ-lý Ưng-hòa cách thành-phố Hà-nội 38 cây số, đã bị quân giặc đến vây đánh trong hai-mươi hôm, tình-thế rất là nguy-ugập; quan án-sát Hoàng Cao-Khải bèn thân-lành đem một đoàn quân vào cứu-viện, sau mấy trận huyết-chiến, đuổi được quân giặc ra tận hạt Thanh-hoai.

Đó là trận đánh giặc thứ nhất của Cụ được thành-công. Từ năm 1884, Cụ đi dẹp các đảng giặc khách và giặc ta ở các hạt Lý-nhân và Mỹ-đức, Chương-mỹ thuộc tỉnh Hà-nội (bấy giờ chưa mở tỉnh Hà-đồng), là những nơi bị quân giặc quấy-nhiều, nhân-dân khùng-bổ vô-cùng, Cụ dẹp giặc chiêu-dân, đặt ra nhiều các đồn trấn-thủ; luôn trong ba năm tiểu-phủ, trong xứ mới được yên-đan như thường.

Khi tỉnh Hà-nội đã yên, Cụ lại đi dẹp giặc Bãi-sậy ở Hưng-yên, vào hồi năm 1885. Dẹp xong giặc Bãi-sậy, Cụ được thăng Tuần-phủ Lạng-son, giúp sức cùng nhà binh đuổi các toán giặc khách và lập cuộc bình-trị trong xứ.

Năm 1886, Cụ được bổ về Tuần-phủ Hưng-yên. Nhờ cái ngụi-lực của Cụ mà nhiều quân giặc xưa kia cứ trốn-

tránh, bấy giờ đều ra thú, thành ra trong vùng ấy được yên-đan. Vì Cụ có nhiều công-lao với Chính-phủ Bảo-hộ như thế, nên quan Tổng-thống SYLVESTER hồi bấy giờ đi kinh-lý miền Hưng-yên, có tặng Cụ một tấm bội-tinh vàng và ủy Cụ lĩnh chức Tiểu-phủ-sứ ở các tỉnh Hải-dương, Hưng-yên và Bắc-ninh, là những tỉnh vẫn bị giặc quấy-nhiều.

Năm 1887, Cụ được thăng thự Tổng-đốc và thưởng Bắc-dầu bội-tinh, bấy giờ Cụ dề tâm vào việc chiêu-tập lại các làng ở Bãi-sậy, là nơi trước bị giặc-giã quấy-nhiều, nhân-dân xiêu-tán di các nơi; Cụ lại giúp Chính-phủ Pháp dề chỉnh-đốn lại mọi việc trong xứ và tu-bổ các đê-điều trong tỉnh Hưng-yên, làm cho tỉnh ấy từ khi đó thoát được cái nạn thủy-lạc.

Năm 1886, Cụ được bổ Tổng-đốc Hải-dương. Sang năm sau, lãnh chức Khám-sai, thống lĩnh cả đoàn quân gồm có các mộ-binh và 600 lính khố-xanh đi đánh giặc Trương Văn-Vinh tức Đội Vàng và Nguyễn Văn-Ty tức Đội Ty. Phải giao-chiến nhiều trận rất kịch-liệt mới làm cho các đảng giặc ấy tan-tác ra được. Nhất là đảng giặc Đội Ty rất là nguy hiem, sau đảng ấy phải đem nộp cho Chính-phủ Pháp 400 quân và 300 tay súng.

Thành ra trong một khoảng thời-gian rất ngắn-ngủi, nhờ có chính-phủ Pháp trợ-lực, Cụ quận Hoàng đã làm cho xứ Bắc-kỳ được yên-đan, mà các đảng giặc xưa kia quấy-nhiều xứ Bắc-kỳ, bấy giờ đều phải tan-tác cả.

Năm 1890, Cụ lại đem một toán quân đi dẹp đảng giặc Tiên-đức ở ngoài đảo Các-bà, làm cho đảng ấy phải tan-tác cả.

Cùng năm ấy, chính-phủ Pháp ý-hiệp với Triều-đình Huế, cử Cụ lĩnh chức Kinh-lược Bắc-kỳ, là chức do Cụ Quận Nguyễn Hữu-Độ lĩnh trước mới tạ thế, nên còn khuyết. Quan Kinh-lược mới bết lòng đồng-y với Chính-phủ Bảo-hộ,

chính-dồn lại việc hành-chính trong nước, là việc rất cần sau khi nhiều-nhương giặc cướp.

Năm 1897, bãi chức Kinh-lược đi, thì Cụ được bổ vào lãnh chức Phụ-chính đại-thần ở Triều-đình Huế và quản lãnh Binh-bộ Thượng-thư.

Năm 1902, Cụ về hưu ở Thái-bà-ấp, là làng do Cụ lập ra, ở gần Hà-nội. Từ bấy giờ Cụ chuyên làm viết các sách, nổi tiếng một nhà văn-học xuất-sắc ở thời-đại này.

Sau khi Cụ mất, Đức Bảo-đại có Dự truy-tặng cụ quận Hoàng Thái-Xuyên làm Căn-chánh điện Đại-học-sĩ và đặc-mệnh hai quan đại-thần ra tử-lễ (1) và đi đưa-dám.

Ngày 1 Octobre tang-gia làm lễ cất đám cụ Quận táng ở sinh-phần tại Thái-bà-ấp.

Đi đưa đám có quan Toàn-quyền PASQUIER, quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Thống-sứ TUOLANCE, hai quan Khâm-mạng Triều-đình Huế là quan Ngự-tiền Văn-phòng Đồng-lý đại-thần PHẠM QUỲNH và quan Nghi-lễ đại-thần BỬU-TRẠCH cùng các quan văn võ Tây Nam rất đông, lại có đạo binh thuộc-địa do quan Thiếu-tướng quân-đốc sư-đoàn Trung-Bắc chỉ-huy đi diễu qua tỏ ý kính-viêng và 8 chiếc máy bay lướt trên không. Có quan Thống-sứ đọc diếu-văn kể công-trạng Cụ và tỏ lòng thán-tích; rồi đến quan Khâm-mạng Phạm Quỳnh đọc bài Dự sau này:

«Ngày mồng 6 tháng 8 năm Bảo-đại thứ 8 tức 25-9-33 Ngự-tiền Văn-phòng thần là Phạm Quỳnh, phụng tờ Dự: Quan Văn-minh-điện đại-học-sĩ Diên-mậu quận-cộng là Hoàng Cao-Khai, thờ vua mấy triều, đức-vọng rõ-rệt, trước sung Bắc-kỳ Kinh-lược-sứ, có tài-năng, xoay cuộc lớn, rồi dấy về Triều mưu-trù việc lớn ở Cơ-mật giúp ích rất nhiều, công-nghiệp rõ-ràng, trong Triều ngoài

quân, ai cũng ý-trọng. Đến tuổi già xin về vườn ưu-du di-dưỡng tuổi trời, được hưởng thượng-thọ trên 80, đạt-lớn trong thiên-hạ, gồm được cả ba-Trăm sắp sửa: gự-giá Bắc-tuần, định ghé lại nhà hỏi thăm, nay không ngờ mắc bệnh qua đời, được tin lấy làm đau-dớn, vậy chuẩn truy-thọ Căn-chánh-điện Đại-học-sĩ để tỏ công cũ rệt lòng nhân-hậu. Nay đặc-mệnh Ngự-tiền Văn-phòng Đồng-lý, Giáo-dục bộ Thượng-thư sung Cơ-mật-viện đại-thần là Phạm Quỳnh thay mặt Triều-đình ra trước chia buồn đưa đám, và đặc-phái Nghi-lễ đại-thần BỬU-TRẠCH làm Khâm-mệnh truyền Chi lễ một diên, để được an-ủi tiêm-linh dưới chín tuổi, và truyền cho bộ Lễ phải tra-cứu lễ-lệ tuân theo, cho được châu-thỏa để tỏ lòng Trẫm qui-mến kẻ cụu-thần.»

Khâm thư

Quan Toàn-quyền Pasquier có về Pháp không ?

Gần đây, các báo *France Indochine*, *Annam Nouveau*, *Union Indochine*, đều đăng nguyên-văn hoặc bản luận về một bức điện-văn của mấy viên đại-biểu ở các hội-ngập Pháp và Nam xứ Bắc-kỳ, gửi về quan Thủ-tướng và quan Thượng-thư thuộc-địa, nói về việc xin bổ một quan thủ-hiến thay quan Toàn-quyền PASQUIER.

Phê-bình việc đó, báo *Chantecler*, theo thể văn khôi-hài, tương-tượng ra một câu chuyện rất thú-vị, tưởng cũng nên tóm tắt ra đây.

Bạn đồng-nghiệp tương-tượng khi bức điện kia về Pháp, mấy quan Thượng-thư hội họp bàn nhau. Trong bức điện chỉ thấy nói đến chuyện một vị gọi là «Gougal», quan DALIMIER hỏi quan SARBAUT: « Ý kiến ngài nghĩ sao ? »

(1) Có văn-lễ ở phần Hán-văn số báo này.

Quan SARRAUT đáp : « Tôi bây giờ trông nom bộ thủy-quân kia mà ! Xin ngài quyết-định. »

Quan DALIMIER : « Điện-tín chỉ thấy kêu ca vì một vị Gougal, Gougal nào thế nhỉ ? »

Thì ra cái chữ Gougal kia, vốn là một chữ viết tắt « Gouverneur Général » để đánh điện tín cho tiện, quan Thượng mới còn chưa quen mắt, trông chừng như có một ông nào tên gọi Gougal ! Quan SARRAUT bèn giảng hộ.

Quan DALIMIER : « A ! thế là những người này xin bỏ quan thay quan PASQUIER ? Tại sao họ không muốn quan PASQUIER ở lại ? »

Quan Sarraut : Quan lớn chờ đợi ! Mùa này viêm-nhiệt, người Tây mình ở xứ thuộc-địa nóng nãy ấy, đều nón-cao cả người lên vì nóng ! rồi có ý « phát bản » đấy mà ! Còn như tình-hình tài-chính và chính-trị ở Đông dương, thì nào ông PASQUIER có lỗi gì đâu ! »

Quan DALIMIER : « Thế nhưng đối với một việc phản-đối như việc đánh điện-văn thỉnh-cầu này, không biết quan PASQUIER có cái cảm-tưởng như thế nào ? »

Quan SARRAUT (cười) : Ồ, ông PASQUIER à ? Ông PASQUIER, cứ như tôi đã biết tính ông, thì đối với việc phản-đối này, ông thần-nhiên, chẳng coi vào đâu cả ! »

Cái câu chuyện của bạn đồng-nghiệp phiếm-dàm là một chuyện hoàn-toàn tưởng-tượng ra chứ không có thực. Nhưng nay ngẫm lại, ta thử xét xem quan Toàn-quyền PASQUIER có thể về Pháp nghĩ được không, hay nghĩa-vụ ngài là còn phải ở thuộc-địa này ?

Thuộc-địa này bây giờ nhiều người kêu ca lắm ! Kêu ca vì kinh-tế khó-khăn ! Những bức điện-văn ở Nam

ở Bắc gửi về Pháp chẳng qua là tiếng kêu ca ấy kết thành. Nhưng mà những bức điện-văn ấy có chính-đáng không ? Bảo rằng có, cũng không lấy gì làm bằng cứ, mà dám quyết... Kỳ-thực, theo báo *Courrier de Saigon*, cái gương mà một vài nhà đại-biểu dân ở Nam-kỳ đã treo cho ngoài Bắc này theo, té ra là cái gương không thể tin được ; vì bức điện-tín của xứ Nam-kỳ, không phải là đa-số các đại-biểu dân ký, mà chỉ là một số ít các đại-biểu đó ký thôi. Ngoài Bắc này, nếu xét kỹ, có khi ta cũng thấy như vậy.

Vậy thì cái ảnh-hưởng một vài bức điện-văn như thế, bây giờ ta nên cầu rằng : đừng có chút ảnh-hưởng gì ! Báo *Chantecler* nói rằng : « Quan PASQUIER thần-nhiên ». Ta cũng có thể đoán rằng : Các nhà giữ trọng-trách bên Pháp sẽ thần-nhiên. Vì không khi nào nhà chính-trị lại tỏ ra « sợ hãi » dư-luận.

Nếu ta xét riêng về những công việc quan Toàn-quyền PASQUIER đã làm ở xứ này trong năm năm, thì ta lại càng có thể chắc rằng : Ngài còn cần cho xứ ta, vì mọi việc của ngài làm đều theo vira ý cả bên Hộ và cả nguyện-vọng của dân.

Dù có một vài hội buôn, một vài người ở Bạng nọ Bạng kia xui giục vận-động làm lâm dư-luận, nhưng làm Thủ-biến một xứ, nếu chiều được hết thấy những người đó, thì có khi hại cho dân không nhỏ.

Quan Toàn-quyền PASQUIER am-biêu dân ta và thể-tất ý-nguyên của dân ta; như thế, đối với ta, dù khiến cho ta mong ngài đừng về vội, hoặc về nghĩ rồi lại sang xứ này.

Giới-thiệu sách và báo mới

Truyện dăng cửu-thế. — Ông ĐẶNG ĐÌNH-HƯỜNG giáo-viên trường Yên-phụ Hà-nội soạn theo lối thơ lục-bát, khổ

sách 11×15 phân tây, 12 trang, giá 0\$02.

Thanh-niên.— Đến mùng 6 Octobre báo Thanh-niên xuất-bản số đầu, mỗi tuần lễ ra hai số ngày thứ ba và thứ sáu, tại Hà-nội, do ông PHẠM HỮU-KHÁNH sáng-lập, ông NGỌC VĂN-ĐỒNG chủ-nhiệm. Giá mỗi số 3 xu, 3 tháng 1\$50, 6 tháng 2\$50, một năm 4\$50.

Hán-Việt thành-ngữ.— Của ông BỬU-CÂN soạn, có 13.000 danh-từ, có dịch và chú-thích ra chữ Pháp.

Sách dày 580 trang, khổ rộng, giá 3\$30

Học thế-giới-ngữ.— Thế-giới-ngữ là một thứ văn-tự của bác-sĩ Za-men-hôf, người nước Ba-an, đặt ra đã ngoài bốn năm-mươi năm. Chữ này nguyên là tinh-hoa của các văn-tự Âu-tây kết thành, đặt theo phương-pháp khoa-học, meo-mực gồm tất cả 16 mục.

Nay ông BUI NGUYỄN-ĐỸNH soạn ra sách « Học-thế-giới-ngữ » này để tiện học, An-sơn thư-xã 70 phố Hàng Bông Hà-nội xuất-bản. Dày hơn 200 trang, giá 0\$50.

Nam-ký thư-viện.— Tháng đầu Septembre 1933 Nam-ký thư-viện đã được 55 độc-giả: 33 người Pháp và 22 người Ta. Số sách mới tặng thêm 1200 quyển, cộng với 4000 quyển là hiện thư-viện có 5200 quyển sách chữ Pháp.

Nam-ký thư-viện đang sửa-soạn để bày tại thư-viện hơn 2000 bộ sách quốc-văn, và đang trữ liệu thu trữ các sách chữ Hán cổ.

Hiện đã có mấy nhà cựu-nhỏ hứa cho mấy pho sách của liền-nhân để lại ước chừng 3000 quyển.

Bước đầu thí-nghiệm, Nam-ký thư-viện xin hết sức tài-bồi để khỏi phụ lấm lòng quốc-dân chiêu cổ.

Dám mong các bạn đồng-chi sẽ vui lòng cổ-động cho chúng nên cơ-sở vững vàng, thi đối với tiền-dồ học-giỏi nước nhà, Thư-viện đồng-nhân cũng được dự phần vinh-hạnh.

Nam-ký thư-viện tại-cáo

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh Ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản:

Tuồng Lối-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước:

- | | |
|------------------------------------|--------|
| 1.— Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2.— Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3.— Văn-học nước Pháp: | 4 hào. |
| 4.— L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5.— Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6.— Khảo về tiêu thuyết | 4 hào. |
| 7.— Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8.— Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10.— Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11.— La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12.— Tục-ngữ cũ-đạo. | 4 hào. |

QUỐC-NGŨ ĐÌNH-NGOẠI (1)

IX

Khuống	Khuống khoéo, luống-khuống (cách sợ hãi).	86°	
Luôn	Luôn luôn, làm cho luôn thè.	Ưng	Ưng ý, con chim ưng, lá khuyên-ưng.
Luống	Luống-luống.	Ưng	Ưng-cử, ưng-tuyền, ưng-nghiệm, linh-ưng, báo-ưng.
Luồn	Luồn cái, luồn lõi.	Bưng	Bưng mâm, bưng quả, bưng miệng lại (không nói).
Luống	Luống gió, con thường-luống.	Bưng	Tưng bưng, nổi giận bưng òng.
Luồn	Luồn-léo.	Búng	Búng cây lên (để trồng chỗ khác).
Luống	Luống-cuống, luống những...	Bững	Cái bững thùng (là cái dáy).
Muốn	Muốn ước, (muốn là một vụn).	Cưng	Cưng con trẻ (không hề la mắng).
Muống	Muống chim.	Cứng	Cứng-cỏi, cứng-cát, cứng cỏi.
Muống	Cây muống	Chun	Chun tay (tức chân tay).
Muốn	Ưa muốn, ham muốn, muốn mê.	Chưng	Chưng vật gì cho chín, vì chưng... con cá chưng, cái bánh chưng.
Muống	Rau muống	Chưng	Chưng vật gì cho chín, vì chưng... con cá chưng, cái bánh chưng.
Muộn	Phiền-muộn, sầu-muộn, muộn quá (trẻ quá).	Chùng	Ước chùng, độ chùng, nói phồng-chùng.
Muống	Cái muống (cái thìa).	Chứng	Chứng-bệnh, chứng-cớ, chứng-tá, chứng-nhân, chứng-chỉ.
Nguồn	Nguồn sông, cội nguồn.	Chưng	Trẻ mới biết chưng.
Ruống	Ruống theo.	Dưng	Người dưng, nước mắt lưng-dưng.
Ruống	Ruống vườn.	Dưng	Dưng chân lại.
Suón	Suón suốt, suón sè, suón đũa-đuột.	Dựng	Gầy dựng, dựng cơ-dờ, dựng cột buồm lên
Suống	Chơi suống, ăn suống, ván bài ù suống.	Đưng	Gió đưng lại (không thổi).
Tuón	Chảy tuón ra.	Đưng	Đưng làm (cũng như chớ làm).
Tuống	Tuống hát, luống-tuống.	Đưng	Đưng dậy, đưng-đần.
Thuón	Thịt nấu thuón.	Đưng	Đưng đưng lên, cái lu đưng nước.
Thuón	Thuón cho đầy túi.	Gưng	Củ gừng cay.
Truống	Truống núi (đường đi giữa núi).	Hưng	Hưng bài (đưng lên lạy xuống), hưng-vượng, hưng-khởi, chấn-hưng.
Truống	Trần-truống.		
Truống	Truống cái nổi xuống khỏi bếp.		
Vuống	Vuống tròn.		
Xuống	Xuống nhảm, (ngoài áo).		
Xuống	Chiếc xuống (thuyền nhỏ).		
Xuống	Lên xuống.		
Xuống	Cái xuống (để xúc đất).		

(1) Xem Nam-Phong từ số 180.

Hùng	Mặt đỏ hùng.	Vùng	Vùng trắng, vùng đông, đôi vùng nhật nguyệt, hạt vùng (tức hạt mè).
Hứng	Hứng-thú, hào-hứng, thi-hứng (hứng-chí ưng làm thơ), tửu-hứng (hứng-chi ưng uống rượu), cái máng hứng nước.	Vững	Vững-vàng, vững lòng.
Hững	Hững-hờ, hờ-hững.	Xưng	Tiểu-xưng, cung xưng, xưng nhận.
Khứng	Chẳng khứng (không chịu).	Xứng	Xứng-dàng, xứng đôi, cân xứng.
Lưng	Đầy lưng, sau lưng, lưng dưng, lưng lẻo, bát nước lưng.	87°	
Lừng	Lừng-lẫy, vang-lừng, lửa lừng trời.	Ươn	Ươn minh, con cá ước.
Lụng	Lửa đỏ lụng, thơm lụng.	Ương	Tành ương chướng, ương lúa, quả ương chưa chín, chim uyên ương.
Lững	Lơ lững, lững - đững, lững thững.	Ừn	Dài chườn ườn, năm ườn ra.
Mưng	Mặt trời mới mưng, mưng đông, cây rau mưng.	Ượn	Ượn-ẹo, bình dài chươn ược.
Mững	Vui mừng.	Ổng	Ruột lớn chương ướng.
Nưng	Nưng-niu, ngưng lên cho cao.	Bươn	Bươn chải, chạy bươn đi.
Nững	Nững lên. (Nổi lòng dâm dục).	Bướn	Người hay nói bướn.
Ngưng	Ngưng-kết, ngưng-trệ.	Cương	Cương thường, cương trực, dày cương ngựa, ngọc kim-cương, sách kim-cương.
Ngững	Ngáp-ngững, ngừng lại (không liền lên được nữa).	Cưỡng	Cưỡng ngành, cưỡng thịnh, cưỡng-quyền, các nước liệt cường.
Nhung	Nhung-cựu (y như cũ), nhưng mà...	Cưỡng	Cưỡng-bách (hay là cưỡng-bức), chim cá-cưỡng.
Những	Những người... những cái...	Chương	Văn chương, báo - chương, chương-trình, chương thứ nhất.
Những	Mặt đỏ những.	Chường	Cháu chường, dạ văn chường phải.
Rừng	Núi rừng.	Chường	Ngu chường, kỳ chường, lam chường, chường-ế.
Sưng	Cây sưng lên.	Chường	Chường-giáo, chường-quyền, quan chường-ấn.
Sùng	Sùng gác, sùng sỏ.	Dương	Âm-dương, thái-dương (mặt trời) cây dương-liễu, chốn dương-gian, tuyên dương, biển dương, biểu dương.
Sững	Sững sốt.	Dường	Dường nào, dường như, cái dường ruộng.
Tưng	Tưng-bừng, tung bạc lên.	Dưỡng	Dưỡng dục, bỏ dưỡng, an dưỡng, dưỡng khí.
Từng	Từng lớp, kể từng ngày.		
Thưng	Thưng dấu, thưng che.		
Trung	Trung - nghiệm, trung - thu, trung - khăn.		
Trừng	Trừng-trị, trừng trách, trừng con mắt, trừng-trợn.		
Trứng	Trứng gà.		
Vưng	Vưng lời (tức vàng lời).		

- Đương** Đằm - đương, đương - nhiên, đương khi.
- Đường** Đường sá, đường mật, đường-hoàng, đường-đột.
- Giương** Cái giương soi, giương trước mắt.
- Gượng** Nói gượng, gượng cười, làm gượng.
- Giương** Giương tay ra.
- Giường** Giường chiếu.
- Giượng** Có giượng, di giượng.
- Hương** Hương hỏa, hương khói, hương đăng (làng mạc), hương thôn.
- Hường** Bông hướng, màu hướng, quan hướng-lô.
- Hướng** Phương hướng, lương hướng, khuyh hướng, hướng đạo.
- Hưởng** Hàm hưởng, ảnh hưởng, hưởng thụ, hất bơ hất hưởng.
- Khương** Khương ninh, khương thái, khương cường, khương cát, chốn binh-khương (là nơi gái đi ở).
- Lươn** Con lươn, bò lươn sạt đất.
- Lương** Lương-tâm, lương thiện, lương bổng, lương giáo, cái lương, cái áo lương.
- Lườn** Chiếc lườn, cái lườn cá (phía dưới bụng).
- Lường** Đo lường, lập lường, lường gạt.
- Lượng** Độ lượng, đặc lượng, thương lượng, cân lượng, đồng lượng.
- Lưỡng** Lưỡng lự. Lưỡng tương hoán-cái (hai người đổi lẫn cho nhau)
- Mương** Cái mương nước chảy.
- Mường** Mọi mường, mường mán.
- Mướn** Thuê mướn.
- Mượn** Thuê mượn, vay mượn, mượn màng.
- Mượng** Mượng-tượng.
- Nương** Nương vườn, nương tựa, nương dựa, có-nương.
- Nường** Nường con gái.
- Nướng** Nướng chả, nướng cháy.
- Ngượng** Ngượng-nghèo, nói ngượng lời.
- Ngưỡng** Phủ-ngưỡng (cúi xuống ngửa lên), tín-ngưỡng.
- Nhuong** Nhuong trừ, làm lễ nhuong sao.
- Nhường** Kinh-nhuong, khiên-nhuong.
- Nhượng** Lễ-nhượng, khiêm-nhượng, nhượng-dịa.
- Nhưỡng** Thỗ-nhưỡng (đất đai).
- Phương** Phương-hướng, phương-pháp, phương-diện, quan địa-phương, phương-chỉ lại thế này.
- Phường** Phường xóm, bắt-phường (không hại gì).
- Phước** Cái phước (cái cờ trong khi làm lễ cúng phật).
- Phưởng** Phưởng-phất, phất-phơ, phất-phưởng.
- Rương** Rương bao.
- Rường** Cái rường nhà, rường giồng lên.
- Rượng** Rượng con mắt lên.
- Sương** Sương cười, sương tuyết, phong sương.
- Sườn** Cái sườn sườn, bộ sườn nhà.
- Sướng** Sung-sướng.
- Sượng** Sượng-sùng, sượng-sần, củ khoai sượng.
- Tương** Tương-tư, tương-thần (thần nhau), vị tương đậu.
- Tường** Tường vách, đại-tường (lễ hết tang), tường-tận (rõ-ràng), tường-tất.
- Tướng** Tề-tướng, tướng-lã, tướng-mạo, quan Tướng-quân.
- Tượng** Hình-tượng, mượn-tượng, một bức tượng, một con tượng (voi).

Tướng	Lý-tướng, tư-tướng, mộng-tướng, cảm-tướng.	Trượng	Trượng to ra, bành-trượng, bực trượng.
Thương	Thương yêu, thương-tích, thương-khổ, cuộc tang thương.	Trượng	Kính trượng, nghi-trượng (có hàng lối uy-nghi).
Thường	Luân-thường, cương-thường, tâm-thường, thường-xuyên, bồi-thường.	Trượng	Trượng thượng, tôn-trượng, gia-trượng, quốc-trượng, bộ trượng, lý-trượng.
Thượn	Dài thượn-thượn.	Vươn	Vươn vai.
Thượng	Thượng-hạ, cao-thượng, hoàng-thượng, sùng-thượng, quan thượng-thư, ông hòa-thượng.	Vương	Đế-vương, văn-vương, vương-vit, vương lấy tư tình.
Thưởng	Thưởng phạt, thưởng-ngoạn, tấn-thưởng (khen ngợi).	Vườn	Ruộng vườn, vườn lên.
Trươn	Trươn vào.	Vượng	Sợi tơ vượng.
Trương	Chủ - trương, phò - trương, trương-hoàng, một trương giấy.	Vượn	Một con vượn.
Trường	Dặm trường, đại-trường (ruột già), đoạn-trường (đứt ruột), trường đồ, trường-quan (quan chấm trường), quan-trường (cả bách-quan).	Vượng	Hưng - vượng, thịnh - vượng, vượng-khi.
Trướn	Trướn vào (cho được sâu).	Xương	Xương thịt, xương tóc, quán Nam-xương.
		Xương	Xương-suất, xương loạn, dè-xương, thủ-xương, ca-xương, xương-họa, xương-kĩ (con hát, con đĩ).
		Xưởng	Công-xưởng (cái xưởng thợ), trời xưởng (không mưa nữa),

TIẾNG SAI XỨ TRUNG-KỲ TỪ HUẾ TRỞ VÀO CHO ĐẾN NAM-KỲ

XI. — A. Ac.

88°			
Át	Át chỉ, cấm át.		bạc đãi, bạc bẽo, khinh bạc đình bạc (thuyền đổ lại).
Ác	Hung ác, thiện ác, ác nghiệt, ác đức, ác-lãng (thầy tu dữ), con ác (chim quạ).	Cát	Cát hung, cát-táng, cát ái (dứt tình yêu thương đi), cát đoạn (cắt đứt đi), chỗ đất cát.
Bát	Đội bát, bát-phẩm, bát cậy, sai bát, chuyên bát.	Các	Đài-các, khuê-các, phế-các, tri-các (chậm-chạp), các người.
Bác	Chủ bác, bài bác, trích bác, bác xích, bác khước.	Chát	Chua chát, chát chao.
Bạt	Cái bạt (đánh có tiếng), dề bạt, bạt trạc, bạt phong, chiếc tàu bạt ra ngoài khơi.	Chác	Chác hai ra, chác lấy việc dòi.
Bạc	Tiền bạc, bạc đen, bạc nghĩa,	Chạc	Chững-chạc, chạc nhẹ.
		Dác	Cái dác phía ngoài khúc gỗ
		Dạt	Dạt ra cho mỏng.

Dạc	Ngành bóng đạc, tàn đạc.	Mác	Chếch-mác, man-mác, giáo mác.
Đát	Trắc đát (thương xót), dan đi đát lại.	Mạt	Tẻ mạt, tán mạt (tán cho nhỏ), bản-mạt (cổ ngọn), quân đồ mạt.
Đác	Hạt mưa lác-đác.	Mạc	Làng mạc, mạc-phủ (phủ quau đại-tướng), đám sa-mạc, đồ mặt mạc, ông Mạc Đĩnh-Chi.
Đạt	Thông-đạt, minh-đạt, đạt tới mục-dích, đạt thư-từ đi nơi khác.	Nát	Tan nát, nát bét.
Đạc	Đạc chừng, đạc lượng, đo đạc, cái đạc (cái mõ).	Nạt	Nạt-nộ, oát-nạt.
Gác	Nhà gác, gác lên cao, canh gác.	Nạc	Thịt nạc.
Gạt	Lừa gạt, gạt cho bằng ngang.	Ngác	Nghếch ngác, lác-ngác, ngờ-ngác (cách sắp đặt lộn xáo).
Gạc	Sừng gạc, gạc đi (sỏ đi).	Ngạt	Chết ngạt, cái ngạt kéo.
Giác	Tri-giác, cảm-giác, giác-khẩu (cãi miệng nhau), một giác bạc, người thợ giác.	Ngạc	Ngạc-nhiên (sợ-hãi), con ngạc ngư (cá sấu).
Giạt	Trôi giạt, thuyền giạt vào bờ.	Nhát	Nhát gan, nhút nhát, ngăm nhát (cho người ta sợ).
Giạc	Lôi cho giạc ra, giạc chừng... vóc giạc.	Nhác	Nhác biếng.
Hát	Hát hò, đàn hát, hống-hát (là bắt-nạt).	Nhật	Tức là lạt, mận nhật, phai nhật.
Hác	Chác hác miệng ra, câu hác (ngồi rãnh).	Nhạc	Ca nhạc, âm nhạc, sơn nhạc (núi non), nhạc-phụ.
Hạt	Địa-hạt, hạt mưa, một hạt thóc.	Phát	Phần phát, cấp phát, phát hiệu, phát-minh, phát-xiển, phát-đạt, phát tài, phẩn-phát.
Hạc	Con chim hạc, khô hạc.	Phác	Chất-phác, phác-lược (qua loa), phác liệu.
Khát	Khát nước, khát-khao, khác-vọng.	Phạt	Hình phạt, thưởng phạt, chiến phạt (đánh nhau).
Khác	Khác-cần (kinh-cần), khác-nhau, khác thường.	Quát	Bao quát, thu quát.
Khạc	Khạc gờ.	Quạc	Chữ viết quệch quạc.
Lát	Lát đá, lát gạch, một chốc lát, xất lát ra.	Rát	Đau rát da, gia tình nghèo khổ rát quá.
Lác	Cây lác (làm chiếu đượ), dẽo lác đi, bệnh lác ỉn mặt, lúc-lác, mưa lác-đác.	Rác	Rơm rác, rải rác, lác rác, nghe rác tai.
Lạt	Mặn lạt, nước lạt, lạt-lẽo, phai lạt, một sợi lạt.	Rạt	Sát rạt.
Lạc	Sai lạc, hoan-lạc, lạc đường, lạc-thành, luân-lạc, cái lục-lạc, bột đậu lạc.	Rạc	Rời rạc.
Mát	Mát mẻ, một con mát (ở trong rơm rất nhỏ).	Sát	Sát nhân (giết người), quan-sát (xem xét), kính-sát (quan tuần thám), sát phạt, sát sao,

	sát hạch, bỏ sát đất, quan án-sát.	Bắc	Bắc nam, bắc cầu, bắc mạ (vãi lúa xuống đất).
Sác	Tân sác, cái sác (có nước và có cây).	Bặt	Bặt bạnh, lật bặt.
Sạt	Tiếng nhậy sạt sạt.	Bặc	Bồ bặc (lom khom).
Sạc	Một sạc (nghĩa như là một lúc).	Cắt	Cắt hai ra, cắt đứt đi, chim mặt cắt.
Tát	Tát nước, ông phật Bồ-lát.	Cắc	Tiếng kêu lặc cắc, cúc cắc, một cắc bạc (một hào).
Tác	Tuổi tác, tác-giả (người làm sách làm văn), giai-tác (bài văn hay), kiệt-tác (bài văn giỏi), gà lúc tác.	Cặt	Nói lật cặt.
Tạt	Mưa tạt vào, hối tạt đi (cho mau xong).	Cặc	(Là dương-vật).
Tạc	Xuyên-tạc, nời tạc đường.	Chắt	Cháu chắt, chắt chụt, chắt lót, chắt véo.
Thác	Sống thác, ký thác, thác cổ, thổi thác, cái thác nước chảy.	Chắc	Chắc chắn, một chắc, chắc hay ộp.
Thạc	(Lớn) thạc-đức (người đức vọng lớn). Khai thạc (mở mang đất đai).	Chặt	Chặt đẽo, buộc chặt.
Trát	Trát sức, trát-vấn, lừ-trát, trú-trát (là trú ngụ).	Đất	Đất diu, đất nhau.
Trác	Trác-tử, diều trác, ma trác mất hồn.	Đặt	Đặt đém (cho nín xuống), chim kêu diu đặt, đặt cao vào chỗ đau.
Trạc	Trộn trạc, bặt trạc (cắt lên cho lăm quan), trạc tuổi ngang nhau.	Dặc	Dài dặc dặc.
Vát	Thuyền chạy vát.	Đặt	Bán đất hàng, nói đất lời.
Vác	Gánh vác, một vác liền.	Đắc	(Là được), đắc-chí, đắc-ý, đắc-lợi, đắc-lực, bất-đắc-dĩ.
Vạt	Vạt áo, một vạt đất, xé vạt áo ra.	Đặt	Đặt điều, đặt chuyện, đặt lên để xuống.
Vạc	Xanh vạc, vạc giương, phở vạc ra, con chim vạc.	Đặc	(Là có một không hai), đặc-quyền, đặc-cách, đặc-sắc, đặc-biệt, đối đặc, đặc dặn, đặc lỏng.
Xát	Ma xát, chà xát, chà xát, xát nhau, xát nhổ ra, giọng nói xô xát.	Gắt	Giọng nói gắt, gắt gao, đóng xuống cho gắt.
Xác	Xác tạc, dích-xác, xác người chết, vị chỉ-xác.	Gặt	Gặt lúa, gặt ngày (kỳ hạn đã tới nơi).
Xạc	Xài xạc, bị xạc một trận (bị quả mắng).	Gặc	Gặc đầu (làm bộ ừ cho).
89°		Giắt	Giắt đồ ăn vào răng, giắt tiền vào túi.
Ắt	Ắt là...	Giặt	Giặt áo, giặt gột, tắm giặt.
Bắt	Bắt buộc, bắt đàn, bắt giặc, bắt bê, bắt lý, bắt được cái thù rồi.	Giặc	Giặc nguy.
		Hắt	Mưa hắt vào, tiếng nói heo hắt, gió thổi hiu-hắt.
		Hắc	(là đen) hắc ám, hắc bạch.

Khất	Ngọt khất, nước khất lại.	Quắc	Quắc-thước, con mèo quắc con chuột.
Khắc	Khắc bạc, khắc kbiu, khắc kbe, khắc chạm, giờ khắc, tương-sinh tương khắc.	Quặt	Giò thòi quặt lại.
Lất	Lất trái, lất nhất, lất léo, lẻo lắt, miệng nói lút lắt, con chuột lắt.	Quặc	Con cạp quặc lấy con bò.
Lắc	Lắc đầu, xúc lắc, lúc lắc, đuổi lắc di cho rời.	Rất	Rất rất (tiếng một vật gì đương gãy).
Lặt	Lặt lượm, lặt dái con bò.	Rắc	Vãi rắc ra, mùa rắc xuống.
Lặc	Biệc lặc (ép buộc), lặc hạn (định kỳ hạn cho làm một việc chi đó).	Rặt	Ròng rặt, chim rặt rặt (tức sẽ sẽ).
Mắt	Tai mắt, bàn mắt, khúc mắt, câu sách mắt nghĩa, cái mắt tre,	Rặc	Nước rặc, cười rảng rặc.
Mắc	Mắc lưới, mắc nạn, mắc việc, người đi như mắc cửi.	Sắt	Sắt quánh, cái đòn sắt.
Mặt	Cái mặt, bề mặt (đối với bề trái), cánh tay mặt.	Sắc	Nhan-sắc, nữ-sắc, sắc-xảo, lặn-sắc (bồn sên), sắc hằng, danh sắc, chức-sắc, sắc thang thuốc, sắc sắc không không.
Mặc	Mặc áo, điềm mặc (lặng thinh), trầm-mặc, mặc lòng, mặc kệ. óng Mặc-tử.	Sặt	Cây sặt (như cây mây).
Nất	Nất lên nất xuống.	Sặc	Sặc ra khôi cở bọng.
Nắc	Nắc gạo, cần nắc, con nắc-nê.	Tắt	Nói tắt, vắn tắt, tóm tắt, lura tắt, một quả tắt.
Nặc	Hứa-nặc (ừ dành), ăn-nặc (thu giấu).	Tắc	Phép tắc, qui-tắc, ủng-tắc (lấp tịt).
Ngắt	Chết ngắt di, bề ngắt di.	Tặc	Đạo tặc (trộm cướp) tàn-tặc (tội tàn phá).
Ngắc	Ngúc ngắc (cách ngồi không vững).	Thắt	Thắt cở, thắt lưng, thắt giá lại, lura eo mà thắt.
Ngặt	Ngặt nghèo, ngặt túng, bắt ngặt.	Trắt	Hột gạo trắt (là những hột gạo lớn).
Nhất	Nhút nhất (làm mỗi khi một chút), lất nhất.	Trắc	Trắc trở, trắc lượng, bằng trắc, gổ trắc, trắc-thất (vợ thứ hai), nhân tâm nan trắc.
Nhắc	Nhắc nhủ, nhắc lên, nhắc cất, nhắc chuyện cũ, nhúc nhắc (cách đau chân đi không vững).	Trặc	Trặc lại (không cho đi) trặc xương, tri trặc.
Nhặt	Thưa nhặt, nghiêm nhặt, nhặt bông, cây nhặt mắt,	Vắt	Vắt véo, vắt lên vai, vắt cho khô nước, một vắt com.
Phất	Ấu phất, phất phó.	Vắc	Con trâu vắc sừng, vục vắc.
Phắc	Lặng phắc, lặng phăng-phắc.	Vặt	Vặt vạnh, thù vặt, lặt vặt, bay nói vặt.
Quất	Quần quất.	Vặc	Đem dài vặc vặc.
		Xất	Xất thịt, bằm xác.
		Xắc	Xắc lắc (không nghiêm chỉnh) xúc xúc,

90°		Lật	Lật ngựa ra, lật mọc, lật đặt
Ất	Giáp ất.	Mất	lị mất của, chết mất.
Bất	Bất nghĩa, bất-nhân, bất-trung, bất-kham, bất-đắc-chi, bất-đắc-dĩ, bất-di (không chuẩn y cho).	Mật	Bi-mật, cần mật, mật thám, đường mật, cái mật gấu.
Đặc	Cái bắc (là cái tim đèn) ngọn gió bắc (là gió bắc).	Nắc	Nắc thang.
Bạt	Phụ bạt, bay bạt bạt, té bạt ra.	Ngất	Ngất ngơ, ngất ngưỡng, cao ngất, mệt ngất đi.
Bạc	Thư bạc.	Ngắc	Cất ra từng ngắc.
Cất	Thu cất, nhắc cất, cất đai, cất hàng tại mà bán.	Nhất	(Là một), nhất-định, nhất-thiết.
Cắc	Lắc cắc (cách không đâm thắm).	Nhật	(Là ngày), nhật-trình, nhật-kỷ.
Cật	Cật ruột, cật-chất, cật-vấn, tre cật, cái mặt cật (tức cái bầu dục).	Phất	Phưởng phất. phất cờ, gió bay phất phơ.
Chất	Tinh chất, chất-phác, chất-vấn, đối-chất.	Phật	Thần phật, phật tự, phật ý (trái ý).
Chật	Chật ních, chật hẹp.	Quất	Lấy roi quất vào.
Dật	Dật lạc (chơi bời), dâm dật, dư dật, trường dật.	Quắc	Con chim quắc.
Đất	Quả đất, đất ruộng.	Quật	Quật mã lên.
Đật	Lát đặt.	Rất	Rất giỏi, rất tài.
Gắc	Một hột gắc (vị thuốc bắc).	Rật	Chim bay rần rật, lửa đỏ rần rật.
Gật	Gật gù (cách ngồng lên ngồng xuống).	Sặt	Nhai sần sặt.
Giắc	Giắc ngủ, giấc mộng.	Tất	Cái tất (deo chân), khà tất, bắt tất, vị tất, tất nhiên.
Giật	Giật mình, giật trở dậy.	Tắc	Thước tắc, gang tắc, một tắc dắc.
Hất	Hất đi (cho té ra), hất-hủi (cách khinh thường), hất hưởng (cách mông mai).	Tật	Tật-bệnh.
Hạc	Lửa đỏ hàng-hạc.	Thất	Thất-phẩm, gia-thất, tu-thất, chánh-thất, thất đức, thất tiết, thất-nghiệp, thất-bại.
Khất	Khất-ơn (người ăn xin), hành khất, khần-khất, khất-ai (kêu cho người ta thương), khất triền nợ lại.	Thật	Thật-thà, thật-tình.
Khắc	Cắt ra từng khắc.	Trất	Trất ngại (có ngăn-trở), tráy trất.
Lất	Lây lất (làm dối cho qua chuyện).	Trật	Phẩm-trật, trật - tự, trật mắt (không trùng).
Lắc	Lắc lảo, lắc cắc.	Vất	Vất-vả, vất đi (là quàng đi, bỏ đi).
		Vật	Thù vật, vật sản, vật hạng, vật kiện, hai người vật nhau.
		Xắc	Xắc ngạo, xắc xược.

(Còn nữa)